

Số: **10436**/BKHDĐT-TH
V/v thẩm định hồ sơ Nghị định quy
định chi tiết thi hành một số điều
của Luật Đầu tư công

Hà Nội, ngày **18** tháng 12 năm 2024

Kính gửi: Bộ Tư pháp



Ngày 29/11/2024, Quốc hội đã ban hành Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15, có hiệu lực từ ngày 01/01/2025. Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 146 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật¹ và chỉ đạo của Chính phủ tại Nghị quyết số 233/NQ-CP ngày 10/12/2024², để sớm ban hành Nghị định để quy định chi tiết các nội dung Luật giao Chính phủ bảo đảm có hiệu lực đồng thời với thời điểm hiệu lực của Luật, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã chủ động xây dựng dự thảo Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công, lấy ý kiến các bộ, cơ quan trung ương và địa phương và hoàn thiện hồ sơ trình Chính phủ theo trình tự, thủ tục rút gọn.

Để có cơ sở tổng hợp, báo cáo Chính phủ xem xét, quyết định, căn cứ quy định tại Điều 149 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Kế hoạch và Đầu tư xin gửi Quý Bộ Hồ sơ Nghị định để thực hiện thủ tục thẩm định. Hồ sơ gồm:

1. Tờ trình Chính phủ về Nghị định;
2. Dự thảo Nghị định;
3. Tổng hợp ý kiến của các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương về dự thảo Nghị định và giải trình, tiếp thu của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư trân trọng cảm ơn sự hợp tác của quý Bộ./. *KS*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ Nguyễn Hòa Bình (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ (để p/h);
- Bộ KH&ĐT: Lãnh đạo Bộ (để b/c);
- các đơn vị trong Bộ (để p/h);
- Lưu VT, TH (3b). *T2*

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Trần Quốc Phương

¹ Quy định một trong số các trường hợp xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo trình tự, thủ tục rút gọn là: "Trường hợp cần sửa đổi ngay cho phù hợp với văn bản quy phạm pháp luật mới được ban hành."

² Giao các bộ, cơ quan, địa phương theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền được giao khẩn trương ban hành kế hoạch và chuẩn bị các điều kiện cần thiết để triển khai thi hành kịp thời, có hiệu quả các luật, nghị quyết đã được Quốc hội thông qua tại Kỳ họp thứ 8 (rút ngắn thời gian các khâu chuẩn bị văn bản hướng dẫn), để các quy định mới đi vào thực tiễn nhanh nhất, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Đối với các luật được thông qua theo quy trình một kỳ họp và có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 12 năm 2024, 01 tháng 01 năm 2025, 15 tháng 01 năm 2025 và 01 tháng 02 năm 2025, các bộ, cơ quan cần rà soát, chủ động soạn thảo sớm các văn bản quy định chi tiết để bảo đảm được ban hành và có hiệu lực cùng thời điểm với luật.

Số: 10438 /TTr-BKHĐT

Hà Nội, ngày 18 tháng 12 năm 2024

TỜ TRÌNH

**Dự thảo Nghị định của Chính phủ
quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công**

Kính gửi: Chính phủ (gửi Bộ Tư pháp để phục vụ công tác thẩm định).

Tại Kỳ họp thứ 8 khoá XV, Quốc hội đã thông qua Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 và quy định Luật có hiệu lực từ ngày 01/01/2025. Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015¹ và yêu cầu thực tế phải sớm xây dựng, ban hành các Nghị định về các nội dung Luật giao Chính phủ quy định chi tiết, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã chủ động xây dựng dự thảo Nghị định và gửi lấy ý kiến các bộ, cơ quan trung ương, địa phương. Căn cứ ý kiến của các bộ, cơ quan trung ương và địa phương, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã hoàn thiện dự thảo Nghị định (dự thảo gửi kèm theo).

Bộ Kế hoạch và Đầu tư xin báo cáo Chính phủ những nội dung chính về Nghị định như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH

1. Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 (sau đây gọi là Luật Đầu tư công 2024) được Quốc hội khoá XV thông qua tại kỳ họp thứ 8 ngày 29/11/2024, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2025. Theo quy định tại khoản 2 Điều 102 của Luật Đầu tư công 2024, Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 (sau đây gọi là Luật Đầu tư công 2019) cũng sẽ hết hiệu lực từ ngày 01/01/2025.

Theo quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật², Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đầu tư công cũng sẽ hết hiệu lực từ ngày 01/01/2025. Do đó, cần khẩn trương xây dựng, ban hành Nghị định thay thế Nghị định số 40/2020/NĐ-CP nhằm tránh tạo khoảng trống pháp lý, tạo điều kiện cho các bộ, cơ quan trung ương và địa phương có thể triển khai thực hiện ngay các quy định của Luật, đặc

¹ Tại khoản 3 Điều 146 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định một trong các trường hợp xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo trình tự, thủ tục rút gọn là: "Trường hợp cần sửa đổi ngay cho phù hợp với văn bản quy phạm pháp luật mới được ban hành".

² Tại khoản 4 Điều 154 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định một trong các trường hợp văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực là: "Văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực thì văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết thi hành văn bản đó cũng đồng thời hết hiệu lực."

biệt là lập, thẩm định, phê duyệt các chương trình, nhiệm vụ, dự án, xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030.

2. Ngoài các nội dung về vốn ODA và vốn vay ưu đãi nước ngoài³, Luật Đầu tư công 2024 có 24 khoản, điểm giao Chính phủ quy định chi tiết. So với Luật Đầu tư công 2019, Luật Đầu tư công 2024 đã giao Chính phủ quy định 09 nội dung mới. Do đó, việc ban hành Nghị định quy định chi tiết Luật Đầu tư công 2024 là rất cần thiết, không chỉ để duy trì và tiếp nối hiệu lực pháp lý của các nội dung đang được triển khai tại Nghị định số 40/2020/NĐ-CP mà còn để bổ sung quy định chi tiết đối với các nội dung mới được Luật giao Chính phủ quy định.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ ĐỊNH

1. Mục đích

Dự thảo Nghị định được xây dựng để quy định chi tiết 24 nội dung Luật giao Chính phủ quy định theo nguyên tắc : (i) Kế thừa, tiếp nối hiệu lực và sửa đổi phù hợp các quy định tại Nghị định số 40/2020/NĐ-CP, tránh tạo khoảng trống pháp lý trong triển khai thực hiện; (ii) Bổ sung một số quy định đối với một số đối tượng điều chỉnh mới phát sinh trong Luật Đầu tư công 2024 so với Luật Đầu tư công 2019. Cụ thể như sau:

(1) Khoản 6 Điều 5: Chính phủ quy định trình tự, thủ tục thực hiện đầu tư đối với việc cấp bù lãi suất tín dụng ưu đãi, phí quản lý; cấp vốn điều lệ cho các ngân hàng chính sách, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách; hỗ trợ đầu tư cho các đối tượng khác theo quyết định của Chính phủ hoặc quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

(2) Khoản 7 Điều 5: Chính phủ quy định điều kiện, tiêu chí, nguyên tắc bố trí vốn để ủy thác thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi thông qua Ngân hàng Chính sách xã hội.

(3) Khoản 2 Điều 6: Chính phủ quy định chi tiết việc phân loại dự án đầu tư công quy định tại các điều 9, 10, 11 của Luật này.

(4) Khoản 2 Điều 7: Chính phủ quy định chi tiết ngành, lĩnh vực sử dụng vốn đầu tư công.

(5) Điểm a khoản 12 Điều 18: Chính phủ quy định chi tiết việc phân cấp thẩm quyền, trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư đối với chương trình, dự án sử dụng vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư phù hợp với quy định về quyền tự chủ tài chính của các cơ quan, đơn vị.

³ Các nội dung về vốn ODA và vốn vay ưu đãi nước ngoài Luật giao Chính phủ sẽ được quy định chi tiết tại Nghị định về quản lý và sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi nước ngoài.

(6) Điểm b khoản 12 Điều 18: Chính phủ quy định trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư đối với dự án có sử dụng vốn ngân sách địa phương do cơ quan trung ương thực hiện, dự án có sử dụng vốn ngân sách cấp huyện, cấp xã do cơ quan cấp tỉnh, cấp huyện thực hiện.

(7) Điểm c khoản 12 Điều 18: Chính phủ quy định hồ sơ, nội dung và thời gian thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án.

(8) Khoản 1 Điều 32: Nguyên tắc, thẩm quyền, trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư dự án đầu tư công nhóm A, nhóm B, nhóm C tại nước ngoài thực hiện theo quy định của Chính phủ.

(9) Khoản 4 Điều 37: Chính phủ quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục, nội dung điều chỉnh chủ trương đầu tư chương trình, dự án.

(10) Khoản 4 Điều 37: Chính phủ quy định về các trường hợp dừng chủ trương đầu tư chương trình, dự án và trình tự, thủ tục thực hiện.

(11) Khoản 7 Điều 38: Chính phủ quy định việc phân cấp thẩm quyền, trình tự, thủ tục quyết định đầu tư đối với chương trình, dự án sử dụng vốn từ nguồn thu hợp pháp của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư phù hợp với quy định về quyền tự chủ tài chính của các cơ quan, đơn vị.

(12) Khoản 5 Điều 43: Nguyên tắc, thẩm quyền, nội dung, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, quyết định đầu tư dự án đầu tư công tại nước ngoài thực hiện theo quy định của Chính phủ.

(13) Khoản 6 Điều 46: Chính phủ quy định nội dung, trình tự, thủ tục lập, thẩm định điều chỉnh chương trình, dự án.

(14) Khoản 2 Điều 48: Chính phủ quy định hồ sơ quyết định chương trình, dự án, nội dung, thời gian thẩm định, quyết định chương trình, dự án.

(15) Khoản 5 Điều 57: Chính phủ quy định chi tiết thời gian bố trí vốn thực hiện dự án.

(16) Khoản 10 Điều 59: Chính phủ quy định chi tiết trình tự lập, phê duyệt, giao kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước.

(17) Khoản 10 Điều 60: Chính phủ quy định chi tiết trình tự lập, phê duyệt, giao kế hoạch đầu tư công hằng năm vốn ngân sách nhà nước.

(18) Khoản 5 Điều 62: Chính phủ quy định chi tiết việc lập, thẩm định, phê duyệt, giao kế hoạch vốn trung hạn và hằng năm vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư.

(19) Khoản 2 Điều 69: Cơ quan, đơn vị sử dụng vốn đầu tư công báo cáo cấp có thẩm quyền tình hình thực hiện kế hoạch theo quy định của Chính phủ.

(20) Khoản 4 Điều 70: Chính phủ quy định chi tiết việc triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công.

(21) Khoản 9 Điều 71: Chính phủ quy định chi tiết trình tự, thủ tục điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm vốn ngân sách nhà nước.

(22) Khoản 4 Điều 80: Chính phủ quy định chi tiết việc theo dõi, kiểm tra, đánh giá kế hoạch.

(23) Khoản 4 Điều 83: Chính phủ quy định việc quản lý thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư, nhiệm vụ quy hoạch và dự án đầu tư công không có cấu phần xây dựng.

(24) Khoản 4 Điều 101: Chính phủ quy định chi tiết Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về đầu tư công.

2. Quan điểm xây dựng Nghị định

Dự thảo Nghị định được xây dựng trên các quan điểm sau đây:

1. Kế thừa, tiếp nối các quy định của Nghị định số 40/2020/NĐ-CP có sửa đổi để phù hợp với quy định mới của Luật Đầu tư công năm 2024 và tình hình thực tế.

2. Các quy định trong dự thảo Nghị định bảo đảm rõ ràng, không chồng chéo, trùng lặp, không mâu thuẫn với quy định của các Luật, Nghị định khác; đồng thời bảo đảm tính công khai, minh bạch và khả thi để triển khai thực hiện.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã chủ động xây dựng dự thảo Nghị định, báo cáo Chính phủ để trình Quốc hội trong hồ sơ dự án Luật Đầu tư công (sửa đổi) tại Tờ trình Tờ trình số 683/TTr-CP ngày 19/10/2024.

2. Ngay trong quá trình phối hợp với các cơ quan của Quốc hội để hoàn thiện dự thảo Luật Đầu tư công (sửa đổi), căn cứ các nội dung giao Chính phủ quy định chi tiết tại dự thảo Luật, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã chủ động tiếp tục hoàn thiện dự thảo Nghị định, gửi lấy ý kiến các bộ, cơ quan trung ương và địa phương tại văn bản số 9020/BKHĐT-TH ngày 31/10/2024.

3. Sau khi Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 được Quốc hội ban hành, đã phát sinh 02 nội dung mới giao Chính phủ quy định chi tiết so với dự thảo Chính phủ đã trình Quốc hội⁴. Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tiếp tục có văn bản số 10112/BKHĐT-TH ngày 06/12/2024 gửi các bộ, cơ quan, địa phương lấy ý kiến đối với các nội dung này trong dự thảo Nghị định.

⁴ (i) Điều kiện, tiêu chí, nguyên tắc bố trí vốn ngân sách địa phương để ủy thác thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi thông qua Ngân hàng Chính sách xã hội chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; (ii) Trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư đối với dự án có sử dụng vốn ngân sách địa phương do cơ quan trung ương thực hiện, dự án có sử dụng vốn ngân sách cấp huyện, cấp xã do cơ quan cấp tỉnh, cấp huyện thực hiện.

4. Đến ngày 13/12/2024, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã nhận được 333 ý kiến góp ý với dự thảo Nghị định. Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tổ chức tiếp thu, giải trình đối với các ý kiến nêu trên và hoàn thiện, dự thảo Nghị định.

(Chi tiết tổng hợp các ý kiến góp ý của Bộ, cơ quan trung ương và địa phương và tiếp thu, giải trình của Bộ Kế hoạch và Đầu tư xin xem tại Phụ lục kèm theo).

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

Dự thảo Nghị định được kết cấu thành 8 Chương, bao gồm 59 Điều và 02 Phụ lục kèm theo, cụ thể như sau:

a) Chương I: Những quy định chung (gồm 06 điều, từ Điều 1 đến Điều 6) quy định về: Phạm vi điều chỉnh; đối tượng áp dụng; giải thích từ ngữ; chi phí lập, thẩm định chương trình, dự án đầu tư công, điều kiện, tiêu chí, nguyên tắc bố trí vốn ngân sách địa phương để uỷ thác thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi thông qua Ngân hàng Chính sách xã hội chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

b) Chương II: Lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án đầu tư công (gồm 10 điều, từ Điều 7 đến Điều 16) quy định về: Nguyên tắc, thẩm quyền, trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư dự án sử dụng vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư; dự án đầu tư công nhóm A, B, C tại nước ngoài; hồ sơ, nội dung và thời gian thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn chương trình, dự án; hồ sơ, nội dung và thời gian thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư chương trình, dự án; hồ sơ, trình tự, thủ tục và nội dung điều chỉnh chủ trương đầu tư chương trình, dự án và quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư chương trình, dự án; trình tự, thủ tục và các trường hợp dừng chủ trương đầu tư chương trình, dự án.

c) Chương III: Lập, thẩm định, quyết định đầu tư chương trình, dự án đầu tư công (gồm 12 điều, từ Điều 17 đến Điều 28) quy định về: Thẩm quyền, trình tự, thủ tục quyết định đầu tư dự án sử dụng vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư; nguyên tắc, thẩm quyền, trình tự, thủ tục, nội dung lập, thẩm định, quyết định dự án đầu tư công tại nước ngoài; hồ sơ, nội dung, thời gian thẩm định chương trình, dự án đầu tư công; hồ sơ trình cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư chương trình, dự án; Nội dung, thời gian quyết định chương trình, dự án; trình tự, thủ tục, hồ sơ, nội dung lập, thẩm định, quyết định (bao gồm thời gian quyết định) điều chỉnh chương trình, dự án.

d) Chương IV: Quản lý thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư, nhiệm vụ quy hoạch và dự án đầu tư công không có cấu phần xây dựng (gồm 11 điều, từ Điều 29 đến Điều 39) quy định về: Tổ chức quản lý thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư, nhiệm vụ quy hoạch và dự án đầu tư công không có cấu phần xây dựng; thiết kế, nội dung và xác định tổng mức đầu tư; nội dung và xác định dự toán; thẩm quyền, trình tự, thủ tục, hồ sơ, thời gian và nội dung thẩm định, phê duyệt thiết kế, dự toán dự án không có cấu phần xây dựng; nghiệm thu đưa dự án vào khai thác sử dụng; kết thúc đầu tư dự án; vận hành dự án.

đ) Chương V: Lập, thẩm định, phê duyệt và giao kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư (gồm 02 điều, Điều 40 và Điều 41) quy định về: Lập, thẩm định, phê duyệt và giao kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư.

e) Chương VI: Trình tự, thủ tục thực hiện đầu tư đối với đối tượng cấp bù lãi suất tín dụng ưu đãi, phí quản lý; cấp vốn điều lệ cho các ngân hàng chính sách, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách; hỗ trợ đầu tư cho các đối tượng chính sách khác theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ (gồm 06 điều, từ điều 42 đến Điều 47) quy định về: Trình tự, thủ tục thực hiện đầu tư đối với đối tượng cấp bù lãi suất tín dụng ưu đãi, phí quản lý; cấp vốn điều lệ cho các ngân hàng chính sách, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách; hỗ trợ đầu tư cho các đối tượng chính sách khác theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

g) Chương VII: Lập, phê duyệt, giao, triển khai thực hiện và theo dõi, kiểm tra, đánh giá kế hoạch đầu tư công (gồm 9 điều, từ Điều 48 đến Điều 56) quy định về: Trình tự lập, phê duyệt, giao kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước; Trình tự lập, giao kế hoạch đầu tư công hằng năm; Thời gian bố trí vốn thực hiện dự án; Trách nhiệm, thẩm quyền và biện pháp tổ chức, điều hành kế hoạch đầu tư công; Báo cáo tình hình thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công; trình tự, thủ tục điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm vốn ngân sách nhà nước; theo dõi, kiểm tra, đánh giá thực hiện kế hoạch đầu tư công; Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về đầu tư công.

h) Chương VIII: Điều khoản thi hành (gồm 03 điều, từ Điều 57 đến Điều 59) quy định về: Quy định chuyển tiếp; hiệu lực thi hành; trách nhiệm thi hành.

i) Phụ lục I: Quy định tiêu chí phân loại dự án nhóm A, B, C.

k) Phụ lục II: Quy định các mẫu tờ trình quyết định chủ trương đầu tư, báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư chương trình, dự án đầu tư công; tờ trình thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn dự án,

báo cáo kết quả thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư chương trình, dự án đầu tư công; báo cáo kết quả thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn dự án; nghị quyết, quyết định về chủ trương đầu tư chương trình, dự án.

VI. KIẾN NGHỊ CỦA BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Để bảo đảm Nghị định sớm được ban hành và có hiệu lực đồng bộ với Luật Đầu tư công 2024 (từ ngày 01/01/2025) để có thể triển khai thực hiện ngay các quy định của Luật, tránh tạo khoảng trống pháp lý, Bộ Kế hoạch và Đầu tư kính trình Chính phủ:

1. Giao Văn phòng Chính phủ khẩn trương tổ chức lấy ý kiến thành viên Chính phủ với dự thảo Nghị định, chỉ đạo thành viên Chính phủ nhanh chóng có ý kiến đối với dự thảo Nghị định.

2. Giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu, giải trình, tiếp thu ý kiến của thành viên Chính phủ, hoàn thiện dự thảo Nghị định, báo cáo Chính phủ xem xét, quyết định.

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công, Bộ Kế hoạch và Đầu tư kính trình Chính phủ xem xét, quyết định. / *TC*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (đề b/c);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (đề b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ KH&ĐT: Lãnh đạo Bộ, các đơn vị thuộc Bộ;
- Lưu: VT, Vụ TH (2b). *TM*



**KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG**

Trần Quốc Phương

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2024/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

DỰ THẢO

NGHỊ ĐỊNH

Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công

(Kèm theo Tờ trình số 10438 /TTr-BKHĐT ngày 18 tháng 12 năm 2024
của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công về:

- Các trường hợp và trình tự, thủ tục dừng chủ trương đầu tư chương trình, dự án đầu tư công nhóm A, B, C.
- Điều kiện, tiêu chí, nguyên tắc bố trí vốn để ủy thác thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi thông qua Ngân hàng Chính sách xã hội chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

3. Hồ sơ, nội dung và thời gian thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án đầu tư công nhóm A, nhóm B, nhóm C; hồ sơ, trình tự, thủ tục, nội dung điều chỉnh chủ trương đầu tư chương trình, dự án đầu tư công nhóm A, B, C.

4. Hồ sơ, nội dung và thời gian thẩm định, quyết định chương trình, dự án; nội dung, trình tự, thủ tục lập, thẩm định điều chỉnh chương trình, dự án đầu tư công nhóm A, B, C.

5. Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về đầu tư công.

6. Lập, thẩm định, phê duyệt, giao kế hoạch trung hạn và hằng năm vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư.

7. Ngành, lĩnh vực sử dụng vốn đầu tư công.

8. Nguyên tắc, thẩm quyền, trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư; nguyên tắc, thẩm quyền, nội dung, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, quyết định đầu tư dự án đầu tư công nhóm A, nhóm B, nhóm C tại nước ngoài.

9. Phân loại dự án đầu tư công nhóm A, nhóm B, nhóm C.

10. Phân cấp thẩm quyền, trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư và quyết định đầu tư đối với chương trình, dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C sử dụng vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư.

11. Quản lý thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư, nhiệm vụ quy hoạch và dự án đầu tư công không có cấu phần xây dựng.

12. Thời gian bố trí vốn thực hiện dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C.

13. Triển khai thực hiện và báo cáo cấp có thẩm quyền tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm.

14. Trình tự, thủ tục thực hiện đầu tư đối với đối tượng cấp bù lãi suất tín dụng ưu đãi, phí quản lý; cấp vốn điều lệ cho các ngân hàng chính sách, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách; hỗ trợ đầu tư cho các đối tượng khác theo quyết định của Chính phủ hoặc quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

15. Trình tự, thủ tục điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm vốn ngân sách nhà nước.

16. Trình tự lập, phê duyệt, giao kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm vốn ngân sách nhà nước.

17. Trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư đối với dự án có sử dụng vốn ngân sách địa phương do cơ quan trung ương thực hiện, dự án có sử dụng vốn ngân sách cấp huyện, cấp xã do cơ quan cấp tỉnh, cấp huyện thực hiện.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến hoạt động đầu tư công, quản lý và sử dụng vốn đầu tư công.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. *Báo cáo đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư* là tài liệu trình bày các nội dung điều chỉnh của báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư chương trình, dự án.

2. *Báo cáo nghiên cứu khả thi điều chỉnh* là tài liệu trình bày các nội dung điều chỉnh của báo cáo nghiên cứu khả thi chương trình, dự án.

3. *Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi điều chỉnh* là tài liệu trình bày các nội dung điều chỉnh của báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án.

4. *Cấp bù lãi suất tín dụng ưu đãi, phí quản lý* cho các ngân hàng chính sách là việc phân bổ vốn đầu tư công hỗ trợ các ngân hàng chính sách để bù đắp chênh lệch lãi suất và phí quản lý đối với hoạt động cho vay các đối tượng chính sách theo quy định của pháp luật.

5. *Cấp vốn điều lệ* cho các ngân hàng chính sách, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách là việc phân bổ vốn đầu tư công để cấp vốn điều lệ và cấp bổ sung vốn điều lệ cho các ngân hàng chính sách, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách theo quyết định của cấp có thẩm quyền. 6. *Dự án đầu tư công tại nước ngoài* là các dự án đầu tư mua sắm trang thiết bị, xây dựng mới, cải tạo, sửa chữa các trụ sở làm việc và nhà ở cho cán bộ, nhân viên của các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài và các cơ quan khác của Việt Nam ở nước ngoài sử dụng toàn bộ hoặc một phần vốn đầu tư công; các dự án đầu tư mua nhà, mua đất, thuê đất dài hạn ở nước ngoài để xây dựng trụ sở làm việc và nhà ở cho cán bộ, nhân viên sử dụng toàn bộ hoặc một phần vốn đầu tư công.

6. *Hỗ trợ đầu tư cho các đối tượng khác theo quyết định của Chính phủ hoặc quyết định của Thủ tướng Chính phủ* là việc phân bổ vốn đầu tư công để thực hiện chính sách cụ thể theo theo quyết định của Chính phủ hoặc quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

7. *Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về đầu tư công*

a) *Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư công* là tập hợp phần cứng, phần mềm và cơ sở dữ liệu được thiết lập phục vụ mục đích tạo, lập, cung cấp, truyền đưa, thu thập, xử lý, lưu trữ và trao đổi thông tin liên quan đến đầu tư công trên mạng (sau đây gọi tắt là Hệ thống);

b) *Cơ sở dữ liệu quốc gia về đầu tư công* là tập hợp thông tin cơ bản về chương trình, dự án và kế hoạch đầu tư công được xây dựng, cập nhật, duy trì để quản lý, khai thác và sử dụng thông qua các phương tiện điện tử;

c) Hệ thống được xây dựng, triển khai thống nhất trên phạm vi cả nước phục vụ cho hoạt động quản lý nhà nước về đầu tư công, bao gồm việc tổng hợp, báo cáo, giao, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm; theo dõi, đánh giá chương trình, dự án đầu tư công; quản lý, lưu trữ, công khai dữ liệu theo quy định.

Điều 4. Ngành, lĩnh vực sử dụng vốn đầu tư công

Vốn đầu tư công được bố trí cho các đối tượng đầu tư công theo quy định của Luật Đầu tư công và được phân theo ngành, lĩnh vực:

1. Quốc phòng: Các nhiệm vụ, chương trình, dự án thuộc các ngành, lĩnh vực phục vụ mục tiêu quốc phòng, cơ yếu, ứng phó với sự cố thiên tai và tìm kiếm cứu nạn của đơn vị chuyên trách trung ương và địa phương theo phân cấp; công tác rà phá bom, mìn, vật nổ, phát triển công nghiệp quốc phòng theo hướng lưỡng dụng.

2. An ninh và trật tự, an toàn xã hội: Các nhiệm vụ, chương trình, dự án thuộc các ngành, lĩnh vực phục vụ mục tiêu an ninh và trật tự, an toàn xã hội, phòng cháy, chữa cháy, điều tra phòng, chống tội phạm, thi hành án hình sự, ứng phó với sự cố thiên tai và tìm kiếm cứu nạn của đơn vị chuyên trách trung ương và địa phương theo phân cấp.

3. Giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp: Các nhiệm vụ, chương trình, dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ mục tiêu giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp thuộc các cấp học từ mầm non đến đại học và giáo dục thường xuyên; đầu tư cơ sở đào tạo cán bộ của các bộ, cơ quan trung ương và địa phương.

4. Khoa học, công nghệ: Các nhiệm vụ, chương trình, dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, trang thiết bị, công nghệ phục vụ mục tiêu phát triển khoa học, công nghệ, thí nghiệm, thực nghiệm, phân tích, kiểm định, kiểm nghiệm, tiêu chuẩn - đo lường - chất lượng, sở hữu trí tuệ, năng lượng nguyên tử, năng lượng hạt nhân và các loại hình năng lượng mới, an toàn bức

xạ và hạt nhân, thông tin và thống kê khoa học và công nghệ, thiết kế chuyên dụng trong lĩnh vực khoa học tự nhiên và kỹ thuật, ứng dụng và chuyển giao công nghệ, vi mạch bán dẫn, trí tuệ nhân tạo; trung tâm đổi mới sáng tạo, nghiên cứu và phát triển, hỗ trợ phát triển công nghiệp, khu công nghệ cao, khu nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản ứng dụng công nghệ cao.

5. Y tế, dân số và gia đình: Các nhiệm vụ, chương trình, dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ mục tiêu về y tế (bao gồm y tế dự phòng; khám bệnh, chữa bệnh, cấp cứu, phục hồi chức năng; y, dược cổ truyền; giám định y khoa, pháp y, pháp y tâm thần; kiểm định, kiểm nghiệm dược phẩm, mỹ phẩm và các hoạt động khác thuộc lĩnh vực y tế), dân số, gia đình, sức khỏe sinh sản, bảo hiểm y tế, vệ sinh an toàn thực phẩm.

6. Văn hóa, thông tin gồm các nhiệm vụ, chương trình, dự án phục vụ các mục tiêu thuộc các lĩnh vực sau:

a) Văn hóa: Bảo vệ, bảo tồn giá trị di sản văn hóa vật thể và phi vật thể, văn hóa dân tộc; phát triển văn học nghệ thuật, điện ảnh, thư viện, bảo tàng, văn hóa cơ sở, các loại hình nghệ thuật biểu diễn; phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, các công trình văn hóa;

b) Thông tin: Cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ hoạt động xuất bản, báo chí của Đảng và Nhà nước.

7. Phát thanh, truyền hình, thông tấn: Các nhiệm vụ, chương trình, dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ các mục tiêu phát thanh, truyền hình, thông tấn nhằm thực hiện nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ xã hội và công ích thiết yếu.

8. Thể dục, thể thao: Các nhiệm vụ, chương trình, dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ các mục tiêu phát triển thể dục, thể thao.

9. Bảo vệ môi trường gồm các nhiệm vụ, chương trình, dự án phục vụ các mục tiêu thuộc các lĩnh vực sau:

a) Môi trường: cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, trang thiết bị quan trắc, cảnh báo môi trường, khắc phục ô nhiễm môi trường, cải thiện môi trường, xử lý chất thải, nước thải, tăng trưởng xanh, thích ứng với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững;

b) Tài nguyên: cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, trang thiết bị đo đạc bản đồ, viễn thám, khí tượng thủy văn, thăm dò địa chất, khoáng sản, điều tra đánh giá

đất đai, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, đa dạng sinh học, biển và hải đảo.

10. Các hoạt động kinh tế gồm các nhiệm vụ, chương trình, dự án phục vụ các mục tiêu thuộc các lĩnh vực sau:

a) Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản: cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, trang thiết bị cho nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản; kinh tế nông thôn (bao gồm xây dựng nông thôn mới, cung cấp nước sạch và bảo đảm vệ sinh môi trường nông thôn, phát triển ngành nghề, làng nghề nông thôn gắn với hộ gia đình và hợp tác xã, bố trí, sắp xếp lại dân cư nông thôn, định canh, định cư, ổn định di dân tự do và tái định cư); phát triển giống cây trồng, vật nuôi; trồng, bảo vệ và phát triển rừng; phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, cháy rừng, dịch bệnh, ổn định đất lúa, bảo đảm an ninh nguồn nước, an ninh lương thực;

b) Công nghiệp: cấp điện nông thôn, miền núi và hải đảo; cơ sở vật chất, trang thiết bị, hạ tầng phục vụ công tác vận hành hệ thống điện và thị trường điện quốc gia; các nhiệm vụ, dự án thuộc lĩnh vực dầu khí theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ, cơ sở vật chất và trang thiết bị in, đúc tiền;

c) Giao thông: kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa, hàng hải, cảng hàng không, sân bay;

d) Khu công nghiệp và khu kinh tế: hạ tầng các khu kinh tế ven biển, khu kinh tế cửa khẩu, khu kinh tế chuyên biệt, khu thương mại tự do và hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp;

đ) Thương mại: chợ dân sinh, chợ đầu mối, trung tâm logistic, trung tâm hội chợ triển lãm, kết cấu hạ tầng xuất khẩu, nhập khẩu;

e) Cấp nước, thoát nước;

g) Kho tàng: cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, trang thiết bị kho tàng, kho lưu trữ chuyên dụng, kho dự trữ quốc gia, lưu trữ hồ sơ, tài liệu, kho vật chứng;

h) Du lịch: cơ sở hạ tầng nhằm phát triển du lịch bền vững tại các khu, điểm, địa bàn du lịch;

i) Viễn thông: cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ các mục tiêu viễn thông nhằm thực hiện nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ xã hội và công ích thiết yếu; hạ tầng số; cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ nâng cấp, phát triển Mạng điện báo Hệ đặc biệt phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước, Mạng truyền số liệu chuyên dùng phục vụ các cơ quan Đảng, Nhà nước,

Mạng điện thoại Hệ đặc biệt phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước; hạ tầng trung tâm dữ liệu quốc gia và điện toán đám mây;

k) Bưu chính: cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ các mục tiêu bưu chính nhằm thực hiện nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ xã hội và công ích thiết yếu; cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ nâng cấp, phát triển Mạng bưu chính phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước;

l) Công nghệ thông tin: hạ tầng ứng dụng công nghệ thông tin và trung tâm dữ liệu trong các cơ quan Đảng và Nhà nước; các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu; các nền tảng số, phần mềm ứng dụng, dịch vụ dùng chung; an toàn, an ninh mạng; vi mạch bán dẫn; trí tuệ nhân tạo;

m) Quy hoạch: nhiệm vụ quy hoạch theo quy định tại Luật Quy hoạch;

n) Công trình công cộng tại các đô thị và nông thôn; hạ tầng kỹ thuật khu đô thị;

o) Tài chính, ngân hàng;

p) Cấp vốn điều lệ cho các ngân hàng chính sách, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách; cấp bù lãi suất tín dụng ưu đãi, phí quản lý; ủy thác vốn qua ngân hàng chính sách xã hội theo quy định của cấp có thẩm quyền; hỗ trợ phát triển doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; hỗ trợ tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định của Luật Hợp tác xã.

11. Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội: Các nhiệm vụ, chương trình, dự án phục vụ mục tiêu xây dựng, cải tạo, nâng cấp trụ sở, nhà công vụ, nơi ở cho cán bộ luân chuyển, điều động, mua sắm trang thiết bị của các cơ quan thuộc hệ thống chính trị, nhà nước; dự án mua mới, xây dựng và cải tạo trụ sở làm việc, cải tạo, nâng cấp nhà ở, mua sắm trang thiết bị của các cơ quan Việt Nam ở nước ngoài.

12. Xã hội: các nhiệm vụ, chương trình, dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị của các cơ sở điều dưỡng, phục hồi chức năng, nuôi dưỡng người có công; hỗ trợ việc làm; xây dựng, cải tạo, nâng cấp các cơ sở chăm sóc người già neo đơn, trẻ mồ côi không nơi nương tựa; xây dựng nhà ở xã hội cho những người có thu nhập thấp; chăm sóc, điều dưỡng sức khỏe người lao động, phòng chống bệnh nghề nghiệp; cơ sở hỗ trợ hoạt động thanh thiếu niên, phụ nữ, nông dân; xây dựng,

cải tạo, nâng cấp các công trình ghi công liệt sỹ; cơ sở cai nghiện và trợ giúp xã hội khác; nhà lưu trú cho người lao động.

13. Các nhiệm vụ, chương trình, dự án khác theo quy định của pháp luật: hỗ trợ đầu tư cho các đối tượng, chính sách khác theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; các nhiệm vụ, chương trình, dự án thuộc đối tượng đầu tư công chưa được phân loại vào các ngành, lĩnh vực tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11 và 12 của Điều này.

Điều 5. Chi phí lập, thẩm định chương trình, dự án đầu tư công

1. Chi phí lập, thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư của chương trình, dự án đầu tư công nhóm A, B, C thực hiện theo quy định tại Điều 16 của Luật Đầu tư công.

2. Trường hợp dự án không được cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư, các khoản chi phí đã chi cho công tác lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, báo cáo nghiên cứu khả thi được hạch toán và quyết toán vào chi phí chuẩn bị đầu tư theo nhiệm vụ chi ngân sách nhà nước hằng năm của bộ, cơ quan trung ương và các cấp chính quyền địa phương quản lý dự án đã được cấp có thẩm quyền giao.

Điều 6. Điều kiện, tiêu chí, nguyên tắc bố trí vốn ngân sách địa phương để uỷ thác thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi thông qua Ngân hàng Chính sách xã hội chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

1. Nguyên tắc, điều kiện bố trí vốn ngân sách địa phương để uỷ thác thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi thông qua Ngân hàng Chính sách xã hội chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

a) Tuân thủ quy định tại các điều 54, 55 và 56 của Luật Đầu tư công;

b) Bảo đảm khả năng cân đối vốn ngân sách địa phương trong kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm để thực hiện; bảo đảm khả năng thu hồi vốn ngân sách địa phương đã bố trí để uỷ thác thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi;

c) Việc lập, phê duyệt, giao kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm vốn uỷ thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội thực hiện theo quy định tại các điều 59 và 60 của Luật Đầu tư công.

2. Trên cơ sở báo cáo dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm của Ngân hàng Chính sách xã hội chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định tiêu chí bố trí vốn ngân sách địa phương trong kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm để uỷ thác thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi thông qua Ngân hàng Chính sách xã hội chi nhánh tỉnh, thành phố trên địa bàn.

Chương II

LẬP, THẨM ĐỊNH, QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG

Điều 7. Thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án sử dụng vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư

1. Đối với chương trình, dự án thuộc cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập do bộ, cơ quan trung ương quản lý:

a) Người đứng đầu bộ, cơ quan trung ương quyết định chủ trương đầu tư: chương trình, dự án nhóm A, B, C của cơ quan nhà nước thuộc cấp mình quản lý; chương trình, dự án nhóm A của các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc tự đảm bảo chi thường xuyên; chương trình, dự án nhóm A, B của các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc khác, trừ các đơn vị được quy định tại điểm b khoản này;

b) Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án nhóm A, B, C thuộc đơn vị mình quản lý;

c) Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm B, C thuộc đơn vị mình quản lý;

d) Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập khác, trừ các đơn vị được quy định tại điểm b, c khoản này quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm C thuộc đơn vị mình quản lý.

2. Đối với chương trình, dự án thuộc cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập do địa phương quản lý:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp quyết định chủ trương đầu tư: chương trình, dự án nhóm A, B, C của cơ quan nhà nước thuộc cấp mình quản lý; chương trình, dự án nhóm A của các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc tự đảm bảo chi thường xuyên; chương trình, dự án nhóm A, B của các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc khác, trừ các đơn vị được quy định tại điểm b khoản này;

b) Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án nhóm A, B, C thuộc đơn vị mình quản lý;

c) Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm B, C thuộc đơn vị mình quản lý;

d) Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập khác, trừ các đơn vị được quy định tại điểm b, c khoản này quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm C thuộc đơn vị mình quản lý.

3. Trong thời gian 10 ngày kể từ thời điểm phê duyệt chủ trương đầu tư chương trình, dự án, đơn vị sự nghiệp công lập quy định tại điểm b, c, d khoản 1 Điều này và điểm b, c, d khoản 2 Điều này gửi quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư chương trình, dự án cho bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp quản lý để báo cáo.

Điều 8. Trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án sử dụng vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư

1. Người đứng đầu bộ, cơ quan trung ương:

a) Giao đơn vị trực thuộc hoặc đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quản lý tổ chức lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư đối với chương trình, dự án quy định tại điểm a khoản 1 Điều 7 của Nghị định này;

b) Thành lập Hội đồng thẩm định hoặc giao đơn vị có chức năng chủ trì thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư; thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn từ nguồn thu hợp pháp của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư;

c) Chỉ đạo đơn vị quy định tại điểm a khoản này hoàn chỉnh báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư; trình người đứng đầu bộ, cơ quan trung ương xem xét, quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp:

a) Giao cơ quan chuyên môn, đơn vị trực thuộc hoặc đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quản lý lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư đối với chương trình, dự án quy định tại điểm a khoản 2 Điều 7 của Nghị định này;

b) Thành lập Hội đồng thẩm định hoặc giao đơn vị có chức năng thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư; thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn từ nguồn thu hợp pháp của cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư;

c) Chỉ đạo cơ quan, đơn vị quy định tại điểm a khoản này hoàn chỉnh báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư; trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp xem xét, quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án.

3. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập quy định tại điểm b, c, d khoản 1 Điều 7 và điểm b, c, d khoản 2 Điều 7 của Nghị định này:

a) Giao cơ quan chuyên môn, đơn vị trực thuộc thẩm quyền quản lý lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư đối với chương trình, dự án của đơn vị mình;

b) Thành lập Hội đồng thẩm định hoặc giao đơn vị có chức năng thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư; thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn từ nguồn thu hợp pháp của đơn vị mình dành để đầu tư;

c) Chỉ đạo cơ quan, đơn vị quy định tại điểm a khoản này hoàn chỉnh báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư; trình người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập xem xét, quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án.

Điều 9. Nguyên tắc, thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư dự án đầu tư công nhóm A, B, C tại nước ngoài

1. Nguyên tắc quyết định chủ trương đầu tư dự án đầu tư công tại nước ngoài thực hiện theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 3 của Luật Đầu tư công và các quy định tại Nghị định này.

2. Thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư dự án đầu tư công tại nước ngoài thực hiện theo quy định tại Điều 18 của Luật Đầu tư công.

Điều 10. Trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư dự án đầu tư công nhóm A, B, C tại nước ngoài

1. Người đứng đầu bộ, cơ quan trung ương:

a) Giao đơn vị trực thuộc, bao gồm cả đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án;

b) Thành lập Hội đồng thẩm định hoặc giao đơn vị có chức năng thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư; thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn dự án;

c) Chỉ đạo đơn vị quy định tại điểm a khoản này hoàn chỉnh báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư; trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định chủ trương đầu tư dự án.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp:

a) Giao cơ quan chuyên môn hoặc đơn vị trực thuộc lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án;

b) Thành lập Hội đồng thẩm định hoặc giao đơn vị có chức năng thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư; thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn dự án;

c) Chỉ đạo cơ quan, đơn vị quy định tại điểm a khoản này hoàn chỉnh báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư; trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định chủ trương đầu tư dự án.

3. Nội dung báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án nhóm A, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án nhóm B, C:

a) Sự cần thiết đầu tư, các điều kiện để thực hiện đầu tư, đánh giá về sự phù hợp với quy hoạch theo quy định pháp luật của nước sở tại;

b) Mục tiêu, quy mô, địa điểm đầu tư;

c) Dự kiến tổng mức đầu tư; dự kiến cơ cấu nguồn vốn;

d) Dự kiến tiến độ, phân kỳ thực hiện đầu tư;

đ) Các yếu tố liên quan đến an ninh và môi trường; xác định sơ bộ hiệu quả về kinh tế - xã hội;

e) Phân chia các dự án thành phần (nếu có);

g) Giải pháp tổ chức thực hiện.

4. Nội dung thẩm định chủ trương đầu tư dự án gồm:

a) Sự cần thiết đầu tư dự án;

b) Sự tuân thủ các quy định pháp luật của nước sở tại và của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

c) Sự phù hợp với quy hoạch theo quy định pháp luật của nước sở tại;

d) Mục tiêu, quy mô, địa điểm, tiến độ triển khai thực hiện đầu tư; các yếu tố liên quan đến an ninh và môi trường;

đ) Hiệu quả về kinh tế - xã hội.

Điều 11. Trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư đối với dự án có sử dụng vốn ngân sách địa phương do cơ quan trung ương thực hiện, dự án có sử dụng vốn ngân sách cấp huyện, cấp xã do cơ quan cấp tỉnh, cấp huyện thực hiện

1. Đối với dự án do Bộ, cơ quan trung ương là cơ quan chủ quản có sử dụng vốn ngân sách địa phương các cấp, trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư thực hiện như sau:

a) Thực hiện theo quy định tại Điều 26 của Luật Đầu tư công;

b) Đối với phần vốn ngân sách địa phương tham gia thực hiện dự án, Ủy ban nhân dân trình Hội đồng nhân dân cùng cấp ban hành Nghị quyết bố trí vốn ngân sách địa phương cấp mình làm cơ sở thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn của dự án.

2. Đối với dự án do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện là cơ quan chủ quản có sử dụng vốn ngân sách địa phương cấp dưới, trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư thực hiện như sau:

a) Thực hiện theo quy định tại các Điều 25 và Điều 28 của Luật Đầu tư công;

b) Đối với phần vốn ngân sách địa phương cấp dưới tham gia thực hiện dự án, Ủy ban nhân dân trình Hội đồng nhân dân cùng cấp ban hành Nghị quyết bố trí vốn ngân sách địa phương cấp mình làm cơ sở thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn của dự án.

Điều 12. Hồ sơ, nội dung và thời gian thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư chương trình, dự án đầu tư công nhóm A, B, C

1. Hồ sơ thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư chương trình, dự án đầu tư công nhóm A, B, C bao gồm:

a) Tờ trình đề nghị cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án;

b) Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án nhóm A; báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư chương trình, dự án nhóm B, C theo quy định tại các Điều 33, 34, 35 của Luật Đầu tư công;

c) Các tài liệu liên quan khác (nếu có).

2. Số lượng hồ sơ thẩm định gửi Hội đồng thẩm định hoặc cơ quan chủ trì thẩm định theo yêu cầu của Hội đồng thẩm định hoặc cơ quan chủ trì thẩm định.

3. Nội dung thẩm định chủ trương đầu tư chương trình đầu tư công gồm:

a) Sự phù hợp với các tiêu chí xác định chương trình đầu tư công;

b) Sự tuân thủ các quy định của pháp luật trong nội dung hồ sơ trình thẩm định;

c) Sự phù hợp với các mục tiêu chiến lược; kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực; quy hoạch có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch;

d) Các nội dung quy định tại Điều 33 của Luật Đầu tư công;

đ) Hiệu quả kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

e) Khả năng thu hồi vốn và trả nợ trong trường hợp sử dụng vốn vay.

4. Nội dung thẩm định chủ trương đầu tư dự án đầu tư công nhóm A, B, C gồm:

a) Sự cần thiết đầu tư dự án;

b) Sự tuân thủ các quy định của pháp luật trong nội dung hồ sơ trình thẩm định;

c) Sự phù hợp với kế hoạch và quy hoạch có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch;

d) Sự phù hợp với tiêu chí phân loại dự án nhóm A, B, C;

đ) Các nội dung quy định tại các Điều 34, 35 của Luật Đầu tư công;

e) Hiệu quả kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

5. Cơ quan chủ trì thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư chương trình, dự án có trách nhiệm lấy ý kiến cơ quan được giao thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn chương trình, dự án theo quy định tại các khoản 2, 3, 4 Điều 36 của Luật Đầu tư công trong quá trình thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư chương trình, dự án. Cơ quan được giao thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn có trách nhiệm gửi ý kiến thẩm định cho cơ quan chủ trì thẩm định.

Trường hợp cơ quan chủ trì thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư đồng thời là cơ quan thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn theo quy định tại các khoản 2, 3, 4 Điều 36 của Luật Đầu tư công cơ quan chủ trì thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư tự tổ chức thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn.

6. Thời gian thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư chương trình, dự án đầu tư công nhóm A, B, C kể từ ngày Hội đồng thẩm định hoặc cơ quan chủ trì thẩm định nhận đủ hồ sơ hợp lệ như sau:

- a) Chương trình mục tiêu quốc gia: Không quá 60 ngày;
- b) Chương trình đầu tư công (không bao gồm chương trình mục tiêu quốc gia): Không quá 45 ngày;
- c) Dự án nhóm A: Không quá 45 ngày;
- d) Dự án nhóm B, C: Không quá 30 ngày;

Trường hợp hồ sơ không hợp lệ hoặc nội dung trong báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư chương trình, dự án không phù hợp với các quy định tại các Điều 33, 34, 35 của Luật Đầu tư công, trong thời gian không quá 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, Hội đồng thẩm định hoặc cơ quan chủ trì thẩm định có ý kiến bằng văn bản gửi cơ quan trình thẩm định bổ sung hồ sơ hoặc hoàn chỉnh nội dung báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư chương trình, dự án.

7. Trường hợp cần gia hạn thời gian thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư chương trình, dự án, Hội đồng thẩm định hoặc cơ quan chủ trì thẩm định phải:

a) Báo cáo Thủ tướng Chính phủ cho phép gia hạn thời gian thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư của chương trình, dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ;

b) Báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp cho phép gia hạn thời gian thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư chương trình, dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Hội đồng nhân dân cùng cấp;

c) Báo cáo người đứng đầu bộ, cơ quan trung ương cho phép gia hạn thời gian thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư chương trình, dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của bộ, cơ quan trung ương;

d) Thời gian gia hạn không quá thời gian thẩm định tương ứng được quy định tại khoản 6 Điều này.

8. Hội đồng thẩm định hoặc cơ quan chủ trì thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án nhóm A, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư chương trình, dự án nhóm B, C gửi báo cáo thẩm định theo quy định sau:

a) Đối với chương trình đầu tư công: gửi cơ quan chủ chương trình và cơ quan có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư;

b) Đối với dự án nhóm A thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 24 của Luật Đầu tư công, đồng gửi Văn phòng Chính phủ để báo cáo Thủ tướng Chính phủ;

c) Đối với dự án nhóm A khác dự án quy định tại điểm a khoản này, nhóm B, nhóm C, gửi cơ quan trình thẩm định, cơ quan quản lý dự án và cơ quan có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư.

Điều 13. Hồ sơ trình cấp có thẩm quyền và thời gian quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án đầu tư công nhóm A, B, C

1. Hồ sơ trình cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án đầu tư công nhóm A, B, C gồm:

a) Các tài liệu quy định tại khoản 1 Điều 12 của Nghị định này; trong đó các nội dung trong tờ trình và báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư quy định tại các điểm b khoản 1 Điều 12 của Nghị định này đã được hoàn thiện theo báo cáo thẩm định của Hội đồng thẩm định hoặc cơ quan chủ trì thẩm định;

b) Báo cáo thẩm định của Hội đồng thẩm định hoặc cơ quan chủ trì thẩm định về chủ trương đầu tư chương trình, dự án.

2. Số lượng hồ sơ trình cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án quy định tại khoản 1 Điều này là 05 bộ tài liệu.

3. Thời gian quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án kể từ ngày cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư nhận đủ hồ sơ hợp lệ như sau:

a) Chương trình đầu tư công (không bao gồm chương trình mục tiêu quốc gia): Không quá 20 ngày;

b) Dự án nhóm A: Không quá 15 ngày;

c) Dự án nhóm B, C: Không quá 10 ngày;

Trường hợp chương trình, dự án do Hội đồng nhân dân các cấp quyết định chủ trương đầu tư, thời gian quyết định chủ trương đầu tư phù hợp với chương trình kỳ họp của Hội đồng nhân dân.

4. Trong thời gian 15 ngày kể từ ngày cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án:

a) Bộ, cơ quan trung ương và địa phương quản lý chương trình, dự án sử dụng vốn ngân sách trung ương gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Cơ quan quản lý chương trình, dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước các cấp địa phương gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư cùng cấp quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 14. Phân loại dự án đầu tư công nhóm A, nhóm B, nhóm C

Dự án đầu tư công nhóm A, nhóm B, nhóm C được phân loại theo Phụ lục kèm theo Nghị định này.

Điều 15. Hồ sơ, trình tự, thủ tục và nội dung điều chỉnh chủ trương đầu tư chương trình, dự án đầu tư công nhóm A, B, C

1. Trình tự, thủ tục điều chỉnh chủ trương đầu tư thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 37 Luật Đầu tư công, trong đó, cơ quan, đơn vị, tổ chức được giao tổ chức lập, thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi điều chỉnh trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

2. Hồ sơ trình cấp có thẩm quyền quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư chương trình, dự án bao gồm:

a) Tờ trình cấp có thẩm quyền quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư chương trình, dự án, trong đó làm rõ các nội dung: Lý do điều chỉnh chủ trương đầu tư chương trình, dự án; các nội dung điều chỉnh chủ trương đầu tư chương trình, dự án tương ứng với các nội dung của báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư chương trình, dự án và sự phù hợp với các trường hợp điều chỉnh chủ trương đầu tư chương trình, dự án quy định tại khoản 2 Điều 37 của Luật Đầu tư công;

b) Hồ sơ kèm theo Tờ trình gồm: quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án; quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư chương trình, dự án trước

đó (nếu có); báo cáo nghiên cứu tiền khả thi điều chỉnh hoặc báo cáo đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư chương trình, dự án gồm các nội dung của Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư theo quy định tại các Điều 33, 34, 35 của Luật Đầu tư công đã được điều chỉnh;

c) Báo cáo thẩm định của Hội đồng thẩm định hoặc cơ quan, đơn vị chủ trì thẩm định về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư chương trình, dự án. Nội dung thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi điều chỉnh hoặc báo cáo đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư tương ứng với các nội dung quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 12 Nghị định này đối với các nội dung đề nghị điều chỉnh;

d) Các tài liệu khác có liên quan (nếu có).

2. Số lượng hồ sơ trình cấp có thẩm quyền quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư chương trình, dự án theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Nghị định này.

3. Thời gian quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư chương trình, dự án kể từ ngày cấp có thẩm quyền quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư nhận đủ hồ sơ hợp lệ như sau:

a) Chương trình đầu tư công (không bao gồm chương trình mục tiêu quốc gia): Không quá 20 ngày;

b) Dự án nhóm A: Không quá 15 ngày;

c) Dự án nhóm B, C: Không quá 10 ngày.

4. Hội đồng thẩm định hoặc cơ quan, đơn vị chủ trì thẩm định điều chỉnh chủ trương đầu tư chương trình, dự án chịu trách nhiệm về việc thẩm định các nội dung đề nghị điều chỉnh được đề cập trong báo cáo nghiên cứu tiền khả thi điều chỉnh hoặc báo cáo đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư, không chịu trách nhiệm về các nội dung đã được thẩm định, quyết định trước đó.

Điều 16. Trình tự, thủ tục và các trường hợp dừng chủ trương đầu tư chương trình, dự án

1. Việc dừng chủ trương đầu tư chương trình, dự án được thực hiện trong các trường hợp sau đây:

a) Việc tiếp tục thực hiện chương trình, dự án đó gây hậu quả nghiêm trọng về kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, môi trường.

b) Việc dừng chủ trương đầu tư chương trình, dự án đó mang lại hiệu quả cao hơn về tài chính, kinh tế - xã hội.

c) Do nguyên nhân khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép dẫn đến không thể tiếp tục thực hiện chương trình, dự án.

2. Trình tự, thủ tục dừng chủ trương đầu tư chương trình, dự án như sau:

a) Cấp quyết định đầu tư chương trình, dự án tổ chức kiểm tra, đánh giá quá trình thực hiện chương trình, dự án theo quy định của pháp luật về đầu tư công và quy định của pháp luật có liên quan.

b) Cấp quyết định đầu tư chương trình, dự án báo cáo cấp quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án về việc dừng chủ trương đầu tư chương trình, dự án, trong đó xác định nguyên nhân dừng chủ trương đầu tư theo các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.

c) Cấp quyết định chủ trương đầu tư xem xét, quyết định việc dừng chủ trương đầu tư chương trình, dự án, trong đó quyết định phương án xử lý đối với khối lượng đã thực hiện của chương trình, dự án theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và quy định của pháp luật có liên quan.

Chương III

LẬP, THẨM ĐỊNH, QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG

Điều 17. Thẩm quyền quyết định đầu tư chương trình, dự án sử dụng vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư

1. Đối với chương trình, dự án thuộc cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập do bộ, cơ quan trung ương quản lý:

a) Người đứng đầu bộ, cơ quan trung ương quyết định đầu tư chương trình, dự án nhóm A, B, C của cơ quan nhà nước thuộc cấp mình quản lý;

b) Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập quyết định đầu tư chương trình, dự án nhóm A, B, C do đơn vị mình quản lý;

c) Đơn vị sự nghiệp công lập quy định tại điểm ab khoản này được làm chủ đầu tư dự án không có cấu phần xây dựng do mình quyết định đầu tư.

2. Đối với chương trình, dự án thuộc cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập do địa phương quản lý:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp quyết định đầu tư chương trình, dự án nhóm A, B, C của cơ quan nhà nước thuộc cấp mình quản lý;

b) Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập quyết định đầu tư chương trình, dự án nhóm A, B, C do đơn vị mình quản lý;

c) Đơn vị sự nghiệp công lập quy định tại điểm b khoản này được làm chủ đầu tư dự án không có cấu phần xây dựng do mình quyết định đầu tư.

Điều 18. Trình tự, thủ tục quyết định đầu tư chương trình, dự án sử dụng vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư

1. Đối với chương trình, dự án đầu tư không có cấu phần xây dựng do bộ, cơ quan trung ương quản lý:

a) Đối với chương trình, dự án do người đứng đầu bộ, cơ quan trung ương quyết định đầu tư:

Căn cứ chủ trương đầu tư đã được cấp có thẩm quyền quyết định, người đứng đầu bộ, cơ quan trung ương giao chủ đầu tư lập báo cáo nghiên cứu khả thi chương trình, dự án; thành lập Hội đồng thẩm định hoặc giao đơn vị có chức năng chủ trì thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi chương trình, dự án;

Chủ đầu tư căn cứ ý kiến thẩm định, hoàn thiện báo cáo nghiên cứu khả thi chương trình, dự án, trình người đứng đầu bộ, cơ quan trung ương xem xét, quyết định đầu tư chương trình, dự án;

b) Đối với chương trình, dự án do người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập quyết định đầu tư: Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập tổ chức lập báo cáo nghiên cứu khả thi chương trình, dự án phù hợp với chủ trương đầu tư đã được cấp có thẩm quyền quyết định; tổ chức thẩm định, phê duyệt chương trình, dự án đầu tư và chịu trách nhiệm về quyết định của mình theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Đối với chương trình, dự án đầu tư không có cấu phần xây dựng do địa phương quản lý:

a) Đối với chương trình, dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp quyết định đầu tư:

Căn cứ chủ trương đầu tư đã được cấp có thẩm quyền quyết định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp giao chủ đầu tư lập báo cáo nghiên cứu khả thi chương trình, dự án; thành lập Hội đồng thẩm định hoặc giao đơn vị có chức năng thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi chương trình, dự án;

Chủ đầu tư căn cứ ý kiến thẩm định, hoàn thiện báo cáo nghiên cứu khả thi chương trình, dự án, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp xem xét, quyết định đầu tư chương trình, dự án;

b) Đối với chương trình, dự án do người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập quyết định đầu tư: Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập tổ chức lập báo cáo nghiên cứu khả thi chương trình, dự án phù hợp với chủ trương đầu tư đã được cấp có thẩm quyền quyết định; tổ chức thẩm định, phê duyệt chương trình, dự án đầu tư và chịu trách nhiệm về quyết định của mình theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 19. Nguyên tắc, thẩm quyền, nội dung lập, thẩm định, quyết định dự án đầu tư công nhóm A, B, C tại nước ngoài

1. Nguyên tắc quyết định đầu tư dự án đầu tư công nhóm A, B, C tại nước ngoài thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 3 của Luật Đầu tư công, tuân thủ quy định pháp luật của nước sở tại và của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2. Thẩm quyền quyết định đầu tư dự án đầu tư công tại nước ngoài thực hiện theo quy định tại Điều 38 của Luật Đầu tư công.

3. Nội dung dự án đầu tư công có cấu phần xây dựng của các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài thực hiện theo quy định của Chính phủ về quản lý các dự án đầu tư của cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài và quy định pháp luật khác có liên quan.

4. Nội dung dự án đầu tư công có cấu phần xây dựng của cơ quan khác của Việt Nam ở nước ngoài được phép thực hiện theo quy định của Chính phủ về quản lý các dự án đầu tư của cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài và quy định pháp luật khác có liên quan.

5. Nội dung chủ yếu của báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đầu tư công không có cấu phần xây dựng tại nước ngoài bao gồm:

- a) Sự cần thiết đầu tư;
- b) Sự phù hợp với quy hoạch theo quy định của pháp luật nước sở tại;
- c) Phân tích, xác định mục tiêu, lựa chọn quy mô hợp lý;
- d) Phân tích các điều kiện tự nhiên, điều kiện kinh tế, lựa chọn địa điểm đầu tư;
- đ) Các yếu tố liên quan đến an ninh và môi trường;
- e) Phương án giải phóng mặt bằng (nếu có);

g) Dự kiến tiến độ thực hiện dự án; các mốc thời gian chủ yếu thực hiện đầu tư;

h) Xác định tổng mức đầu tư, cơ cấu nguồn vốn;

i) Tổ chức quản lý dự án, bao gồm xác định chủ đầu tư, phân tích lựa chọn hình thức tổ chức quản lý thực hiện dự án;

k) Phân tích hiệu quả kinh tế - xã hội.

6. Nội dung thẩm định dự án đầu tư công không có cấu phần xây dựng tại nước ngoài gồm:

a) Sự tuân thủ các quy định của pháp luật trong nội dung hồ sơ trình thẩm định;

b) Sự phù hợp của dự án với chủ trương đầu tư dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Sự cần thiết đầu tư;

d) Sự phù hợp với quy hoạch theo quy định của pháp luật nước sở tại;

đ) Sự phù hợp của mục tiêu, quy mô dự án;

e) Các yếu tố liên quan đến điều kiện tự nhiên, điều kiện kinh tế, lựa chọn địa điểm đầu tư;

g) Các yếu tố liên quan đến an ninh và môi trường;

h) Phương án giải phóng mặt bằng (nếu có);

i) Dự kiến tiến độ thực hiện dự án; các mốc thời gian chủ yếu thực hiện đầu tư;

k) Xác định tổng mức đầu tư;

l) Hình thức tổ chức quản lý thực hiện dự án;

m) Sự phù hợp về nguồn vốn và khả năng cân đối vốn; sự phù hợp giữa tổng mức đầu tư của dự án gắn với cân đối vốn trong kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm; cơ cấu nguồn vốn đầu tư, khả năng cân đối nguồn vốn đầu tư công.

Điều 20. Trình tự, thủ tục lập, thẩm định, quyết định dự án đầu tư công nhóm A, B, C tại nước ngoài

1. Đối với dự án do bộ, cơ quan trung ương quản lý:

a) Căn cứ chủ trương đầu tư đã được cấp có thẩm quyền quyết định, người đứng đầu bộ, cơ quan trung ương giao chủ đầu tư lập báo cáo nghiên cứu

khả thi dự án; thành lập Hội đồng thẩm định hoặc giao đơn vị có chức năng thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi dự án;

b) Chủ đầu tư căn cứ ý kiến thẩm định, hoàn thiện báo cáo nghiên cứu khả thi dự án, trình người đứng đầu bộ, cơ quan trung ương xem xét, quyết định đầu tư dự án.

2. Đối với dự án do địa phương quản lý:

a) Căn cứ chủ trương đầu tư đã được cấp có thẩm quyền quyết định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp giao chủ đầu tư lập báo cáo nghiên cứu khả thi dự án; thành lập Hội đồng thẩm định hoặc giao đơn vị có chức năng thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi dự án;

b) Chủ đầu tư căn cứ ý kiến thẩm định, hoàn thiện báo cáo nghiên cứu khả thi dự án, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp xem xét, quyết định đầu tư dự án.

Điều 21. Hồ sơ, nội dung thẩm định chương trình đầu tư công

1. Hồ sơ thẩm định chương trình đầu tư công:

a) Tờ trình thẩm định chương trình đầu tư công, bao gồm: sự cần thiết đầu tư chương trình; mục tiêu và những nội dung chủ yếu của báo cáo nghiên cứu khả thi chương trình; kiến nghị cấp có thẩm quyền quyết định chương trình đầu tư công;

b) Báo cáo nghiên cứu khả thi chương trình theo quy định tại khoản 1 Điều 47 của Luật Đầu tư công;

c) Các tài liệu khác có liên quan (nếu có).

2. Số lượng hồ sơ thẩm định chương trình đầu tư công gửi Hội đồng thẩm định hoặc cơ quan chủ trì thẩm định theo yêu cầu của Hội đồng thẩm định hoặc cơ quan chủ trì thẩm định.

3. Nội dung thẩm định chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình đầu tư công bao gồm:

a) Sự tuân thủ các quy định của pháp luật trong nội dung hồ sơ trình thẩm định;

b) Sự phù hợp của chương trình với chủ trương đầu tư chương trình đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Nội dung báo cáo nghiên cứu khả thi chương trình quy định tại khoản 1 Điều 47 của Luật Đầu tư công;

d) Sự phù hợp với nguồn vốn và khả năng cân đối vốn đã được cơ quan có thẩm quyền thẩm định; sự phù hợp giữa tổng vốn đầu tư của chương trình với kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm; cơ cấu các nguồn vốn ngân sách trung ương, ngân sách địa phương và các nguồn vốn hợp pháp khác; khả năng thu hồi vốn và trả nợ trong trường hợp sử dụng vốn vay.

4. Trong quá trình thẩm định chương trình đầu tư công với những nội dung quy định tại khoản 3 Điều này, Hội đồng thẩm định hoặc cơ quan chủ trì thẩm định rà soát, đối chiếu với các quy định trong quyết định chủ trương đầu tư đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; chỉ tiêu về quy mô, tổng mức đầu tư của chương trình, bao gồm cơ cấu vốn không được vượt quá mức đã quy định trong quyết định chủ trương đầu tư;

Trường hợp cần thiết phải điều chỉnh chủ trương đầu tư chương trình, phải thực hiện theo quy định tại Điều 37 của Luật Đầu tư công.

Điều 22. Hồ sơ, nội dung thẩm định dự án đầu tư công

1. Hồ sơ thẩm định dự án đầu tư công không có cấu phần xây dựng:

a) Tờ trình thẩm định dự án, bao gồm: sự cần thiết đầu tư dự án; mục tiêu và những nội dung chủ yếu của báo cáo nghiên cứu khả thi dự án; kiến nghị cấp có thẩm quyền quyết định dự án đầu tư công;

b) Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 47 của Luật Đầu tư công;

c) Báo cáo của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp tổng hợp ý kiến cộng đồng dân cư nơi thực hiện dự án đối với các dự án theo quy định tại Điều 91 của Luật Đầu tư công;

d) Các tài liệu khác có liên quan phục vụ cho việc thẩm định dự án đầu tư công (nếu có).

2. Hồ sơ thẩm định dự án đầu tư công có cấu phần xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng, ý kiến của cộng đồng dân cư quy định tại điểm c khoản 1 Điều này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

3. Số lượng hồ sơ thẩm định gửi Hội đồng thẩm định hoặc cơ quan chủ trì thẩm định theo yêu cầu của Hội đồng thẩm định hoặc cơ quan chủ trì thẩm định.

4. Nội dung thẩm định dự án đầu tư công không có cấu phần xây dựng, bao gồm:

a) Sự tuân thủ các quy định của pháp luật trong nội dung hồ sơ trình thẩm định;

b) Sự phù hợp của dự án với chủ trương đầu tư dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Nội dung Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án quy định tại khoản 2 Điều 47 của Luật Đầu tư công;

d) Sự phù hợp giữa tổng mức đầu tư của dự án gắn với cân đối vốn trong kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm; cơ cấu nguồn vốn đầu tư, khả năng cân đối nguồn vốn đầu tư công và việc huy động các nguồn vốn, nguồn lực khác để thực hiện dự án; đánh giá các chi phí vận hành, bảo dưỡng, duy tu, sửa chữa lớn trong quá trình khai thác dự án;

đ) Tác động lan tỏa của dự án đến sự phát triển ngành, lĩnh vực, các vùng lãnh thổ và các địa phương; đến tạo thêm nguồn thu ngân sách, việc làm, thu nhập và đời sống người dân; các tác động đến môi trường và phát triển bền vững.

5. Nội dung thẩm định dự án đầu tư công có cấu phần xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng, các nội dung pháp luật xây dựng chưa quy định tại khoản 4 Điều này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

6. Trong quá trình thẩm định dự án đầu tư công với những nội dung quy định tại các khoản 4, 5 Điều này, Hội đồng thẩm định hoặc cơ quan chủ trì thẩm định phải rà soát, đối chiếu với các quy định trong quyết định chủ trương đầu tư đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; chỉ tiêu về quy mô, tổng mức đầu tư của dự án, bao gồm cơ cấu vốn không được vượt quá mức đã quy định trong quyết định chủ trương đầu tư;

Trường hợp cần thiết phải điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án, phải thực hiện theo quy định tại Điều 37 của Luật Đầu tư công.

Điều 23. Thời gian thẩm định chương trình, dự án đầu tư công

1. Thời gian thẩm định chương trình, dự án đầu tư công không có cấu phần xây dựng kể từ ngày cơ quan chủ trì thẩm định nhận đủ hồ sơ hợp lệ như sau:

a) Chương trình mục tiêu quốc gia: Không quá 60 ngày;

b) Chương trình đầu tư công (không bao gồm chương trình mục tiêu quốc gia): Không quá 45 ngày;

c) Dự án nhóm A: Không quá 45 ngày;

d) Dự án nhóm B, C: Không quá 30 ngày;

Trường hợp hồ sơ không hợp lệ hoặc nội dung trong báo cáo nghiên cứu khả thi chương trình, dự án không phù hợp với các quy định tại Điều 47 của Luật Đầu tư công, trong thời gian không quá 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, Hội đồng thẩm định hoặc cơ quan chủ trì thẩm định có ý kiến bằng văn bản gửi cơ quan trình thẩm định bổ sung hồ sơ hoặc hoàn chỉnh nội dung báo cáo nghiên cứu khả thi chương trình, dự án.

2. Thời gian thẩm định dự án đầu tư công có cấu phần xây dựng thực hiện theo quy định pháp luật về xây dựng.

3. Trường hợp cần gia hạn thời gian thẩm định chương trình, dự án, Hội đồng thẩm định hoặc cơ quan chủ trì thẩm định phải báo cáo cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư chương trình, dự án cho phép gia hạn thời gian thẩm định. Thời gian gia hạn không quá thời gian thẩm định tương ứng được quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 24. Hồ sơ trình cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư chương trình, dự án

1. Hồ sơ trình cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư chương trình, dự án:

a) Tờ trình cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư chương trình, dự án và báo cáo nghiên cứu khả thi đã được hoàn thiện theo ý kiến thẩm định;

b) Quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án của cấp có thẩm quyền;

c) Báo cáo thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi;

d) Các tài liệu khác có liên quan (nếu có).

2. Số lượng hồ sơ trình cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư chương trình, dự án quy định tại khoản 1 Điều này là 05 bộ tài liệu.

3. Hồ sơ trình cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng được tách thành dự án độc lập theo quy định của Luật Đầu tư công:

a) Đối với dự án có cấu phần xây dựng thực hiện theo quy định pháp luật về xây dựng;

b) Đối với dự án không có cấu phần xây dựng thực hiện theo quy định tại Nghị định này và pháp luật khác có liên quan;

c) Dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng và dự án còn lại được tách riêng từ dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A, B, C theo

quy định tại khoản 2 Điều 6 của Luật Đầu tư công được phân loại phù hợp với phân loại của dự án theo quyết định chủ trương đầu tư.

Điều 25. Nội dung, thời gian quyết định chương trình, dự án đầu tư công nhóm A, B, C

1. Quyết định chương trình, dự án đầu tư công nhóm A, B, C:

a) Quyết định chương trình đầu tư công bao gồm các nội dung chủ yếu: mục tiêu, phạm vi và quy mô; tổng mức vốn và cơ cấu nguồn lực thực hiện chương trình bao gồm danh mục dự án, mức cân đối nguồn vốn đầu tư công, huy động các nguồn vốn và nguồn lực khác; kế hoạch bố trí vốn và tiến độ thực hiện chương trình; chi phí liên quan trong quá trình thực hiện và chi phí vận hành sau khi chương trình kết thúc; các dự án thành phần của chương trình; giải pháp tổ chức thực hiện;...

b) Quyết định dự án đầu tư công không có cấu phần xây dựng bao gồm các nội dung chủ yếu: Tên dự án; chủ đầu tư; tổ chức tư vấn lập dự án (nếu có); mục tiêu, quy mô đầu tư, tiến độ thực hiện dự án; địa điểm; thiết kế công nghệ (nếu có); quy chuẩn kỹ thuật; tổng mức đầu tư; nguồn vốn và dự kiến phân bổ nguồn vốn theo tiến độ; hình thức tổ chức quản lý dự án được áp dụng;...

c) Quyết định dự án đầu tư công có cấu phần xây dựng thực hiện theo quy định của pháp luật về xây dựng.

2. Thời gian quyết định đầu tư chương trình, dự án kể từ ngày cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư nhận đủ hồ sơ hợp lệ như sau:

a) Chương trình đầu tư công: Không quá 20 ngày;

b) Dự án nhóm A: Không quá 15 ngày;

c) Dự án nhóm B, C: Không quá 10 ngày.

3. Trong thời gian 15 ngày, kể từ ngày cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư chương trình, dự án:

a) Bộ, cơ quan trung ương và địa phương quản lý chương trình, dự án sử dụng vốn ngân sách trung ương gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính quyết định đầu tư chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Cơ quan quản lý chương trình, dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước các cấp địa phương gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư cùng cấp quyết định đầu tư chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 26. Trình tự, thủ tục lập, thẩm định, quyết định điều chỉnh chương trình, dự án đầu tư công nhóm A, B, C

1. Chủ chương trình, chủ đầu tư dự án có trách nhiệm:

a) Tổ chức đánh giá toàn bộ quá trình thực hiện chương trình, dự án đầu tư công đến thời điểm đề xuất điều chỉnh; báo cáo kết quả đánh giá chương trình, dự án đầu tư công đến cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư;

b) Giao cơ quan chuyên môn chuẩn bị báo cáo nghiên cứu khả thi điều chỉnh chương trình, dự án đầu tư công. Báo cáo nghiên cứu khả thi điều chỉnh chương trình, dự án đầu tư công phải nêu rõ những lý do điều chỉnh đảm bảo phù hợp với quy định tại Điều 46 của Luật Đầu tư công;

c) Tổ chức thẩm định nội bộ việc điều chỉnh chương trình, dự án đầu tư công;

d) Hoàn chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi điều chỉnh chương trình, dự án đầu tư công trình cấp có thẩm quyền quyết định điều chỉnh.

Trường hợp điều chỉnh làm thay đổi một trong các nội dung về mục tiêu, địa điểm, vượt mức vốn đầu tư công, vượt mức vốn đầu tư công của ngân sách cấp trên, vượt tổng mức đầu tư dự án so với tổng mức đầu tư đã được cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư, phải thực hiện trình tự, thủ tục điều chỉnh chủ trương đầu tư theo quy định tại Điều 37 của Luật Đầu tư công trước khi cấp có thẩm quyền quyết định điều chỉnh dự án.

2. Trình tự, thủ tục thẩm định, quyết định điều chỉnh chương trình:

a) Trình tự thẩm định, quyết định điều chỉnh chương trình mục tiêu quốc gia thực hiện theo quy định tại Điều 40 của Luật Đầu tư công;

b) Trình tự thẩm định, quyết định điều chỉnh chương trình đầu tư công do Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư thực hiện theo quy định tại Điều 41 của Luật Đầu tư công;

c) Trình tự thẩm định, quyết định điều chỉnh chương trình đầu tư công do Hội đồng nhân dân quyết định chủ trương đầu tư thực hiện theo quy định tại Điều 42 của Luật Đầu tư công.

3. Trình tự, thủ tục thẩm định, quyết định điều chỉnh dự án:

a) Trình tự, thủ tục thẩm định, quyết định điều chỉnh dự án không có cấu phần xây dựng thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 43 của Luật Đầu tư công;

b) Trình tự, thủ tục thẩm định, quyết định điều chỉnh dự án có cấu phần xây dựng thực hiện theo quy định của pháp luật về xây dựng và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 27. Hồ sơ, nội dung, thời gian thẩm định điều chỉnh chương trình, dự án

1. Hồ sơ trình cấp có thẩm quyền quyết định điều chỉnh chương trình, dự án bao gồm:

a) Tờ trình cấp có thẩm quyền quyết định điều chỉnh chương trình, dự án, trong đó làm rõ mục tiêu, lý do điều chỉnh theo quy định tại các khoản 1, 2 Điều 46 của Luật Đầu tư công;

b) Báo cáo nghiên cứu khả thi điều chỉnh chương trình, dự án gồm các nội dung điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi quy định tại Điều 47 Luật Đầu tư công;

c) Quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án; quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư chương trình, dự án (nếu có);

d) Quyết định đầu tư chương trình, dự án; quyết định đầu tư chương trình, dự án điều chỉnh trước đó (nếu có);

đ) Báo cáo thẩm định nội bộ đề xuất điều chỉnh chương trình, dự án và các báo cáo thẩm định khác theo quy định của pháp luật (nếu có);

e) Báo cáo thẩm định, kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện chương trình, dự án theo quy định tại khoản 4 Điều 46 của Luật Đầu tư công;

g) Các tài liệu khác có liên quan (nếu có).

2. Số lượng hồ sơ trình cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư điều chỉnh chương trình, dự án theo quy định tại khoản 2 Điều 24 của Nghị định này.

3. Nội dung thẩm định điều chỉnh chương trình, dự án

a) Nội dung thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi điều chỉnh chương trình tương ứng với các nội dung quy định tại khoản 3 Điều 21 của Nghị định này cho các nội dung đề nghị điều chỉnh.

b) Nội dung thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi điều chỉnh dự án đầu tư công không có cấu phần xây dựng tương ứng với các nội dung được quy định tại khoản 4 Điều 22 của Nghị định này cho các nội dung đề nghị điều chỉnh.

c) Nội dung thẩm định báo cáo khả điều chỉnh dự án đầu tư công có cấu phần xây dựng thực hiện theo quy định của pháp luật về xây dựng và quy định khác của pháp luật có liên quan.

4. Thời gian thẩm định điều chỉnh dự án đầu tư công theo quy định tại Điều 23 Nghị định này.

Điều 28. Nội dung, thời gian quyết định điều chỉnh chương trình, dự án

1. Nội dung quyết định điều chỉnh chương trình, dự án đầu tư công gồm những điều chỉnh tương ứng với các nội dung quyết định chương trình, dự án quy định tại khoản 1 Điều 25 Nghị định này.

2. Thời gian quyết định điều chỉnh chương trình, dự án và thời gian gửi quyết định và quyết định điều chỉnh chương trình, dự án cho các cơ quan tổng hợp kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm thực hiện theo quy định tại các khoản 2, 3 Điều 25 Nghị định này.

Chương IV

QUẢN LÝ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ, NHIỆM VỤ QUY HOẠCH VÀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG KHÔNG CÓ CẤU PHẦN XÂY DỰNG

Điều 29. Tổ chức quản lý thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư, nhiệm vụ quy hoạch và dự án đầu tư công không có cấu phần xây dựng

1. Người đứng đầu cơ quan được cấp có thẩm quyền giao lập quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia, quy hoạch vùng và người đứng đầu cơ quan tổ chức lập quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch tỉnh quyết định hình thức tổ chức quản lý thực hiện nhiệm vụ quy hoạch phù hợp với yêu cầu quản lý và điều kiện cụ thể của nhiệm vụ như: Ban quản lý, thuê tư vấn quản lý, đơn vị được giao nhiệm vụ trực tiếp quản lý.

2. Chi phí quản lý thực hiện nhiệm vụ quy hoạch thực hiện theo quy định về chi phí quản lý dự án theo quy định của pháp luật về xây dựng.

3. Người đứng đầu bộ, cơ quan trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp quyết định hình thức tổ chức quản lý thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư phù hợp với yêu cầu quản lý, điều kiện cụ thể của nhiệm vụ, quy định pháp

luật chuyên ngành có liên quan như: Ban quản lý, thuê tư vấn quản lý, đơn vị được giao nhiệm vụ trực tiếp quản lý.

4. Người có thẩm quyền quyết định đầu tư dự án không có cấu phần xây dựng theo quy định của Luật Đầu tư công quyết định hình thức tổ chức quản lý thực hiện dự án phù hợp với yêu cầu quản lý, điều kiện cụ thể của dự án, quy định pháp luật chuyên ngành có liên quan như: Ban quản lý dự án, thuê tư vấn quản lý dự án, chủ đầu tư trực tiếp quản lý.

5. Đối với dự án không có cấu phần xây dựng sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài, hình thức tổ chức quản lý dự án thực hiện theo quy định của điều ước quốc tế về ODA hoặc thỏa thuận với nhà tài trợ. Trường hợp điều ước quốc tế về ODA hoặc thỏa thuận với nhà tài trợ không có quy định cụ thể thì việc tổ chức quản lý dự án được thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều này.

6. Đối với dự án khẩn cấp không có cấu phần xây dựng:

a) Cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư dự án quyết định việc tổ chức quản lý dự án khẩn cấp; tổ chức giám sát thực hiện và nghiệm thu bàn giao dự án hoàn thành phù hợp với quy định của pháp luật về đầu tư công và pháp luật khác có liên quan;

b) Cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư dự án có thể ủy quyền cho chủ đầu tư quyết định, chịu trách nhiệm về việc tổ chức quản lý thực hiện dự án từ giai đoạn lập dự án đến giai đoạn hoàn thành đưa dự án vào khai thác, sử dụng và chịu trách nhiệm về việc ủy quyền đó.

Điều 30. Thiết kế dự án

1. Cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư quyết định phương án thiết kế dự án bảo đảm hiệu quả quản lý thực hiện dự án. Cụ thể:

a) Thiết kế một bước là thiết kế chi tiết, gồm các tài liệu thể hiện bằng thuyết minh, sơ đồ, các mô tả nội dung thiết kế và các yêu cầu kỹ thuật cần đáp ứng khác;

b) Thiết kế hai bước gồm thiết kế cơ sở và thiết kế chi tiết. Thiết kế cơ sở gồm các tài liệu thể hiện bằng thuyết minh và các sơ đồ sơ bộ thiết kế hạ tầng kỹ thuật và các nội dung khác bảo đảm thể hiện được phương án thiết kế. Thiết kế bước sau phải phù hợp với các nội dung, thông số chủ yếu của thiết kế ở bước trước.

2. Nội dung phương án thiết kế dự án quy định tại khoản 1 Điều này thực hiện theo quy định pháp luật chuyên ngành.

3. Đối với dự án không có cấu phần xây dựng sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài, số bước thiết kế được áp dụng theo quy định của điều ước quốc tế về ODA hoặc thỏa thuận với nhà tài trợ. Trường hợp điều ước quốc tế về ODA hoặc thỏa thuận với nhà tài trợ không có quy định cụ thể thì số bước thiết kế được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 31. Nội dung và xác định tổng mức đầu tư của dự án

1. Sơ bộ tổng mức đầu tư dự án là ước tính chi phí đầu tư của dự án được xác định phù hợp với các nội dung của báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án nhóm A, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án nhóm B, C;

Sơ bộ tổng mức đầu tư của dự án được tính toán trên cơ sở quy mô, công suất hoặc năng lực phục vụ của dự án và suất vốn đầu tư (nếu có) hoặc dữ liệu chi phí của các dự án tương tự về loại, quy mô, tính chất dự án đã hoặc đang thực hiện, có điều chỉnh, bổ sung những chi phí cần thiết khác.

2. Tổng mức đầu tư dự án là toàn bộ chi phí đầu tư của dự án được xác định cụ thể phù hợp với thiết kế một bước hoặc thiết kế hai bước quy định tại khoản 1 Điều 30 Nghị định này và các nội dung khác của báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án;

3. Nội dung các chi phí của tổng mức đầu tư:

a) Chi phí chuẩn bị đầu tư;

b) Chi phí mua sắm tài sản, nhà cửa, đất đai;

c) Chi phí nguyên vật liệu, phụ tùng, chi tiết máy để thực hiện các dự án;

d) Chi phí thiết bị gồm chi phí mua sắm thiết bị và thiết bị công nghệ, chi phí đào tạo và chuyển giao công nghệ (nếu có), chi phí lắp đặt, thí nghiệm, hiệu chỉnh và các chi phí có liên quan khác;

đ) Chi phí tiền lương, tiền công để thực hiện dự án;

e) Chi phí vận chuyển, bảo hiểm, thuế và các loại phí, chi phí liên quan khác;

g) Chi phí tư vấn gồm chi phí tư vấn khảo sát, lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, lập báo cáo nghiên cứu khả thi, chi phí thiết kế, chi phí tư vấn giám sát dự án và các chi phí tư vấn khác liên quan (nếu có);

h) Chi phí dự phòng gồm chi phí dự phòng cho khối lượng công việc phát sinh và chi phí dự phòng cho yếu tố trượt giá trong thời gian thực hiện dự án;

i) Chi phí quản lý và các thành phần chi phí khác.

4. Cơ quan quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực quy định tiêu chuẩn, định mức, nội dung chi tiết và phương pháp xác định chi phí làm cơ sở xác định tổng mức đầu tư dự án thuộc ngành, lĩnh vực quản lý.

5. Phương pháp xác định một số khoản chi phí cụ thể trong tổng mức đầu tư dự án như sau:

a) Chi phí mua sắm tài sản, nhà cửa, đất đai được xác định trên cơ sở diện tích, công suất hoặc năng lực phục vụ theo thiết kế cơ sở và phù hợp với thời gian lập tổng mức đầu tư, địa điểm đầu tư dự án;

b) Chi phí nguyên vật liệu, phụ tùng, chi tiết máy (nếu có) để thực hiện dự án được tính toán trên cơ sở số lượng, chất lượng theo yêu cầu kỹ thuật và giá cả thị trường;

c) Chi phí thiết bị được xác định trên cơ sở số lượng, loại thiết bị hoặc hệ thống thiết bị theo phương án công nghệ, kỹ thuật và thiết bị được lựa chọn, giá cả thị trường và các chi phí khác có liên quan;

d) Chi phí tiền lương, tiền công căn cứ vào các tiêu chuẩn định mức, tiền lương, tiền công của người lao động theo quy định của pháp luật;

đ) Chi phí vận chuyển, bảo hiểm, thuế và các loại phí, chi phí khác có liên quan được tính theo quy định của pháp luật và giá cước vận chuyển;

e) Chi phí tư vấn được xác định theo công việc tư vấn của dự án tương tự đã thực hiện hoặc xác định bằng ước tính theo từng khoản chi cho việc tư vấn theo định mức (nếu có) hoặc giá cả thị trường;

g) Chi phí dự phòng cho công việc có thể phát sinh thêm và trượt giá trong thời gian triển khai thực hiện dự án được xác định bằng tỷ lệ phần trăm (%) trên tổng mức đầu tư và từng yếu tố chi phí cụ thể quy định tại khoản 3 Điều này;

h) Chi phí quản lý và chi phí khác được xác định theo quy định của pháp luật và đặc điểm, tổ chức quản lý của dự án.

Điều 32. Nội dung và xác định dự toán dự án

1. Dự toán dự án là toàn bộ chi phí cần thiết để thực hiện dự án được xác định ở giai đoạn thực hiện dự án phù hợp với Báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án và thiết kế dự án được duyệt; các yêu cầu công việc khác phải thực hiện.

2. Nội dung dự toán dự án là các chi phí quy định tại khoản 3 Điều 31 của Nghị định này.

3. Dự toán dự án được xác định trên cơ sở tính toán các khoản chi phí quy định tại khoản 3 Điều 31 của Nghị định này tại thời điểm lập dự toán dự án và theo các quy định về tiêu chuẩn, định mức, phương pháp do cơ quan có thẩm quyền ban hành.

Điều 33. Thẩm quyền thẩm định, phê duyệt thiết kế, dự toán dự án

1. Đối với dự án do bộ, cơ quan trung ương quản lý, đơn vị có chức năng được giao nhiệm vụ của bộ, cơ quan trung ương chủ trì tổ chức thẩm định thiết kế, dự toán đầu tư của dự án và trình cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư dự án phê duyệt đối với dự án thiết kế một bước. Chủ đầu tư phê duyệt thiết kế chi tiết và dự toán đối với trường hợp thiết kế hai bước. Việc phê duyệt thiết kế chi tiết và dự toán được thực hiện đồng thời, không tách riêng thiết kế chi tiết với dự toán.

2. Đối với dự án do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý, đơn vị có chức năng được giao nhiệm vụ chủ trì, phối hợp với sở quản lý chuyên ngành tổ chức thẩm định thiết kế, dự toán đầu tư của dự án và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc cơ quan được phân cấp hoặc ủy quyền quyết định đầu tư phê duyệt đối với dự án thiết kế một bước. Chủ đầu tư phê duyệt thiết kế chi tiết và dự toán đối với trường hợp thiết kế hai bước. Việc phê duyệt thiết kế chi tiết và dự toán được thực hiện đồng thời, không tách riêng thiết kế chi tiết với dự toán.

3. Đối với dự án do Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã quản lý và dự án được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp hoặc ủy quyền quyết định đầu tư, đơn vị có chức năng được giao nhiệm vụ thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã chủ trì thẩm định thiết kế, dự toán đầu tư của dự án trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp phê duyệt đối với dự án thiết kế một bước. Chủ đầu tư phê duyệt thiết kế chi tiết và dự toán đối với trường hợp thiết kế hai bước. Việc phê duyệt thiết kế chi tiết và dự toán được thực hiện đồng thời, không tách riêng thiết kế chi tiết với dự toán.

Điều 34. Trình tự, thủ tục và thời gian thẩm định thiết kế, dự toán dự án

1. Chủ đầu tư gửi hồ sơ thiết kế, dự toán dự án, giao cho đơn vị có chức năng được giao nhiệm vụ thẩm định theo nội dung quy định tại Điều 35 của Nghị định này.

2. Đơn vị có chức năng được giao nhiệm vụ thẩm định chủ trì, phối hợp cơ quan liên quan tổ chức thẩm định các nội dung của thiết kế, dự toán theo quy định tại các Điều 30, 32 của Nghị định này. Trong quá trình thẩm định, cơ quan chủ trì thẩm định được mời tổ chức, cá nhân có chuyên môn, kinh

nghiệm phù hợp tham gia thẩm định từng phần thiết kế, dự toán đầu tư của dự án để phục vụ công tác thẩm định của mình.

3. Thời gian thẩm định thiết kế, dự toán đầu tư của đơn vị có chức năng được giao nhiệm vụ thẩm định kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ như sau:

- a) Đối với dự án nhóm A: Không quá 40 ngày;
- b) Đối với dự án nhóm B: Không quá 30 ngày;
- c) Đối với dự án nhóm C: Không quá 20 ngày.

Điều 35. Nội dung thẩm định, phê duyệt thiết kế, dự toán dự án

1. Nội dung thẩm định thiết kế, dự toán dự án gồm các nội dung quy định tại các Điều 30, 32 của Nghị định này và các nội dung quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Nội dung phê duyệt thiết kế, dự toán dự án bao gồm:

- a) Các thông tin chung về dự án: Tên dự án, hạng mục dự án (nêu rõ nhóm dự án); chủ đầu tư, nhà thầu thiết kế đầu tư dự án; địa điểm đầu tư (nếu có);
- b) Quy mô, công nghệ, các thông số kỹ thuật và các chỉ tiêu kinh tế, kỹ thuật chủ yếu của dự án;
- c) Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và các tiêu chuẩn chủ yếu được áp dụng;
- d) Các giải pháp thiết kế chính của hạng mục dự án và toàn bộ dự án;
- đ) Dự toán đầu tư dự án;
- e) Những yêu cầu phải hoàn chỉnh bổ sung hồ sơ thiết kế và các nội dung khác (nếu có).

3. Thời gian phê duyệt thiết kế, dự toán dự án: Cấp có thẩm quyền phê duyệt thiết kế, dự toán dự án kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ như sau:

- a) Đối với dự án nhóm A: Không quá 15 ngày;
- b) Đối với dự án nhóm B: Không quá 10 ngày;
- c) Đối với dự án nhóm C: Không quá 5 ngày.

Điều 36. Hồ sơ thẩm định thiết kế và dự toán dự án

- 1. Tờ trình thẩm định thiết kế.
- 2. Thuyết minh thiết kế, các bản vẽ thiết kế (nếu có), các tài liệu khảo sát liên quan.

3. Bản sao quyết định chủ trương đầu tư dự án (trừ các dự án không phải phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư theo quy định tại khoản 6 Điều 19 Luật Đầu tư công) và quyết định đầu tư dự án kèm theo hồ sơ thiết kế được phê duyệt.

4. Báo cáo tổng hợp của chủ đầu tư về sự phù hợp của hồ sơ thiết kế so với quy định.

5. Dự toán đầu tư của dự án.

Điều 37. Nghiệm thu đưa dự án vào khai thác sử dụng

1. Dự án được đưa vào khai thác sử dụng khi đã đầu tư hoàn chỉnh theo thiết kế được duyệt, vận hành đúng yêu cầu kỹ thuật và nghiệm thu đạt yêu cầu chất lượng.

2. Tùy theo điều kiện cụ thể của từng dự án, có thể bàn giao từng hạng mục, dự án thành phần hoặc toàn bộ dự án hoàn thành để đưa vào khai thác, sử dụng.

3. Biên bản nghiệm thu bàn giao hạng mục dự án, dự án thành phần hoặc toàn bộ dự án hoàn thành là căn cứ để chủ đầu tư đưa dự án vào khai thác sử dụng và quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành theo quy định.

4. Các dự án hoàn thành phải thực hiện quyết toán dự án hoàn thành theo quy định.

5. Hồ sơ bàn giao dự án gồm: Hồ sơ hoàn thành dự án; tài liệu hướng dẫn sử dụng, vận hành; quy định bảo trì dự án.

6. Hồ sơ đầu tư dự án phải được nộp lưu trữ theo quy định của pháp luật về lưu trữ nhà nước.

Điều 38. Kết thúc đầu tư dự án

1. Kết thúc đầu tư dự án khi chủ đầu tư nhận bàn giao toàn bộ dự án và dự án hết thời gian bảo hành theo quy định.

2. Trước khi bàn giao dự án, nhà thầu phải di chuyển hết tài sản của mình (nếu có) ra khỏi khu vực thi công.

Điều 39. Vận hành dự án

1. Sau khi nhận bàn giao dự án, chủ đầu tư hoặc tổ chức được giao quản lý sử dụng dự án có trách nhiệm vận hành, khai thác đảm bảo hiệu quả dự án theo đúng mục đích và các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật đã được phê duyệt.

2. Chủ đầu tư hoặc tổ chức được giao quản lý sử dụng dự án có trách nhiệm thực hiện duy tu, bảo dưỡng, bảo trì dự án theo quy định.

Chương V

LẬP, THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT VÀ GIAO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VÀ HẰNG NĂM VỐN TỪ NGUỒN THU HỢP PHÁP CỦA CÁC CƠ QUAN NHÀ NƯỚC, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP DÀNH ĐỂ ĐẦU TƯ

Điều 40. Lập kế hoạch đầu tư trung hạn vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư

1. Căn cứ chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ theo quy định tại Điều 59 của Luật Đầu tư công, bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hướng dẫn các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng vốn từ nguồn thu hợp pháp dành để đầu tư lập kế hoạch đầu tư trung hạn, báo cáo bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp trực tiếp quản lý để tổng hợp, báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính để tổng hợp, báo cáo Chính phủ, Quốc hội.

2. Các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập tổ chức lập kế hoạch đầu tư trung hạn vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư với các nội dung:

a) Tình hình triển khai và kết quả thực hiện kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn trước;

b) Mục tiêu, định hướng cơ cấu đầu tư trong kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn tiếp theo;

c) Khả năng huy động và cân đối vốn từ nguồn thu hợp pháp dành để đầu tư của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập; dự kiến tổng số vốn đầu tư để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, bao gồm vốn thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư, thực hiện dự án, hoàn trả các khoản ứng trước, hoàn trả các khoản vốn vay đến hạn thanh toán;

d) Tổng mức vốn kế hoạch đầu tư trung hạn của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quản lý, trong đó làm rõ mức vốn của từng cơ quan trung ương, đơn vị sự nghiệp công lập;

đ) Nguyên tắc, tiêu chí phân bổ vốn trong kế hoạch đầu tư trung hạn;

e) Danh mục dự án đầu tư theo thứ tự ưu tiên phù hợp với khả năng cân đối vốn và tiến độ thực hiện dự án;

g) Dự kiến kết quả đạt được.

Điều 41. Lập, thẩm định, phê duyệt và giao kế hoạch đầu tư hằng năm vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư

1. Căn cứ quy định của Thủ tướng Chính phủ theo quy định tại Điều 60 của Luật Đầu tư công, bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hướng dẫn các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng vốn từ nguồn thu hợp pháp dành để đầu tư lập kế hoạch đầu tư hằng năm trình bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân các cấp trực tiếp quản lý xem xét, quyết định. Nội dung báo cáo kế hoạch đầu tư hằng năm sử dụng vốn từ nguồn thu hợp pháp dành để đầu tư theo quy định tại Điều 50 của Luật Đầu tư công;

Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm tổng hợp kế hoạch đầu tư hằng năm vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính trước ngày 31 tháng 7 năm trước năm kế hoạch để tổng hợp, báo cáo Chính phủ, Quốc hội.

2. Người đứng đầu bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân các cấp thành lập Hội đồng thẩm định hoặc giao cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư công thẩm định báo cáo kế hoạch đầu tư hằng năm của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;

3. Căn cứ ý kiến thẩm định quy định tại khoản 2 Điều này, cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập hoàn thiện báo cáo kế hoạch đầu tư hằng năm; trình bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân các cấp xem xét, quyết định.

4. Người đứng đầu bộ, cơ quan trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp quyết định phê duyệt, giao kế hoạch đầu tư hằng năm vốn từ nguồn thu hợp pháp dành để đầu tư của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, bao gồm tổng số vốn và danh mục các dự án đầu tư; quyết định điều chỉnh kế hoạch đầu tư hằng năm khi có nhu cầu, bảo đảm phù hợp với khả năng thực tế theo quy định của pháp luật về đầu tư công và pháp luật có liên quan.

5. Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổng hợp phương án phân bổ chi tiết kế hoạch đầu tư hằng năm vốn từ nguồn thu hợp pháp của các

cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính trước ngày 31 tháng 12 năm trước năm kế hoạch.

Chương VI

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC THỰC HIỆN ĐẦU TƯ ĐỐI VỚI ĐỐI TƯỢNG CẤP BÙ LÃI SUẤT TÍN DỤNG ƯU ĐÃI, PHÍ QUẢN LÝ; CẤP VỐN ĐIỀU LỆ CHO CÁC NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH, QUỸ TÀI CHÍNH NHÀ NƯỚC NGOÀI NGÂN SÁCH; HỖ TRỢ ĐẦU TƯ CHO CÁC ĐỐI TƯỢNG CHÍNH SÁCH KHÁC THEO QUYẾT ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ HOẶC QUYẾT ĐỊNH CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Điều 42. Trình tự, thủ tục thực hiện đầu tư công trung hạn cấp vốn điều lệ, cấp bù lãi suất tín dụng ưu đãi và phí quản lý của các ngân hàng chính sách

1. Nội dung báo cáo kế hoạch đầu tư công trung hạn cấp vốn điều lệ, cấp bù lãi suất tín dụng ưu đãi và phí quản lý của các ngân hàng chính sách:

a) Tình hình triển khai và kết quả thực hiện kế hoạch vốn tín dụng đầu tư, vốn tín dụng chính sách của ngân hàng chính sách giai đoạn trước;

b) Mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội; định hướng phát triển, chương trình tín dụng chính sách được nhà nước giao, chiến lược phát triển của ngân hàng chính sách trong trung hạn, dự kiến kế hoạch tín dụng ưu đãi trong giai đoạn tiếp theo;

c) Khả năng huy động vốn và cân đối nguồn để thực hiện nguồn vốn tín dụng đầu tư, vốn tín dụng chính sách thực hiện trong trung hạn;

d) Tổng mức vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách nhà nước bao gồm vốn điều lệ, cấp bù lãi suất tín dụng ưu đãi và phí quản lý của các ngân hàng chính sách giai đoạn trước;

đ) Nguyên tắc, tiêu chí phân bổ vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn cấp vốn điều lệ, cấp bù lãi suất tín dụng ưu đãi và phí quản lý;

e) Các nhiệm vụ thực hiện tín dụng đầu tư, tín dụng chính sách được nhà nước giao trong trung hạn phù hợp với khả năng cân đối vốn đầu tư công và

khả năng huy động các nguồn vốn hợp pháp khác để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ;

g) Giải pháp điều hành, tổ chức thực hiện và dự kiến kết quả đạt được.

2. Các ngân hàng chính sách tổng hợp báo cáo dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn cấp vốn điều lệ, cấp bù lãi suất tín dụng ưu đãi và phí quản lý theo các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính.

3. Trình tự lập, phê duyệt, giao kế hoạch đầu tư công trung hạn cấp vốn điều lệ, cấp bù lãi suất tín dụng ưu đãi và phí quản lý của các ngân hàng chính sách được thực hiện theo quy định tại Điều 59 của Luật Đầu tư công.

Điều 43. Trình tự, thủ tục thực hiện kế hoạch đầu tư công hằng năm cấp vốn điều lệ, cấp bù lãi suất tín dụng ưu đãi và phí quản lý của các ngân hàng chính sách

1. Nội dung báo cáo kế hoạch đầu tư công hằng năm cấp vốn điều lệ, cấp bù lãi suất tín dụng ưu đãi và phí quản lý của các ngân hàng chính sách:

a) Tình hình và kết quả thực hiện kế hoạch vốn tín dụng đầu tư, tín dụng chính sách năm trước của các ngân hàng chính sách;

b) Tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công năm trước của các ngân hàng chính sách;

c) Kế hoạch đầu tư công trung hạn cấp vốn điều lệ, cấp bù lãi suất tín dụng ưu đãi và phí quản lý của các ngân hàng chính sách;

d) Định hướng, chiến lược phát triển của các ngân hàng chính sách trong năm kế hoạch;

đ) Dự kiến kế hoạch vốn tín dụng ưu đãi;

e) Các nhiệm vụ thực hiện trong năm kế hoạch phù hợp với khả năng cân đối vốn đầu tư công và khả năng huy động các nguồn vốn hợp pháp khác;

g) Nhu cầu vốn ngân sách nhà nước trong năm kế hoạch;

h) Giải pháp điều hành, tổ chức thực hiện và kết quả dự kiến đạt được.

2. Các ngân hàng chính sách tổng hợp báo cáo dự kiến kế hoạch đầu tư công hằng năm cấp vốn điều lệ, cấp bù lãi suất tín dụng ưu đãi và phí quản lý theo các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính.

3. Trình tự lập, phê duyệt, giao kế hoạch đầu tư công hằng năm cấp vốn điều lệ, cấp bù lãi suất tín dụng ưu đãi và phí quản lý của các ngân hàng chính sách được thực hiện theo quy định tại Điều 60 của Luật Đầu tư công.

Điều 44. Cấp bù lãi suất đối với các ngân hàng thương mại

1. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chịu trách nhiệm tổng hợp nhu cầu cấp bù lãi suất của các ngân hàng thương mại thực hiện các chính sách được cấp có thẩm quyền quyết định trong kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm, lập báo cáo và gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính.

2. Trình tự lập kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam báo cáo được thực hiện theo quy định tại các Điều 59, 60 của Luật Đầu tư công.

Điều 45. Trình tự, thủ tục thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn cấp vốn điều lệ của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách

1. Nội dung báo cáo kế hoạch đầu tư công trung hạn cấp vốn điều lệ của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách:

a) Tình hình triển khai và kết quả quản lý, sử dụng vốn điều lệ tại quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách trong giai đoạn trước;

b) Định hướng, mục tiêu, nhiệm vụ chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, phát triển ngành, lĩnh vực có liên quan;

c) Quy mô vốn điều lệ của các quỹ, đánh giá sự cần thiết đối với nhu cầu cấp vốn điều lệ tại quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách;

d) Dự kiến tổng mức vốn và cơ cấu nguồn lực, huy động các nguồn vốn hợp pháp khác để cấp vốn điều lệ cho quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách;

đ) Phân tích, đánh giá sơ bộ những ảnh hưởng, tác động đối với ngành, lĩnh vực khi vốn điều lệ được cấp, tính toán hiệu quả kinh tế - xã hội;

e) Giải pháp thực hiện và dự kiến kết quả đạt được.

2. Trình tự lập báo cáo kế hoạch đầu tư công trung hạn cấp vốn điều lệ của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách:

a) Căn cứ chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ theo quy định tại Điều 59 của Luật Đầu tư công, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách lập kế hoạch đầu tư công trung hạn cấp vốn điều lệ, báo cáo cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư công của bộ, cơ quan trung ương, địa phương được giao là đơn vị chủ quản của quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách xem xét;

b) Cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư công của bộ, cơ quan trung ương, địa phương có trách nhiệm hoàn chỉnh báo cáo kế hoạch đầu tư công trung hạn cấp vốn điều lệ cho quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách trực thuộc theo các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này, tổng hợp vào kế hoạch đầu tư công trung hạn của bộ, cơ quan trung ương và địa phương gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính.

3. Trình tự lập kế hoạch đầu tư công trung hạn cấp vốn điều lệ của quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách thực hiện theo quy định tại Điều 59 của Luật Đầu tư công.

Điều 46. Trình tự, thủ tục thực hiện kế hoạch đầu tư công hằng năm cấp vốn điều lệ của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách

1. Nội dung báo cáo kế hoạch đầu tư công hằng năm cấp vốn điều lệ của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách:

a) Tình hình và kết quả quản lý, sử dụng vốn điều lệ năm trước năm kế hoạch của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách;

b) Định hướng trong năm kế hoạch để cấp vốn điều lệ, nhu cầu vốn điều lệ của quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách;

c) Dự kiến tổng mức vốn và cơ cấu nguồn lực, huy động các nguồn vốn hợp pháp khác để cấp vốn điều lệ;

d) Phân tích, đánh giá sơ bộ những ảnh hưởng, tác động đối với ngành, lĩnh vực khi vốn điều lệ được cấp, tính toán hiệu quả đầu tư về mặt kinh tế - xã hội;

đ) Giải pháp điều hành, tổ chức thực hiện và dự kiến kết quả đạt được.

2. Trình tự lập báo cáo thực hiện kế hoạch đầu tư công hằng năm cấp vốn điều lệ của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách:

a) Căn cứ kế hoạch đầu tư công trung hạn được cấp có thẩm quyền phê duyệt, quy định của Thủ tướng Chính phủ theo quy định tại Điều 60 của Luật Đầu tư công, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách lập kế hoạch đầu tư công cấp vốn điều lệ hằng năm, báo cáo cơ quan chuyên môn quản lý về đầu tư công của bộ, cơ quan trung ương, địa phương được giao là đơn vị chủ quản của quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách xem xét;

b) Cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư công của bộ, cơ quan trung ương, địa phương có trách nhiệm hoàn chỉnh báo cáo kế hoạch đầu tư công hằng năm cấp vốn điều lệ cho quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách trực thuộc theo các

nội dung quy định tại khoản 1 Điều này, tổng hợp vào kế hoạch đầu tư công hằng năm của bộ, cơ quan trung ương và địa phương gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính.

3. Trình tự lập kế hoạch đầu tư công hằng năm cấp vốn điều lệ của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách được thực hiện theo quy định tại Điều 60 của Luật Đầu tư công.

Điều 47. Hỗ trợ đầu tư cho các đối tượng khác theo quyết định của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ

1. Căn cứ nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao, bộ, cơ quan trung ương, địa phương tổ chức lập, thẩm định, trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ quyết định hỗ trợ đầu tư cho các đối tượng khác, bao gồm cơ chế hỗ trợ sử dụng vốn đầu tư công cho các đối tượng khác.

2. Trình tự lập, thẩm định báo cáo kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm đối với hỗ trợ đầu tư cho các đối tượng theo Nghị định của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ:

a) Căn cứ chỉ thị, quy định của Thủ tướng Chính phủ theo quy định tại các Điều 59, 60 của Luật Đầu tư công; cơ quan chủ trì thực hiện chính sách lập kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm hỗ trợ đầu tư cho các đối tượng chính sách theo quyết định của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm; gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính;

b) Trình tự lập kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm hỗ trợ đầu tư cho các đối tượng chính sách theo quyết định của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ thực hiện theo quy định tại các Điều 59, 60 của Luật Đầu tư công.

Chương VII

LẬP, PHÊ DUYỆT, GIAO, TRIỂN KHAI THỰC HIỆN VÀ THEO DÕI, KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG

Điều 48. Trình tự lập, phê duyệt, giao kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước

1. Trước ngày 15 tháng 6 năm thứ tư của kế hoạch đầu tư công trung hạn, Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính Thủ tướng Chính phủ ban hành chỉ thị về việc lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau.

2. Trước ngày 01 tháng 7 năm thứ tư của kế hoạch đầu tư công trung hạn, Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính báo cáo Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội phê duyệt nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn sau.

3. Căn cứ quy định của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ, bộ, cơ quan trung ương có trách nhiệm:

a) Giao cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư công hướng dẫn các cơ quan, đơn vị trực thuộc lập nhu cầu kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau chi tiết theo từng nguồn vốn, mức vốn cho từng chương trình, nhiệm vụ, dự án;

b) Tổng hợp nhu cầu kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau nguồn vốn, mức vốn cho từng chương trình, nhiệm vụ, dự án, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính theo tiến độ theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

4. Căn cứ quy định của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm:

a) Hướng dẫn cho các cơ quan, đơn vị ở địa phương lập nhu cầu kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau;

b) Giao cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư công cấp tỉnh tổng hợp nhu cầu kế hoạch đầu tư công trung hạn cấp tỉnh giai đoạn sau chi tiết theo từng nguồn vốn, mức vốn cho từng chương trình, nhiệm vụ, dự án, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh cho ý kiến về nhu cầu kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau;

c) Tổng hợp nhu cầu kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau của cấp tỉnh, huyện, xã chi tiết theo từng nguồn vốn, mức vốn cho từng chương trình, nhiệm vụ, dự án, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính theo tiến độ theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

5. Trước ngày 15 tháng 12 năm thứ tư của kế hoạch đầu tư công trung hạn, Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính trình Chính phủ dự kiến khả năng cân đối ngân sách nhà nước cho chi đầu tư phát triển trong giai đoạn sau cho từng Bộ, cơ quan trung ương và địa phương, Thủ tướng Chính

phủ thông báo tổng mức vốn đầu tư công của giai đoạn sau cho các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương.

6. Trên cơ sở dự kiến khả năng cân đối ngân sách nhà nước cho chi đầu tư công trong giai đoạn sau đã được Chính phủ phê duyệt, bộ, cơ quan trung ương có trách nhiệm:

a) Thông báo dự kiến khả năng cân đối ngân sách nhà nước cho chi đầu tư công trong giai đoạn sau cho từng cơ quan, đơn vị trực thuộc làm cơ sở để lập dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau chi tiết theo từng nguồn vốn, mức vốn cho từng chương trình, nhiệm vụ, dự án thuộc phạm vi quản lý.

b) Giao cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư công tổng hợp dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau chi tiết theo từng nguồn vốn, mức vốn cho từng chương trình, nhiệm vụ, dự án và các nội dung theo quy định tại Điều 52 Luật Đầu tư công, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính trước ngày 31 tháng 8 năm thứ năm của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước.

7. Trên cơ sở dự kiến khả năng cân đối ngân sách nhà nước cho chi đầu tư công trong giai đoạn sau đã được Chính phủ phê duyệt, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm:

a) Thông báo dự kiến khả năng cân đối ngân sách nhà nước cho chi đầu tư công trong giai đoạn sau cho từng cơ quan, đơn vị trực thuộc và Ủy ban nhân dân các cấp làm cơ sở để lập dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau.

b) Giao cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư công cấp tỉnh tổng hợp dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn cấp tỉnh giai đoạn sau chi tiết theo từng nguồn vốn, mức vốn cho từng chương trình, nhiệm vụ, dự án, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh cho ý kiến trước 31 tháng 7 năm thứ năm của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước.

c) Giao Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã tổ chức lập dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau của cấp mình, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp cho ý kiến trước ngày 31 tháng 07 năm thứ năm của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước và hoàn thiện gửi Ủy ban nhân dân cấp trên theo quy định.

d) Tổng hợp dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau của cấp tỉnh, huyện, xã chi tiết theo từng nguồn vốn, mức vốn cho từng chương

trình, nhiệm vụ, dự án và các nội dung theo quy định tại Điều 52 Luật Đầu tư công, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính trước ngày 30 tháng 8 năm thứ năm của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước.

8. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan tổng hợp, trình Chính phủ trình Quốc hội tại kỳ họp cuối năm của năm thứ năm nhiệm kỳ Quốc hội về dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau để Quốc hội cho ý kiến về các nội dung theo quy định tại Điều 52 của Luật Đầu tư công.

9. Trên cơ sở ý kiến của Quốc hội tại cuối năm của năm thứ năm nhiệm kỳ Quốc hội, các bộ, cơ quan trung ương có trách nhiệm:

a) Giao cơ quan, đơn vị trực thuộc hoàn thiện kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau chi tiết theo từng nguồn vốn, mức vốn cho từng chương trình, nhiệm vụ, dự án thuộc phạm vi quản lý.

b) Giao cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư công tổng hợp kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau chi tiết theo từng nguồn vốn, mức vốn cho từng chương trình, nhiệm vụ, dự án và các nội dung theo quy định tại Điều 52 Luật Đầu tư công, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính trước ngày 15 tháng 3 năm thứ nhất của kế hoạch đầu tư công trung hạn.

10. Trên cơ sở ý kiến của Quốc hội tại cuối năm của năm thứ năm nhiệm kỳ Quốc hội, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm:

a) Giao cơ quan, đơn vị trực thuộc hoàn thiện kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau, gửi cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư công cấp tỉnh tổng hợp kế hoạch đầu tư công trung hạn cấp tỉnh giai đoạn sau chi tiết theo từng nguồn vốn, mức vốn cho từng chương trình, nhiệm vụ, dự án, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phê duyệt trước ngày 10 tháng 3 năm thứ nhất của kế hoạch đầu tư công trung hạn.

b) Giao Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã hoàn thiện kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau của cấp mình, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp phê duyệt trước ngày 10 tháng 3 năm thứ nhất của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau và gửi Ủy ban nhân dân cấp trên theo quy định.

c) Tổng hợp kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau của cấp tỉnh, huyện, xã chi tiết theo từng nguồn vốn, mức vốn cho từng chương trình, nhiệm vụ, dự án và các nội dung theo quy định tại Điều 52 Luật Đầu tư công, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính trước ngày 15 tháng 3 năm thứ nhất của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau.

11. Tại kỳ họp thứ nhất của Quốc hội khóa mới, Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan trình Chính phủ đề trình Quốc hội khóa mới xem xét, quyết định kế hoạch đầu tư công trung hạn.

Điều 49. Trình tự lập, thẩm định kế hoạch đầu tư công hằng năm

1. Trước ngày 15 tháng 5 hằng năm, Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định về việc lập kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm sau, bao gồm mục tiêu, định hướng chủ yếu và giao nhiệm vụ triển khai xây dựng kế hoạch đầu tư công năm sau.

2. Trước ngày 15 tháng 6 hằng năm, Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và mục tiêu, yêu cầu, nội dung, thời gian, tiến độ lập kế hoạch đầu tư công năm sau.

3. Trước ngày 30 tháng 6 hằng năm, các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương hướng dẫn cơ quan, đơn vị cấp dưới lập kế hoạch đầu tư công năm sau.

4. Trước ngày 30 tháng 7 hằng năm, bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổng hợp nhu cầu kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước hằng năm, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính.

5. Trước ngày 15 tháng 8 hằng năm, Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư trình Chính phủ dự kiến khả năng thu, chi ngân sách nhà nước và chi đầu tư phát triển vốn ngân sách nhà nước kế hoạch năm sau.

6. Tại kỳ họp cuối năm của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp trình Hội đồng nhân dân cùng cấp kế hoạch đầu tư công năm sau, bao gồm danh mục và mức vốn bố trí cho từng dự án.

7. Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm tổng hợp kế hoạch đầu tư công hằng năm, bao gồm danh mục và mức vốn bố trí cho từng dự án, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 01 tháng 9 hằng năm.

8. Trước ngày 20 tháng 9 hằng năm, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp kế hoạch đầu tư công năm sau của quốc gia báo cáo Chính phủ.

Điều 50. Thời gian bố trí vốn thực hiện dự án

1. Thời gian bố trí vốn thực hiện dự án và việc gia hạn thực hiện thời gian bố trí vốn thực hiện dự án thực hiện theo quy định tại Điều 57 Luật Đầu tư công.

2. Trường hợp dự án đã được cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư dự án hoặc cấp quyết định đầu tư đối với dự án thực hiện Chương trình

mục tiêu quốc gia quyết định gia hạn thời gian bố trí vốn thực hiện dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C không quá 01 năm, riêng dự án nhóm A có tổng mức đầu tư từ 10.000 tỷ đồng đến dưới 30.000 tỷ đồng không quá 02 năm nhưng vẫn tiếp tục có nhu cầu gia hạn thời gian bố trí vốn thực hiện dự án quá thời gian nêu trên thì các Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Thủ tướng Chính phủ đối với các dự án sử dụng vốn ngân sách trung ương, Ủy ban nhân dân các cấp báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp đối với các dự án sử dụng toàn bộ vốn ngân sách địa phương xem xét, quyết định gia hạn thời gian bố trí vốn của các dự án phải bảo đảm các yêu cầu sau:

a) Giải trình sự cần thiết phải gia hạn thời gian bố trí vốn, bảo đảm dự án đề xuất kéo dài thời gian bố trí vốn không còn vướng mắc, có thể thực hiện và hoàn thành giải ngân vốn trong thời hạn đề xuất kéo dài thời gian bố trí vốn.

b) Có phương án bảo đảm bố trí đủ vốn ngân sách nhà nước trong tổng mức đầu tư và kế hoạch vốn ngân sách nhà nước theo từng nguồn vốn ngân sách trung ương và ngân sách địa phương của dự án.

Điều 51. Trách nhiệm, thẩm quyền và biện pháp tổ chức, điều hành kế hoạch đầu tư công

1. Bộ, cơ quan trung ương và địa phương chịu trách nhiệm hoàn thành việc phân bổ chi tiết kế hoạch vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước hằng năm, danh mục và mức vốn bố trí của từng dự án từng nhiệm vụ, dự án trước ngày 31 tháng 12 năm trước năm kế hoạch; báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính kết quả phân bổ chi tiết kế hoạch trước ngày 10 tháng 01 năm kế hoạch.

2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư thực hiện rà soát báo cáo phân bổ kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước của bộ, cơ quan trung ương và địa phương. Trường hợp phát hiện việc phân bổ không đúng tổng mức và chi tiết theo từng lĩnh vực, nhiệm vụ của kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước đã được giao; không bảo đảm các yêu cầu theo quy định về pháp luật đầu tư công, có ý kiến bằng văn bản cho bộ, cơ quan trung ương và địa phương chậm nhất sau 15 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo phân bổ của bộ, cơ quan trung ương và địa phương, đồng gửi Bộ Tài chính, Kho bạc Nhà nước để kiểm soát chi.

3. Trường hợp bộ, cơ quan trung ương và địa phương không phân bổ hết số vốn kế hoạch được giao, Bộ Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định thu hồi, điều chuyển cho bộ, cơ quan trung ương và địa phương khác có nhu cầu trước ngày 30 tháng 6 năm kế hoạch.

4. Người đứng đầu bộ, cơ quan trung ương, địa phương chịu trách nhiệm chỉ đạo, điều hành các giải pháp đẩy nhanh tiến độ giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công hằng năm, bảo đảm giải ngân hết kế hoạch vốn được giao theo quy định của Luật Đầu tư công.

Trường hợp không giải ngân hết kế hoạch đầu tư vốn ngân sách trung ương được giao hằng năm, không được phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn sang kế hoạch năm sau, các bộ, cơ quan trung ương và địa phương chịu trách nhiệm bố trí đủ vốn trong kế hoạch đầu tư vốn ngân sách trung ương các năm tiếp theo để hoàn thành nhiệm vụ, dự án đúng tiến độ, không để phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản.

Điều 52. Báo cáo tình hình thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công

1. Bộ, cơ quan trung ương và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo chi tiết tình hình thực hiện và giải ngân lũy kế số vốn được giao trong kế hoạch đầu tư công trung hạn và tình hình thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công hằng năm gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính như sau:

a) Trước ngày 31 tháng 7 năm thứ ba của kế hoạch đầu tư công trung hạn, báo cáo tình hình thực hiện và giải ngân lũy kế số vốn được giao trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giữa kỳ tính đến hết quý II năm thứ ba của kế hoạch đầu tư công trung hạn;

b) Trước ngày 31 tháng 7 năm thứ năm của kế hoạch đầu tư công trung hạn, báo cáo ước tình hình thực hiện và giải ngân lũy kế số vốn được giao trong kế hoạch đầu tư công trung hạn tính đến hết năm cuối của kế hoạch đầu tư công trung hạn trước ngày 31 tháng 7 năm thứ năm của kế hoạch đầu tư công trung hạn;

c) Tình hình thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công hằng năm:

- Trước ngày 15 hằng tháng, báo cáo ước tình hình giải ngân cả tháng và kết quả giải ngân tháng trước;

- Trước ngày 10 tháng đầu tiên các quý, báo cáo kết quả giải ngân quý trước;

- Trước ngày 10 tháng 7 năm kế hoạch, báo cáo chi tiết lũy kế giải ngân của các dự án trong 6 tháng đầu năm;

- Trước ngày 28 tháng 2 năm sau năm kế hoạch, báo cáo chi tiết số thực tế giải ngân của các dự án của cả năm kế hoạch và số vốn của các dự án được phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm sau năm kế hoạch;

Riêng đối với kế hoạch vốn đầu tư công thuộc chương trình mục tiêu quốc gia, chỉ báo cáo theo tổng số từng nguồn vốn của từng chương trình;

d) Tình hình điều chỉnh kế hoạch đầu tư công hằng năm nguồn ngân sách trung ương trong nội bộ của bộ, cơ quan trung ương và địa phương ngay sau khi có quyết định điều chỉnh;

đ) Các thông tin khác phục vụ cho việc lập, theo dõi và đánh giá kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm của quốc gia, của bộ, cơ quan trung ương và địa phương;

e) Bộ Tài chính quy định về chế độ và biểu mẫu báo cáo tình hình thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn và hằng năm.

2. Bộ Tài chính định kỳ báo cáo Thủ tướng Chính phủ, đồng thời gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

a) Hằng tháng, hằng quý, hằng năm, giữa kỳ và cả giai đoạn 5 năm báo cáo tình hình giải ngân lũy kế số vốn được giao trong kế hoạch vốn đầu tư trung hạn và tình hình thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công hằng năm vốn ngân sách nhà nước;

b) Định kỳ 6 tháng, hằng năm, giữa kỳ và cả giai đoạn 5 năm báo cáo chi tiết giải ngân kế hoạch vốn đầu tư các dự án sử dụng vốn ngân sách trung ương. Riêng đối với kế hoạch vốn đầu tư công thuộc chương trình mục tiêu quốc gia, chỉ báo cáo theo tổng số vốn của từng chương trình.

3. Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổ chức công khai thông tin tình hình giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước hằng tháng của bộ, cơ quan trung ương và địa phương trên các phương tiện thông tin đại chúng.

4. Việc báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm của các cấp, các ngành ở địa phương thực hiện theo quy định sau:

a) Cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư công trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quy định việc báo cáo, cung cấp thông tin và thời gian báo cáo kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm của sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp dưới phù hợp với các quy định theo dõi, đánh giá kế hoạch, chương trình, dự án sử dụng vốn đầu tư công trung hạn và hằng năm của Luật Đầu tư công, các quy định tại Nghị định này và yêu cầu quản lý, điều hành kế hoạch đầu tư công của địa phương;

b) Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp dưới thực hiện chế độ báo cáo, cung cấp thông tin theo quy định tại điểm a khoản này.

Điều 53. Trình tự, thủ tục điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm vốn ngân sách nhà nước

1. Người đứng đầu bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ sự cần thiết, yêu cầu về tiến độ thực hiện và giải ngân các dự án, giao cơ quan chuyên môn quản lý về đầu tư công rà soát, đề xuất phương án điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm vốn ngân sách trung ương của cơ quan, địa phương mình, trình cấp có thẩm quyền quyết định theo quy định tại Điều 71 của Luật Đầu tư công.

2. Ủy ban nhân dân các cấp căn cứ sự cần thiết, yêu cầu về tiến độ thực hiện và giải ngân các dự án, giao cơ quan chuyên môn quản lý về đầu tư công rà soát, đề xuất phương án điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm vốn ngân sách địa phương, trình cấp có thẩm quyền quyết định theo quy định tại Điều 71 của Luật Đầu tư công.

3. Thời gian điều chỉnh kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước hằng năm giữa các dự án trong nội bộ của bộ, cơ quan trung ương và địa phương trước ngày 15 tháng 11 năm kế hoạch.

Điều 54. Nguyên tắc theo dõi và đánh giá kế hoạch đầu tư công

1. Nguyên tắc theo dõi kế hoạch đầu tư công:

a) Theo dõi, cập nhật có hệ thống các thông tin, số liệu liên quan đến việc tổ chức, triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công, gồm cả việc theo dõi chương trình, dự án trong kế hoạch đầu tư công đã được phê duyệt;

b) Bảo đảm phản ánh chính xác, đầy đủ và trung thực các thông tin, số liệu và tình hình, kết quả triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công.

2. Nguyên tắc đánh giá kế hoạch đầu tư công:

a) Căn cứ vào mục tiêu, nhiệm vụ của kế hoạch đầu tư công đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Đánh giá hiệu quả kinh tế, xã hội theo mục tiêu đề ra trong quyết định chủ trương đầu tư và quyết định đầu tư của chương trình, dự án;

c) Bảo đảm tính khách quan, công khai, minh bạch và tăng cường trách nhiệm giải trình trong đánh giá kế hoạch đầu tư công;

d) Phối hợp chặt chẽ với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp và cộng đồng dân cư trong đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công.

Điều 55. Theo dõi, kiểm tra, đánh giá thực hiện kế hoạch đầu tư công

1. Theo dõi, kiểm tra thực hiện kế hoạch đầu tư công:

a) Theo dõi, kiểm tra việc lập, thẩm định, phê duyệt, giao và thực hiện kế hoạch đầu tư công thực hiện theo quy định tại Điều 73 của Luật Đầu tư công;

b) Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp Bộ Tài chính hướng dẫn bộ, cơ quan trung ương và địa phương theo dõi, kiểm tra kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm theo quy định pháp luật về đầu tư công;

c) Bộ, cơ quan trung ương căn cứ hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổ chức theo dõi tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm, bao gồm chi tiết tình hình thực hiện và giải ngân các dự án đầu tư thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm của bộ, cơ quan trung ương quản lý;

d) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, tổ chức và hướng dẫn các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp dưới theo dõi tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm, bao gồm chi tiết tình hình thực hiện và giải ngân các dự án đầu tư thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm của địa phương;

đ) Bộ Tài chính theo dõi và tổng hợp tình hình giải ngân các dự án đầu tư sử dụng vốn ngân sách nhà nước.

2. Đánh giá thực hiện kế hoạch đầu tư công:

a) Bộ, cơ quan trung ương và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm theo quy định tại Điều 74 của Luật Đầu tư công; định kỳ gửi báo cáo đánh giá tình hình thực hiện và kết quả đạt được, tồn tại, hạn chế của kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm đến Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

b) Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp các cơ quan liên quan báo cáo Thủ tướng Chính phủ các nội dung: Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn giữa kỳ vào năm thứ ba của kế hoạch đầu tư công trung hạn và cả giai đoạn vào năm cuối triển khai kế hoạch đầu tư công trung hạn; đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công hằng năm vào tháng 9 hằng năm và trước ngày 31 tháng 3 năm sau;

c) Ủy ban nhân dân các cấp tổ chức đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công theo hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Điều 56. Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về đầu tư công

1. Các quy định sử dụng chung:

a) Thông tin, dữ liệu được thu thập, lưu trữ trong cơ sở dữ liệu quốc gia về đầu tư công là thông tin, dữ liệu, tài liệu gốc của các chương trình, dự án, kế hoạch đầu tư công. Trường hợp số liệu bản giấy và trên Hệ thống khác nhau thì thông tin trên Hệ thống là cơ sở để lập, thẩm định, giao, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm, báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công, theo dõi, đánh giá chương trình, dự án đầu tư công;

b) Dự án đầu tư công không được giải ngân nếu không có danh mục và số liệu giao kế hoạch hằng năm trên Hệ thống;

c) Tổ chức, cá nhân sử dụng Hệ thống chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu do cơ quan báo cáo, cập nhật trên Hệ thống;

d) Tổ chức, cá nhân sử dụng Hệ thống phải sử dụng chữ ký số chuyên dùng Chính phủ trong việc xác nhận thông tin, dữ liệu cập nhật trên cơ sở dữ liệu quốc gia về đầu tư công, ký gửi báo cáo trên Hệ thống;

đ) Quy định tại Điều này không áp dụng đối với các dự án có yêu cầu bí mật Nhà nước.

2. Quy định về tài khoản sử dụng Hệ thống:

a) Tài khoản sử dụng được quản lý tập trung trên Hệ thống do Bộ Kế hoạch và Đầu tư xây dựng;

b) Tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến hoạt động đầu tư công, quản lý và sử dụng vốn đầu tư công được đăng ký tài khoản sử dụng Hệ thống. Bộ Kế hoạch và Đầu tư thực hiện cấp tài khoản dựa trên thông tin đăng ký và chức năng, nhiệm vụ của tổ chức, cá nhân tham gia Hệ thống;

c) Bộ, cơ quan trung ương và địa phương được cấp tài khoản sử dụng Hệ thống để theo dõi, cập nhật các thông tin liên quan đến chương trình, dự án, kế hoạch đầu tư công của cơ quan mình;

3. Các trình tự, thủ tục phải thực hiện trên Hệ thống bao gồm:

a) Lập, thẩm định, giao, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn;

b) Lập, giao, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công hằng năm;

c) Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công;

d) Theo dõi, đánh giá chương trình, dự án đầu tư công;

đ) Quản lý, lưu trữ, công khai dữ liệu theo quy định.

4. Chia sẻ và đồng bộ hóa dữ liệu

a) Bộ Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm chia sẻ và đồng bộ hóa thông tin về kế hoạch đầu tư công đã giao trên Hệ thống với Hệ thống TABMIS hoặc các hệ thống ứng dụng khác của Bộ Tài chính để cung cấp kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn và hằng năm của các dự án được kiểm soát, thanh toán qua Kho bạc Nhà nước, nhằm hỗ trợ cho việc kiểm soát chi của Kho bạc Nhà nước;

b) Bộ Tài chính có trách nhiệm chia sẻ và đồng bộ hóa thông tin về giải ngân của từng dự án đầu tư được kiểm soát, thanh toán qua Kho bạc Nhà nước trên Hệ thống TABMIS hoặc các hệ thống ứng dụng khác của Bộ Tài chính và Hệ thống của Bộ Kế hoạch và Đầu tư để làm cơ sở báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công của bộ, cơ quan trung ương và địa phương.

Chương VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 57. Quy định chuyên tiếp

Dự án đã được phê duyệt quyết định đầu tư, sử dụng nguồn vốn khác ngoài nguồn vốn đầu tư công, nếu chuyển sang sử dụng vốn đầu tư công để thực hiện phải tiến hành phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư và phê duyệt lại quyết định đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư công và pháp luật liên quan.

Điều 58. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.
2. Đối với dự án không có cấu phần xây dựng, việc lập, thẩm định, phê duyệt, tổ chức quản lý thực hiện theo quy định tại Nghị định này và pháp luật chuyên ngành có liên quan.
3. Đối với các dự án thuộc lĩnh vực công nghệ thông tin sử dụng vốn ngân sách nhà nước, trình tự, thủ tục, hồ sơ lập, thẩm định, quyết định đầu tư và tổ chức quản lý thực hiện theo quy định của Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 82/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 về quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.
4. Đối với chương trình, dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài áp dụng quy định tại Nghị định này và quy định của

Chính phủ về quản lý và sử dụng nguồn vốn ODA và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài. Trường hợp có quy định khác nhau về cùng một nội dung áp dụng quy định của Chính phủ về quản lý và sử dụng nguồn vốn ODA và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài.

Điều 59. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thi hành nội dung quy định tại Điều 57 của Nghị định này.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan khác ở trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Thủ trưởng cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTT (2).

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**

Phạm Minh Chính

Phụ lục I
PHÂN LOẠI DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG
(Kèm theo Nghị định số /2024/NĐ-CP
ngày tháng 12 năm 2024 của Chính phủ)

TT	PHÂN LOẠI DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ
A	NHÓM A	
I	<p>PHÂN LOẠI DỰ ÁN NHÓM A THEO QUY ĐỊNH TẠI KHOẢN 1 ĐIỀU 9 CỦA LUẬT ĐẦU TƯ CÔNG</p> <p>1. Dự án quy định tại điểm a khoản 1 Điều 9 của Luật Đầu tư công bao gồm:</p> <p>a) Nhà máy sản xuất và kho chứa hóa chất nguy hiểm độc hại;</p> <p>b) Nhà máy sản xuất và kho chứa vật liệu nổ.</p> <p>2. Dự án quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 của Luật Đầu tư công là dự án đầu tư tổng thể hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao.</p> <p>Đối với dự án thành phần hoặc dự án đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt bằng một quyết định riêng trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, việc phân loại dự án theo tiêu chí quy định tại điểm 1 Mục này và các Mục II, III, IV, V Phần A và Phần B, C của Phụ lục này.</p>	Không phân biệt tổng mức đầu tư
II	<p>PHÂN LOẠI DỰ ÁN NHÓM A THEO QUY ĐỊNH TẠI KHOẢN 2 ĐIỀU 9 CỦA LUẬT ĐẦU TƯ CÔNG</p> <p>1. Dự án quy định tại điểm a khoản 2 Điều 9 của Luật Đầu tư công, bao gồm:</p> <p>a) Cầu đường bộ, cầu đường sắt, cầu bộ hành, cầu phao;</p> <p>b) Cảng biển quốc tế, cảng sông; cảng, bến thủy nội địa, gồm: cảng, bến hàng hóa; cảng, bến hành khách; bến cảng biển nội địa; nhà ga đường thủy; luồng đường thủy nội địa;</p> <p>c) Sân bay quốc tế; sân bay nội địa; nhà ga hàng không;</p> <p>d) Đường sắt cao tốc, đường sắt tốc độ cao và đường sắt quốc gia; đường sắt đô thị, đường sắt trên cao, đường tàu điện ngầm (Metro); đường sắt chuyên dụng, đường sắt địa phương, nhà ga đường sắt cao tốc và tốc độ cao;</p> <p>đ) Hàm đường ô tô; hầm đường sắt, hầm cho người đi bộ; hầm tàu điện ngầm;</p> <p>e) Đường ô tô cao tốc và đường quốc lộ.</p> <p>2. Dự án quy định tại điểm b khoản 2 Điều 9 của Luật Đầu tư công, bao gồm:</p>	Từ 4.600 tỷ đồng trở lên

<p>a) Nhà máy (trung tâm) nhiệt điện;</p> <p>b) Nhà máy thủy điện, hồ chứa nước của nhà máy thủy điện, đập các loại của công trình thủy điện; nhà máy thủy điện tích năng;</p> <p>c) Nhà máy điện gió (trang trại điện gió);</p> <p>d) Nhà máy điện mặt trời (trang trại điện mặt trời);</p> <p>đ) Nhà máy điện địa nhiệt;</p> <p>e) Nhà máy điện sử dụng năng lượng biển, như: thủy triều, sóng biển, dòng hải lưu,...;</p> <p>g) Nhà máy điện từ rác;</p> <p>h) Nhà máy điện sinh khối;</p> <p>i) Nhà máy điện khí biogas;</p> <p>k) Nhà máy phát điện khác;</p> <p>l) Đường dây và trạm biến áp.</p> <p>3. Dự án quy định tại điểm c khoản 2 Điều 9 của Luật Đầu tư công bao gồm:</p> <p>a) Giàn khoan thăm dò, khai thác dầu khí trên biển;</p> <p>b) Tuyến ống dẫn khí, dầu và các thiết bị phụ trợ để hút dầu.</p> <p>4. Dự án quy định tại điểm d khoản 2 Điều 9 của Luật Đầu tư công bao gồm:</p> <p>a) Nhà máy sản xuất hóa chất cơ bản, gồm: nhà máy sản xuất Amoniac, axit, xút, clo các loại; nhà máy sản xuất xô đa; nhà máy sản xuất các loại hóa chất vô cơ tinh và tinh khiết; nhà máy sản xuất que hàn; nhà máy sản xuất hóa chất khác, trừ các dự án quy định tại điểm 6 Mục III Phần A Phụ lục này;</p> <p>b) Nhà máy sản xuất hóa dầu;</p> <p>c) Nhà máy sản xuất phân bón;</p> <p>d) Nhà máy sản xuất xi măng.</p> <p>5. Dự án quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 9 của Luật Đầu tư công bao gồm:</p> <p>a) Nhà máy luyện kim màu;</p> <p>b) Nhà máy luyện, cán thép;</p> <p>c) Nhà máy cơ khí chế tạo máy động lực và máy công cụ các loại;</p> <p>d) Nhà máy chế tạo thiết bị công nghiệp và thiết bị toàn bộ;</p> <p>đ) Nhà máy chế tạo ô tô.</p> <p>6. Dự án quy định tại điểm e khoản 2 Điều 9 của Luật Đầu tư công bao gồm:</p> <p>a) Nhà máy sản xuất sản phẩm nguyên liệu mỏ hóa chất (tuyển quặng Apatit);</p>	
--	--

	<p>b) Nhà máy chọn rửa, tuyển than; c) Nhà máy tuyển quặng, làm giàu quặng; d) Nhà máy sản xuất alumin; đ) Mỏ khai thác vật liệu xây dựng; e) Dự án khai thác than, quặng; g) Nhà máy và dự án đầu tư khai thác, chế biến khoáng sản khác.</p> <p>7. Dự án quy định tại điểm g khoản 2 Điều 9 của Luật Đầu tư công bao gồm:</p> <p>a) Khu đô thị; b) Khu nhà ở chung cư.</p>	
<p>III</p>	<p>PHÂN LOẠI DỰ ÁN NHÓM A THEO QUY ĐỊNH TẠI KHOẢN 3 ĐIỀU 9 CỦA LUẬT ĐẦU TƯ CÔNG</p> <p>1. Dự án quy định tại điểm a khoản 3 Điều 9 của Luật Đầu tư công, bao gồm:</p> <p>a) Đường ô tô, đường trong đô thị (đường cao tốc đô thị, đường phố, đường gom), đường nông thôn, bển phà; b) Đường thủy trên sông, hồ, vịnh và đường ra đảo; kênh đào; c) Luồng tàu ở cửa biển, cửa vịnh hỏ, trên biển; d) Bến phà cảng ngoài đảo, bến cảng chuyên dụng, công trình trên biển (bến phao, đê thủy khí, bến cảng nổi đa năng,...); đ) Hệ thống phao báo hiệu hàng hải trên sông, trên biển; e) Đèn biển, đăng tiêu; g) Các dự án giao thông khác, trừ các dự án quy định tại điểm 1 Mục II Phần A của Phụ lục này.</p> <p>2. Dự án quy định tại điểm b khoản 3 Điều 9 của Luật Đầu tư công, bao gồm:</p> <p>a) Dự án đê sông, đê biển, đê cửa sông, đê bồi, đê bao và đê chuyên dùng; b) Công trình chính trị, bao gồm đê chắn sóng, đê chắn cát, kè hướng dòng, kè, bờ bao bảo vệ bờ,... ở cửa biển, ven biển và trong sông. c) Hồ chứa nước; hồ điều hòa; d) Nạo vét sông, hồ làm thông thoáng dòng chảy; các hệ thống dẫn, chuyển nước và điều tiết nước; đ) Trạm bơm; giếng; công trình lọc và xử lý nước; e) Các dự án thủy lợi chịu áp khác; g) Dự án cấp nguồn nước chưa xử lý cho các ngành sử dụng nước khác; h) Công trình cống, đập;</p>	<p>Từ 3.000 tỷ đồng trở lên</p>

i) Các công trình phụ trợ phục vụ quản lý, vận hành khai thác công trình thủy lợi.

k) Trạm quan trắc khí tượng thủy văn, hải văn, địa chấn, cảnh báo thiên tai; công trình đê điều, hồ đập, chống úng, chống hạn, chống sạt lở; khu neo đậu tránh trú bão cho tàu thuyền, nhà kết hợp sơ tán dân và công trình khác phục vụ phòng chống thiên tai.

3. Dự án quy định tại điểm c khoản 3 Điều 9 của Luật Đầu tư công, bao gồm:

a) Nhà máy nước; dự án xử lý nước sạch, bể chứa nước sạch, trừ dự án quy định tại điểm đ khoản 2 Mục này;

b) Trạm bơm (nước thô hoặc nước sạch), trạm bơm nước mưa, trừ dự án quy định tại điểm đ khoản 2 Mục này;

c) Tuyến ống cấp nước (nước thô hoặc nước sạch); tuyến cống thoát nước mưa, cống chung;

d) Dự án xử lý nước thải, trừ dự án xử lý nước thải tập trung nằm trong dự án tổng thể hạ tầng khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp;

đ) Tuyến cống thoát nước thải; trạm bơm nước thải;

e) Dự án xử lý bùn;

g) Dự án xử lý rác thải, gồm: trạm trung chuyển, bãi chôn lấp rác, nhà máy đốt, xử lý chế biến rác; khu xử lý chất thải rắn;

h) Dự án chiếu sáng công cộng;

i) Dự án công viên cây xanh;

k) Nghĩa trang;

l) Bãi đỗ xe ô tô, xe máy, gồm: bãi đỗ xe ngầm, bãi đỗ xe nổi;

m) Cống cáp; hào kỹ thuật, tuyen kỹ thuật;

n) Dự án mua sắm phương tiện, trang thiết bị chuyên dùng cho các cơ quan quản lý hành chính nhà nước, cơ quan quốc phòng, an ninh không có tính chất bảo mật quốc gia.

4. Dự án quy định tại điểm d khoản 3 Điều 9 của Luật Đầu tư công là dự án chế tạo máy móc kỹ thuật điện: máy phát điện, động cơ điện, máy biến thế, máy chỉnh lưu.

5. Dự án quy định tại điểm đ khoản 3 Điều 9 của Luật Đầu tư công, bao gồm:

a) Nhà máy lắp ráp điện tử, điện lạnh;

b) Nhà máy chế tạo linh kiện, phụ tùng thông tin và điện tử.

6. Dự án quy định tại điểm e khoản 3 Điều 9 của Luật Đầu tư công, bao gồm:

a) Nhà máy sản xuất sản phẩm tẩy rửa;

	<p>b) Nhà máy sản xuất hóa mỹ phẩm; c) Nhà máy sản xuất hóa dược (vi sinh), thuốc.</p> <p>7. Dự án quy định tại điểm g khoản 3 Điều 9 của Luật Đầu tư công, bao gồm: a) Nhà máy sản xuất các sản phẩm nhựa; b) Nhà máy sản xuất pin; c) Nhà máy sản xuất ốc quy; d) Nhà máy sản xuất sơn các loại, nguyên liệu nhựa alkyd, acrylic; đ) Nhà máy sản xuất săm lốp ô tô, máy kéo, mô tô, xe đạp; nhà máy sản xuất băng tải; nhà máy sản xuất cao su kỹ thuật; e) Dự án sản xuất vật liệu khác, trừ dự án quy định tại Điểm 4 Mục II Phần A của Phụ lục này.</p> <p>8. Dự án quy định tại điểm h khoản 3 Điều 9 của Luật Đầu tư công bao gồm: a) Nhà máy lắp ráp xe máy; b) Nhà máy sản xuất phụ tùng ô tô, xe máy, xe đạp; c) Dự án cơ khí khác, trừ các dự án quy định tại Điểm 5 Mục II Phần này của Phụ lục này.</p> <p>9. Dự án quy định tại điểm i khoản 3 Điều 9 của Luật Đầu tư công bao gồm: a) Tháp (cột) thu, phát sóng viễn thông; b) Tuyến cáp bê, tuyến cột, tuyến cáp viễn thông; c) Nhà phục vụ thông tin liên lạc, nhà bưu điện, nhà bưu cục, nhà lắp đặt thiết bị viễn thông; d) Dự án đầu tư trang thiết bị bưu chính, viễn thông.</p>	
IV	<p>PHÂN LOẠI DỰ ÁN NHÓM A THEO QUY ĐỊNH TẠI KHOẢN 4 ĐIỀU 9 CỦA LUẬT ĐẦU TƯ CÔNG</p> <p>1. Dự án theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 9 của Luật Đầu tư công, bao gồm: a) Trồng rừng phòng hộ đầu nguồn và trồng cây chắn sóng bảo vệ đê; xây dựng, tu bổ đê điều; b) Dự án bảo vệ và phát triển rừng, hạ tầng lâm sinh; c) Dự án sản xuất giống cây trồng, vật nuôi, giống cây lâm nghiệp và giống thủy sản; d) Hạ tầng sản xuất và phát triển nông, lâm nghiệp, diêm nghiệp và thủy sản. đ) Dự án định canh, định cư, di dời và ổn định dân cư ra khỏi khu vực thường xuyên xảy ra thiên tai. e) Dự án hạ tầng phục vụ hoạt động khai thác khai thác muối mỏ, đập vụn muối và sàng muối; Sản xuất muối từ nước biển,</p>	<p>Từ 2.000 tỷ đồng trở lên</p>

	<p>nước mặn ở hồ hoặc nước mặn tự nhiên khác; Nghiền, tẩy rửa và tinh chế muối phục vụ cho sản xuất.</p> <p>2. Dự án quy định tại điểm b khoản 4 Điều 9 của Luật Đầu tư công, bao gồm:</p> <p>a) Dự án bảo vệ và phát triển rừng tại vườn quốc gia;</p> <p>b) Dự án bảo vệ khu bảo tồn thiên nhiên; các khu bảo tồn biển và khu bảo tồn vùng nước nội địa;</p> <p>c) Dự án bảo vệ và bảo tồn động, thực vật hoang dã; dự án bảo tồn và lưu giữ nguồn gen quý hiếm, trung tâm cứu hộ động vật hoang dã;</p> <p>d) Dự án xây dựng công viên động vật hoang dã.</p> <p>3. Dự án quy định tại điểm c khoản 4 Điều 9 của Luật Đầu tư công là dự án tổng thể hạ tầng kỹ thuật của cả khu đô thị mới. Đối với các dự án thành phần hoặc dự án đầu tư hạ tầng được cấp có thẩm quyền phê duyệt bằng một quyết định đầu tư riêng trong khu đô thị mới (trừ các dự án quy định tại điểm 3 Mục III Phần A của Phụ lục này), việc phân nhóm dự án theo tiêu chí phân nhóm dự án quy định tại các điểm 1, 2, 4 Mục này và các Mục I, II, III, V Phần A và Phần B, C của Phụ lục này.</p> <p>4. Dự án quy định tại điểm d khoản 4 Điều 9 của Luật Đầu tư công, bao gồm:</p> <p>a) Nhà máy sữa; nhà máy sản xuất bánh kẹo, mỳ ăn liền; nhà máy sản xuất dầu ăn, hương liệu; nhà máy sản xuất rượu, bia, nước giải khát; nhà máy xay xát, lau bóng gạo; nhà máy chế biến nông, lâm sản khác;</p> <p>b) Nhà máy dệt; nhà máy sản xuất các sản phẩm may;</p> <p>c) Nhà máy in, nhuộm;</p> <p>d) Nhà máy thuộc da và sản xuất các sản phẩm từ da;</p> <p>đ) Nhà máy sản xuất đồ sành sứ, thủy tinh;</p> <p>e) Nhà máy bột giấy và giấy;</p> <p>g) Nhà máy sản xuất thuốc lá;</p> <p>h) Nhà máy chế biến thủy sản; nhà máy chế biến đồ hộp;</p> <p>i) Nhà máy chế biến gỗ và lâm sản ngoài gỗ;</p> <p>k) Nhà máy đóng tàu; dự án đóng tàu;</p> <p>l) Dự án công nghiệp khác, trừ các dự án thuộc lĩnh vực công nghiệp quy định tại các Mục I, II và III Phần A của Phụ lục này.</p>	
V	<p>PHÂN LOẠI DỰ ÁN NHÓM A THEO QUY ĐỊNH TẠI KHOẢN 5 ĐIỀU 9 CỦA LUẬT ĐẦU TƯ CÔNG</p> <p>1. Dự án quy định tại điểm a khoản 5 Điều 9 của Luật Đầu tư công</p>	<p>Từ 1.600 tỷ đồng trở lên</p>

a) Bệnh viện từ trung ương đến địa phương; phòng khám đa khoa, phòng khám chuyên khoa; cơ sở giám định y khoa; cơ sở chẩn đoán; nhà hộ sinh; trạm y tế cấp xã và tương đương; cơ sở y tế dự phòng; cơ sở phục hồi chức năng; tổ chức giám định pháp y, tổ chức giám định pháp y tâm thần từ trung ương đến địa phương; cơ sở nghiên cứu, thí nghiệm chuyên ngành y tế; các cơ sở y tế khác;

b) Nhà điều dưỡng, phục hồi chức năng, chỉnh hình, nhà dưỡng lão;

c) Cơ sở hỗ trợ hoạt động thanh thiếu niên, phụ nữ, nông dân; công trình ghi công liệt sĩ; cơ sở cai nghiện và trợ giúp xã hội; cơ sở chăm sóc người già neo đơn, trẻ mồ côi không nơi nương tựa;

d) Phát triển hạ tầng thông tin; thông tin cơ sở; an toàn thông tin; cơ quan báo, tạp chí; nhà xuất bản;

đ) Trung tâm hội nghị, nhà hát, nhà văn hóa, câu lạc bộ, rạp chiếu phim, rạp xiếc, vũ trường;

e) Bảo tàng, thư viện, triển lãm, nhà trưng bày và các dự án văn hóa khác có chức năng tương tự;

g) Di tích; dự án phục vụ tín ngưỡng (hành lễ); tượng đài ngoài trời;

h) Xây dựng phòng học, giảng đường, thư viện, nhà liên bộ, phòng làm việc, nhà công vụ, các công trình chức năng và phụ trợ, trang thiết bị của các cơ sở giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp;

i) Khu nhà ở cho sinh viên, học sinh (ký túc xá sinh viên, học sinh).

2. Dự án quy định tại điểm b khoản 5 Điều 9 của Luật Đầu tư công

a) Đầu tư cơ sở vật chất cho các tổ chức khoa học và công nghệ;

b) Phòng thí nghiệm, xưởng thực nghiệm;

c) Trung tâm phân tích, kiểm nghiệm, kiểm định;

d) Phòng thiết kế chuyên dụng trong lĩnh vực khoa học tự nhiên và kỹ thuật; các trung tâm ứng dụng và chuyển giao công nghệ;

đ) Dự án Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng;

e) Trạm, trại thực nghiệm;

g) Dự án tổng thể hạ tầng khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao;

h) Mạng lưới quan trắc khí tượng thủy văn, quan trắc môi trường, quan trắc tài nguyên nước, đo đạc bản đồ, quản lý đất

đai, địa chất khoáng sản;

i) Đầu tư hạ tầng ứng dụng công nghệ thông tin;

k) Dự án bảo mật và an toàn thông tin điện tử;

l) Hạ tầng thương mại điện tử, giao dịch điện tử;

m) Tháp thu, phát sóng truyền thanh, truyền hình, cột BTS;

n) Dự án phát thanh, truyền hình, thông tấn.

p) Dự án mua sắm phương tiện, trang thiết bị chuyên dùng phục vụ trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng; dự án đầu tư, xây dựng công trình phục vụ trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng.

3. Dự án quy định tại điểm c khoản 5 Điều 9 của Luật Đầu tư công, bao gồm:

a) Kho xăng dầu;

b) Kho chứa khí hóa lỏng;

c) Kho đông lạnh;

d) Kho, bến bãi lưu giữ hàng dự trữ quốc gia;

đ) Kho lưu trữ chuyên dụng;

e) Kho lưu trữ hồ sơ, tài liệu, kho vật chứng;

g) Các dự án kho tàng khác.

4. Dự án theo quy định tại điểm d khoản 5 Điều 9 của Luật Đầu tư công, bao gồm:

a) Khu vui chơi, giải trí;

b) Cáp treo vận chuyển người;

c) Dự án hạ tầng khu, điểm du lịch, bao gồm: đường nội bộ khu, điểm du lịch; kè nạo vét lòng hồ để bảo vệ, tôn tạo tài nguyên du lịch tại các khu, điểm du lịch và dự án hạ tầng khác trong khu, điểm du lịch;

d) Sân vận động; nhà thi đấu; bể bơi; sân gôn; cơ sở tập luyện, thi đấu các môn thể thao khác ở trong nhà, ngoài trời; công trình thể thao khác.

5. Dự án theo quy định tại điểm đ khoản 5 Điều 9 của Luật Đầu tư công, bao gồm:

a) Trung tâm thương mại, siêu thị, chợ, trung tâm hội chợ triển lãm, trung tâm logistic và các dự án thương mại, dịch vụ khác;

b) Nhà đa năng, nhà khách, khách sạn;

c) Trụ sở cơ quan nhà nước và tổ chức chính trị, trụ sở làm việc của các đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp, các tổ chức chính trị xã hội và tổ chức khác;

d) Dự án nhà ở, khu nhà biệt thự, khu nhà ở riêng lẻ, trừ dự án xây dựng khu nhà ở quy định tại điểm 7 Mục II Phần A của Phụ lục này;

đ) Dự án xây dựng dân dụng khác.

	6. Dự án theo quy định tại điểm e khoản 5 Điều 9 của Luật Đầu tư công.	
B	NHÓM B	
I	Dự án thuộc lĩnh vực quy định tại Mục II Phần A	Từ 240 tỷ đồng đến dưới 4.600 tỷ đồng
II	Dự án thuộc lĩnh vực quy định tại Mục III Phần A	Từ 160 tỷ đồng đến dưới 3.000 tỷ đồng
III	Dự án thuộc lĩnh vực quy định tại Mục IV Phần A	Từ 120 tỷ đồng đến dưới 2.000 tỷ đồng
IV	Dự án thuộc lĩnh vực quy định tại Mục V Phần A	Từ 90 tỷ đồng đến dưới 1.600 tỷ đồng
C	NHÓM C	
I	Dự án thuộc lĩnh vực quy định tại Mục II Phần A	Dưới 240 tỷ đồng
II	Dự án thuộc lĩnh vực quy định tại Mục III Phần A	Dưới 160 tỷ đồng
III	Dự án thuộc lĩnh vực quy định tại Mục IV Phần A	Dưới 120 tỷ đồng
IV	Dự án thuộc lĩnh vực quy định tại Mục V Phần A	Dưới 90 tỷ đồng

Phụ lục II

**MẪU TỜ TRÌNH THẨM ĐỊNH, QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ,
BÁO CÁO NGHIÊN CỨU TIỀN KHẢ THI, BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG;
BÁO CÁO KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO NGHIÊN CỨU TIỀN KHẢ THI,
BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN
ĐẦU TƯ CÔNG; NGHỊ QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH VỀ CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ
CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN**

*(Kèm theo Nghị định số /2024/NĐ-CP
ngày tháng năm 2024 của Chính phủ)*

Mẫu số 01	Tờ trình quyết định chủ trương đầu tư chương trình/dự án đầu tư công
Mẫu số 02	Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư chương trình đầu tư công
Mẫu số 03	Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án nhóm A
Mẫu số 04	Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án nhóm B, nhóm C
Mẫu số 05	Tờ trình thẩm định Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án
Mẫu số 06	Báo cáo kết quả thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư chương trình
Mẫu số 07	Báo cáo kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi/ Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án
Mẫu số 08	Nghị quyết (Quyết định) về chủ trương đầu tư chương trình
Mẫu số 09	Nghị quyết (Quyết định) về chủ trương đầu tư dự án đầu tư công

TÊN CƠ QUAN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày tháng năm

TỜ TRÌNH**Quyết định chủ trương đầu tư chương trình/dự án¹**

Kính gửi: (Cơ quan quyết định chủ trương đầu tư chương trình/dự án).

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Các căn cứ pháp lý khác (có liên quan);

(Tên cơ quan) trình (Cơ quan quyết định chủ trương đầu tư chương trình/dự án) quyết định chủ trương đầu tư chương trình/dự án (Tên chương trình/dự án) với các nội dung chính sau:

I. THÔNG TIN CHUNG CHƯƠNG TRÌNH/DỰ ÁN

1. Tên chương trình/dự án:
2. Chủ chương trình/Chủ đầu tư:
3. Đối tượng thụ hưởng của chương trình/dự án:
4. Địa điểm thực hiện chương trình/dự án:
5. Tổng vốn thực hiện chương trình/dự án, gồm vốn:
 - Nguồn vốn đầu tư công và mức vốn cụ thể theo từng nguồn:
 - Nguồn vốn khác (nếu có):
6. Thời gian thực hiện:
7. Cơ quan, đơn vị thực hiện chương trình/dự án:
8. Các thông tin khác (nếu có):

II. QUÁ TRÌNH TRIỂN KHAI XÂY DỰNG BÁO CÁO NGHIÊN CỨU TIỀN KHẢ THI DỰ ÁN NHÓM A, BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN

- Nêu đầy đủ quá trình triển khai xây dựng báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư chương trình, dự án.

¹ Đối với việc điều chỉnh chủ trương đầu tư chương trình/dự án áp dụng theo mẫu này cho các nội dung điều chỉnh.

- Đánh giá tình hình thực hiện chương trình, dự án giai đoạn trước (nếu chuyển từ giai đoạn trước sang).

- Việc thẩm định chủ trương đầu tư, thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn chương trình/dự án.

- Các nội dung khác (nếu có).

III. DANH MỤC HỒ SƠ KÈM THEO

1. Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện chương trình/dự án giai đoạn trước hoặc thời gian trước (nếu chuyển từ giai đoạn trước sang).

2. Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án nhóm A; Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình đầu tư công, dự án nhóm B, nhóm C theo quy định của Luật Đầu tư công và quy định tại Nghị định này.

3. Báo cáo thẩm định nội bộ (nếu có).

4. Báo cáo thẩm định của Hội đồng thẩm định hoặc cơ quan thẩm định về chủ trương đầu tư chương trình, dự án.

5. Các tài liệu liên quan khác theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư.

(Tên cơ quan) trình (Cơ quan quyết định chủ trương đầu tư chương trình/dự án) xem xét, quyết định phê duyệt chương trình/dự án (Tên chương trình/dự án) giai đoạn (nêu rõ giai đoạn thực hiện chương trình/dự án)/.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cơ quan thẩm định chủ trương đầu tư chương trình/dự án;
- Các cơ quan liên quan khác;
- Lưu:....

ĐẠI DIỆN CƠ QUAN

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Tên người đại diện

TÊN CHỦ CHƯƠNG TRÌNH **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày tháng năm

BÁO CÁO**Đề xuất chủ trương đầu tư chương trình**²

Kính gửi: (Cơ quan quyết định chủ trương đầu tư chương trình).

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Các căn cứ pháp lý khác (có liên quan);

(Tên cơ quan) trình (Cơ quan quyết định chủ trương đầu tư chương trình)

Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư chương trình (Tên chương trình) với các nội dung chính sau:

I. THÔNG TIN CHUNG CHƯƠNG TRÌNH

1. Tên chương trình:
2. Chủ chương trình:
3. Đối tượng thụ hưởng của chương trình:
4. Địa điểm thực hiện chương trình:
5. Tổng vốn thực hiện chương trình, gồm vốn:
 - Nguồn vốn đầu tư công và mức vốn cụ thể theo từng nguồn:
 - Nguồn vốn khác (nếu có):
6. Thời gian thực hiện:
7. Cơ quan, đơn vị thực hiện chương trình:
8. Các thông tin khác (nếu có):

II. NỘI DUNG CỦA CHƯƠNG TRÌNH

1. Sự cần thiết của chương trình để thực hiện các mục tiêu chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và quy hoạch có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch;

2. Mục tiêu, phạm vi chương trình;

² Đối với việc điều chỉnh chủ trương đầu tư chương trình áp dụng theo mẫu này cho các nội dung điều chỉnh.

3. Dự kiến tổng mức vốn và cơ cấu nguồn lực thực hiện chương trình, khả năng cân đối nguồn vốn đầu tư công, huy động các nguồn vốn và nguồn lực khác;

4. Danh mục dự án thành phần (nếu có) đối với chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình đầu tư công khác; 5. Dự kiến kế hoạch bố trí vốn và tiến độ thực hiện chương trình phù hợp với điều kiện thực tế và khả năng huy động các nguồn lực theo thứ tự ưu tiên hợp lý, bảo đảm đầu tư tập trung, có hiệu quả;

6. Xác định chi phí liên quan trong quá trình thực hiện và chi phí vận hành sau khi chương trình kết thúc; 7. Phân tích, đánh giá sơ bộ những ảnh hưởng, tác động về môi trường, xã hội của chương trình, tính toán hiệu quả đầu tư về mặt kinh tế - xã hội của chương trình; 8. Giải pháp tổ chức thực hiện.

(Tên cơ quan) trình (Cơ quan quyết định chủ trương đầu tư chương trình) xem xét, quyết định phê duyệt chương trình (Tên chương trình) giai đoạn (nêu rõ giai đoạn thực hiện chương trình)/.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cơ quan thẩm định chủ trương đầu tư chương trình;
- Các cơ quan liên quan khác;
- Lưu:.....

ĐẠI DIỆN CƠ QUAN
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Tên người đại diện

TÊN CƠ QUAN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày tháng năm

BÁO CÁONghiên cứu tiền khả thi dự án³

Kính gửi: (Cơ quan quyết định chủ trương đầu tư dự án).

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Các căn cứ pháp lý khác (có liên quan);

(Tên cơ quan) trình (Cơ quan quyết định chủ trương đầu tư dự án) Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án (Tên dự án) với các nội dung chính sau:

I. THÔNG TIN CHUNG DỰ ÁN

1. Tên dự án:

2. Cấp quyết định chủ trương đầu tư dự án:

3. Tên chủ đầu tư (nếu có):

4. Địa điểm thực hiện dự án:

5. Dự kiến tổng mức đầu tư dự án: (trong đó làm rõ nguồn vốn đầu tư và mức vốn cụ thể theo từng nguồn, phân kỳ đầu tư sử dụng nguồn vốn theo thời gian cụ thể, dự kiến bố trí vốn):

6. Thời gian thực hiện:

7. Các thông tin khác (nếu có):

II. NỘI DUNG CỦA DỰ ÁN

1. Nội dung Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án nhóm A có cấu phần xây dựng: báo cáo đầy đủ các nội dung theo quy định của Luật Đầu tư công, các quy định của Nghị định này và pháp luật về xây dựng.

2. Nội dung Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án nhóm A không có cấu phần xây dựng theo quy định của Luật Đầu tư công và các quy định của Nghị định này, trong đó báo cáo đầy đủ nội dung chủ yếu theo quy định tại khoản 2 Điều 34 của Luật Đầu tư công.

(Tên cơ quan) trình (Cơ quan quyết định chủ trương đầu tư dự án) xem xét, quyết định phê duyệt dự án (Tên dự án)/.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cơ quan thẩm định chủ trương đầu tư dự án;
- Các cơ quan liên quan khác;

ĐẠI DIỆN CƠ QUAN

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

³ Đối với việc điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án áp dụng theo mẫu này cho các nội dung điều chỉnh.

- Lưu:

Tên người đại diện

Mẫu số 04

TÊN CƠ QUAN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày tháng năm

BÁO CÁO**Đề xuất chủ trương đầu tư dự án**⁴

Kính gửi: (Cơ quan quyết định chủ trương đầu tư dự án).

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Các căn cứ pháp lý khác (có liên quan);

(Tên cơ quan) trình (Cơ quan quyết định chủ trương đầu tư dự án) Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án (Tên dự án) với các nội dung chính sau:

I. THÔNG TIN CHUNG DỰ ÁN

1. Tên dự án:

2. Dự án nhóm:

3. Cấp quyết định đầu tư dự án:

4. Tên chủ đầu tư (nếu có):

5. Địa điểm thực hiện dự án:

6. Dự kiến tổng mức đầu tư dự án: (trong đó làm rõ nguồn vốn đầu tư và mức vốn cụ thể theo từng nguồn, phân kỳ đầu tư sử dụng nguồn vốn theo thời gian cụ thể, dự kiến bố trí vốn):

7. Thời gian thực hiện:

8. Các thông tin khác (nếu có):

II. NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA DỰ ÁN: Báo cáo đầy đủ các nội dung quy định tại Điều 35 của Luật Đầu tư công.

(Tên cơ quan) trình (Cơ quan quyết định chủ trương đầu tư dự án) xem xét, quyết định chủ trương đầu tư dự án (Tên dự án)./.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Cơ quan thẩm định chủ trương đầu tư dự án;

ĐẠI DIỆN CƠ QUAN

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

⁴ Đối với việc điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án áp dụng theo mẫu này cho các nội dung điều chỉnh.

- Các cơ quan liên quan khác;
- Lưu:

Tên người đại diện

TÊN CƠ QUAN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày tháng năm

TỜ TRÌNH**Thẩm định Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án.....**

Kính gửi: (Cơ quan chủ trì thẩm định).

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Các căn cứ pháp lý khác (có liên quan);

(Tên cơ quan) trình (Cơ quan chủ trì thẩm định) thẩm định Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi/Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án (Tên dự án) với các nội dung chính sau:

I. THÔNG TIN CHUNG DỰ ÁN

1. Tên dự án:

2. Dự án nhóm:

3. Cấp quyết định chủ trương đầu tư dự án:

4. Cấp quyết định đầu tư dự án:

5. Tên chủ đầu tư (nếu có):

6. Địa điểm thực hiện dự án:

7. Dự kiến tổng mức đầu tư dự án: (trong đó làm rõ nguồn vốn đầu tư và mức vốn cụ thể theo từng nguồn, phân kỳ đầu tư sử dụng nguồn vốn theo thời gian cụ thể, dự kiến bố trí vốn).

8. Nguồn vốn đề nghị thẩm định:

9. Ngành, lĩnh vực, chương trình sử dụng nguồn vốn đề nghị thẩm định:

10. Thời gian thực hiện (tiến độ và phân kỳ đầu tư thực hiện dự án):

11. Hình thức đầu tư của dự án:

12. Các thông tin khác (nếu có):

II. DANH MỤC HỒ SƠ KÈM THEO

Kèm theo đầy đủ các hồ sơ theo quy định tại Điều 12 của Nghị định này.

(Tên cơ quan) trình (Cơ quan chủ trì thẩm định) xem xét, thẩm định Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án (Tên dự án)/.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cơ quan quyết định chủ trương đầu tư dự án;
- Các cơ quan liên quan khác;
- Lưu:

ĐẠI DIỆN CƠ QUAN TRÌNH

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Tên người đại diện

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: , ngày tháng năm

BÁO CÁO

**Kết quả thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư
 chương trình**

Kính gửi: (Tên Cơ quan trình thẩm định).

Căn cứ Quyết định số ngày tháng năm của Cơ quan/cấp (Tên cơ quan/cấp quyết định thành lập Hội đồng thẩm định chương trình) về thành lập Hội đồng thẩm định chương trình.....; Cơ quan (Tên cơ quan thẩm định) hoặc Hội đồng thẩm định chương trình..... đã tổ chức thẩm định chủ trương đầu tư chương trình và báo cáo kết quả thẩm định chủ trương đầu tư chương trình (Tên chương trình) như sau:

Phần thứ nhất

TÀI LIỆU THẨM ĐỊNH VÀ TỔ CHỨC THẨM ĐỊNH

I. HỒ SƠ TÀI LIỆU THẨM ĐỊNH

1. Tờ trình Cơ quan quyết định chủ trương đầu tư chương trình.
2. Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư công và hướng dẫn của Nghị định này.
3. Báo cáo thẩm định nội bộ (nếu có).
4. Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện chương trình trong giai đoạn trước (đối với các chương trình thực hiện giai đoạn trước, tiếp tục đề xuất thực hiện trong giai đoạn mới).
5. Các tài liệu liên quan khác (nếu có).

II. CÁC CĂN CỨ PHÁP LÝ ĐỀ THẨM ĐỊNH

1. Luật Đầu tư công.
2. Các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư công.
3. Các văn bản liên quan khác (nếu có).

III. TỔ CHỨC THẨM ĐỊNH

1. Đơn vị chủ trì thẩm định:

2. Đơn vị phối hợp thẩm định:
3. Các thành viên trong Hội đồng thẩm định:
4. Hình thức thẩm định: Tổ chức họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản hoặc áp dụng cả hai hình thức (nếu cần thiết).

Phần thứ hai
Ý KIẾN THẨM ĐỊNH CHƯƠNG TRÌNH

I. MÔ TẢ THÔNG TIN CHUNG CHƯƠNG TRÌNH VÀ ĐỀ XUẤT CỦA CHỦ CHƯƠNG TRÌNH

1. Tên chương trình:
2. Chủ chương trình:
3. Đối tượng thụ hưởng của chương trình:
4. Địa điểm thực hiện chương trình:
5. Tổng vốn thực hiện chương trình, gồm vốn:
 - Nguồn vốn đầu tư và mức vốn cụ thể theo từng nguồn:
 - Nguồn vốn sự nghiệp và mức vốn cụ thể theo từng nguồn:
6. Thời gian thực hiện:
7. Cơ quan, đơn vị thực hiện chương trình:
8. Các thông tin khác (nếu có):

II. TỔNG HỢP Ý KIẾN THẨM ĐỊNH CỦA CÁC ĐƠN VỊ PHỐI HỢP/THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

Tổng hợp ý kiến của các đơn vị phối hợp/thành viên hội đồng thẩm định theo quy định của Luật Đầu tư công, Nghị định của Chính phủ.

III. Ý KIẾN THẨM ĐỊNH CỦA CƠ QUAN/HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

Việc thẩm định chủ trương đầu tư chương trình phải phù hợp với các quy định của Luật Đầu tư công và các nội dung quy định tại Điều 12 của Nghị định này.

Các ý kiến khác (nếu có).

.....

(Trong từng trường hợp cụ thể Cơ quan/Hội đồng thẩm định có thể bổ sung hoặc điều chỉnh các nội dung thẩm định bảo đảm phù hợp với các quy định của Luật Đầu tư công, các ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

IV. KẾT LUẬN

Chương trình (Tên chương trình) đủ điều kiện (chưa đủ điều kiện) để trình cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư và triển khai các bước tiếp theo.

Trên đây là ý kiến thẩm định của (Cơ quan thẩm định/ Hội đồng thẩm định) về chủ trương đầu tư chương trình, đề nghị Cơ quan (Tên Chủ chương trình) xem xét báo cáo cấp có thẩm quyền điều chỉnh (nếu yêu cầu điều chỉnh) hoặc quyết định chủ trương đầu tư (nếu chấp thuận đề xuất của chủ chương trình)/.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cấp quyết định chủ trương đầu tư chương trình;
- Các cơ quan liên quan khác;
- Lưu:

ĐẠI DIỆN CƠ QUAN THẨM ĐỊNH
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Tên người đại diện

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: , ngày tháng năm

BÁO CÁO

**Kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án nhóm A/
 Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án nhóm B, nhóm C**

Kính gửi: (Tên Cơ quan trình thẩm định).

Cơ quan (Tên cơ quan thẩm định) nhận được Tờ trình số ... ngày tháng năm của Cơ quan (Tên Cơ quan trình) trình thẩm định Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi/Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án (Tên dự án đề nghị thẩm định). Sau khi xem xét, tổng hợp ý kiến và kết quả thẩm định của các cơ quan, tổ chức có liên quan, Cơ quan (Tên cơ quan thẩm định) báo cáo kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi/Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án (Tên dự án) như sau:

Phần thứ nhất

TÀI LIỆU THẨM ĐỊNH VÀ TỔ CHỨC THẨM ĐỊNH

I. HỒ SƠ TÀI LIỆU THẨM ĐỊNH

1. Tờ trình Cơ quan quyết định chủ trương đầu tư dự án.
2. Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi hoặc Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư công.
3. Báo cáo thẩm định nội bộ (nếu có).
4. Các tài liệu liên quan khác (nếu có).

II. CÁC CĂN CỨ PHÁP LÝ ĐỀ THẨM ĐỊNH

1. Luật Đầu tư công.
2. Các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư công.
3. Các văn bản liên quan khác (nếu có).

III. TỔ CHỨC THẨM ĐỊNH

1. Đơn vị chủ trì thẩm định:
2. Đơn vị phối hợp thẩm định:

3. Hình thức thẩm định: Tổ chức họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản hoặc áp dụng cả hai hình thức (nếu cần thiết).

Phần thứ hai
Ý KIẾN THẨM ĐỊNH DỰ ÁN

I. MÔ TẢ THÔNG TIN CHUNG DỰ ÁN VÀ ĐỀ XUẤT CỦA CƠ QUAN/ HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH DỰ ÁN

1. Tên dự án:

2. Dự án nhóm:

3. Cấp quyết định chủ trương đầu tư dự án:

4. Cấp quyết định đầu tư dự án:

5. Tên chủ đầu tư (nếu có):

6. Địa điểm thực hiện dự án:

7. Dự kiến tổng mức đầu tư dự án: (trong đó làm rõ nguồn vốn đầu tư và mức vốn cụ thể theo từng nguồn, phân kỳ đầu tư sử dụng nguồn vốn theo thời gian cụ thể, dự kiến bố trí vốn).

8. Nguồn vốn đề nghị thẩm định:

9. Ngành, lĩnh vực, chương trình sử dụng nguồn vốn đề nghị thẩm định:

10. Thời gian thực hiện (tiến độ và phân kỳ đầu tư thực hiện dự án):

11. Hình thức đầu tư của dự án:

12. Các thông tin khác (nếu có):

II. TỔNG HỢP Ý KIẾN THẨM ĐỊNH CỦA CÁC ĐƠN VỊ PHỐI HỢP

Tổng hợp ý kiến của các đơn vị phối hợp thẩm định theo quy định của Luật Đầu tư công, Nghị định của Chính phủ.

III. Ý KIẾN THẨM ĐỊNH CỦA CƠ QUAN THẨM ĐỊNH

Việc thẩm định chủ trương đầu tư dự án phải phù hợp với các quy định của Luật Đầu tư công, Nghị định của Chính phủ.

Các ý kiến thẩm định tập trung vào các nội dung quy định tại Điều 12 của Nghị định này.

Các ý kiến khác (nếu có).

.....

(Trong từng trường hợp cụ thể Cơ quan/Hội đồng thẩm định có thể bổ sung hoặc điều chỉnh các nội dung thẩm định bảo đảm phù hợp với các quy định của Luật Đầu tư công, các ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

IV. KẾT LUẬN

Dự án (Tên dự án) đủ điều kiện (chưa đủ điều kiện) để trình cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư và triển khai các bước tiếp theo.

Trên đây là ý kiến thẩm định của (Cơ quan thẩm định/Hội đồng thẩm định) về chủ trương đầu tư dự án, đề nghị Cơ quan (Tên Cơ quan trình) xem xét báo cáo cấp có thẩm quyền điều chỉnh (nếu yêu cầu điều chỉnh) hoặc quyết định chủ trương đầu tư dự án (nếu chấp thuận đề xuất của Cơ quan trình)/.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cơ quan quyết định chủ trương đầu tư dự án;
- Các cơ quan liên quan khác;
- Lưu:

ĐẠI DIỆN CƠ QUAN THẨM ĐỊNH
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Tên người đại diện

**CƠ QUAN RA NGHỊ QUYẾT (QUYẾT ĐỊNH)
CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ CHƯƠNG TRÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày tháng năm

**NGHỊ QUYẾT (QUYẾT ĐỊNH)
Về chủ trương đầu tư chương trình**

THẨM QUYỀN BAN HÀNH

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư công;

Căn cứ các văn bản liên quan khác (nếu có);

Theo đề nghị của Cơ quan (Tên Chủ chương trình)/Hội đồng thẩm định chương trình.

QUYẾT NGHỊ (QUYẾT ĐỊNH):

Điều 1. Phê duyệt (Quyết định) chủ trương đầu tư chương trình (Tên chương trình), do Cơ quan (Tên Chủ chương trình)

1. Mục tiêu:

2. Nội dung đầu tư:

3. Tổng vốn thực hiện chương trình:

(Trong đó làm rõ nguồn vốn đầu tư, mức vốn theo từng nguồn)

4. Chủ chương trình:

5. Địa điểm thực hiện:

6. Thời gian thực hiện chương trình:

7. Cơ chế và giải pháp thực hiện.

8. Các nội dung khác (nếu có).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Cơ quan (Tên Chủ chương trình) chịu trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hoàn thành Báo cáo nghiên cứu khả thi của chương trình (Tên chương trình) trình cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư chương trình theo quy định của Luật Đầu tư công;

b) Các nội dung khác (nếu có).

2. Trách nhiệm của các cơ quan liên quan khác (nếu có)

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Cơ quan (Tên Chủ chương trình) và các cơ quan liên quan khác chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết/Quyết định này.

2. Cơ quan chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết (Quyết định) này báo cáo Cơ quan (Tên Cơ quan quyết định chủ trương đầu tư chương trình) theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Các cơ quan có tên tại Điều 3;
- Cơ quan quyết định chủ trương đầu tư chương trình;
- Cơ quan thẩm định chủ trương đầu tư/Hội đồng thẩm định chủ trương đầu tư chương trình;
- Các cơ quan liên quan khác;
- Lưu:

ĐẠI DIỆN CƠ QUAN

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Tên người đại diện

Mẫu số 09

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CƠ QUAN RA NGHỊ QUYẾT (QUYẾT ĐỊNH) CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ DỰ ÁN

Số:

....., ngày tháng năm

NGHỊ QUYẾT (QUYẾT ĐỊNH)
Về chủ trương đầu tư dự án

THẨM QUYỀN BAN HÀNH

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư công;

Căn cứ các văn bản liên quan khác (nếu có);

Theo đề nghị của Cơ quan (Tên Cơ quan quản lý dự án)/Hội đồng thẩm định dự án.

QUYẾT NGHỊ (QUYẾT ĐỊNH):

Điều 1. Phê duyệt (Quyết định) chủ trương đầu tư dự án (Tên dự án) do Cơ quan (Tên cơ quan) quản lý dự án

1. Mục tiêu đầu tư:

2. Quy mô đầu tư:

3. Nhóm dự án:

4. Tổng mức đầu tư dự án:

5. Cơ cấu nguồn vốn (trong đó làm rõ nguồn vốn đầu tư và mức vốn theo từng nguồn):

6. Địa điểm thực hiện dự án:

7. Thời gian thực hiện dự án:

8. Tiến độ thực hiện dự án:

9. Các nội dung khác (nếu có).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Cơ quan (Tên Cơ quan quản lý dự án) chịu trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hoàn thành Báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án (Tên dự án) trình cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư dự án theo đúng quy định của Luật Đầu tư công và pháp luật liên quan.

b) Các nội dung khác (nếu có).

2. Nhiệm vụ của các cơ quan khác (nếu có)

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Cơ quan (Tên Cơ quan quản lý dự án) và các cơ quan liên quan khác chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết/Quyết định này.

2. Cơ quan (Tên Cơ quan được phân công kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết/Quyết định này) chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết/Quyết định này báo cáo Cơ quan (Tên Cơ quan quyết định chủ trương đầu tư dự án) theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Các cơ quan có tên tại Điều 3;
- Cơ quan quyết định chủ trương đầu tư dự án;
- Cơ quan thẩm định chủ trương đầu tư/Hội đồng thẩm định chủ trương đầu tư dự án;
- Các cơ quan liên quan khác;
- Lưu:

ĐẠI DIỆN CƠ QUAN

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Tên người đại diện

Phụ lục
BẢNG TỔNG HỢP Ý KIẾN GÓP Ý CỦA CÁC BỘ, NGÀNH, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG VÀ ĐỊA PHƯƠNG
VÀ BÁO CÁO TIẾP THU, GIẢI TRÌNH ĐỐI VỚI DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

STT	Ý kiến góp ý	Tiếp thu, giải trình
A	Bộ, ngành, cơ quan trung ương	
I	Bộ Quốc phòng	
1	Các nội dung quy định có dẫn chiếu đến các điều, khoản tại Luật Đầu tư công (sửa đổi) và các điều, khoản tại dự thảo Nghị định tuy nhiên chưa cụ thể (dự thảo đang để trống), do đó các quy định chưa đầy đủ tính logic, chưa hoàn thiện về nội dung; đề nghị rà soát, bổ sung, hoàn thiện đầy đủ đảm bảo các quy định phù hợp, đồng bộ và thống nhất với quy định tại Luật Đầu tư công (sửa đổi) và các quy định pháp luật khác có liên quan.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư tiếp thu và đã bổ sung dẫn chiếu đối với các nội dung tại Nghị định.
2	Đề nghị bổ sung quy định chi tiết để làm rõ nội dung “vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư”	Bộ Kế hoạch và Đầu tư giải trình như sau: Nội dung này đã được quy định tại Luật Đầu tư công số 39 và Nghị định số 40/2020/NĐ-CP, đến nay không phát sinh khó khăn vướng mắc. Trường hợp quy định có thể không bao quát hết các nguồn vốn này.
3	Quy định về ngành, lĩnh vực sử dụng vốn đầu tư công Đối với lĩnh vực Xã hội quy định tại khoản 12 Điều 4 dự thảo Nghị định, Đề nghị bổ sung nội dung “nhà ở công vụ, nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân, nhà ở phục vụ tái định cư và cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư, nhà ở thuộc tài sản công khác theo quy định của pháp luật về nhà ở” để phù hợp, đồng bộ với quy định tại khoản 3 Điều 5 Luật Đầu tư công (sửa đổi).	Bộ Kế hoạch và Đầu tư giải trình như sau: Các nội dung về nhà ở theo đề nghị của Bộ Quốc phòng không phù hợp để đưa vào lĩnh vực Xã hội. Bộ Kế hoạch và Đầu tư sẽ nghiên cứu, thiết kế nội dung này tại khoản phù hợp.
4	Quy định về nội dung thẩm định chủ trương đầu tư dự án đầu tư công nhóm A, B, C Khoản 4 Điều 10 dự thảo Nghị định quy định việc thẩm định chủ trương đầu tư dự án đầu tư công nhóm A, B, C gồm một số nội dung, trong đó nội dung tại điểm c như sau: “c) Sự phù hợp với các mục tiêu chiến lược; kế hoạch và quy hoạch có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch;”. Tuy nhiên, nội dung chủ yếu của báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án nhóm A quy định tại Điều 34 và báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án nhóm B, nhóm C quy định tại Điều 35 Luật Đầu tư công (sửa đổi) chỉ yêu cầu đánh giá về sự phù hợp với quy hoạch có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch, kế hoạch đầu tư (không yêu cầu đánh giá về sự phù hợp với các mục tiêu chiến lược). Do đó, đề nghị nghiên cứu điều chỉnh nội dung quy định tại điểm c khoản 4 Điều 10 dự thảo Nghị định (nội dung quy định thẩm định về sự phù hợp với các mục tiêu chiến lược) để đảm bảo thống nhất với nội dung quy định tại Luật Đầu tư công (sửa đổi).	Bộ Kế hoạch và Đầu tư tiếp thu nội dung này tại dự thảo Nghị định.

STT	Ý kiến góp ý	Tiếp thu, giải trình
5	<p>Về trình tự, thủ tục tách riêng việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thành dự án độc lập quy định tại Điều 12 dự thảo Nghị định</p> <p>- Khoản 1 Điều 12 dự thảo Nghị định quy định: “Nội dung quyết định đầu tư dự án tổng thể bao gồm các nội dung của chủ trương đầu tư dự án tổng thể theo quy định của pháp luật về đầu tư công và các nội dung về mục tiêu, quy mô, tổng mức đầu tư, cơ cấu nguồn vốn, địa điểm đầu tư của dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư”. Như vậy, tại Quyết định chủ trương đầu tư dự án tổng thể, dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (là dự án thành phần của dự án tổng thể) chưa quy định rõ về thời gian thực hiện; đề nghị nghiên cứu, bổ sung đảm bảo việc triển khai công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đồng bộ với việc triển khai dự án thành phần còn lại.</p> <p>- Nghiên cứu quy định thẩm quyền quyết định, điều chỉnh quyết định đầu tư dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để thuận tiện trong triển khai thực hiện (công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư do địa phương thực hiện nên nghiên cứu để đảm bảo phù hợp với các dự án do các Bộ, cơ quan trung ương quản lý).</p>	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư giải trình như sau: Nội dung này không được Luật số 58/2024/QH15 giao Chính phủ quy định chi tiết.</p>
6	<p>Đối với quy định về phân loại dự án đầu tư công nhóm A, nhóm B, nhóm c tại Điều 13 dự thảo Nghị định, đề nghị bổ sung Phụ lục kèm theo dự thảo Nghị định.</p>	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư tiếp thu và đã bổ sung Phụ lục.</p>
7	<p>Về trình tự, thủ tục lập, thẩm định, quyết định điều chỉnh chương trình, dự án đầu tư công nhóm A, B, C, tại điểm b khoản 1 Điều 24 dự thảo Nghị định quy định chủ chương trình, chủ đầu tư dự án có trách nhiệm: “Giao cơ quan chuyên môn chuẩn bị báo cáo đề xuất điều chỉnh chương trình, dự án đầu tư công...”; tuy nhiên:</p> <p>- Luật Đầu tư công (sửa đổi) cũng như dự thảo Nghị định chưa có quy định chi tiết về nội dung của “báo cáo đề xuất điều chỉnh chương trình, dự án đầu tư công”, cơ quan được giao nhiệm vụ sẽ gặp khó khăn và thiếu cơ sở pháp lý khi lập “báo cáo đề xuất điều chỉnh chương trình, dự án đầu tư công” trong quá trình chuẩn bị hồ sơ điều chỉnh dự án. Do đó đề nghị bổ sung quy định chi tiết, mẫu báo cáo để việc triển khai thực hiện được thống nhất.</p> <p>- Trường hợp không bổ sung quy định chi tiết của “báo cáo đề xuất điều chỉnh chương trình, dự án đầu tư công”, đề nghị nghiên cứu:</p> <p>+ Giai đoạn lập, thẩm định, phê duyệt dự án, chủ đầu tư lập “báo nghiên cứu khả thi dự án” trình cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư (quy định tại Điều 44 Luật đầu tư công (sửa đổi) đối với cả dự án có cấu phần xây dựng và không có cấu phần xây dựng).</p> <p>+ Đối với dự án có cấu phần xây dựng, cơ quan chuyên môn về xây dựng sẽ thẩm định “Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh” trong các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 19 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ.</p> <p>Từ các nội dung trên, đề nghị rà soát, điều chỉnh nội dung “đề xuất điều chỉnh chương trình, dự án” tại dự thảo Nghị định thành “báo cáo nghiên cứu khả thi điều chỉnh” để đảm bảo đồng bộ, thống nhất và thuận tiện trong triển khai thực hiện.</p>	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư tiếp thu và đã bổ sung nội dung này trong dự thảo Nghị định.</p>

STT	Ý kiến góp ý	Tiếp thu, giải trình
8	<p>Về trình tự, thủ tục dừng chủ trương đầu tư chương trình, dự án đầu tư công, khoản 1 Điều 27 dự thảo Nghị định quy định quy định: “Trường hợp cần thiết, cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án quyết định việc dừng chủ trương đầu tư chương trình, dự án đó và chịu trách nhiệm về quyết định của mình”. Đối với nội dung trên, đề nghị:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu, quy định rõ các “Trường hợp cần thiết” để quá trình triển khai được thuận tiện, thực hiện thống nhất; trường hợp “Trường hợp cần thiết” là các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 27 dự thảo Nghị định thì đề nghị bỏ cụm từ “Trường hợp cần thiết” nêu trên. - Bổ sung quy định chi tiết để phân biệt “dừng chủ trương đầu tư” với “điều chỉnh chủ trương đầu tư”. - Đề nghị bổ sung quy định chuyển tiếp đối với các dự án dừng chủ trương đầu tư, trong đó lưu ý trường hợp dừng chủ trương đầu tư đối với dự án thay đổi cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư theo quy định tại Luật Đầu tư công (sửa đổi) do Luật Đầu tư công (sửa đổi) chỉ quy định chuyển tiếp đối với trường hợp dự án điều chỉnh chủ trương đầu tư, chưa quy định đối với trường hợp dừng chủ trương đầu tư. 	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư tiếp thu và đã bổ sung nội dung này trong dự thảo Nghị định. Nội dung này không phát sinh trường hợp chuyển tiếp do là nội dung mới, đồng thời đã được quy định tại Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15.</p>
9	<p>Về thẩm quyền thẩm định, phê duyệt thiết kế, dự toán dự án không có cấu phần xây dựng quy định tại Điều 32 dự thảo Nghị định, để đẩy nhanh quá trình hoàn thiện hồ sơ, sớm triển khai thực hiện dự án, đề nghị nghiên cứu bổ sung quy định: Việc thẩm định, phê duyệt thiết kế chi tiết, dự toán được thực hiện với toàn bộ dự án hoặc từng nội dung, hạng mục của dự án theo giai đoạn triển khai thực hiện nhưng phải bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ về nội dung, cơ sở tính toán trong các kết quả thẩm định.</p>	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư giải trình như sau: Tại Điều này chỉ quy định về thẩm quyền, không quy định về trình tự, thủ tục, do đó việc đưa nội dung này vào quy định về thẩm quyền là chưa phù hợp.</p>
II	Bộ Khoa học và công nghệ	
10	<p>1. Điều 5. Chi phí lập, thẩm định chương trình, dự án đầu tư công</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tại khoản 1: Đề nghị rà soát nội dung quy định tại Điều này vì dự thảo chỉ quy định: “Chi phí lập, thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư của chương trình, dự án đầu tư công nhóm A, B, C thực hiện theo quy định tại Điều ... của Luật Đầu tư công” mà không có chi phí lập, thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi chương trình, dự án đầu tư công là chưa đầy đủ. Đề nghị bổ sung thêm cụm từ “Chi phí lập, thẩm định, quyết định dự án đầu tư” để đảm bảo thống nhất với các loại chi phí như được nêu tại Dự thảo Luật Đầu tư công (sửa đổi). - Tại khoản 2: Đề nghị bổ sung chi phí thẩm định để đảm bảo các chi phí phát sinh trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư sẽ được hạch toán và quyết toán đầy đủ trong trường hợp dự án không được cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư, dự án đầu tư (vì giai đoạn chuẩn bị đầu tư có phát sinh chi phí thẩm định dự án). 	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư giải trình như sau: Nội dung này đã được quy định tại Luật Đầu tư công số 39 và Nghị định số 40/2020/NĐ-CP, đến nay không phát sinh khó khăn vướng mắc.</p>
11	<p>Các nội dung quy định có dẫn chiếu đến các điều, khoản tại Luật Đầu tư công (sửa đổi) và các điều, khoản tại dự thảo Nghị định tuy nhiên chưa cụ thể (dự thảo đang để trống), do đó các quy định chưa đầy đủ tính logic, chưa hoàn thiện về nội dung; đề nghị rà soát, bổ sung, hoàn thiện đầy đủ đảm bảo các quy định phù hợp, đồng bộ và thống nhất với quy định tại Luật Đầu tư công (sửa đổi) và các quy định pháp luật khác có liên quan.</p>	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư tiếp thu và đã bổ sung dẫn chiếu đối với các nội dung tại Nghị định.</p>
12	<p>Các nội dung quy định có dẫn chiếu đến các điều, khoản tại Luật Đầu tư công (sửa đổi) và các điều, khoản tại dự thảo Nghị định tuy nhiên chưa cụ thể (dự thảo đang để trống), do đó các quy định chưa đầy đủ tính logic, chưa hoàn thiện về nội dung; đề nghị rà soát, bổ sung, hoàn thiện đầy đủ đảm bảo các quy định phù hợp, đồng bộ và thống nhất với quy định tại Luật Đầu tư công (sửa đổi) và các quy định pháp luật khác có liên quan.</p>	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư tiếp thu và đã bổ sung dẫn chiếu đối với các nội dung tại Nghị định.</p>

STT	Ý kiến góp ý	Tiếp thu, giải trình
13	<p>Điều 14. Hồ sơ trình cấp có thẩm quyền và thời gian quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư chương trình, dự án đầu tư công nhóm A, B, c</p> <p>Đề nghị bổ sung nội dung quy định những trường hợp phải điều chỉnh chủ trương đầu tư chương trình, dự án đã được phê duyệt chủ trương đầu tư vào Điều này vì điểm d khoản 1 Điều 24 chỉ quy định: “Trường hợp điều chỉnh làm tăng tổng mức đầu tư dự án lớn hơn tổng mức đầu tư đã được cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư, phải thực hiện trình tự, thủ tục điều chỉnh chủ trương đầu tư theo quy định tại Điều của Luật Đầu tư công, và Điều ...của Nghị định này trước khi cấp có thẩm quyền quyết định điều chỉnh dự án”.</p> <p>Việc bổ sung này nhằm làm rõ quy định tại khoản 1 Điều 1 về “các trường hợp điều chỉnh chủ trương đầu tư chương trình, dự án đầu tư công nhóm A, B, C”.</p>	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư giải trình như sau: Các trường hợp điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án đã được quy định tại Luật Đầu tư công 2024.</p>
14	<p>Điều 16. Trình tự, thủ tục quyết định đầu tư chương trình, dự án sử dụng vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư</p> <p>Đề nghị bổ sung nội dung quy định về trình tự, thủ tục quyết định đầu tư chương trình, dự án có cấu phần xây dựng và dự án ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng vốn từ nguồn thu hợp pháp của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư.</p>	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư giải trình như sau: Đối với các loại dự án này thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan (pháp luật về xây dựng và Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 82/2024/NĐ-CP).</p>
15	<p>Điều 24. Trình tự, thủ tục lập, thẩm định, quyết định điều chỉnh chương trình, dự án đầu tư công nhóm A, B, c</p> <p>Đề nghị bổ sung, làm rõ những trường hợp được điều chỉnh chương trình, dự án đầu tư công đã được phê duyệt vào Điều này</p>	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư giải trình như sau: Các trường hợp điều chỉnh dự án đã được quy định tại Luật Đầu tư công 2024.</p>
16	<p>Điều 27. Trình tự, thủ tục dừng chủ trương đầu tư chương trình, dự án đầu tư công</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đề nghị làm rõ nội dung quy định tại Điều này chỉ áp dụng đối với chương trình, dự án đầu tư công mới được cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư hay áp dụng đối với chương trình, dự án đầu tư công đã được quyết định đầu tư. - Trường hợp chương trình, dự án đầu tư công mới chỉ được quyết định chủ trương đầu tư có nghĩa là đang trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư, đề nghị xem lại quy định tại điểm a khoản 3: “Cấp quyết định đầu tư chương trình, dự án tổ chức kiểm tra, đánh giá quá trình thực hiện chương trình, dự án theo quy định của pháp luật về đầu tư công và quy định của pháp luật liên quan.” - Trường hợp chương trình, dự án đầu tư công đã được quyết định đầu tư có cần quyết định dừng chủ trương đầu tư không hay cấp có thẩm quyền quyết định dừng chương trình, dự án. Nếu cần quyết định dừng chủ trương đầu tư chương trình, dự án đầu tư công, đề nghị bổ sung thêm quy định để dừng chương trình, dự án sau bước dừng chủ trương đầu tư. 	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư giải trình như sau: Nội dung này áp dụng đối với tất cả các dự án, kể cả đã được quyết định đầu tư hay chưa được quyết định đầu tư. Trường hợp dự án chưa thực hiện, không cần đánh giá quá trình thực hiện.</p>
17	<p>Điều 28. Tổ chức quản lý thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư, nhiệm vụ quy hoạch và dự án đầu tư công không có cấu phần xây dựng</p> <p>Tại khoản 2: Đề nghị làm rõ quy định: “Chi phí quản lý thực hiện nhiệm vụ quy hoạch thực hiện theo quy định về chi phí quản lý dự án theo quy định của pháp luật về xây dựng.” vì chi phí quản lý dự án theo quy định của pháp luật về xây dựng được xác định trên cơ sở chi phí xây dựng và chi phí thiết bị. Đối với nhiệm vụ quy hoạch không có chi phí xây dựng, chi phí thiết bị nên không có định mức để xác định chi phí quản lý thực hiện nhiệm vụ quy hoạch.</p>	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư giải trình như sau: Đây là nội dung kế thừa từ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP, thời gian triển khai vừa qua không phát sinh vướng mắc.</p>

STT	Ý kiến góp ý	Tiếp thu, giải trình
18	<p>Điều 29. Thiết kế dự án</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tại khoản 1: Đề nghị xem lại quy định về phương án thiết kế vì số bước thiết kế của dự án có cấu phần xây dựng phải thực hiện theo quy định của pháp luật về xây dựng. - Đề nghị bổ sung quy định về trình tự, thủ tục, mẫu biểu liên quan đến triển khai loại dự án không có cấu phần xây dựng có thiết kế một bước. Vì đối với dự án có thiết kế một bước, việc thiết kế chi tiết được triển khai ngay trong giai đoạn lập báo cáo nghiên cứu khả thi (lập dự án đầu tư), do đó việc áp dụng theo trình tự, thủ tục như quy định trong dự thảo sẽ gây khó khăn cho các cơ quan lập, thẩm định dự án (trên thực tế các đơn vị phải vận dụng để kết hợp giữa hai loại hồ sơ trình phê duyệt dự án và trình phê duyệt thiết kế trong một hồ sơ trình cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án). <p>Mặt khác, tại khoản 1 Điều 31 dự thảo quy định “Dự toán dự án là toàn bộ chi phí cần thiết để thực hiện dự án được xác định ở giai đoạn thực hiện dự án phù hợp với Báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án và thiết kế dự án được duyệt...”. Việc quy định “dự toán dự án” được “xác định ở giai đoạn thực hiện dự án” như trên chỉ phù hợp với loại dự án có thiết kế hai bước, vì đối với dự án có thiết kế một bước, dự toán dự án được xác định ở giai đoạn chuẩn bị đầu tư dự án (giai đoạn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi/lập Tổng mức đầu tư dự án). Do đó, nếu không quy định cụ thể cho trường hợp dự án thiết kế một bước thì quy định tại khoản 1 Điều 31 là không phù hợp với dự án có thiết kế một bước. Bên cạnh đó, đề nghị làm rõ các điều từ Điều 29 đến Điều 38 thuộc Chương IV hay không thuộc Chương IV. Trường hợp không thuộc Chương IV, cần bổ cục lại các Chương, Điều cho phù hợp.</p>	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư giải trình như sau: Đây là nội dung kế thừa từ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP, thời gian triển khai vừa qua không phát sinh vướng mắc.</p>
19	<p>Chương III. Lập, thẩm định, quyết định đầu tư chương trình, dự án đầu tư công</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đề nghị bổ cục lại Chương này để đảm bảo thống nhất về: <ol style="list-style-type: none"> 1. Trình tự, thủ tục lập, thẩm định, quyết định đầu tư dự án đầu tư công sử dụng vốn từ nguồn thu hợp pháp dành để đầu tư; chương trình, dự án sử dụng vốn từ NSTW/NSĐP; 2. Nội dung chủ yếu của báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đầu tư công không có cấu phần xây dựng, dự án có cấu phần xây dựng. Trường hợp nội dung chủ yếu của báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đầu tư công tại nước ngoài và trong nước có khác nhau thì mới tách thành nội dung riêng; 3. Nội dung thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi. Trường hợp nội dung báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đầu tư công tại nước ngoài và trong nước khác nhau thì mới tách thành nội dung riêng. 4. Thẩm quyền quyết định đầu tư chương trình, dự án đầu tư công 	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư giải trình như sau: Đây là nội dung kế thừa từ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP, thời gian triển khai vừa qua không phát sinh vướng mắc.</p>
20	<p>Điều 49. Gia hạn thời gian bố trí vốn thực hiện dự án</p> <p>Đề nghị bổ sung quy định về gia hạn thời gian bố trí vốn thực hiện dự án sử dụng vốn từ nguồn thu hợp pháp dành để đầu tư.</p>	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư giải trình như sau: Việc gia hạn thời gian bố trí vốn dự án từ nguồn thu hợp pháp đã được quy định tại Luật Đầu tư công 2024.</p>
21	<p>Điều 52. Trình tự, thủ tục điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm vốn ngân sách nhà nước</p> <p>Đề nghị bổ sung quy định về trình tự, thủ tục điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm đối với vốn từ nguồn thu hợp pháp dành để đầu tư.</p>	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư giải trình như sau: Đây là nội dung kế thừa từ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP, thời gian triển khai vừa qua không phát sinh vướng mắc.</p>

STT	Ý kiến góp ý	Tiếp thu, giải trình
22	Điều 53. Ứng trước vốn kế hoạch đầu tư công Đề nghị bổ sung quy định chi tiết về trình tự, thủ tục ứng trước vốn kế hoạch đầu tư công đối với vốn từ nguồn thu hợp pháp dành để đầu tư.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư giải trình như sau: Tại pháp luật về ngân sách nhà nước không quy định việc ứng trước vốn từ nguồn thu hợp pháp, do đó không có căn cứ để quy định nội dung này.
III	Ủy ban dân tộc	
23	Đề nghị bổ sung một điều vào Chương II nhằm quy định chi tiết Điều 26 của dự thảo Luật Đầu tư công sửa đổi được gửi kèm theo Tờ trình số 683/TTr-CP ngày 19/10/2024 của Chính phủ. Lý do tại khoản 2, điều 26 của dự thảo Luật Đầu tư công sửa đổi chưa quy định cụ thể đơn vị trình đối với Thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư chương trình dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước để đầu tư. Nội dung đề nghị bổ sung Ủy ban Dân tộc đề xuất quy định tương tự như điểm c, khoản 1 điều 7 của dự thảo Nghị định. Cụ thể: “Chỉ đạo đơn vị quy định tại điểm.... khoản.... hoàn chỉnh báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư; trình người đứng đầu bộ, cơ quan trung ương xem xét, quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án”	Bộ Kế hoạch và Đầu tư giải trình như sau: Nội dung này không được Luật giao Chính phủ quy định chi tiết, do đó không có cơ sở để quy định tại Nghị định.
24	Đề nghị xem xét bỏ nội dung: “Cơ quan chủ trì thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư có trách nhiệm lấy ý kiến cơ quan được giao thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn chương trình, dự án...” quy định khoản 5, điều 10. Lý do tại điều 37 của dự thảo Luật Đầu tư công sửa đổi được gửi kèm theo Tờ trình số 683/TTr-CP ngày 19/10/2024 của Chính phủ không quy định nội dung này.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư giải trình như sau: Đây là nội dung kế thừa từ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP, thời gian triển khai vừa qua không phát sinh vướng mắc và phù hợp với quy định tại Điều 36 Luật Đầu tư công 2024
25	Đề nghị bổ sung khoản 8, điều 10 nội dung đối với dự án nhóm A thuộc thẩm quyền của người đứng đầu bộ, cơ quan trung ương. Do dự thảo Nghị định chưa có nội dung này.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư tiếp thu nội dung này trong dự thảo Nghị định
26	Đề nghị xem xét bỏ điểm c, khoản 1, điều 20. Lý do các dự án đầu tư công không có cấu phần xây dựng chủ yếu có nội dung mua sắm máy móc, thiết bị, phần mềm,.... không phải thu hồi đất nên không cần thiết phải có báo cáo của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp tổng hợp ý kiến của cử tri nơi thực hiện dự án để tiết kiệm thời gian, đẩy nhanh tiến độ thực hiện.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư giải trình như sau: Đây là nội dung kế thừa từ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP, thời gian triển khai vừa qua không phát sinh vướng mắc. Trường hợp dự án có yêu cầu thu hồi đất, nếu không quy định nội dung này sẽ phát sinh vướng mắc trong quá trình thực hiện.
27	Tại khoản 1, điều 32 đề nghị quy định cụ thể đơn vị thẩm định đối với thiết kế hai bước. Ủy ban Dân tộc đề xuất đơn vị thẩm định là đơn vị trực thuộc chủ đầu tư.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư giải trình như sau: Đây là nội dung kế thừa từ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP, thời gian triển khai vừa qua không phát sinh vướng mắc. Việc lựa chọn đơn vị thẩm định thuộc thẩm quyền của cấp quyết định đầu tư.

STT	Ý kiến góp ý	Tiếp thu, giải trình
28	<p>Tại các khoản 1, 2, 3 Điều 29 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP của Chính phủ chưa quy định rõ về cơ quan thẩm định thiết kế, dự toán dự án không có cấu phần xây dựng trong trường hợp dự án thiết kế hai bước, chỉ quy định thẩm quyền phê duyệt là của chủ đầu tư dự án. Để làm rõ nội dung về thẩm quyền thẩm định thiết kế, dự toán dự án, Ủy ban Dân tộc đề xuất sửa đổi theo hướng quy định chủ đầu tư tổ chức thẩm định đối với các nội dung trên để tạo tính linh hoạt trong triển khai.</p>	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư giải trình như sau: Đây là nội dung kế thừa từ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP, thời gian triển khai vừa qua không phát sinh vướng mắc. Việc lựa chọn đơn vị thẩm định thuộc thẩm quyền của cấp quyết định đầu tư.</p>
IV	Ngân hàng chính sách xã hội	
29	<p>Tại tiết p, khoản 10, Điều 4, Chương I Dự thảo Nghị định nêu: “Cấp vốn điều lệ cho các ngân hàng chính sách, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách; cấp bù lãi suất tín dụng ưu đãi, phí quản lý; uỷ thác von qua ngân hàng chính sách xã hội theo quy định của cấp có thẩm quyền; hỗ trợ phát triển doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ theo quy định của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ; hỗ trợ hợp tác xã, liên hợp tác xã theo quy định của Luật Hợp tác xã”.</p> <p>Để đảm bảo tính thống nhất giữa dự thảo Nghị định và dự thảo Luật đầu tư công trong việc bố trí nguồn vốn ngân sách địa phương để thực hiện các chương trình tín dụng ưu đãi thông qua NHCSXH các cấp, NHCSXH đề nghị sửa thành: "Cấp vốn điều lệ cho các ngân hàng chính sách, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách; cấp bù lãi suất tín dụng ưu đãi, phí quản lý; uỷ thác vốn ngân sách địa phương qua ngân hàng chính sách xã hội; hỗ trợ phát triển doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ theo quy định của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ; hỗ trợ hợp tác xã, liên hợp tác xã theo quy định của Luật Hợp tác xã"</p>	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư giải trình như sau: Nội dung này thực hiện theo quy định tại Luật Đầu tư công năm 2024.</p>

STT	Ý kiến góp ý	Tiếp thu, giải trình
30	<p>"Khoản 7, Điều 5 Dự thảo Luật Đầu tư công (sửa đổi) quy định việc bố trí vốn ngân sách địa phương để thực hiện các chính sách tín dụng ưu đãi thông qua Ngân hàng Chính sách xã hội chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương" và "Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định việc bố trí vốn ngân sách địa phương, tiêu chí, điều kiện, mức, nội dung và hình thức thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi của địa phương, ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện ủy thác vốn ngân sách địa phương thực hiện chính sách ưu đãi theo quy định của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.</p> <p>Như vậy, vốn ngân sách địa phương để thực hiện các chính sách tín dụng ưu đãi thông qua NHCSXH được quy định rất cụ thể, rõ ràng, chặt chẽ tại các Nghị định của Chính phủ, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, Quyết định của ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố. Tuy nhiên dự thảo Nghị định hiện nay chưa quy định về trình tự, thủ tục ủy thác vốn ngân sách địa phương qua ngân hàng chính sách xã hội.</p> <p>Ngoài ra, vốn ngân sách địa phương để thực hiện các chính sách tín dụng ưu đãi thông qua NHCSXH không phải là dự án đầu tư nên không phải lập danh mục chương trình, dự án theo quy định tại Luật Đầu tư công.</p> <p>Do vậy, để thống nhất và tạo cơ sở cho địa phương trong việc bố trí nguồn vốn ngân sách địa phương thông qua việc ủy thác vốn cho NHCSXH các cấp thực hiện theo các trình tự lập, thẩm định, phê duyệt, giao kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm theo quy định tại các Điều 41,42 Chương VI dự thảo Nghị định, NHCSXH đề nghị được bổ sung thêm quy định cụ thể về trình tự và thủ tục thực hiện đối với bố trí vốn ngân sách địa phương để thực hiện các chính sách tín dụng ưu đãi thông qua NHCSXH trong Chương VI Dự thảo Nghị định nhằm phù hợp với khoản 7 Điều 5 Dự thảo Luật Đầu tư công và tiết p, khoản 10, Điều 4 Chương I, Dự thảo Nghị định. Cụ thể như sau:</p> <p>a) Tại Chương VI, Dự thảo Nghị định nêu/ "Trình tự, thủ tục thực hiện đầu tư đối với đối tượng cấp bù lãi suất tín dụng ưu đãi, phí quản lý; cấp vốn điều lệ cho các ngân hàng chính sách, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách; hỗ trợ đầu tư cho các đối tượng chính sách khác theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ " NHCSXH đề nghị sửa thành: "Trình tự, thủ tục thực hiện đầu tư đối với đối tượng cấp bù lãi suất tín dụng ưu đãi, phí quản lý; cấp vốn điều lệ cho các ngân hàng chính sách, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách; ủy thác vốn ngân sách địa phương qua Ngân hàng chính sách xã hội; hỗ trợ đầu tư cho các đối tượng chính sách khác theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ "</p> <p>b) Tại các khoản 1, 2, 3 của các Điều 41, Điều 42, đề nghị bổ sung cụm từ "...ủy thác vốn ngân sách địa phương qua ngân hàng chính sách xã hội..." "</p>	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư giải trình như sau: Nội dung này không được Luật giao Chính phủ quy định chi tiết. Đối với việc ủy thác vốn NSDP qua NHCSXH để thực hiện đã được quy định tại Điều 6 dự thảo Nghị định.</p>
31	<p>Tại tiết c, điểm 1, Điều 6 dự thảo Nghị định nêu: "Việc gia hạn nợ, chuyển nợ quá hạn, quản lý và sử dụng tiền lãi cho vay thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính..."</p> <p>NHCSXH đề nghị bổ sung như sau: "Việc gia hạn nợ, chuyển nợ quá hạn, quản lý và sử dụng tiền lãi cho vay, xử lý nợ bị rủi ro thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính..."</p>	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư giải trình như sau: Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã lược bỏ nội dung này tại dự thảo Nghị định do quy định của Bộ Tài chính áp dụng đối với việc ủy thác NSDP qua NHCSXH</p>

STT	Ý kiến góp ý	Tiếp thu, giải trình
32	<p>Tên tiêu đề của Chương VI dự thảo nêu: “Trình tự, thủ tục thực hiện đầu tư đối với đối tượng cấp bù lãi suất tín dụng ưu đãi, phí quản lý; cấp vốn điều lệ cho các ngân hàng chính sách, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách; hỗ trợ đầu tư cho các đối tượng khác theo quyết định của Chính phủ hoặc quyết định của Thủ tướng Chính phủ”.</p> <p>Đề nghị sửa thành: “Trình tự, thủ tục thực hiện đầu tư đối với đối tượng cấp bù lãi suất tín dụng ưu đãi, phí quản lý; cấp vốn điều lệ cho các ngân hàng chính sách, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách; hỗ trợ đầu tư cho các đối tượng khác theo quyết định của Chính phủ hoặc quyết định của Thủ tướng Chính phủ; ủy thác vốn qua ngân hàng chính sách xã hội theo quy định của cấp có thẩm quyền”.</p>	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư giải trình như sau: Luật Đầu tư công 2024 không giao Chính phủ quy định chi tiết về trình tự, thủ tục đối với việc ủy thác vốn NSDP qua NHCSXH.</p>
33	<p>Ngân hàng Chính sách xã hội đề nghị bổ sung 02 Điều sau Điều 47 của Chương VI dự thảo Nghị định, quy định về trình tự, thủ tục, thực hiện đầu tư công trung hạn, hàng năm đối với đối tượng bố trí vốn ngân sách địa phương ủy thác qua ngân hàng chính sách xã hội theo quy định của cấp có thẩm quyền, cụ thể:</p> <p>2.2.1 Bổ sung Điều thứ nhất: “Trình tự, thủ tục thực hiện đầu tư công trung hạn đối với đối tượng ủy thác vốn qua ngân hàng chính sách xã hội theo quy định của cấp có thẩm quyền:</p> <p>1. Ngân hàng chính sách xã hội tổng hợp báo cáo dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn đối với vốn ủy thác qua ngân hàng chính sách xã hội gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân cấp tỉnh. Nội dung báo cáo nêu rõ tổng mức vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách nhà nước ủy thác vốn qua ngân hàng chính sách xã hội giai đoạn trước và giai đoạn kế hoạch;</p> <p>2. Trình tự lập, phê duyệt, giao kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ủy thác qua ngân hàng chính sách xã hội được thực hiện theo quy định tại Điều 59 của Luật Đầu tư công”.</p> <p>2.2.2. Bổ sung Điều thứ 2: Trình tự, thủ tục thực hiện đầu tư công hàng năm đối với đối tượng ủy thác vốn qua ngân hàng chính sách xã hội theo quy định của cấp có thẩm quyền:</p> <p>1. Ngân hàng chính sách xã hội tổng hợp báo cáo dự kiến kế hoạch đầu tư công hàng năm đối với vốn ủy thác qua ngân hàng chính sách xã hội, gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân cấp tỉnh. Nội dung báo cáo nêu rõ nhu cầu vốn ngân sách nhà nước ủy thác qua ngân hàng chính sách xã hội trong năm kế hoạch.</p> <p>2. Trình tự lập, phê duyệt, giao kế hoạch đầu tư công hàng năm vốn ủy thác qua ngân hàng chính sách được thực hiện theo quy định tại Điều 60 của Luật Đầu tư công.</p>	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã nghiên cứu, tiếp thu nội dung này tại Điều 6 dự thảo Nghị định.</p>
V	Bộ Tài nguyên và môi trường	
34	<p>Theo Luật Đầu tư công (sửa đổi), đang trình Quốc hội kèm theo Tờ trình số 683/TTr-CP ngày 19 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ (sau đây gọi tắt là Dự thảo Luật Đầu tư công sửa đổi), tại Khoản 2 Điều 15 quy định “Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị phải thực hiện công khai các nội dung đầu tư công theo quy định của pháp luật”. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, quy định cụ thể về hình thức, phương thức công khai tại dự thảo Nghị định tạo điều kiện thuận lợi trong quá trình tổ chức, thực hiện.</p>	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư giải trình như sau: Nội dung này không được Luật giao Chính phủ quy định chi tiết</p>
35	<p>Tại điểm b khoản 9 Điều 4, đề nghị quy định bổ sung thêm lĩnh vực “Viễn thám”, sửa thành: “Tài nguyên: cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, trang thiết bị đo đạc bản đồ, viễn thám, khí tượng thủy văn ..., biển và hải đảo” để đảm bảo đầy đủ các lĩnh vực quản lý nhà nước thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường.</p>	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư tiếp thu nội dung này trong dự thảo Nghị định</p>

STT	Ý kiến góp ý	Tiếp thu, giải trình
36	<p>Đề nghị rà soát, chỉnh sửa điểm d khoản 8 Điều 10 dự thảo Nghị định đảm bảo phù hợp với quy định tại Điều 26 và Điều 28 Dự thảo Luật Đầu tư công sửa đổi về trình tự thủ tục, quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm A, B, C; điểm b khoản 4 Điều 25 dự thảo Nghị định đảm bảo phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 47 Dự thảo Luật Đầu tư công sửa đổi về sự phù hợp của dự án với chủ trương đầu tư về mục tiêu, địa điểm, cơ cấu nguồn vốn và tổng mức đầu tư của dự án.</p>	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư tiếp thu và đã sửa đổi nội dung này trong dự thảo Nghị định.</p>
37	<p>Tại khoản 4 Điều 47, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, nghiên cứu không quy định cụ thể trách nhiệm của bộ, cơ quan trung ương phải thông báo dự kiến khả năng cân đối ngân sách cho từng cơ quan, đơn vị trực thuộc. Thay vào đó, đề nghị chỉ quy định bộ, cơ quan trung ương tổ chức triển khai tới các cơ quan, đơn vị trực thuộc, sau đó tổng hợp, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính.</p>	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư giải trình như sau: Nội dung này nếu không được quy định chi tiết sẽ không có căn cứ để các cơ quan, đơn vị trực thuộc triển khai lập dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau.</p>
38	<p>Tại khoản 4 Điều 50, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu quy định rõ đối với trường hợp dự án không giải ngân hết kế hoạch vốn ngân sách trung ương được giao hằng năm, không được phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn sang năm sau không cắt giảm kế hoạch trung hạn tương ứng với số vốn không giải ngân hết bị hủy kế hoạch năm và được phép bố trí vốn trong các năm tiếp theo để đảm bảo không vượt quá tổng mức vốn của chương trình, dự án đã được phê duyệt.</p>	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư giải trình như sau: Tại dự thảo Nghị định đã bỏ nội dung về cắt giảm kế hoạch đầu tư công trung hạn tương ứng với số vốn kế hoạch năm không giải ngân hết, không được phép kéo dài tại Nghị định số 40/2020/NĐ-CP, do đó không cần nêu chi tiết.</p>
VI	Đài truyền hình Việt Nam	
39	<p>Tại điểm d, khoản 1, Điều 24 Dự thảo quy định: “Trường hợp điều chỉnh làm tăng tổng mức đầu tư dự án lớn hơn tổng mức đầu tư đã được cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư, phải thực hiện trình tự, thủ tục điều chỉnh chủ trương đầu tư theo quy định tại Điều ... của Luật Đầu tư công và Điều ... Nghị định này trước khi cấp có thẩm quyền quyết định điều chỉnh dự án.”</p> <p>Lý do đề nghị:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khoản 5, Điều 43 Dự thảo Luật Đầu tư công sửa đổi quy định: "Trường hợp thay đổi một trong các nội dung về mục tiêu, địa điểm, cơ cấu nguồn vốn hoặc tăng tổng mức đầu tư dự án lớn hơn tổng mức đầu tư đã được cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư, phải thực hiện trình tự, thủ tục điều chỉnh chủ trương đầu tư trước khi cấp có thẩm quyền quyết định điều chỉnh dự án." - Hiện nay Luật Đầu tư công đang trong quá trình sửa đổi để trình Quốc hội xem xét, thông qua tại Kỳ họp thứ 8, Quốc hội khóa XV. Vì vậy đề nghị cơ quan soạn thảo Dự thảo cần xem xét lại quy định tại điểm d, khoản 1, Điều 24 của Dự thảo để đảm bảo tính thống nhất với nội dung tại khoản 5, Điều 43 Dự thảo Luật Đầu tư công sửa đổi. 	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư giải trình như sau: Luật Đầu tư công năm 2024 đã quy định rõ các trường hợp điều chỉnh chủ trương đầu tư chương trình, dự án cụ thể.</p>

STT	Ý kiến góp ý	Tiếp thu, giải trình
40	<p>Khoản 2, Điều 27 Dự thảo quy định: “2. Việc dừng chủ trương đầu tư chương trình, dự án được thực hiện trong các trường hợp sau đây: a) Việc tiếp tục thực hiện chương trình, dự án gây hậu quả về kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, môi trường; b) Việc dừng chủ trương đầu tư chương trình, dự án mang lại hiệu quả cao hơn về tài chính, kinh tế - xã hội và được cơ quan có thẩm quyền thẩm định.”</p> <p>Đề nghị bổ sung thêm điểm c), cụ thể: “(c) Việc dừng chủ trương đầu tư chương trình, dự án do yếu tố khách quan hoặc do thay đổi kỹ thuật, công nghệ.”</p> <p>Lý do đề nghị: - Hầu hết chủ trương đầu tư được phê duyệt trước khi giao kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn của giai đoạn sau, trong khi đó vấn đề kỹ thuật, công nghệ liên tục thay đổi, thời gian 05 năm có thể thay đổi toàn bộ kỹ thuật, công nghệ. Vì vậy, bổ sung thêm điểm c) là phù hợp với thực tiễn.</p>	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tiếp thu trong dự thảo Nghị định và bổ sung thêm trường hợp dừng chủ trương đầu tư dự án trong trường hợp khách quan</p>
41	<p>Khoản 2, Điều 29 Dự thảo quy định: “Điều 29. Thiết kế dự án...2. Nội dung phương án thiết kế dự án quy định tại khoản 1 Điều này thực hiện theo quy định pháp luật chuyên ngành.”</p> <p>Đề nghị sửa đổi: - “Điều 29. Thiết kế dự án đối với dự án đầu tư công không có cấu phần xây dựng”.</p> <p>- Đồng thời soạn thảo bổ sung quy định chi tiết về nội dung phương án thiết kế đối với dự án không có cấu phần xây dựng.</p> <p>Lý do đề nghị: - Đối với dự án không có cấu phần xây dựng (dự án mua sắm thiết bị) chưa có quy định hướng dẫn chi tiết về nội dung phương án thiết kế, chưa quy định tiêu chí làm cơ sở để xác định thiết kế dự án một bước, chưa quy định thiết kế một bước sẽ được thực hiện cùng với giai đoạn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi sau sau khi phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi... dẫn đến khó khăn trong quá trình xác định thiết kế dự án. Vì vậy, đề nghị cơ quan soạn thảo Dự thảo bổ sung quy định này.</p>	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư giải trình như sau: Đây là nội dung kế thừa từ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP, thời gian triển khai vừa qua không phát sinh vướng mắc.</p>
42	<p>Điều 30 Dự thảo quy định: “Điều 30. Nội dung và xác định tổng mức đầu tư của dự án”</p> <p>Đề nghị sửa đổi: “Điều 30. Nội dung và xác định tổng mức đầu tư của dự án không có cấu phần xây dựng”</p> <p>Lý do đề nghị: - Khoản 2 và khoản 3, Điều 30 Dự thảo quy định các chi phí và nội dung của dự án không có cấu phần xây dựng, không nêu các chi phí và nội dung của dự án xây dựng. Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo Dự thảo sửa tên Điều 30 cho phù hợp với quy định chi tiết tại khoản 2, khoản 3.</p>	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư giải trình như sau: Đây là nội dung kế thừa từ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP, thời gian triển khai vừa qua không phát sinh vướng mắc.</p>
43	<p>Điều 32 Dự thảo quy định: “Điều 32. Thẩm quyền thẩm định, phê duyệt thiết kế, dự toán dự án”</p> <p>Đề nghị sửa đổi: “Điều 30. Thẩm quyền thẩm định, phê duyệt thiết kế, dự toán không có cấu phần xây dựng”</p> <p>Lý do đề nghị: - Thẩm quyền thẩm định, phê duyệt thiết kế, dự toán dự án đầu tư xây dựng được quy định theo pháp luật chuyên ngành.</p>	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư giải trình như sau: Đây là nội dung kế thừa từ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP, thời gian triển khai vừa qua không phát sinh vướng mắc.</p>
VII,	Bảo hiểm xã hội Việt Nam	11

STT	Ý kiến góp ý	Tiếp thu, giải trình
44	Về thời gian bố trí vốn thực hiện dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và dự án thành phần còn lại: một trong những khó khăn, vướng mắc hiện tại là thời gian thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng quá dài (do tranh chấp...) nên thời gian còn lại không đủ để thực hiện các nội dung chính của dự án. Vì vậy, đề nghị nghiên cứu, cân nhắc theo hướng: thời gian bố trí vốn thực hiện dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và thời gian thực hiện dự án thành phần còn lại thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công	Bộ Kế hoạch và Đầu tư giải trình như sau: Nội dung này không được Luật số 58/2024/QH15 giao Chính phủ quy định chi tiết.
45	đề nghị bổ sung thêm trường hợp: Vốn thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư được bố trí để giải phóng mặt bằng. Lý do: nhiều dự án không thể tách riêng chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng thành dự án độc lập (giải phóng mặt bằng, khó khăn về giải phóng mặt bằng trong nhiều trường hợp chưa rõ tại thời điểm phê duyệt chủ trương đầu tư) nhưng cần thiết bố trí vốn giải phóng mặt bằng trước khi phê duyệt dự án.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư giải trình như sau: Nội dung này không được Luật số 58/2024/QH15 giao Chính phủ quy định chi tiết.
VIII	Kiểm toán nhà nước	
46	Do dự thảo Nghị định hướng dẫn Luật Đầu tư công (sửa đổi) vì vậy cần xác định rõ Nghị định này có thay thế Nghị định 40/2020/NĐ-CP hướng dẫn Luật Đầu tư công 2019 hay chỉ sửa đổi bổ sung.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư giải trình như sau: Theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Nghị định số 40/2020/NĐ-CP sẽ hết hiệu lực từ ngày 01/01/2025.
47	Phần căn cứ, Phạm vi điều chỉnh cần nêu đúng là Căn cứ Luật Đầu tư công (sửa đổi). Từ đó xác định tên gọi và làm rõ tại Khoản 1 Điều 58 của Dự thảo về hiệu lực và thay thế những Nghị định nào.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư tiếp thu nội dung này và đã bổ sung căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15.
48	Dự thảo Nghị định chưa có quy định về một số nội dung sau: - Chi tiết các trường hợp quyết định kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân vốn kế hoạch đầu tư nguồn ngân sách nhà nước hằng năm khi Luật Đầu tư công (sửa đổi) chưa quy định cụ thể; - Quy định về phương pháp, tiêu chí đánh giá hiệu quả đầu tư các chương trình, dự án đầu tư công theo quy định tại khoản 6 Điều 71 Dự thảo Luật Đầu tư công (sửa đổi) làm cơ sở cho các tổ chức, cá nhân thực hiện. - Quy định rõ trình tự, thủ tục và thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư và dự án đầu tư đối với trường hợp Dự án đầu tư công bao gồm nhiều dự án thành phần sử dụng nhiều nguồn vốn khác nhau (vốn NSNN và vốn đầu tư của nhà đầu tư tiềm năng).	Bộ Kế hoạch và Đầu tư giải trình như sau: (i) Nội dung về các trường hợp kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân đã được quy định cụ thể tại Luật Đầu tư công năm 2024; (ii) Về phương pháp, tiêu chí đánh giá hiệu quả đầu tư chương trình, dự án sẽ được quy định tại Nghị định khác; (iii) Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư: Trường hợp dự án sử dụng một phần vốn NSNN, thực hiện theo quy định của Luật và Nghị định này.
49	Dự thảo chỉ quy định về việc lập kế hoạch đầu tư đối với nguồn thu hợp pháp của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư. Do đó, đề nghị bổ sung quy định về triển khai, theo dõi, đánh giá, giám sát và báo cáo, quyết toán việc thực hiện kế hoạch đầu tư từ nguồn này. Ngoài ra, nghiên cứu bổ sung quy định, trách nhiệm, nội dung, thời gian cụ thể trong việc báo cáo tình hình thực hiện, giải ngân đối với các dự án đầu tư từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư. Hiện dự thảo Nghị định chưa có quy định cụ thể đối với nguồn vốn này (Chương VII).	Bộ Kế hoạch và Đầu tư giải trình như sau: Nội dung này không được Luật số 58/2024/QH15 giao Chính phủ quy định chi tiết.

STT	Ý kiến góp ý	Tiếp thu, giải trình
50	Đề nghị bổ sung quy định các bộ, ngành địa phương, các chủ đầu tư cung cấp thông tin, update thông tin cơ bản về dự án (theo tháng) trên Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về đầu tư công để thuận lợi cho việc theo dõi, quản lý, khai thác, sử dụng cũng như kiểm tra, giám sát và đảm bảo tính công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư giải trình như sau: Đối với các nội dung cụ thể liên quan đến trách nhiệm cung cấp, cập nhật thông tin cơ bản về dự án được quy định tại Thông tư hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.
51	Đối với quy định về số lượng hồ sơ chủ chương trình, dự án đầu tư công phải nộp, gửi trình thẩm định (Điều 10, Điều 19, Điều 20), nghiên cứu bổ sung thêm quy định về nộp hồ sơ trực tuyến, hồ sơ file mềm ký số.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư sẽ nghiên cứu để quy định nội dung này bảo đảm tính khả thi, hiệu lực quản lý trong thực hiện.
52	Đối với quy định liên quan tới nhiệm vụ chuẩn bị chuẩn bị đầu tư, nhiệm vụ quy hoạch và quản lý dự án đầu tư công không có cấu phần xây dựng (thuộc Chương IV): Dự thảo Nghị định chưa quy định hướng dẫn trong công tác lựa chọn / giao đơn vị thực hiện, việc ký kết hợp đồng, nội dung hợp đồng và quản lý giám sát thực hiện hợp đồng ra sao, thời hạn bảo hành đối với dự án (nhất là đối với các dự án không có cấu phần xây dựng).	Bộ Kế hoạch và Đầu tư giải trình như sau: Đây là nội dung kế thừa từ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP, thời gian triển khai vừa qua không phát sinh vướng mắc. Việc quy định này nhằm duy trì hiệu lực pháp lý của các nội dung đã triển khai trong thời gian qua.
53	Tại Điều 3 - Giải thích từ ngữ: Xem xét bổ sung quy định về “Dự án trọng điểm quốc gia” do hiện nay thuật ngữ này được sử dụng rất nhiều nhưng chưa có quy định cụ thể nhằm đảm bảo thống nhất trong quản lý.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư giải trình như sau: Nội dung này không được Luật số 58/2024/QH15 giao Chính phủ quy định chi tiết, đồng thời khái niệm này cũng không có trong Luật số 58/2024/QH15
54	Tại khoản 2 Điều 5: Ngoài các chi phí như dự thảo đang nêu, đề nghị bổ sung thêm tại khoản này đối với chi phí “lập báo cáo đánh giá tác động môi trường và các chi phí hợp pháp khác phục vụ công tác lập, thẩm định và phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư (nếu có).”	Bộ Kế hoạch và Đầu tư giải trình như sau: Nội dung này không được Luật số 58/2024/QH15 giao Chính phủ quy định chi tiết.
55	Tại điểm b, c, khoản 1, Điều 6: Có sự trùng lặp về quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm B và nhóm C. Điểm b, quy định đảm bảo chi đầu tư được quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm B, C; tuy nhiên điểm c thì quy định đảm bảo chi thường xuyên.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tiếp thu và sửa đổi nội dung này trong dự thảo Nghị định.
56	Tại Điều 7: + Điểm a, Khoản 1: Xem xét bổ sung thêm từ “tổ chức lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi..” vì có thể đơn vị được giao không đủ năng lực lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi. + Điểm b, Khoản 1: xem xét bổ sung thêm từ “..chủ trì thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi..” do công tác thẩm định báo cáo tiền khả thi gồm nhiều nội dung khác nhau (kỹ thuật, nguồn vốn...), nên cần có một đơn vị chủ trì thực hiện.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tiếp thu và sửa đổi nội dung này trong dự thảo Nghị định.
57	Điều 8. Nguyên tắc, thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư dự án đầu tư công nhóm A, B, C tại nước ngoài, Dự thảo Nghị định đang biên tập dẫn chiếu ngược lại Luật. Do vậy, cần biên tập cụ thể, chi tiết hơn hoặc lược bỏ nếu không cần thiết.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư giải trình như sau: Đây là nội dung kế thừa từ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP, thời gian triển khai vừa qua không phát sinh vướng mắc.

STT	Ý kiến góp ý	Tiếp thu, giải trình
58	Nghiên cứu bổ sung thêm từ “tổ chức” tại các: điểm a khoản 1 Điều 7; điểm a khoản 1 Điều 9 (“tổ chức lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi...”); điểm a khoản 1 Điều 16 (“tổ chức lập báo cáo nghiên cứu khả thi...” cho rõ nghĩa.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư giải trình như sau: Đây là nội dung kế thừa từ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP, thời gian triển khai vừa qua không phát sinh vướng mắc.
59	Điều 9: Nghiên cứu bổ sung nội dung điểm c khoản 3 thành “c) Dự kiến tổng mức đầu tư; dự kiến cơ cấu nguồn vốn đầu tư” để đảm bảo đầy đủ nội dung.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tiếp thu và sửa đổi nội dung này trong dự thảo Nghị định.
60	<p>Tại Điều 10:</p> <p>+ Gồm tên của Điều 10 và các khoản quy định chi tiết) Đề nghị rà soát, sửa đổi và bổ sung quy định về hồ sơ, nội dung và thời gian thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi đối với dự án quan trọng quốc gia nhằm đảm bảo quy định được toàn diện đối với các loại hình dự án (phân loại theo mức độ quan trọng và quy mô đầu tư), hiện tại dự thảo chưa quy định đối với loại dự án này. Đồng thời, phù hợp với Điều 36 dự thảo Luật ĐTC sửa đổi.</p> <p>+ Khoản 4: về nội dung thẩm định Chương trình đầu tư công: bổ sung nội dung khả năng thu hồi vốn và trả nợ trong trường hợp sử dụng vốn vay.</p> <p>+ Khoản 5: xem xét quy định cơ quan được giao thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn có trách nhiệm gửi ý kiến thẩm định cho cơ quan chủ trì thẩm định.</p> <p>+ Khoản 6: xem xét quy định thời gian cơ quan được giao thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn gửi ý kiến thẩm định cho cơ quan chủ trì thẩm định.</p>	Bộ Kế hoạch và Đầu tư giải trình như sau: Các nội dung về dự án quan trọng quốc gia sẽ được quy định tại Nghị định riêng (Nghị định thay thế Nghị định số 29/2021/NĐ-CP). Các nội dung còn lại tiếp thu và sửa đổi trong dự thảo Nghị định.
61	Tại khoản 1 Điều 12 và tiêu đề Điều 12: Đề nghị Ban soạn thảo nghiên cứu sửa đổi theo hướng quy định rõ việc tách riêng việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng thành dự án thành phần/ dự án thành phần độc lập. Do nếu chỉ để là dự án độc lập như dự thảo sẽ khó đảm bảo tiến độ của dự án tổng thể. Ngoài ra, cập nhật đồng nhất nội dung này đang được nêu tại khoản 3 Điều 22 dự thảo Nghị định.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư giải trình như sau: Nội dung này không được Luật số 58/2024/QH15 giao Chính phủ quy định chi tiết.
62	Tại Điều 13 Dự thảo Nghị định phân loại dự án đầu tư công nhóm A, nhóm B, nhóm c chi tiết theo Phụ lục, tuy nhiên không có Phụ lục kèm theo. Do vậy, cần rà soát bổ sung cho đầy đủ.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tiếp thu và bổ sung Phụ lục 1 kèm theo dự thảo Nghị định.
63	Tại Điều 14: Đề nghị Ban soạn thảo nghiên cứu bổ sung quy định thời gian thẩm định Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi điều chỉnh, Đề xuất chương trình, dự án điều chỉnh nhằm đồng bộ và tránh thời gian điều chỉnh chương trình, dự án bị kéo dài.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư giải trình như sau: Nội dung này không được Luật số 58/2024/QH15 giao Chính phủ quy định chi tiết.
64	Tại điểm a, khoản 1, Điều 16: xem xét bổ sung “chủ trì thẩm định” do công tác thẩm định báo cáo tiền khả thi gồm nhiều nội dung khác nhau (kỹ thuật, nguồn vốn...), nên cần có một đơn vị chủ trì thực hiện.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tiếp thu và sửa đổi nội dung này trong dự thảo Nghị định.
65	Tại Điều 17: Nghiên cứu biên tập gộp nội dung khoản 3 (dự án đầu tư công có cấu phần xây dựng của cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài) và khoản 4 (dự án đầu tư công có cấu phần xây dựng của cơ quan khác của Việt Nam ở nước ngoài) do cùng nội dung để đảm bảo tính ngắn gọn.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư giải trình như sau: 02 nội dung này khác biệt, áp dụng các quy định khác nhau của pháp luật, do đó cần tách riêng để bảo đảm tính rõ ràng trong thực hiện.

STT	Ý kiến góp ý	Tiếp thu, giải trình
66	Tại Điều 20 “Hồ sơ, nội dung thẩm định dự án đầu tư công”: Nghiên cứu biên tập lại nội dung Khoản 5 “Nội dung thẩm định dự án đầu tư công có cấu phần xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng, các nội dung pháp luật xây dựng chưa quy định tại khoản 4 Điều này và các quy định khác của pháp luật có liên quan ” do chưa rõ nghĩa.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư giải trình như sau: Đây là nội dung kế thừa từ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP, thời gian triển khai vừa qua không phát sinh vướng mắc. Việc quy định như thế này để nhằm tránh việc bỏ sót nội dung thẩm định được quy định tại pháp luật về xây dựng nhưng không có tại dự thảo Nghị định.
67	Tại điểm c, khoản 3 Điều 22: về phân loại dự án thành phần/ dự án thành phần độc lập được tách ra từ dự án tổng thể: Đề nghị Ban soạn thảo xem xét đưa vào nội dung quyết định của cấp quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án; đồng thời quy định rõ theo hướng phân loại dự án thành phần theo tiêu chí phân loại dự án quy định tại Luật Đầu tư công và quy định tại Nghị định này. Do trường hợp phân loại như dự án tổng thể sẽ ảnh hưởng trực tiếp và làm tăng các chi phí liên quan xuyên suốt quá trình triển khai thực hiện dự án do được hưởng định mức, các hệ số tăng thêm nếu cùng phân loại và phân loại dự án tổng thể.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư giải trình như sau: Đây là nội dung kế thừa từ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP, thời gian triển khai vừa qua không phát sinh vướng mắc.
68	Tại Điều 30 về Phương pháp xác định một số khoản chi phí cụ thể trong tổng mức đầu tư: Đề nghị xem xét biên tập gộp khoản 4 và khoản 5 để đảm bảo tránh trùng lặp với các quy định thuộc các văn bản quản lý chuyên ngành.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư giải trình như sau: Đây là nội dung kế thừa từ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP, thời gian triển khai vừa qua không phát sinh vướng mắc.
69	Điều 36 “Nghiệm thu đưa dự án vào khai thác sử dụng”. Nghiên cứu bổ sung quy định về công tác kiểm tra, chứng nhận của cơ quan quản lý chuyên môn, quản lý ngành đối với dự án đầu tư công không có cấu phần xây dựng trước khi đưa dự án vào khai thác sử dụng (đặc biệt là các dự án đầu tư thiết bị công nghệ cao, đặc thù, khi đưa vào khai thác, sử dụng ảnh hưởng tới sức khỏe, an toàn, môi trường...).	Bộ Kế hoạch và Đầu tư giải trình như sau: Đây là nội dung kế thừa từ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP, thời gian triển khai vừa qua không phát sinh vướng mắc. Đồng thời, các dự án không có cấu phần xây dựng xuất hiện ở nhiều ngành, lĩnh vực với yêu cầu quản lý khác nhau, do đó không thể quy định chung tại Nghị định.
70	Tại Điều 40: bổ sung quy định rõ đơn vị chủ trì tổng hợp kế hoạch đầu tư hằng năm và kế hoạch đầu tư trung hạn để báo cáo Chính phủ, Quốc hội đối với nguồn thu hợp pháp của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư giải trình như sau: Nội dung này đã được quy định tại Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 theo hướng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính tổng hợp, báo cáo Chính phủ, Quốc hội
71	Tại các khoản 1,2,3,4 Điều 51: Đề nghị rà soát sửa đổi đối với “giải ngân kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm” do thực tế chỉ có giải ngân đối với kế hoạch đầu tư công hằng năm; đối với trung hạn đề nghị biên tập thành “lũy kế số vốn trong trung hạn đã được giao”....	Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tiếp thu và sửa đổi nội dung này trong dự thảo Nghị định.
72	Tại Điều 55: bổ sung quy định trách nhiệm của Bộ KH&ĐT trong việc theo dõi, kiểm tra thực hiện kế hoạch đầu tư công hằng năm và trung hạn.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư giải trình như sau: Nội dung này không được Luật số 58/2024/QH15 giao Chính phủ quy định chi tiết.

STT	Ý kiến góp ý	Tiếp thu, giải trình
IX	Bộ Công thương	
73	Phạm vi điều chỉnh tại Khoản 7 Điều 1 dự thảo Nghị định quy định “Quản lý thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư, nhiệm vụ quy hoạch và dự án đầu tư công không có cấu phần xây dựng”, như vậy đối với dự án có cấu phần xây dựng thì thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư và thẩm quyền quyết định đầu tư có thuộc phạm vi điều chỉnh tại các Điều 5 và Điều 15 của dự thảo Nghị định không. Đề nghị cơ quan soạn thảo làm rõ, đồng thời bổ sung quy định cụ thể để xác định dự án không có cấu phần xây dựng (theo hướng quy định về quy mô cấu phần xây dựng hoặc tỷ lệ giá trị cấu phần phần xây dựng trong tổng mức đầu tư).	Bộ Kế hoạch và Đầu tư giải trình như sau: Đối với dự án có cấu phần xây dựng thực hiện theo quy định của pháp luật về xây dựng. Việc xác định dự án không có cấu phần xây dựng đã được quy định tại Luật Đầu tư công năm 2024.
74	Việc quản lý vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư (gọi tắt là vốn từ nguồn thu hợp pháp) hiện còn vướng mắc, bất cập. Cụ thể, việc xác định số vốn từ nguồn thu hợp pháp để lập kế hoạch đầu tư trung hạn chưa phản ánh đúng tình hình thực tế, đặc biệt đối với các đơn vị sự nghiệp công lập có nguồn thu không ổn định. Vì vậy đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét bổ sung quy định về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư trung hạn vốn từ nguồn thu hợp pháp trong trường hợp các đơn vị không bảo đảm được nguồn thu theo kế hoạch đã đăng ký hoặc vì những nguyên nhân khác dẫn đến dự án không được triển khai.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư giải trình như sau: Đối với kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn từ nguồn thu hợp pháp chỉ lập, không thực hiện việc thẩm định, quyết định, do đó không cần điều chỉnh.
75	Để bảo đảm tính khả thi trong công tác giao kế hoạch hằng năm vốn từ nguồn thu hợp pháp, đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét điều chỉnh quy định thời điểm giao kế hoạch hằng năm vốn từ nguồn thu hợp pháp sau khi đơn vị xác định được nguồn vốn cụ thể (đã trích lập quỹ dành cho đầu tư) thay cho quy định “tổng hợp phương án phân bổ chi tiết kế hoạch hằng năm vốn từ nguồn thu hợp pháp gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính trước ngày 31 tháng 12 năm trước năm kế hoạch” như khoản 5 Điều 40 của dự thảo Nghị định.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư giải trình như sau: Trường hợp không quy định mốc thời gian cụ thể sẽ không có căn cứ để kịp thời tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền đối với nguồn vốn này.
76	Đề nghị quy định rõ nội dung “lập, phê duyệt, giao, triển khai thực hiện và theo dõi, kiểm tra, đánh giá kế hoạch đầu tư công tại Chương VII của dự thảo Nghị định” chỉ áp dụng cho nguồn vốn NSNN, vì đối với các nguồn vốn khác (như: vốn từ nguồn thu hợp pháp; vốn từ nguồn cấp bù lãi suất...) đã được quy định tại các Chương khác của dự thảo Nghị định.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư giải trình như sau: Quy định về việc lập, phê duyệt, giao, triển khai thực hiện và theo dõi, kiểm tra, đánh giá kế hoạch đầu tư công áp dụng đối với các loại kế hoạch đầu tư công quy định tại Luật Đầu tư công năm 2024.
X	Bộ Y tế	
77	Tại khoản 3 Điều 4. Ngành, lĩnh vực sử dụng vốn đầu tư công: đề nghị sửa lại thành “Giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp: Các nhiệm vụ, chương trình, dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, thiết bị phục vụ mục tiêu giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp của các ngành, lĩnh vực thuộc các cấp học từ mầm non đến đại học và sau đại học; đầu tư cơ sở đào tạo cán bộ của các bộ, cơ quan trung ương và địa phương” để phù hợp với dự thảo Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026-2030	Bộ Kế hoạch và Đầu tư sẽ nghiên cứu tiếp thu nội dung này trong quá trình hoàn thiện Nghị định và Nghị quyết về các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn NSNN giai đoạn 2026-2030.
78	Tại khoản 5 Điều 4. Ngành, lĩnh vực sử dụng vốn đầu tư công: đề nghị sửa lại thành “Y tế, dân số và gia đình: Các nhiệm vụ, chương trình, dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, đầu tư thiết bị phục vụ mục tiêu về y tế bao gồm y tế dự phòng; khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng; giám định y khoa, pháp y, pháp y tâm thần; y, dược cổ truyền; trang thiết bị y tế; dược, mỹ phẩm; an toàn thực phẩm; bảo hiểm y tế; dân số, sức khỏe sinh sản” để phù hợp với dự thảo Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026-2030	Bộ Kế hoạch và Đầu tư sẽ nghiên cứu tiếp thu nội dung này trong quá trình hoàn thiện Nghị định và Nghị quyết về các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn NSNN giai đoạn 2026-2030.

STT	Ý kiến góp ý	Tiếp thu, giải trình
79	Tại Điều 4: đề nghị bổ sung thêm ngành, lĩnh vực xã hội như dự thảo Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026-2030, trong đó đề nghị bổ sung thêm nội dung "...chăm sóc sức khỏe người lao động, phòng chống bệnh nghề nghiệp, điều dưỡng sức khỏe người lao động...".	Bộ Kế hoạch và Đầu tư sẽ nghiên cứu tiếp thu nội dung này trong quá trình hoàn thiện Nghị định và Nghị quyết về các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn NSNN giai đoạn 2026-2030.
80	Tại khoản 2 Điều 5 Chi phí lập, thẩm định chương trình, dự án đầu tư công: Đề nghị có hướng dẫn cụ thể (hoặc giao Bộ Tài chính hướng dẫn) về việc hạch toán, quyết toán các chi phí trường hợp dự án không được cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư, các khoản chi phí đã chi cho công tác lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, báo cáo nghiên cứu khả thi.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư giải trình như sau: Nội dung này thuộc chức năng, nhiệm vụ của Bộ Tài chính.
81	Khoản 3 Điều 6: đề nghị bỏ nội dung này do nội dung này đã được quy định tại khoản 1 Điều 39 Lập kế hoạch đầu tư trung hạn vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư để giảm bớt các thủ tục hành chính; đồng thời tại quy định về việc giao kế hoạch vốn hàng năm đã yêu cầu phải báo cáo nội dung này.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư giải trình như sau: Đây là nội dung kế thừa từ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP, thời gian triển khai vừa qua không phát sinh vướng mắc.
82	Tại khoản 5 Điều 10 đề nghị sửa lại thành: "Cơ quan chủ trì thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư chương trình, dự án có trách nhiệm lấy ý kiến các cơ quan liên quan về các nội dung cơ bản của dự án, sự cần thiết đầu tư dự án theo quy định tại khoản.... Điều.... của Luật Đầu tư công trong quá trình thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư chương trình dự án" trong trường hợp cơ quan chủ trì thẩm định đã là cơ quan đầu mối về tài chính, được giao thẩm định về nguồn vốn và khả năng cân đối vốn.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư tiếp thu nội dung này trong dự thảo Nghị định.
83	Tại điểm a khoản 8 Điều 10 đề nghị bổ sung thêm đối tượng là nhóm A thuộc thẩm quyền của các bộ, cơ quan trung ương.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư tiếp thu nội dung này trong dự thảo Nghị định.
84	Tại khoản 3 Điều 12. Trình tự thủ tục tách riêng việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thành dự án độc lập đề nghị có có hướng dẫn cụ thể do hiện nay pháp luật về đầu tư công, pháp luật về xây dựng, pháp luật đất đai chưa có hướng dẫn cụ thể cho việc lập, thẩm định, quyết định, điều chỉnh quyết định đầu tư dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; nếu ghi như quy định hiện nay sẽ khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư giải trình như sau: Nội dung này không được Luật số 58/2024/QH15 giao Chính phủ quy định chi tiết.
85	Tại điểm a khoản 2 Điều 27. Trình tự, thủ tục dừng chủ trương đầu tư, chương trình dự án đầu tư công đề nghị bổ sung quy định cơ sở đánh giá, cơ quan đánh giá để xác định việc "dự án gây hậu quả về kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, môi trường". Bổ sung quy định, việc dừng chủ trương thực hiện dự án do không phù hợp quy hoạch phát triển của Chủ đầu tư đã được cấp thẩm quyền phê duyệt và các lý do bất khả kháng.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư giải trình, tiếp thu như sau: (i) Đã bổ sung trường hợp bất khả kháng; (ii) Không thể quy định cụ thể các cơ sở và cơ quan đánh giá về việc "dự án gây hậu quả về kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, môi trường" do còn tùy thuộc vào tính chất đặc thù của từng dự án.
86	Tại khoản 6 Điều 28, đề nghị bổ sung quy định cụ thể để xác định đối với "dự án khẩn cấp không có cấu phần xây dựng".	Bộ Kế hoạch và Đầu tư giải trình như sau: Khái niệm dự án khẩn cấp đã được quy định cụ thể tại Luật Đầu tư công 2024.

STT	Ý kiến góp ý	Tiếp thu, giải trình
87	<p>Tại điểm b khoản 1 Điều 40 đề nghị không áp dụng đối với vốn Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập do được trích lập vào cuối năm từ nguồn thu dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh nên đây là nguồn phát sinh trong năm, đến cuối năm mới tổng hợp được số trích lập Quỹ, không nên yêu cầu báo cáo vào ngày 31 tháng 7 trước năm kế hoạch. Đề nghị đối với nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư cho dự án đầu tư công đề nghị tách rõ hai nguồn như quy định hiện nay tại Nghị định 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 gồm nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước dành để đầu tư (bắt buộc yêu cầu Chủ đầu tư mở tài khoản để kiểm soát, thanh toán vốn tại Kho bạc Nhà nước) và nguồn thu hợp pháp của đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư (không bắt buộc phải kiểm soát, thanh toán vốn tại KBNN), nơi mở tài khoản để giải ngân vốn theo quy định của Chính phủ về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.</p>	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư giải trình như sau: Trường hợp không quy định mốc thời gian cụ thể sẽ không có căn cứ để kịp thời tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền đối với nguồn vốn này.</p>
88	<p>Tại khoản 1 Điều 52 Trình tự, thủ tục điều chỉnh kế hoạch trung hạn và hằng năm vốn ngân sách nhà nước: đề nghị bổ sung thêm quy định “Trong vòng ngày làm việc, sau khi nhận được đề xuất của các bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp có thẩm quyền sẽ có ý kiến về phương án điều chỉnh của các bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.”</p>	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư giải trình như sau: Nội dung này có thể gây phát sinh thủ tục hành chính, đồng thời đang được triển khai theo quy định của Luật Đầu tư công 2019 và Nghị định số 40/2020/NĐ-CP, trong thời gian qua không phát sinh vướng mắc.</p>
89	<p>Tại khoản 3 Điều 58 Luật Đầu tư công đề nghị bổ sung thêm quy định của Nghị định số 82/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ về quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.</p>	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư tiếp thu nội dung này tại dự thảo Nghị định.</p>
XI	Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn	
90	<p>Điều 3. Giải thích từ ngữ Dự thảo Nghị định có sử dụng nhiều cụm từ “dự án thành phần”, “dự án độc lập” tuy nhiên chưa có nội dung giải thích từ ngữ cho các cụm từ này. Đề nghị bổ sung giải thích từ ngữ các cụm từ “dự án thành phần”, “dự án độc lập”. Các cụm từ này hiện chưa được giải thích từ ngữ ở trong Dự thảo luật Đầu tư công (sửa đổi)</p>	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư giải trình như sau: Nội dung này không được Luật số 58/2024/QH15 giao Chính phủ quy định chi tiết.</p>
91	<p>Đề nghị sửa điểm a khoản 10 Điều 4 như sau: Các hoạt động kinh tế gồm các nhiệm vụ, chương trình, dự án phục vụ các mục tiêu thuộc các lĩnh vực sau: a) Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, phòng, chống thiên tai, thủy lợi và thủy sản: cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, trang thiết bị cho nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, đề điều, thủy lợi và thủy sản; kinh tế nông thôn (bao gồm xây dựng nông thôn mới; cung cấp nước sạch và bảo đảm vệ sinh môi trường nông thôn; phát triển ngành nghề, làng nghề nông thôn gắn với hộ gia đình và hợp tác xã; bố trí, sắp xếp lại dân cư nông thôn, định canh, định cư, bố trí dân cư các vùng thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng và tái định cư các dự án thủy lợi, thủy điện); phát triển giống cây trồng, vật nuôi;.....”</p>	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư sẽ nghiên cứu tiếp thu nội dung này trong quá trình hoàn thiện Nghị định và Nghị quyết về các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn NSNN giai đoạn 2026-2030.</p>

STT	Ý kiến góp ý	Tiếp thu, giải trình
92	<p>Điểm a khoản 1 Điều 7 dự thảo ND quy định như sau: "1. Người đứng đầu bộ cơ quan trung ương: a) Giao đơn vị trực thuộc hoặc đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quản lý lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư đối với chương trình, dự án....."</p> <p>Lý do sửa đổi:</p> <p>1. Cơ sở pháp lý: Tại điểm a khoản Điều 26 Dự thảo Luật Đầu tư công sửa đổi quy định: "Người đứng đầu Bộ, cơ quan trung ương có trách nhiệm: a) Giao đơn vị trực thuộc, bao gồm cả đơn vị sự nghiệp trực thuộc tổ chức lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư."</p> <p>2. Cơ sở thực tiễn: Có cách hiểu khác nhau giữa 2 cụm từ "tổ chức lập" và "lập". Thực tế để đảm bảo tính chính xác, việc khảo sát lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư; báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, đơn vị được giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư cơ bản sẽ thuê tư vấn lập. Vì vậy cấp quyết định đầu tư chỉ cần giao đơn vị thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư đứng ra tổ chức lập sau đó trình đơn vị có chức năng thẩm định, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư.</p> <p>Đề xuất sửa đổi: "1. Người đứng đầu bộ cơ quan trung ương: a) Giao đơn vị trực thuộc hoặc đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quản lý tổ chức lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư đối với chương trình, dự án....."</p>	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư tiếp thu nội dung này tại dự thảo Nghị định.</p>
93	<p>Điểm d khoản 4 Điều 10 dự thảo ND quy định như sau: "4. Nội dung thẩm định chủ trương đầu tư dự án đầu tư công nhóm A, B, C: ...</p> <p>đ) Các nội dung quy định tại các Điều... của Luật Đầu tư công, trong đó thẩm định cụ thể những nội dung cơ bản của dự án, bao gồm mục tiêu, quy mô, hình thức đầu tư, phạm vi, địa điểm, diện tích đất cần sử dụng, thời gian, tiến độ thực hiện, phương án chọn công nghệ chính, giải pháp bảo vệ môi trường, các nguồn vốn và khả năng cân đối vốn; khả năng thu hồi vốn và trả nợ trong trường hợp sử dụng vốn vay; dự kiến bố trí vốn;"</p> <p>Lý do đề xuất sửa đổi: Theo quy định tại khoản Điều 34, Điều 35 Dự thảo Luật Đầu tư công sửa đổi thì:</p> <p>(i) Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A có cấu phần xây dựng;</p> <p>(ii) Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A không có cấu phần xây dựng;</p> <p>(iii) Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án nhóm B, C có các nội dung chủ yếu, cơ bản khác nhau và Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A có cấu phần xây dựng thực hiện theo quy định của pháp luật về xây dựng Tuy nhiên, khoản 4 Điều 10 Dự thảo Nghị định quy định chung các nội dung cơ bản cần thẩm định cho tất cả các loại dự án nêu trên, điều này có thể sẽ dẫn đến:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không thống nhất giữa quy định về nội dung hồ sơ tại Dự thảo Luật Đầu tư công sửa đổi với nội dung thẩm định quy định tại Dự thảo Nghị định hướng dẫn. - Không thống nhất giữa quy định về nội dung hồ sơ theo Luật Xây dựng với nội dung thẩm định quy định tại Dự thảo Nghị định hướng dẫn Dự thảo Luật Đầu tư công sửa đổi <p>Nội dung đề nghị sửa đổi:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đề nghị quy định nội dung thẩm định chủ trương đầu tư dự án theo nhóm dự án (nhóm A và nhóm B, C) và theo loại dự án (dự án có cấu phần xây dựng, dự án không có cấu phần xây dựng) tương ứng với nội dung chủ yếu quy định tại Điều 34, Điều 35 Dự thảo Luật Đầu tư công sửa đổi - Đối với dự án Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A có cấu phần xây dựng không quy 	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư tiếp thu nội dung này tại dự thảo Nghị định theo hướng dẫn chiếu các nội dung quy định tại Luật Đầu tư công 2024.</p>

STT	Ý kiến góp ý	Tiếp thu, giải trình
94	<p>Khoản 2 Điều 14 dự thảo Nghị định quy định Hồ sơ trình cấp có thẩm quyền và thời gian quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư chương trình, dự án đầu tư công A, B, C</p> <p>Theo quy định tại điểm a, khoản 2 Điều 38 Dự thảo Luật Đầu tư công sửa đổi thì dự án đã được quyết định chủ trương đầu tư nhưng chưa quyết định đầu tư thì thực hiện điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án nếu thay đổi nội dung của quyết định chủ trương đầu tư đã được phê duyệt. Tuy nhiên, theo khoản 1, 2 Điều 4 Dự thảo Luật Đầu tư công sửa đổi (giải thích từ ngữ) thì tài liệu hồ sơ giai đoạn chủ trương đầu tư (báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư) là các nội dung nghiên cứu sơ bộ về tính cần thiết, tính khả thi, do vậy trong giai đoạn báo cáo nghiên cứu khả thi với tài liệu nghiên cứu cụ thể, chi tiết hơn thì các nội dung như quy mô công trình, diện tích sử dụng đất, phương án đền bù,... thực tế các dự án giai đoạn báo cáo nghiên cứu khả thi đều sẽ thay đổi so với nội dung chủ trương đầu tư được phê duyệt tùy mức độ.</p> <p>Để giảm thiểu mâu thuẫn giữa các quy định trong Luật, giảm thiểu thủ tục hành chính, đẩy nhanh tiến độ đầu tư công thì tại Điều 14 Dự thảo Nghị định cần có nội dung quy định cụ thể có tính định lượng mức độ thay đổi như thế nào so với chủ trương đầu tư được phê duyệt thì cần điều chỉnh chủ trương đầu tư hoặc không phải điều chỉnh chủ trương đầu tư. Cụ thể có thể vận dụng quy định tại khoản 3 Điều 41 Luật Đầu tư, Nghị định 91/2024/NĐ-CP và Dự thảo Nghị định thay thế Nghị định 15/2021/NĐ-CP như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thay đổi quy mô diện tích đất sử dụng trên 10% hoặc trên 30 ha. - Tăng quy mô, công suất công trình chính trên 10%; - Được phép điều chỉnh một số chỉ tiêu, thông số trong văn bản về quyết định chủ trương đầu tư được duyệt khi không thuộc trường hợp có yêu cầu phải điều chỉnh chủ trương đầu tư theo pháp luật về đầu tư công. - Đối với các dự án do Quốc hội, Thủ tướng quyết định chủ trương đầu tư, được phép thay đổi vị trí, diện tích rừng nhưng không thay đổi loại rừng, không làm tăng diện tích rừng so với tổng diện tích rừng đã được quyết định chủ trương. 	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư giải trình như sau: Nội dung về các trường hợp điều chỉnh chủ trương đầu tư chương trình, dự án đã được quy định tại Luật số 58/2024/QH15, đồng thời không được Luật số 58/2024/QH15 giao Chính phủ quy định chi tiết.</p>
95	<p>Khoản 1 Điều 50 dự thảo NĐ quy định: "Bộ, cơ quan trung ương và địa phương chịu trách nhiệm hoàn thành việc phân bổ chi tiết kế hoạch vốn đầu tư công nguồn ngân sách trung ương hằng năm, danh mục và mức vốn bố trí của từng dự án cho các cơ quan, đơn vị trực thuộc và Ủy ban nhân dân cấp dưới trước ngày 31 tháng 12 năm trước năm kế hoạch; báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính kết quả phân bổ chi tiết kế hoạch trước ngày 10 tháng 01 năm kế hoạch."</p> <p>Đề nghị sửa để thống nhất với khoản 6 Điều 61 dự thảo Luật Đầu tư công sửa đổi: "Bộ, cơ quan trung ương và địa phương chịu trách nhiệm hoàn thành việc phân bổ chi tiết kế hoạch vốn đầu tư công nguồn ngân sách trung ương hằng năm, danh mục và mức vốn bố trí cho từng nhiệm vụ, dự án trước ngày 31 tháng 12 năm trước năm kế hoạch; báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính kết quả phân bổ chi tiết kế hoạch trước ngày 10 tháng 01 năm kế hoạch."</p>	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư tiếp thu nội dung này tại dự thảo Nghị định.</p>
96	<p>Khoản 1 Điều 58 dự thảo NĐ quy định: "Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành"</p> <p>Dự thảo Nghị định chưa làm rõ việc thay thế hay sửa đổi Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công.</p> <p>Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành và thay thế Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công.</p>	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư giải trình như sau: Theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Nghị định số 40/2020/NĐ-CP sẽ hết hiệu lực từ ngày 01/01/2025.</p>

STT	Ý kiến góp ý	Tiếp thu, giải trình
XII	Thanh tra Chính phủ	
97	Về thời gian gia hạn thẩm định chương trình, dự án đầu tư công tại khoản 3 Điều 21, Thanh tra Chính phủ đề nghị nghiên cứu, điều chỉnh phù hợp quy định: "Thời gian gia hạn không quá thời gian thẩm định tương ứng được quy định tại khoản 1 Điều này" nhằm bảo đảm thời gian gia hạn không quá dài, ảnh hưởng đến việc thực hiện chương trình, dự án đầu tư công.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư giải trình như sau: Nội dung về các trường hợp điều chỉnh chủ trương đầu tư chương trình, dự án đã được quy định tại Luật số 58/2024/QH15, đồng thời không được Luật số 58/2024/QH15 giao Chính phủ quy định chi tiết.
98	Về việc gia hạn thời gian bố trí vốn thực hiện dự án tại Điều 49 dự thảo Nghị định, Thanh tra Chính phủ đề nghị rà soát quy định tại các Điều 24 và 52 dự thảo Nghị định để nghiên cứu, quy định bảo đảm phù hợp với việc điều chỉnh chương trình, dự án; phù hợp với việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm. Ngoài ra, Thanh tra Chính phủ đề nghị cần nhắc việc quy định gia hạn thời gian bố trí vốn thực hiện dự án vượt quá 2 năm và các điều kiện gia hạn đối với dự án nhóm A (có tổng mức đầu tư từ 10.000 tỷ đồng đến dưới 30.000 tỷ đồng).	Bộ Kế hoạch và Đầu tư tiếp thu nội dung này tại dự thảo Nghị định.
99	Về nội dung khoản 4 Điều 50 dự thảo Nghị định: "Người đứng đầu bộ, cơ quan trung ương, địa phương chịu trách nhiệm chỉ đạo, điều hành các giải pháp đẩy nhanh tiến độ giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công hàng năm, bảo đảm giải ngân hết kế hoạch vốn được giao theo quy định của Luật Đầu tư công. Trường hợp không giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách trung ương được giao hàng năm, không được kéo dài thời gian thực hiện và kế hoạch vốn sang kế hoạch năm sau...", Thanh tra Chính phủ đề nghị rà soát, bảo đảm phù hợp với nội dung Điều 24 và Điều 52 dự thảo Nghị định.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư tiếp thu nội dung này tại dự thảo Nghị định.
XIII	Văn phòng Chính phủ	
100	Quy định thời gian thực hiện các công việc theo ngày làm việc (tránh trường hợp trùng ngày lễ, ngày nghỉ); có thể quy định các mẫu biểu cụ thể đối với một số nội dung công việc để thống nhất khi triển khai thực hiện; quy định cụ thể thời gian đơn vị trình thẩm định có trách nhiệm bổ sung, làm rõ, hoàn chỉnh hồ sơ sau khi nhận được yêu cầu của cơ quan thẩm định (điểm d khoản 6 Điều 10); bổ sung nghị Nghị định số 82/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2019 (khoản 3 Điều 58).	Bộ Kế hoạch và Đầu tư giải trình như sau: Việc quy định theo ngày làm việc có thể dẫn đến tình trạng trì trệ, chậm trễ trong thực hiện các công việc này. Đã tiếp thu nội dung về Nghị định số 82/2024/NĐ-CP.
XIV	Ủy ban quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp	
101	1. Về bố trí vốn Ngân sách Trung ương cho doanh nghiệp nhà nước để đầu tư và hỗ trợ hoạt động đầu tư cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích, phúc lợi xã hội theo chỉ đạo của Chính phủ Điểm a khoản 10 Điều 4 Dự thảo Nghị định quy định các hoạt động kinh tế gồm các nhiệm vụ, chương trình, dự án phục vụ các mục tiêu thuộc các lĩnh vực: Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản sử dụng vốn đầu tư công, tuy nhiên không quy định các nội dung cho phép bố trí Ngân sách Trung ương cho doanh nghiệp nhà nước để đầu tư và hỗ trợ hoạt động đầu tư cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích, phúc lợi xã hội theo chỉ đạo của Chính phủ, cũng như nguồn vốn ngân sách Nhà nước để duy trì, bảo dưỡng, xây dựng công trình hồ đập, công trình thủy lợi phục vụ cho công tác tưới, chăm sóc các loại cây trồng (Cà phê, lúa, tiêu, điều, cao su)... được giao cho các doanh nghiệp nhà nước trong lĩnh vực nông lâm nghiệp thuộc đối tượng điều chỉnh của Nghị định số 118/2014/NĐ-CP1. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo, nghiên cứu, rà soát, bổ sung quy định nêu trên.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư giải trình như sau: Nội dung này không được Luật số 58/2024/QH15 giao Chính phủ quy định chi tiết.

STT	Ý kiến góp ý	Tiếp thu, giải trình
102	Theo Điều 13 dự thảo Nghị định có quy định dự án đầu tư công nhóm A, B, C phân loại theo Phụ lục, tuy nhiên, tài liệu Bộ Kế hoạch và Đầu tư gửi tại văn bản số 9020/BKHĐT-TH ngày 31/10/2024 không có dự thảo Phụ lục kèm theo. Đây là vướng mắc, khó khăn đối với các dự án trong lĩnh vực đầu tư tài chính và các lĩnh vực kinh doanh có mục tiêu không mạng tính chất đầu tư công nhưng có dẫn chiếu quy định về dự án nhóm A, B, C theo Luật đầu tư công (Ví dụ: Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước gặp vướng mắc trong việc xác định thẩm quyền phê duyệt, quyết định khi thực hiện đầu tư vào các lĩnh vực không được phân loại theo dự án nhóm A, B, C như: đầu tư tài chính, mua cổ phiếu, trái phiếu...). Do vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, rà soát, bổ sung Phụ lục nêu trên.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư tiếp thu và đã bổ sung tại Phụ lục 1 kèm theo dự thảo Nghị định.
103	Theo Điều 25 Dự thảo Luật Đầu tư công có quy định về trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C sử dụng vốn đầu tư công doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ quản lý theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ, nhưng không được quy định chi tiết tại Chương II - Lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án đầu tư công. Ngoài ra, Bộ Tài chính đang chủ trì xây dựng và xin ý kiến về dự thảo Luật quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp để thay thế Luật Quản lý sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp, do vậy, Ủy ban đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, rà soát để thống nhất giữa các nội dung của Dự thảo Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công (sửa đổi) và Dự thảo Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp (Ví dụ như về vấn đề phân cấp thẩm quyền quyết định đầu tư của Hội đồng thành viên/Chủ tịch công ty, Giám đốc/Tổng giám đốc của doanh nghiệp nhà nước), để tránh vướng mắc trong triển khai thực hiện sau khi các Nghị định này được thông qua và có hiệu lực thi hành.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư giải trình như sau: Nội dung về trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư dự án do doanh nghiệp nhà nước là cơ quan chủ quản đã được quy định tại Luật số 58/2024/QH15, đồng thời không được Luật số 58/2024/QH15 giao Chính phủ quy định chi tiết.
B	Địa phương	
I	Tuyên Quang	
104	Tại khoản 2 Điều 5, có quy định: “Trường hợp dự án không được cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư, các khoản chi phí đã chi cho công tác lập Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, báo cáo nghiên cứu khả thi được hạch toán và quyết toán vào chi phí chuẩn bị đầu tư trong chi đầu tư phát triển của bộ, cơ quan trung ương và các cấp chính quyền địa phương”. Trong khoản này chưa đề cập đến việc hạch toán và quyết toán vốn trong trường hợp sử dụng nguồn chi thường xuyên và các nguồn vốn hợp pháp khác để thực hiện các nhiệm vụ trên. Đề nghị cơ quan soạn thảo kiểm tra tính phù hợp của quy định trên cơ sở thống nhất với cơ quan tài chính để đảm bảo tính khả thi trong quá trình triển khai thực hiện.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư giải trình như sau: Nội dung này đã được quy định tại Luật Đầu tư công năm 2024.
105	Tại điểm b, Khoản 8, Điều 47: “Giao Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã hoàn thiện kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau của cấp mình, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp phê duyệt trước ngày 10 tháng 3 năm thứ nhất của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước và gửi Ủy ban nhân dân cấp trên theo quy định”, đề nghị điều chỉnh như sau: “Giao Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã hoàn thiện kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau của cấp mình, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp phê duyệt trước ngày 10 tháng 3 năm thứ nhất của kế hoạch đầu tư công trung hạn và gửi Ủy ban nhân dân cấp trên theo quy định”.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư tiếp thu nội dung này tại dự thảo Nghị định.
106	Tại khoản 3 Điều 58: Xem xét bổ sung Nghị định số 82/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ quy đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư tiếp thu nội dung này tại dự thảo Nghị định.

STT	Ý kiến góp ý	Tiếp thu, giải trình
107	<p>Tại khoản 2 Điều 5, có quy định: “Trường hợp dự án không được cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư, các khoản chi phí đã chi cho công tác lập Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, báo cáo nghiên cứu khả thi được hạch toán và quyết toán vào chi phí chuẩn bị đầu tư trong chi đầu tư phát triển của bộ, cơ quan trung ương và các cấp chính quyền địa phương quản lý dự án”.</p> <p>Trong khoản này chưa đề cập đến việc hạch toán và quyết toán vốn trong trường hợp sử dụng nguồn chỉ thường xuyên và các nguồn vốn hợp pháp khác để thực hiện các nhiệm vụ trên. Đề nghị cơ quan soạn thảo kiểm tra tính phù hợp của quy định trên cơ sở thống nhất với cơ quan tài chính để đảm bảo tính khả thi trong quá trình triển khai thực hiện.</p>	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư giải trình như sau: Nội dung này đã được quy định tại Luật Đầu tư công năm 2024.</p>
108	<p>Tại điểm b khoản 8 Điều 48: “Giao Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã hoàn thiện kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau của cấp mình, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp phê duyệt trước ngày 10 tháng 3 năm thứ nhất của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước và gửi Ủy ban nhân dân cấp trên theo quy định”, đề nghị điều chỉnh như sau: “Giao Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã hoàn thiện kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau của cấp mình, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp phê duyệt trước ngày 10 tháng 3 năm thứ nhất của kế hoạch đầu tư công trung hạn và gửi Ủy ban nhân dân cấp trên theo quy định”.</p>	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư tiếp thu nội dung này tại dự thảo Nghị định.</p>
II	Lạng Sơn	
109	<p>Khoản 2 Điều 32 tại dự thảo Nghị định quy định thẩm quyền phê duyệt thiết kế, dự toán dự án không có cấu phần xây dựng: “Đối với dự án do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý, đơn vị có chức năng được giao nhiệm vụ chủ trì, phối hợp với sở quản lý chuyên ngành tổ chức thẩm định thiết kế, dự toán đầu tư của dự án và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc cơ quan được phân cấp hoặc ủy quyền quyết định đầu tư phê duyệt đối với dự án thiết kế một bước. Chủ đầu tư phê duyệt thiết kế chi tiết và dự toán đối với trường hợp thiết kế hai bước. Việc phê duyệt thiết kế chi tiết và dự toán được thực hiện đồng thời, không tách riêng thiết kế chi tiết với dự toán.”</p> <p>Các dự án không có cấu phần xây dựng không thuộc phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng của Luật Xây dựng ngày 18/6/2014 nên không có cơ sở phân loại dự án thuộc trường hợp thiết kế một bước hay thiết kế hai bước theo quy định của pháp luật về xây dựng. Qua rà soát Luật Đầu tư công, Nghị định số 40/2020/NĐ-CP của Chính phủ, văn bản hướng dẫn chuyên ngành đối với các dự án đầu tư mua sắm thiết bị chuyên ngành trừ dự án ứng dụng công nghệ thông tin không có quy định riêng (tiêu chí) xác định dự án thuộc trường hợp thiết kế một bước hay thiết kế hai bước nên chưa có cơ sở xác định thẩm quyền phê duyệt thiết kế, dự toán dự án là do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hay Chủ đầu tư theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP;</p> <p>Do đó cần xem xét bổ sung dự thảo Nghị định quy định tiêu chí xác định phân loại dự án thuộc trường hợp thiết kế một bước hay thiết kế hai bước đối với các dự án không có cấu phần xây dựng.</p>	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư giải trình như sau: Việc xác định dự án thực hiện thiết kế một bước hay hai bước tùy thuộc vào yêu cầu triển khai dự án cụ thể, do đó không thể quy định tại Nghị định.</p>

STT	Ý kiến góp ý	Tiếp thu, giải trình
110	<p>Theo quy định tại khoản 1 và 3 Điều 50 Luật Xây dựng, khoản 1 Điều 4 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng, giai đoạn (thời gian) thực hiện dự án không bao gồm các công việc lập, thẩm định, quyết định đầu tư dự án. Do đó quá trình thẩm định phê duyệt dự án, chủ đầu tư và sở quản lý chuyên ngành về xây dựng trình UBND tỉnh phê duyệt thời gian thực hiện dự án bao gồm cả thời gian bố trí vốn chuẩn bị đầu tư;</p> <p>Theo quy định tại khoản 2 Điều 52, Điều 54, Điều 91 Luật Đầu tư công, việc bố trí vốn để thực hiện dự án và bố trí vốn để thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư (lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư dự án; lập, thẩm định, quyết định đầu tư dự án) là 02 nội dung khác nhau; thời gian thực hiện dự án phải phù hợp với khả năng cân đối, thời gian bố trí vốn đã phê duyệt. Do đó dự thảo Nghị định cần bổ sung quy định rõ “thời gian thực hiện dự án” để đảm bảo tính thống nhất trong cách hiểu lập ban hành quyết định chủ trương đầu tư và quyết định phê duyệt dự án được thống nhất về thời gian thực hiện dự án.</p>	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư giải trình như sau: Nội dung này đã được quy định cụ thể tại Luật Đầu tư công năm 2024.</p>
111	<p>Khoản 7 Điều 12 dự thảo Nghị định quy định: “Thời gian bố trí vốn thực hiện dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và dự án thành phần còn lại không vượt quá thời gian bố trí vốn thực hiện dự án tổng thể theo quy định của pháp luật về đầu tư công”.</p> <p>Thực tế hiện nay vướng mắc chính dẫn đến các dự án đầu tư công chậm tiến độ là do công tác giải phóng mặt bằng (sẵn sàng về mặt bằng thi công), do đó để phát huy được hiệu quả của việc tách việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thành dự án độc lập đề nghị rà soát, tách riêng thời gian bố trí vốn dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư độc lập với thời gian bố trí vốn của dự án tổng thể hoặc nghiên cứu tách riêng thành dự án độc lập (nằm ngoài dự án xây dựng).</p>	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư giải trình như sau: Nội dung này đã được quy định cụ thể tại Luật Đầu tư công năm 2024.</p>
112	<p>Khoản 2 Điều 49 dự thảo Nghị định về gia hạn thời gian bố trí vốn thực hiện dự án: “2. Trường hợp dự án đã được cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư dự án hoặc cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư đối với dự án thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia quyết định gia hạn thời gian bố trí vốn thực hiện dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C không quá 01 năm, riêng dự án nhóm A có tổng mức đầu tư từ 10.000 tỷ đồng đến dưới 30.000 tỷ đồng không quá 02 năm nhưng vẫn tiếp tục có nhu cầu gia hạn thời gian bố trí vốn thực hiện dự án quá thời gian nêu trên thì cơ quan chủ quản dự án báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định gia hạn thời gian bố trí vốn của các dự án đáp ứng các điều kiện sau...”.</p> <p>Tuy nhiên, quy định nêu trên chưa phù hợp với thẩm quyền quyết định kéo dài thời gian bố trí vốn dự án nguồn ngân sách địa phương (Chủ tịch UBND các cấp) tại điểm b khoản 2 Điều 59 dự thảo Luật Đầu tư công sửa đổi quy định: “2. Trường hợp không đáp ứng thời hạn bố trí vốn tại khoản 1 Điều này:..... b) Đối với vốn ngân sách địa phương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp quyết định thời gian bố trí vốn thực hiện dự án đối với dự án sử dụng vốn ngân sách địa phương do cấp mình quản lý, báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp tại Kỳ họp Hội đồng nhân dân gần nhất”. Do đó đề nghị rà soát, tách riêng quy định đối với dự án sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương.</p>	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tiếp thu nội dung này tại dự thảo Nghị định.</p>
113	<p>Khoản 3 Điều 52 dự thảo Nghị định quy định: “3. Thời gian điều chỉnh kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước hằng năm giữa các dự án trong nội bộ của bộ, cơ quan trung ương và địa phương trước ngày 15 tháng 11 năm kế hoạch”.</p> <p>Tuy nhiên, quy định nêu trên mâu thuẫn với khoản 8 Điều 81 dự thảo Luật Đầu tư công sửa đổi: “8. Thời gian điều chỉnh vốn kế hoạch đầu tư công hằng năm đến hết ngày 31 tháng 12 năm kế hoạch”. Mặt khác, việc thực hiện và giải ngân các dự án tập trung vào cuối năm kế hoạch, để bảo đảm việc triển khai kế hoạch đầu tư công hằng năm phù hợp với khả năng triển khai thực hiện và giải ngân của các dự án, đề xuất áp dụng thời gian điều chỉnh kế hoạch vốn đến hết ngày 31 tháng 12 năm kế hoạch và bỏ quy định khoản này (do đã được quy định tại dự thảo Luật Đầu tư công sửa đổi).</p>	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư giải trình như sau: Nội dung này không được quy định tại Luật Đầu tư công năm 2024, đồng thời Luật NSNN vẫn quy định thời gian điều chỉnh dự toán đến ngày 15/11/2024, do đó việc quy định nội dung này là phù hợp.</p>

STT	Ý kiến góp ý	Tiếp thu, giải trình
114	<p>Dự thảo Luật Đầu tư công sửa đổi, dự thảo Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đầu tư công sửa đổi chưa có quy định cụ thể về trình tự, thủ tục lập, giao kế hoạch vốn tăng thu, tiết kiệm chi nguồn ngân sách địa phương và các nguồn vốn khác cho chi đầu tư phát triển (như nguồn khấu hao tài sản nước sạch bổ sung cho đầu tư theo quy định khoản 7, Điều 22 Nghị định số 43/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ); đề nghị rà soát, bổ sung quy định cụ thể, đặc biệt là đối với trình tự, thủ tục giao vốn nguồn tăng thu, tiết kiệm chi bổ sung cho các dự án đầu tư (sau khi xin ý kiến Thường trực HĐND tỉnh phương án sử dụng nguồn tăng thu, tiết kiệm chi cho các dự án theo khoản 2 Điều 59 Luật Ngân sách nhà nước có phải tiếp tục trình HĐND tỉnh quyết định danh mục dự án và mức vốn bố trí cho các dự án đó theo quy định Luật Đầu tư công?).</p>	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư giải trình như sau: Đối với nguồn vốn tăng thu, tiết kiệm chi vốn NSDP và các nguồn vốn khác ngoài kế hoạch đầu tư công trung hạn thực hiện theo quy định của pháp luật về NSNN.</p>
III	Lào Cai	
115	<p>Tại mục 3, Điều 33 về trình tự, thủ tục và thời gian thẩm định thiết kế, dự toán dự án: Đề nghị tiếp tục xem xét, điều chỉnh giảm thời gian thẩm định thiết kế, dự toán của đơn vị được giao nhiệm vụ thẩm định, cụ thể: Đối với dự án nhóm B: Không quá 20 ngày và không quá 15 ngày đối với dự án nhóm C kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ;</p>	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư giải trình như sau: Tỉnh chưa làm rõ sự cần thiết phải điều chỉnh nội dung này. Nội dung tại Nghị định chỉ quy định thời gian tối đa để thực hiện các nội dung này, trường hợp cần đẩy nhanh địa phương hoàn toàn có thể thực hiện nhanh hơn so với quy định.</p>
116	<p>Tại khoản 3, Điều 34 về nội dung thẩm định, phê duyệt thiết kế, dự toán dự án: Đề nghị tiếp tục xem xét, giảm thời gian phê duyệt thiết kế, dự toán dự án của Cấp có thẩm quyền phê duyệt thiết kế, dự toán dự án, cụ thể: Đối với dự án nhóm B: Không quá 7 ngày và nhóm C: Không quá 3 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Lý do: Hiện dự thảo Nghị định vẫn đang giữ nguyên theo quy định tại khoản 3 Điều 30, khoản 3 Điều 31 của Nghị định số 40/2020/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công. Nhằm góp phần đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước trong hoạt động đầu tư công, đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 05/01/2024, Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 08/8/2024 (Tại khoản 2 điểm 1 Mục III: Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan nghiên cứu, sửa đổi Luật Đầu tư công, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư và các quy định tại các Luật liên quan theo hướng đơn giản hóa, giảm thiểu tối đa các thủ tục hành chính, tháo gỡ các chướng chèo, vướng mắc, đảm bảo công khai, minh bạch, chống tham nhũng, lãng phí..., đặc biệt là các quy định về lập, thẩm định, phê duyệt dự án, kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm, tăng cường phân cấp, phân quyền, đảm bảo công khai, minh bạch; báo cáo cấp có thẩm quyền trong tháng 9 năm 2024) và các nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ, đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét, giảm thời gian theo đề nghị trên.</p>	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư giải trình như sau: Nội dung tại Nghị định chỉ quy định thời gian tối đa để thực hiện các nội dung này, trường hợp cần đẩy nhanh địa phương hoàn toàn có thể thực hiện nhanh hơn so với quy định.</p>

STT	Ý kiến góp ý	Tiếp thu, giải trình
117	<p>Sửa đổi khoản 3, Điều 80: “Trình tự, thủ tục, hồ sơ, kiểm soát chi giấy đề nghị xác định chi phí hợp lệ vốn sự nghiệp và giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư của chủ dự án thực hiện theo quy định của pháp luật về thủ tục hành chính trong lĩnh vực Kho bạc Nhà nước” thành “Trình tự, thủ tục, hồ sơ, kiểm soát chi của chủ dự án thực hiện theo quy định của pháp luật về thủ tục hành chính trong lĩnh vực Kho bạc Nhà nước”.</p> <p>Lý do: Theo quy định tại Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ, chứng từ thanh toán bao gồm: Giấy đề nghị thanh toán (Mẫu số 04/TT; Mẫu số 04.b.nn/TT); Giấy rút vốn (Mẫu số 05/TT); Bộ ngoại giao-Giấy rút vốn kiêm thu ngân sách nhà nước (Mẫu số 06/TT); Giấy rút dự toán ngân sách nhà nước bằng ngoại tệ (Mẫu số 07/TT); Giấy đề nghị thu hồi vốn (Mẫu số 04.b/TT). Tùy từng trường hợp cụ thể để sử dụng các mẫu biểu theo quy định. Như vậy nếu chỉ liệt kê “giấy đề nghị xác định chi phí hợp lệ vốn sự nghiệp và giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư” là chưa đầy đủ.</p>	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư giải trình như sau: Nội dung này không được quy định tại dự thảo Nghị định.</p>
118	<p>Khoản 2 Điều 49 dự thảo Nghị định về gia hạn thời gian bố trí vốn thực hiện dự án: “2. Trường hợp dự án đã được cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư dự án hoặc cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư đối với dự án thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia quyết định gia hạn thời gian bố trí vốn thực hiện dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C không quá 01 năm, riêng dự án nhóm A có tổng mức đầu tư từ 10.000 tỷ đồng đến dưới 30.000 tỷ đồng không quá 02 năm nhưng vẫn tiếp tục có nhu cầu gia hạn thời gian bố trí vốn thực hiện dự án quá thời gian nêu trên thì cơ quan chủ quản dự án báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định gia hạn thời gian bố trí vốn của các dự án đáp ứng các điều kiện sau...”.</p> <p>Tuy nhiên, quy định nêu trên chưa phù hợp với thẩm quyền quyết định kéo dài thời gian bố trí vốn dự án nguồn ngân sách địa phương (Chủ tịch UBND các cấp) tại điểm b khoản 2 Điều 59 dự thảo Luật Đầu tư công sửa đổi quy định: “2. Trường hợp không đáp ứng thời hạn bố trí vốn tại khoản 1 Điều này:..... b) Đối với vốn ngân sách địa phương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp quyết định thời gian bố trí vốn thực hiện dự án đối với dự án sử dụng vốn ngân sách địa phương do cấp mình quản lý, báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp tại Kỳ họp Hội đồng nhân dân gần nhất”. Do đó đề nghị rà soát, tách riêng quy định đối với dự án sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương.</p>	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tiếp thu nội dung này tại dự thảo Nghị định.</p>

STT	Ý kiến góp ý	Tiếp thu, giải trình
119	<p>Đề nghị bổ sung nội dung quy định cụ thể về việc sử dụng nguồn dự phòng ngân sách (trung ương và địa phương) bao gồm việc phê duyệt chủ trương đầu tư, phê duyệt dự án, giao kế hoạch vốn hằng năm... Lý do: Theo quy định tại Điều 10, Luật Ngân sách nhà nước năm 2015:</p> <p>“ 1. Mức bố trí dự phòng từ 2% đến 4% tổng chi ngân sách mỗi cấp. 2. Dự phòng ngân sách nhà nước sử dụng để: a) Chi phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, dịch bệnh, cứu đói; nhiệm vụ quan trọng về quốc phòng, an ninh và các nhiệm vụ cần thiết khác thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp mình mà chưa được dự toán; b) Chi hỗ trợ cho ngân sách cấp dưới để thực hiện nhiệm vụ quy định tại điểm a khoản này, sau khi ngân sách cấp dưới đã sử dụng dự phòng cấp mình để thực hiện nhưng chưa đáp ứng được nhu cầu; c) Chi hỗ trợ các địa phương khác theo quy định tại điểm c khoản 9 Điều 9 của Luật này. 3. Thẩm quyền quyết định sử dụng dự phòng ngân sách nhà nước: a) Chính phủ quy định thẩm quyền quyết định sử dụng dự phòng ngân sách trung ương, định kỳ báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội việc sử dụng dự phòng ngân sách trung ương và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất; b) Ủy ban nhân dân các cấp quyết định sử dụng dự phòng ngân sách cấp mình, định kỳ báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân và báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp tại kỳ họp gần nhất”.</p> <p>Căn cứ quy định trên, vốn dự phòng ngân sách nhà nước mới chỉ quy định về mức bố trí, nội dung chi và thẩm quyền quyết định. Trong khi, vốn dự phòng ngân sách nhà nước được chi cho rất nhiều mục tiêu cấp bách, trong đó có nội dung chi đầu tư các công trình, dự án.</p>	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư giải trình như sau: Đối với nguồn vốn dự phòng NSNN hằng năm và các nguồn vốn khác ngoài kế hoạch đầu tư công trung hạn thực hiện theo quy định của pháp luật về NSNN.</p>
IV	<p>Yên Bái</p>	
120	<p>Về ngành, lĩnh vực sử dụng vốn đầu tư công</p> <p>Tại điểm b khoản 9 Điều 4 dự thảo Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công, quy định: “9. Bảo vệ môi trường gồm các nhiệm vụ, chương trình, dự án phục vụ các mục tiêu thuộc các lĩnh vực sau:</p> <p>b) Tài nguyên: cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, trang thiết bị đo đạc bản đồ, khí tượng thủy văn, thăm dò địa chất, khoáng sản, điều tra đánh giá đất đai, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, đa dạng sinh học, biển và hải đảo”.</p> <p>Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu bổ sung như sau:</p> <p>“9. Bảo vệ môi trường gồm các nhiệm vụ, chương trình, dự án phục vụ các mục tiêu thuộc các lĩnh vực sau:</p> <p>b) Tài nguyên: cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, trang thiết bị đo đạc bản đồ, hoạt động đo đạc lập bản đồ địa chính, khí tượng thủy văn, thăm dò địa chất, khoáng sản, điều tra đánh giá đất đai, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, đa dạng sinh học, biển và hải đảo”.</p> <p>Lý do: Hoạt động đo đạc lập bản đồ địa chính là nhiệm vụ quan trọng của công tác quản lý tài nguyên đất đai, môi trường, do đó việc đề xuất bổ sung hoạt động đo đạc lập bản đồ địa chính là cần thiết, bảo đảm phù hợp quy định của Luật Đất đai năm 2024 và quy định tại Điều 4 Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ.</p>	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư giải trình như sau: Hoạt động đo đạc là nghiệp vụ của ngành tài nguyên và môi trường. Do đó, cần nghiên cứu kỹ để xác định nguồn vốn phù hợp (chi thường xuyên hoặc chi đầu tư).</p>

STT	Ý kiến góp ý	Tiếp thu, giải trình
121	<p>Về cơ quan quản lý chương trình, dự án</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tại điểm d khoản 8 Điều 10 Dự thảo Nghị định quy định: "Đối với dự án nhóm B, C, gửi cơ quan trình thẩm định, cơ quan quản lý dự án và cơ quan có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư". - Tại điểm b khoản 4 Điều 11 Dự thảo Nghị định quy định: "Cơ quan quản lý chương trình, dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước các cấp địa phương gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư cùng cấp quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt." - Tại điểm b khoản 3 Điều 23 Dự thảo Nghị định quy định: "Cơ quan quản lý chương trình, dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước các cấp địa phương gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư cùng cấp quyết định đầu tư chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt." <p>Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, bổ sung quy định cụ thể, rõ ràng "cơ quan quản lý chương trình, dự án".</p> <p>Lý do: Thuận lợi trong việc tổ chức thực hiện, giúp phân biệt cơ quan quản lý chương trình, dự án với chủ đầu tư chương trình, dự án đã được quy định tại Dự thảo Luật Đầu tư công hay cơ quan quản lý dự án là chủ đầu tư dự án.</p>	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư giải trình như sau: Luật Đầu tư công đã quy định cụ thể về cơ quan chủ quản dự án và chủ đầu tư dự án.</p>
122	<p>Về trình tự, thủ tục tách riêng việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thành dự án độc lập</p> <p>Tại khoản 3 Điều 12 Dự thảo Nghị định quy định: "Việc lập, thẩm định, quyết định điều chỉnh, quyết định đầu tư dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công, pháp luật về xây dựng, pháp luật về đất đai và pháp luật khác có liên quan".</p> <p>Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, quy định cụ thể việc điều chỉnh dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư có dẫn đến phải điều chỉnh chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư dự án tổng thể hay không.</p> <p>Lý do: Thuận lợi trong việc tổ chức thực hiện.</p>	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư giải trình như sau: Nội dung này không được Luật số 58/2024/QH15 giao Chính phủ quy định chi tiết.</p>
123	<p>Về hồ sơ, nội dung thẩm định dự án đầu tư công</p> <p>Tại điểm a, khoản 1 Điều 20 dự thảo Nghị định: "Tờ trình thẩm định dự án, bao gồm: sự cần thiết đầu tư dự án; mục tiêu ...".</p> <p>Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, lược bỏ nội dung "sự cần thiết đầu tư dự án".</p> <p>Lý do: Sự cần thiết đầu tư dự án được đơn vị lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư nêu trong bước phê duyệt chủ trương đầu tư dự án.</p>	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư giải trình như sau: Đây là nội dung kế thừa từ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP, thời gian triển khai vừa qua không phát sinh vướng mắc và là nội dung thiết yếu trong quá trình xem xét đầu tư dự án.</p>
124	<p>Về nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư đối với dự án đầu tư công không có cấu phần xây dựng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tại điểm a khoản 5 Điều 41 Dự thảo Luật Đầu tư công (được đăng tải trên Cổng thông tin Bộ Kế hoạch và Đầu tư) quy định: "Căn cứ nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư và nhiệm vụ quy hoạch được cấp có thẩm quyền quyết định, cơ quan, tổ chức được giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư và nhiệm vụ quy hoạch lập dự toán nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư, nhiệm vụ quy hoạch trình người đứng đầu Bộ, cơ quan trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp quyết định;" <p>Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, quy định cụ thể về thẩm quyền, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư chương trình, dự án đầu tư công không có cấu phần xây dựng để có cơ sở triển khai thực hiện.</p> <p>Lý do: Tại khoản 3 Điều 28 dự thảo Nghị định quy định việc tổ chức quản lý thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư. Tuy nhiên, chưa có nội dung quy định cụ thể trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư chương trình, dự án đầu tư công không có cấu phần xây dựng (dự thảo Luật Đầu tư công chưa quy định).</p>	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư giải trình như sau: Nội dung này không được Luật số 58/2024/QH15 giao Chính phủ quy định chi tiết.</p>

STT	Ý kiến góp ý	Tiếp thu, giải trình
125	<p>Về thiết kế dự án - Tại khoản 1, 2 Điều 29 dự thảo nghị định quy định: "1. Cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư quyết định phương án thiết kế dự án bảo đảm hiệu quả quản lý thực hiện dự án. Cụ thể: a) Thiết kế một bước là thiết kế chi tiết, gồm các tài liệu thể hiện bằng thuyết minh, sơ đồ, các mô tả nội dung thiết kế và các yêu cầu kỹ thuật cần đáp ứng khác; b) Thiết kế hai bước gồm thiết kế cơ sở và thiết kế chi tiết. Thiết kế cơ sở gồm các tài liệu thể hiện bằng thuyết minh và các sơ đồ sơ bộ thiết kế hạ tầng kỹ thuật và các nội dung khác bảo đảm thể hiện được phương án thiết kế. Thiết kế bước sau phải phù hợp với các nội dung, thông số chủ yếu của thiết kế ở bước trước. 2. Nội dung phương án thiết kế dự án quy định tại khoản 1 Điều này thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành." Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, quy định cụ thể về xác định số bước thiết kế và nội dung thiết kế đối với dự án đầu tư công không có cấu phần xây dựng. Lý do: Đối với dự án không có cấu phần xây dựng thuộc các lĩnh vực như giáo dục và đào tạo, y tế, xã hội, văn hóa, thông tin truyền thông,... thì pháp luật chuyên ngành chưa có quy định cụ thể về thiết kế dự án, trường hợp áp dụng thiết kế một bước hoặc hai bước; mặt khác có nhiều dự án không có cấu phần xây dựng không thuộc ngành, lĩnh vực cụ thể (ví dụ như các dự án mua sắm trang thiết bị văn phòng làm việc của các cơ quan, đơn vị) sẽ gặp khó khăn, vướng mắc trong việc xác định số bước thiết kế và nội dung thiết kế dự án.</p>	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư giải trình như sau: Việc xác định dự án thực hiện thiết kế một bước hay hai bước tùy thuộc vào yêu cầu triển khai dự án cụ thể, do đó không thể quy định tại Nghị định.</p>
126	<p>Về nội dung tổng mức đầu tư Tại khoản 2 Điều 30 dự thảo Nghị định quy định: "Tổng mức đầu tư dự án là toàn bộ chi phí đầu tư của dự án được xác định cụ thể phù hợp với thiết kế một bước hoặc thiết kế hai bước quy định tại khoản .. Điều ... Nghị định này và các nội dung khác của báo cáo nghiên cứu khả thi dự án. Nội dung tổng mức đầu tư dự án gồm: chi phí chuẩn bị đầu tư; chi phí mua sắm tài sản, nhà cửa, đất đai; chi phí nguyên vật liệu, phụ tùng, chi tiết máy, chi phí thiết bị; chi phí tiền công, tiền lương; chi phí tư vấn; chi phí dự phòng cho khối lượng phát sinh và trượt giá; chi phí quản lý và các thành phần chi phí khác". Tại khoản 3 Điều 30 dự thảo Nghị định quy định: "3. Nội dung các chi phí của tổng mức đầu tư: a) Chi phí chuẩn bị đầu tư; b) Chi phí mua sắm tài sản, nhà cửa, đất đai; c) Chi phí nguyên vật liệu, phụ tùng, chi tiết máy để thực hiện các dự án d) Chi phí thiết bị ..." Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, lược bỏ quy định về nội dung tổng mức đầu tư dự án tại khoản 2 Điều 30 dự thảo Nghị định; đồng thời, chỉnh sửa nội dung tại điểm b khoản 3 Điều 30 từ "Chi phí mua sắm tài sản, nhà cửa, đất đai" thành "Chi phí mua sắm tài sản, nhà cửa; chi phí liên quan đến việc sử dụng đất" để bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật về đất đai. Lý do: Để tránh trùng lặp các nội dung theo quy định.</p>	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tiếp thu nội dung này tại dự thảo Nghị định.</p>

STT	Ý kiến góp ý	Tiếp thu, giải trình
127	<p>Về thẩm quyền thẩm định, phê duyệt thiết kế, dự toán dự án Tại khoản 1, 2, 3 Điều 32 dự thảo Nghị định quy định: "Chủ đầu tư phê duyệt thiết kế chi tiết và dự toán đối với trường hợp thiết kế hai bước".</p> <p>Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, quy định cụ thể về việc cho phép chủ đầu tư tổ chức thẩm định thiết kế chi tiết và dự toán đối với trường hợp thiết kế hai bước (trừ trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định khác về thẩm quyền thẩm định thiết kế chi tiết và dự toán đối với trường hợp thiết kế hai bước thì thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành).</p> <p>Lý do: Đối với dự án không có cấu phần xây dựng thuộc các lĩnh vực như giáo dục và đào tạo, y tế, xã hội, văn hóa,... thì pháp luật chuyên ngành hiện nay chưa có quy định cụ thể về thiết kế dự án, thẩm quyền thẩm định thiết kế dự án; mặt khác có nhiều dự án không có cấu phần xây dựng không thuộc ngành, lĩnh vực cụ thể (ví dụ như các dự án mua sắm trang thiết bị văn phòng làm việc của các cơ quan, đơn vị). Để đẩy mạnh công tác phân cấp, phân quyền; đồng thời tạo sự chủ động cho chủ đầu tư trong công tác tổ chức triển khai thực hiện dự án.</p>	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư giải trình như sau: Đây là nội dung kế thừa từ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP, thời gian triển khai vừa qua không phát sinh vướng mắc.</p>
128	<p>Về trình tự, thủ tục, thời gian, nội dung, hồ sơ thẩm định, phê duyệt thiết kế, dự toán dự án Tại Điều 33, 34, 35 của dự thảo Nghị định đã quy định về trình tự, thủ tục, thời gian, nội dung, hồ sơ thẩm định, phê duyệt thiết kế, dự toán dự án.</p> <p>Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, tách riêng nội dung quy định đối với thiết kế cơ sở và thiết kế chi tiết - dự toán dự án. Lý do: 02 thiết kế trên được thực hiện ở các giai đoạn khác nhau của dự án. Mặt khác, dự toán dự án được phê duyệt đồng thời với thiết kế chi tiết (tách biệt với thiết kế cơ sở). Do vậy, cần quy định cụ thể đối với từng loại thiết kế để tạo điều kiện thuận lợi, tránh vướng mắc trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện.</p>	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư giải trình như sau: Đây là nội dung kế thừa từ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP, thời gian triển khai vừa qua không phát sinh vướng mắc.</p>
129	<p>Về trình tự thủ tục điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm vốn ngân sách nhà nước Tại khoản 3 Điều 52 dự thảo Nghị định có quy định "Thời gian điều chỉnh kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước hằng năm giữa các dự án trong nội bộ ... trước ngày 15/11 năm kế hoạch".</p> <p>Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, lược bỏ khoản 3 Điều 52 dự thảo Nghị định. Lý do: Bảo đảm thống nhất với khoản 8A Điều 67 dự thảo Luật Đầu tư sửa đổi công quy định "Thời gian điều chỉnh vốn kế hoạch đầu tư công hằng năm đến hết ngày 31/12 năm kế hoạch".</p>	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư giải trình như sau: Nội dung này không được quy định tại Luật Đầu tư công năm 2024, đồng thời Luật NSNN vẫn quy định thời gian điều chỉnh dự toán đến ngày 15/11/2024, do đó việc quy định nội dung này là phù hợp.</p>
V	<p>Thái Nguyên</p>	
130	<p>Tại Điều 27, Điều 28 Luật Đầu tư công sửa đổi quy định: "...Thành lập Hội đồng thẩm định hoặc giao đơn vị có chức năng để thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư chương trình đầu tư công thuộc cấp mình quản lý..."</p> <p>Đề đảm bảo việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp giao cơ quan chức năng phù hợp theo đúng đối tượng và quy định của Pháp luật.</p> <p>Đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu bổ sung quy định về giải thích từ ngữ đối với cụm từ: "đơn vị có chức năng" tại Điều 3 của dự thảo Nghị định.</p>	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư giải trình như sau: Nội dung này không được Luật số 58/2024/QH15 giao Chính phủ quy định chi tiết.</p>

STT	Ý kiến góp ý	Tiếp thu, giải trình
131	<p>Tại Điều 27, Điều 28 Luật Đầu tư công sửa đổi quy định: “Giao đơn vị trực thuộc, bao gồm cả đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc hoặc Ủy ban nhân dân cấp dưới trực tiếp lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư”</p> <p>Để làm cơ sở cho các Bộ, ngành, địa phương giao nhiệm vụ lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án đúng đối tượng và đảm bảo phù hợp theo quy định</p> <p>Đề xuất: Đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu làm rõ về định nghĩa “đơn vị sự nghiệp trực thuộc” và bổ sung quy định về giải thích từ ngữ đối với cụm từ: “đơn vị sự nghiệp trực thuộc” và quy định cụ thể các đơn vị trực thuộc được UBND các cấp giao nhiệm vụ lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư tại Điều 3 của dự thảo Nghị định.</p>	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư giải trình như sau: Nội dung này không được Luật số 58/2024/QH15 giao Chính phủ quy định chi tiết.</p>
132	<p>“Về Hồ sơ trình cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư chương trình, dự án:</p> <p>Tại Điểm c, Khoản 3, Điều 22 dự thảo Nghị định: “c) Dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng và dự án còn lại được tách riêng từ dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A theo quy định tại khoản...Điều... của Luật Đầu tư công được phân loại phù hợp với phân loại của dự án theo quyết định chủ trương đầu tư”</p> <p>Đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét chỉnh sửa thành: “c) Dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng và dự án còn lại được tách riêng từ dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A theo quy định tại khoản...Điều... của Luật Đầu tư công được phân loại phù hợp với phân loại ngành, lĩnh vực của dự án tổng thể theo quyết định chủ trương đầu tư”.</p>	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư giải trình như sau: Tại Luật Đầu tư công năm 2024 và dự thảo Nghị định đang không quy định khái niệm dự án tổng thể, do đó không thể sử dụng khái niệm này.</p>
133	<p>“Về nội dung và xác định tổng mức đầu tư của dự án:</p> <p>Tại Khoản 5, Điều 30 dự thảo Nghị định quy định về một trong các cách xác định các chi phí như: Chi phí nguyên vật liệu, phụ tùng, chi tiết máy (nếu có); chi phí thiết bị; chi phí tư vấn là trên cơ sở giá cả thị trường.</p> <p>Đề xuất: Đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu chỉnh sửa, bổ sung về cách tính trên cơ sở giá cả thị trường (ít nhất từ 03 báo giá trở lên) để làm cơ sở xác định giá chi phí như: Chi phí nguyên vật liệu, phụ tùng, chi tiết máy (nếu có); chi phí thiết bị; chi phí tư vấn.</p> <p>Tại điểm g, Khoản 5, Điều 30 dự thảo Nghị định quy định: “g) Chi phí dự phòng cho công việc có thể phát sinh thêm và trượt giá trong triển khai thực hiện dự án được xác định bằng tỷ lệ phần trăm (%) trên tổng mức đầu tư và từng yếu tố chi phí cụ thể quy định tại khoản...Điều này”</p> <p>Đề xuất: Đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư bổ sung cụ thể định mức tỷ lệ phần trăm (mấy phần trăm) trên tổng mức đầu tư và từng yếu tố chi phí cụ thể để làm cơ sở cho các đơn vị lập tổng mức đầu tư dự án xác định chi phí dự phòng của dự án đảm bảo thống nhất và phù hợp theo quy định.”</p>	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư giải trình như sau: Đây là nội dung kế thừa từ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP, thời gian triển khai vừa qua không phát sinh vướng mắc.</p>
134	<p>Về tiêu đề tại chương VI</p> <p>Tiêu đề chương VI tại dự thảo Nghị định: “Trình tự, thủ tục thực hiện đầu tư đối với đối tượng cấp bù lãi suất tín dụng ưu đãi, phí quản lý; cấp vốn điều lệ cho các ngân hàng chính sách, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách; hỗ trợ đầu tư cho các đối tượng chính sách khác theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ”</p> <p>Đề xuất: Đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu chỉnh sửa, bổ sung thành: “Trình tự, thủ tục thực hiện đầu tư đối với đối tượng cấp bù lãi suất tín dụng ưu đãi, phí quản lý; cấp vốn điều lệ cho các ngân hàng chính sách, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách; ủy thác vốn ngân sách địa phương qua ngân hàng chính sách xã hội; hỗ trợ đầu tư cho các đối tượng chính sách khác theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ”</p>	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư giải trình như sau: Đối với nội dung về ủy thác vốn NSDP đã được quy định tại Điều 6 dự thảo Nghị định, đồng thời Luật Đầu tư công 2024 cũng không giao Chính phủ quy định chi tiết về trình tự, thủ tục thực hiện đầu tư đối với nội dung này.</p>

STT	Ý kiến góp ý	Tiếp thu, giải trình
135	<p>Về tiêu đề và các nội dung quy định tại các Điều 41, Điều 42</p> <p>Đề xuất: Đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu, bổ sung cụm từ “ủy thác vốn ngân sách địa phương qua ngân hàng chính sách xã hội” vào tiêu đề tại các Điều 41, Điều 42 dự thảo Nghị định và các nội dung quy định tại Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3 Điều 41; Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3 Điều 42 dự thảo Nghị định.</p>	<p>Điều 6 dự thảo Nghị định đã quy định về điều kiện, tiêu chí, nguyên tắc bố trí vốn ngân sách địa phương để ủy thác thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi thông qua Ngân hàng Chính sách xã hội chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Điều 41, 42 dự thảo Nghị định quy định về trình tự, thủ tục thực hiện đầu tư cấp vốn điều lệ, cấp bù lãi suất tín dụng ưu đãi và phí quản lý của các ngân hàng chính sách, không quy định về việc bố trí vốn ngân sách địa phương để ủy thác thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi thông qua Ngân hàng Chính sách xã hội chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.</p>
136	<p>Về Hiệu lực thi hành</p> <p>Tại Khoản 3, Điều 58 dự thảo Nghị định quy định: “Đối với các dự án thuộc lĩnh vực công nghệ thông tin sử dụng vốn ngân sách nhà nước, trình tự, thủ tục, hồ sơ lập, thẩm định, quyết định đầu tư và tổ chức quản lý thực hiện theo quy định của Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ về quy định quản lý ứng đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước”.</p> <p>Do trong quá trình thực tế triển khai thực hiện đầu tư các dự án thuộc lĩnh vực công nghệ thông tin sử dụng vốn ngân sách nhà nước có thể có những khó khăn, vướng mắc cần phải sửa đổi, bổ sung một số nội dung các Nghị định của Chính phủ đã ban hành quy định quản lý ứng đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước (như ngày 10/7/2024 Chính phủ ban hành Nghị định số 82/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ về quy định quản lý ứng đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước). Do vậy, để đảm bảo việc triển khai thực hiện các nội dung đầu tư về các dự án thuộc lĩnh vực công nghệ thông tin sử dụng vốn ngân sách nhà nước đảm bảo được thông suốt và đồng bộ với các Nghị định của Chính phủ đã ban hành.</p> <p>Đề xuất: Bộ Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu chỉnh sửa, bổ sung thành: “Đối với các dự án thuộc lĩnh vực công nghệ thông tin sử dụng vốn ngân sách nhà nước, trình tự, thủ tục, hồ sơ lập, thẩm định, quyết định đầu tư và tổ chức quản lý thực hiện theo quy định của các Nghị định của Chính phủ về quy định quản lý ứng đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước”.</p>	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tiếp thu như sau: “Đối với các dự án thuộc lĩnh vực công nghệ thông tin sử dụng vốn ngân sách nhà nước, trình tự, thủ tục, hồ sơ lập, thẩm định, quyết định đầu tư và tổ chức quản lý thực hiện theo quy định của Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 82/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 về quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.”. Trong trường hợp Chính phủ ban hành Nghị định thay thế Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 82/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 thì thực hiện theo Nghị định mới của Chính phủ và không có vướng mắc theo Điều 12 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.</p>

STT	Ý kiến góp ý	Tiếp thu, giải trình
137	<p>1. Về quy định tại Điều 6 dự thảo Nghị định: Tại Khoản 7, Điều 5 Luật Đầu tư công sửa đổi quy định: “7. Bố trí vốn ngân sách địa phương để thực hiện các chính sách tín dụng ưu đãi thông qua Ngân hàng Chính sách xã hội chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định việc bố trí vốn ngân sách địa phương, tiêu chí, điều kiện, mức, nội dung và hình thức thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi của địa phương. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện ủy thác vốn ngân sách địa phương thực hiện chính sách ưu đãi theo quy định của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.” Để đảm bảo nội dung quy định tại dự thảo Nghị định không lặp lại nội dung quy định tại Luật Đầu tư công sửa đổi. Đề xuất: Đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu, chỉnh sửa Khoản 2, Điều 6 dự thảo Nghị định thành: “2. Tiêu chí, điều kiện bố trí vốn ngân sách địa phương để ủy thác thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi thông qua Ngân hàng Chính sách xã hội chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tuân thủ theo quy định tại Khoản 7, Điều 5 Luật Đầu tư công.”</p>	<p>Khoản 7 Điều 5 Luật Đầu tư công chỉ quy định các nguyên tắc chung cho việc bố trí vốn ngân sách địa phương để thực hiện các chính sách tín dụng ưu đãi thông qua Ngân hàng Chính sách Xã hội. Dự thảo Nghị định đã quy định chi tiết thủ tục, trình tự so với quy định tại Luật Đầu tư công để các cơ quan liên quan tổ chức triển khai thực hiện tại khoản 2 Điều 6, cụ thể: “<i>Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định tiêu chí bố trí vốn ngân sách địa phương để ủy thác thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi thông qua Ngân hàng Chính sách xã hội chi nhánh tỉnh, thành phố trên địa bàn</i>”.</p>
138	<p>2. Về quy định tại Điều 11 dự thảo Nghị định Tại Khoản 3, Điều 92. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân các cấp, Luật Đầu tư công sửa đổi quy định: “3. Quyết định kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm của địa phương, bao gồm toàn bộ danh mục và mức vốn bố trí cho từng dự án sử dụng vốn ngân sách địa phương”. Để đảm bảo thống nhất giữa nội dung quy định tại dự thảo Nghị định và Luật Đầu tư công và hạn chế việc trình Hội đồng nhân dân các cấp nhiều lần về kế hoạch đầu tư công trung hạn ngân sách địa phương. Đề xuất: Đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu, chỉnh sửa: - Điểm b, Khoản 1, Điều 11 dự thảo Nghị định như sau: “Đối với phần vốn ngân sách địa phương tham gia thực hiện dự án, Ủy ban nhân dân các cấp trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định về danh mục, mức vốn bố trí ngân sách địa phương trong kế hoạch đầu tư công trung hạn của cấp mình làm cơ sở thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn.” - Điểm b, Khoản 2, Điều 11 dự thảo Nghị định như sau: “Đối với phần vốn ngân sách địa phương cấp dưới tham gia thực hiện dự án, Ủy ban nhân dân trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định về danh mục, mức vốn bố trí ngân sách địa phương trong kế hoạch đầu tư công trung hạn của cấp mình làm cơ sở thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn”.</p>	<p>Việc trình Hội đồng nhân dân cùng cấp ban hành Nghị quyết bố trí vốn ngân sách địa phương cấp mình làm cơ sở thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn của dự án được thực hiện trước khi quyết định chủ trương đầu tư dự án của cấp có thẩm quyền. Do đó, việc này cần được thực hiện trước khi bổ sung dự án vào kế hoạch đầu tư công hạn vốn ngân sách địa phương và là 02 bước cần được thực hiện độc lập để đảm bảo công tác quản lý dự án đầu tư công tại địa phương.</p>
VI	Bắc Kạn	

STT	Ý kiến góp ý	Tiếp thu, giải trình
139	<p>Tại Điều 4 quy định về ngành, lĩnh vực sử dụng vốn đầu tư công</p> <p>Theo quy định tại khoản 1, Điều 26 Nghị định số 32/2024/NĐ-CP ngày 15/3/2024 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp quy định: “Ngân sách địa phương (đã bao gồm thu bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương) cân đối hỗ trợ đầu tư, phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật trong và ngoài cụm công nghiệp trên địa bàn (ưu tiên hỗ trợ đầu tư công trình hạ tầng bảo vệ môi trường các cụm công nghiệp đã đi vào hoạt động; hỗ trợ đầu tư các công trình hạ tầng kỹ thuật chung thiết yếu của cụm công nghiệp tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn, cụm công nghiệp phát triển theo hướng liên kết ngành, chuyên ngành, hỗ trợ, sinh thái, bảo tồn nghề truyền thống) theo quy định của Luật Đầu tư công và Luật Ngân sách nhà nước. Nhà nước hỗ trợ không quá 30% tổng mức vốn đầu tư của dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp...”</p> <p>Tại điểm p, khoản 10, Điều 4, dự thảo Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công mới quy định “Cấp vốn điều lệ cho các ngân hàng chính sách, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách; cấp bù lãi suất tín dụng ưu đãi, phí quản lý; uỷ thác vốn qua ngân hàng chính sách xã hội theo quy định của cấp có thẩm quyền; hỗ trợ phát triển doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; hỗ trợ hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định của Luật Hợp tác xã”.</p> <p>Do đó, đề nghị bổ sung nội dung quy định hỗ trợ dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp, cụ thể bổ sung điểm p, khoản 10, Điều 4 “Cấp vốn điều lệ cho các ngân hàng chính sách, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách; cấp bù lãi suất tín dụng ưu đãi, phí quản lý; uỷ thác vốn qua ngân hàng chính sách xã hội theo quy định của cấp có thẩm quyền; hỗ trợ phát triển doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; hỗ trợ hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định của Luật Hợp tác xã; hỗ trợ dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp”.</p> <p>Đồng thời, đề nghị bổ sung quy định chi tiết về việc đầu tư hỗ trợ một phần chi phí đầu tư (30%) cho dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp khi doanh nghiệp được Nhà nước hỗ trợ đầu tư đối với Dự thảo Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công.</p>	<p>Việc hỗ trợ đầu tư, phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật trong và ngoài cụm công nghiệp và mức hỗ trợ đã được quy định tại khoản 1 Điều 26 Nghị định số 32/2024/NĐ-CP ngày 15/3/2024 của Chính phủ. Đồng thời, các dự án hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp có thể nằm trong các ngành, lĩnh vực đã được quy định tại Nghị định. Do đó, việc tổ chức triển khai thực hiện đề nghị thực hiện theo quy định của Nghị định nêu trên, đảm bảo phù hợp với Luật Đầu tư công và Nghị định hướng dẫn thi hành.</p>
140	<p>Tại Chương V quy định về lập, thẩm định, phê duyệt và giao kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư</p> <p>Theo dự thảo Nghị định, tại Điều 39 mới đang quy định về lập kế hoạch đầu tư trung hạn vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư, chưa có quy định về thẩm định, phê duyệt kế hoạch; do đó đề nghị xem xét, bổ sung để thống nhất trong triển khai thực hiện.</p>	<p>Về thẩm quyền phê duyệt kế hoạch, khoản 1 Điều 62 Luật Đầu tư công 2024 đã quy định: “Các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng vốn từ nguồn thu hợp pháp dành để đầu tư phải lập kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm báo cáo cơ quan chủ quản trực tiếp quản lý để trình Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân các cấp”.</p>

STT	Ý kiến góp ý	Tiếp thu, giải trình
141	<p>Tại Chương VI quy định trình tự, thủ tục thực hiện đầu tư đối với đối tượng cấp bù lãi suất tín dụng ưu đãi, phí quản lý; cấp vốn điều lệ cho các ngân hàng chính sách, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách; hỗ trợ đầu tư cho các đối tượng chính sách khác theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.</p> <p>Theo dự thảo Nghị định, từ Điều 41 đến Điều 46 chưa có quy định về trình tự, thủ tục thực hiện đầu tư đối với nhiệm vụ ủy thác vốn qua ngân hàng chính sách xã hội; do đó đề nghị xem xét, bổ sung để thống nhất trong triển khai thực hiện.</p>	<p>Theo khoản 7 Điều 5 Luật Đầu tư công: "Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định cơ chế, chính sách cụ thể và bố trí vốn ngân sách địa phương để thực hiện chính sách này. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện ủy thác vốn ngân sách địa phương để thực hiện chính sách ưu đãi theo quyết định của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.". Do đó, trình tự, thủ tục thực hiện đầu tư đối với nhiệm vụ ủy thác vốn thông qua ngân hàng chính sách xã hội thực hiện theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.</p>
142	<p>Tại Điều 52 về trình tự, thủ tục điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm vốn ngân sách nhà nước</p> <p>Tại khoản 3, Điều 52, dự thảo quy định "Thời gian điều chỉnh kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước hằng năm giữa các dự án trong nội bộ của bộ, cơ quan trung ương và địa phương trước ngày 15 tháng 11 năm kế hoạch".</p> <p>Trong quá trình thực tế, thực hiện kế hoạch hằng năm, việc các dự án sau khi hoàn tất các thủ tục nghiệm thu, lập hồ sơ thanh quyết toán thường vào tháng 11 và tháng 12 hằng năm; hoặc một số dự án có thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, do ảnh hưởng của thời tiết dịp cuối năm (thường mưa nhiều) nên một số dự án không triển khai thực hiện đáp ứng tiến độ theo yêu cầu có nhu cầu điều chỉnh giảm kế hoạch vốn. Do đó, đề nghị xem xét điều chỉnh quy định nêu trên theo hướng cho phép điều chỉnh kế hoạch vốn chậm nhất ngày 31 tháng 12 năm kế hoạch.</p>	<p>Theo khoản 3 Điều 53 Luật Ngân sách nhà nước: "Thời gian điều chỉnh dự toán đã giao cho các đơn vị sử dụng ngân sách hoàn thành trước ngày 15 tháng 11 năm hiện hành.". Do đó, việc điều chỉnh kế hoạch sau ngày 15 tháng 11 sẽ không được điều chỉnh dự toán và không thể giải ngân theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.</p>
143	<p>Tại Điều 53 về ứng trước vốn kế hoạch đầu tư công</p> <p>Tại khoản 2, Điều 53, dự thảo quy định "Mức vốn ứng trước dự toán ngân sách năm sau thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và không vượt quá tổng mức vốn kế hoạch trung hạn bố trí cho dự án".</p> <p>Để đảm bảo phù hợp trong thực tế, đề nghị chỉnh sửa như sau "Mức vốn ứng trước dự toán ngân sách năm sau thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và không vượt quá tổng mức vốn kế hoạch trung hạn bố trí cho dự án trừ đi số kế hoạch vốn đã được bố trí hằng năm đến thời điểm thực hiện ứng trước".</p>	<p>Nguyên tắc, tiêu chí, điều kiện và thẩm quyền quyết định ứng trước dự toán năm sau được quy định tại Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn, Nghị định hướng dẫn Luật Đầu tư công không quy định cụ thể về vấn đề nêu trên.</p>
VII.	Bắc Giang	35

STT	Ý kiến góp ý	Tiếp thu, giải trình
144	<p>Điều kiện quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án tại khoản 2 Điều 19 dự thảo Luật Đầu tư công (sửa đổi) có quy định điều kiện “2. Không trùng lặp với các chương trình, dự án đã có quyết định chủ trương đầu tư hoặc đã có quyết định đầu tư.”, điều kiện này hiện đang có những cách hiểu khác nhau. Đề nghị làm rõ trong Nghị định về những trường hợp được xác định là trùng lặp dự án, đặc biệt đối với “trường hợp quyết định chủ trương đầu tư dự án cải tạo, nâng cấp công trình trên phạm vi Dự án đã được đầu tư xây dựng hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng và đã hết hạn bảo hành công trình nhưng chưa hoàn thành thủ tục phê duyệt quyết toán dự án”.</p>	<p>Việc quyết định chủ trương đầu tư dự án cải tạo, nâng cấp công trình trên phạm vi dự án chưa hoàn thành (chưa quyết toán) cần được làm rõ, nêu cụ thể tình trạng của dự án, bao gồm nguyên nhân, trách nhiệm của các bên liên quan trong việc chậm quyết toán (do công trình đã hết hạn bảo hành) và ưu, nhược điểm so với việc điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của dự án gốc thay vì quyết định dự án nâng cấp, cải tạo mới. Việc quyết định dự án nâng cấp, cải tạo trên một dự án chưa hoàn thành (chưa quyết toán) cần làm rõ căn cứ pháp lý để cấp có thẩm quyền phê duyệt. Đồng thời, nội dung này cũng không được Luật Đầu tư công 2024 giao Chính phủ quy định chi tiết.</p>
145	<p>Tại khoản 1 Điều 19 dự thảo “Luật Đầu tư công sửa đổi” quy định Điều kiện Điều kiện quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án có nội dung “ Phù hợp với chiến lược, phương hướng, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và quy hoạch có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt.”. Đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét chỉnh sửa, quy định rõ nội dung quy hoạch ở đây là nội dung quy hoạch gì?</p>	<p>Kiến nghị liên quan đến Luật Đầu tư công (sửa đổi) đã được Quốc hội thông qua ngày 29/11/2024, không phải kiến nghị liên quan đến dự thảo Nghị định hướng dẫn Luật Đầu tư công mà Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề nghị có ý kiến.</p>
146	<p>Tại Chương II, Chương III dự thảo Nghị định: Đề nghị bổ sung quy định hướng dẫn về thẩm quyền, trình tự, thủ tục đối với trường hợp dự án sử dụng hỗn hợp hai nguồn vốn: (1) vốn từ nguồn thu hợp pháp của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập danh để đầu tư (vốn đầu tư công) và (2) vốn ngân sách nhà nước giao cho cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp để chi thường xuyên (vốn ngân sách nhà nước ngoài đầu tư công).</p> <p>Lý do: Thực tế nhiều trường học, bệnh viện khi sử dụng vốn ngân sách nhà nước giao hằng năm (vốn ngân sách ngoài đầu tư công) và vốn từ nguồn thu học phí, viện phí hợp pháp (vốn đầu tư công) để thực hiện cải tạo, sửa chữa, nâng cấp cơ sở vật chất thì phải lập thành 2 dự án riêng biệt do thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư và phê duyệt dự án sử dụng hai nguồn vốn này là khác nhau dẫn đến thủ tục kéo dài, không đảm bảo tính đồng bộ trong đầu tư xây dựng nên cần thiết bổ sung quy định hướng dẫn lập đối với 01 dự án sử dụng hỗn hợp 2 nguồn vốn nêu trên để nâng cao hiệu quả đầu tư, tránh lãng phí.</p>	<p>Đối với dự án sử dụng nguồn chi thường xuyên thì việc thực hiện theo Nghị định 138/2024/NĐ-CP ngày 24/10/2024 của Chính phủ quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng chi thường xuyên ngân sách nhà nước để mua sắm tài sản, trang thiết bị; cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong dự án đã đầu tư xây dựng. Đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công, việc thực hiện theo Nghị định của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư công.</p>

STT	Ý kiến góp ý	Tiếp thu, giải trình
147	<p>1. Về quy định Ngành, lĩnh vực sử dụng vốn đầu tư công (Điều 4 dự thảo):</p> <p>- Đề nghị chỉnh sửa điểm b khoản 9 Điều 4 dự thảo như sau: “b) Tài nguyên: Đo đạc bản đồ, khí tượng thủy văn, thăm dò địa chất, khoáng sản, điều tra đánh giá đất đai, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, đa dạng sinh học, biển và hải đảo”.</p> <p>Lý do: Nhiệm vụ, dự án đo đạc bản đồ, thăm dò địa chất, khoáng sản... không phải là cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất.</p> <p>- Đề nghị chỉnh sửa, bổ sung dự án cấp điện đô thị tại điểm b khoản 10 Điều 4 dự thảo như sau: “b) Công nghiệp: Cấp điện đô thị, nông thôn, miền núi và hải đảo; cơ sở vật chất, trang thiết bị, hạ tầng phục vụ công tác vận hành hệ thống điện và thị trường điện quốc gia; các nhiệm vụ, dự án thuộc lĩnh vực dầu khí theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ, cơ sở vật chất và trang thiết bị in, đúc tiền”.</p> <p>Lý do: Để phù hợp với dự án khu đô thị, hạ tầng kỹ thuật khu đô thị mới theo điểm c khoản 4 Điều 9 Luật Đầu tư công (sửa đổi) thì phải đầu tư đồng bộ cả hạng mục cấp điện trong đô thị (nếu tách ra để thu hút vốn ngoài đầu tư công là không thể thực hiện được), ngoài ra một số dự án chỉnh trang đô thị, chỉnh trang nông thôn cũng cần đầu tư hệ thống điện.</p> <p>- Đề nghị chỉnh sửa, bổ sung điểm n khoản 10 Điều 4 dự thảo như sau: “n) Công trình công cộng tại các đô thị và nông thôn; hạ tầng kỹ thuật khu đô thị, hạ tầng kỹ thuật khu dân cư nông thôn; chỉnh trang đô thị, nông thôn”.</p> <p>Đồng thời, bổ sung dự án “hạ tầng kỹ thuật khu dân cư nông thôn; chỉnh trang đô thị, nông thôn” vào khoản 5 Mục V Phụ lục I kèm theo dự thảo Nghị định.</p> <p>Lý do: Để cụ thể hóa khoản 1 Điều 5 (Đầu tư chương trình, dự án kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội), điểm đ khoản 5 Điều 9 (Xây dựng dân dụng, trừ xây dựng khu nhà ở quy định tại điểm g khoản 2 Điều này) Luật Đầu tư công (sửa đổi), thống nhất với quy định của pháp luật về đất đai (như Điều 41 Nghị định số 102/2014/NĐ-CP ngày 30/7/2014 của Chính phủ).</p>	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã nghiên cứu, tiếp thu phù hợp tại dự thảo Nghị định.</p>
148	<p>2. Về Điều kiện, tiêu chí, nguyên tắc bố trí vốn ngân sách địa phương để ủy thác thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi thông qua Ngân hàng Chính sách xã hội chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (Điều 6 dự thảo):</p> <p>Đề nghị chỉnh sửa điểm c khoản 1 Điều 6 dự thảo như sau:</p> <p>“c) Việc gia hạn nợ, chuyển nợ quá hạn, quản lý và sử dụng tiền lãi cho vay thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua ngân hàng chính sách xã hội. Bộ Tài chính quy định chi tiết điểm này”.</p> <p>Lý do: Việc quy định áp dụng quy định của Bộ Tài chính về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua ngân hàng chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác (hiện hành là Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 08/02/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính) sẽ gây nhầm lẫn trong quá trình áp dụng vì có thể hiểu chỉ áp dụng cho các đối tượng là người nghèo và các đối tượng chính sách khác, dẫn đến không áp dụng được cho các đối tượng khác (ví dụ: chính sách tín dụng cho đối tượng học sinh, sinh viên tham gia đào tạo ngành công nghiệp bán dẫn, AI đang rất cần thiết theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ nhưng không thuộc hộ nghèo hoặc đối tượng chính sách khác) và đề nghị Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng của Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 08/02/2017 làm cơ sở để các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai áp dụng.</p>	<p>Việc thực hiện bố trí vốn ngân sách địa phương (nguồn chi thường xuyên) để ủy thác thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi thông qua Ngân hàng Chính sách Xã hội thực hiện theo pháp luật về ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành. Dự thảo Nghị định chỉ quy định việc sử dụng nguồn vốn đầu tư công của địa phương ủy thác thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi thông qua Ngân hàng Chính sách Xã hội.</p>

STT	Ý kiến góp ý	Tiếp thu, giải trình
149	<p>3. Về thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư/quyết định đầu tư chương trình, dự án sử dụng vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư (Điều 7, Điều 8 dự thảo):</p> <p>- Đề nghị chỉnh sửa khoản 2 Điều 7 dự thảo Nghị định như sau:</p> <p>"2. Đối với chương trình, dự án thuộc cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập do địa phương quản lý:</p> <p>a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp quyết định chủ trương đầu tư: chương trình, dự án nhóm A, B, C của cơ quan nhà nước thuộc cấp mình quản lý, các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc, trừ các đơn vị được quy định tại điểm b, c khoản này;</p> <p>b) Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án nhóm A, B, C thuộc đơn vị mình quản lý;</p> <p>c) Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập khác, trừ các đơn vị được quy định tại điểm b khoản này quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm C thuộc đơn vị mình quản lý."</p> <p>Lý do: Để đảm bảo thống nhất với thẩm quyền theo quy định về quyền tự chủ tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập và pháp luật về tài sản công, cụ thể: Khoản 3 Điều 14, khoản 6 Điều 182 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập (áp dụng đối với đơn vị Nhóm 1, Nhóm 2 và Nhóm 3); thẩm quyền mua sắm tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập (không phân biệt quy mô nhóm A, B, C) quy định tại điểm c khoản 2 Điều 37 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 (đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 30 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP ngày 15/9/2024)3 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.</p> <p>- Đề nghị chỉnh sửa khoản 2, khoản 3 Điều 8 dự thảo Nghị định phù hợp với nội dung chỉnh sửa khoản 2 Điều 7 nêu trên.</p>	<p>Theo khoản 30 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP ngày 15/9/2024 của Chính phủ: "Thẩm quyền, trình tự, thủ tục quyết định mua sắm tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập trong trường hợp phải lập thành dự án được thực hiện theo quy định của pháp luật khác có liên quan". Do đó, việc sử dụng vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư cần phải phù hợp với quy định của Luật Đầu tư công và Nghị định hướng dẫn thi hành.</p>

STT	Ý kiến góp ý	Tiếp thu, giải trình
150	<p>4. Về Trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư đối với dự án có sử dụng vốn ngân sách địa phương do cơ quan trung ương thực hiện, dự án có sử dụng vốn ngân sách cấp huyện, cấp xã do cơ quan cấp tỉnh, cấp huyện thực hiện (Điều 11 dự thảo):</p> <p>- Đề nghị chỉnh sửa điểm b khoản 1 Điều 11 dự thảo Nghị định như sau: “b) Đối với phần vốn ngân sách địa phương tham gia thực hiện dự án, Ủy ban nhân dân các cấp xin ý kiến Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp và báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp tại kỳ họp gần nhất; trên cơ sở ý kiến chấp thuận của Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp, Ủy ban nhân dân các cấp ban hành văn bản cam kết bố trí ngân sách địa phương của cấp mình làm cơ sở thẩm định nguồn vốn, khả năng cân đối vốn của dự án và quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư dự án”.</p> <p>- Đề nghị chỉnh sửa điểm b khoản 2 Điều 11 dự thảo Nghị định như sau: “b) Đối với phần vốn ngân sách địa phương cấp dưới tham gia thực hiện dự án, Ủy ban nhân dân xin ý kiến Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp và báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp tại kỳ họp gần nhất; trên cơ sở ý kiến chấp thuận của Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp, Ủy ban nhân dân ban hành văn bản cam kết bố trí ngân sách địa phương của cấp mình làm cơ sở thẩm định nguồn vốn, khả năng cân đối vốn của dự án và quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư dự án”.</p> <p>Lý do: Để phù hợp với thẩm quyền lập, cho ý kiến về dự toán ngân sách nhà nước theo quy định tại khoản 4 Điều 45 Luật Ngân sách nhà nước⁴; thống nhất với Điều 255, điểm b khoản 1 Điều 286 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước và Điều 12 Nghị định số 165/2016/NĐ-CP ngày 24/12/2016 của Chính phủ quy định về quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước đối với một số hoạt động thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh.</p>	<p>Điều 11 dự thảo Nghị định quy định về trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư đối với dự án có sử dụng vốn ngân sách địa phương do cơ quan trung ương thực hiện, dự án có sử dụng vốn ngân sách cấp huyện, cấp xã do cơ quan cấp tỉnh, cấp huyện thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư công, không phải trình tự, thủ tục lập dự toán hằng năm theo quy định pháp luật về ngân sách nhà nước. Đồng thời, việc sử dụng ngân sách cấp mình để đầu tư cho dự án thuộc cấp mình quản lý cần báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định.</p>
151	<p>5. Về Hồ sơ, nội dung và thời gian thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư chương trình, dự án đầu tư công nhóm A, B, C (Điều 12 dự thảo):</p> <p>- Đề nghị bổ sung nội dung sau vào cuối khổ cuối khoản 6 Điều 12 dự thảo Nghị định: “Trường hợp hồ sơ không hợp lệ ... chủ trương đầu tư chương trình, dự án. Thời gian thẩm định được tính kể từ ngày Hội đồng thẩm định hoặc cơ quan chủ trì thẩm định nhận đủ hồ sơ hợp lệ do cơ quan trình thẩm định nộp lại”, do phụ thuộc vào thời gian hoàn thiện hồ sơ của cơ quan trình.</p> <p>- Đề nghị chỉnh sửa điểm b khoản 7 Điều 12 dự thảo Nghị định như sau: “b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp cho phép gia hạn thời gian thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư chương trình, dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cùng cấp”, để phù hợp với thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án tại Điều 18 Luật Đầu tư công (sửa đổi).</p> <p>- Đề nghị bổ sung khoản 9 vào Điều 12 dự thảo Nghị định như sau: “9. Cơ quan lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư hoàn thiện hồ sơ theo ý kiến thẩm định của Hội đồng thẩm định hoặc cơ quan chủ trì thẩm định, trình cấp quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án theo quy định tại Điều 13 Nghị định này”, để bổ sung quy định rõ cơ quan trình phê duyệt.</p>	<p>- Theo khoản 6 Điều 12 dự thảo Nghị định: “Thời gian thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư chương trình, dự án đầu tư công nhóm A, B, C kể từ ngày Hội đồng thẩm định hoặc cơ quan chủ trì thẩm định nhận đủ hồ sơ hợp lệ”.</p> <p>- Thẩm quyền, trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư dự án đã được quy định tại Luật Đầu tư công, do đó không cần thiết phải quy định như kiến nghị của tỉnh để quy định rõ cơ quan trình phê duyệt.</p>

STT	Ý kiến góp ý	Tiếp thu, giải trình
152	<p>6. Về Trình tự, thủ tục và các trường hợp dừng chủ trương đầu tư chương trình, dự án (Điều 16 dự thảo): Đề nghị bổ sung điểm c vào khoản 1 Điều 16 dự thảo Nghị định như sau: “c) Việc dừng chủ trương đầu tư chương trình, dự án do không có khả năng cân đối vốn thực hiện chương trình, dự án”.</p> <p>Lý do: Việc quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án là điều kiện để được đưa vào kế hoạch đầu tư công trung hạn theo khoản 2 Điều 55 Luật Đầu tư công (sửa đổi). Do vậy, trong giai đoạn năm cuối của kỳ trung hạn giai đoạn trước và năm đầu kỳ trung hạn giai đoạn sau, các cơ quan, đơn vị, địa phương phải lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư chương trình dự án trong khi nguồn vốn mới là dự kiến, chưa thể chính xác dẫn đến khi được giao vốn chính thức sẽ xảy ra trường hợp có một số chương trình, dự án không thể cân đối được vốn; hoặc trong giai đoạn thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn mà phát sinh tình huống đột biến về thu ngân sách sẽ không đảm bảo nguồn vốn để thực hiện dự án theo mục tiêu, quy mô đã phê duyệt.</p>	<p>Kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm được xây dựng dựa trên đề xuất của các bộ, cơ quan trung ương, địa phương, do đó việc không bố trí vốn cho các chương trình, dự án đã được quyết định chủ trương đầu tư là theo nhu cầu của bộ, cơ quan trung ương, địa phương. Ngoài ra, dự án, chương trình được quyết định chủ trương đầu tư đã được các cơ quan có liên quan thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn trước khi quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án và đưa vào kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm.</p>
153	<p>7. Về Thời gian thẩm định chương trình, dự án đầu tư công (Điều 23 dự thảo):</p> <p>Đề nghị bổ sung nội dung sau vào cuối khổ cuối khoản 1 Điều 23 dự thảo Nghị định: “Trường hợp hồ sơ không hợp lệ ... báo cáo nghiên cứu khả thi chương trình, dự án. Thời gian thẩm định được tính kể từ ngày Hội đồng thẩm định hoặc cơ quan chủ trì thẩm định nhận đủ hồ sơ hợp lệ do cơ quan trình thẩm định nộp lại”, do phụ thuộc vào thời gian hoàn thiện hồ sơ của cơ quan trình.</p>	<p>Khoản 1 Điều 23 dự thảo Nghị định đã quy định: “Thời gian thẩm định chương trình, dự án đầu tư công không có cấu phần xây dựng kể từ ngày cơ quan chủ trì thẩm định nhận đủ hồ sơ hợp lệ”.</p>
154	<p>8. Về Hồ sơ trình cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư chương trình, dự án (Điều 24 dự thảo): Đề nghị chỉnh sửa tiêu đề khoản 1 Điều 24 dự thảo Nghị định: “1. Cơ quan trình thẩm định tại Điều 23 Nghị định này hoàn thiện hồ sơ trình cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư chương trình, dự án gồm:...", để quy định cơ quan trình phê duyệt.</p>	<p>Thẩm quyền, trình tự, thủ tục quyết định đầu tư dự án đã được quy định tại Luật Đầu tư công, do đó không cần thiết phải quy định như kiến nghị của tỉnh để quy định rõ cơ quan trình phê duyệt.</p>
155	<p>9. Về Trình tự, thủ tục lập, thẩm định, quyết định điều chỉnh chương trình, dự án đầu tư công nhóm A, B, C (Điều 26 dự thảo):</p> <p>Đề nghị chỉnh sửa điểm b khoản 1 Điều 26 dự thảo Nghị định như sau: “b) Giao cơ quan, đơn vị hoặc bộ phận trực thuộc chuẩn bị báo cáo đề xuất điều chỉnh chương trình, dự án đầu tư công...", do nhiều chủ chương trình, chủ đầu tư không có “cơ quan chuyên môn”, ví dụ: Các ban quản lý dự án, đơn vị sự nghiệp công lập khác...</p>	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã nghiên cứu, tiếp thu phù hợp tại dự thảo Nghị định.</p>

STT	Ý kiến góp ý	Tiếp thu, giải trình
156	<p>10. Về Thẩm quyền thẩm định, phê duyệt thiết kế, dự toán dự án (Điều 33 dự thảo): Đề nghị chỉnh sửa khoản 2 Điều 33 dự thảo Nghị định như sau: “2. Đối với dự án do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý, đơn vị có chức năng được giao nhiệm vụ chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức thẩm định thiết kế, dự toán đầu tư của dự án và trình...”.</p> <p>Lý do: Việc quy định “đơn vị có chức năng được giao nhiệm vụ chủ trì, phối hợp với sở quản lý chuyên ngành” là 02 đơn vị khác nhau dẫn đến không phù hợp với một số quy định cơ quan quản lý chuyên ngành là cơ quan chủ trì thẩm định như: Các dự án trồng rừng do cơ quan quản lý lâm nghiệp (hiện là Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) thẩm định...</p>	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã nghiên cứu, tiếp thu phù hợp tại dự thảo Nghị định.</p>

STT	Ý kiến góp ý	Tiếp thu, giải trình
157	<p>11. Về Lập, thẩm định, phê duyệt và giao kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư (Chương V dự thảo):</p> <p>- Đề nghị chỉnh sửa khoản 1 Điều 40 dự thảo Nghị định như sau: “1. Căn cứ chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ ... các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng vốn từ nguồn thu hợp pháp dành để đầu tư lập kế hoạch đầu tư trung hạn báo cáo cơ quan chủ quản trực tiếp quản lý để báo cáo Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân các cấp tổng hợp, báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính để tổng hợp, báo cáo Chính phủ, Quốc hội”.</p> <p>- Đề nghị chỉnh sửa khoản 1 Điều 41 dự thảo Nghị định như sau: “1. Căn cứ chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ ... các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng vốn từ nguồn thu hợp pháp dành để đầu tư lập kế hoạch đầu tư hằng năm báo cáo cơ quan chủ quản trực tiếp quản lý để trình Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân các cấp trực tiếp quản lý xem xét, quyết định. Nội dung báo cáo kế hoạch đầu tư hằng năm sử dụng vốn từ nguồn thu hợp pháp dành để đầu tư theo quy định tại Điều 53 Luật Đầu tư công”.</p> <p>Lý do: Để phù hợp với quy định tại Điều 53 và khoản 1 Điều 627 Luật Đầu tư công (sửa đổi) quy định cơ quan chủ quản trực tiếp là cơ quan trình kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm.</p>	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã nghiên cứu, tiếp thu phù hợp tại dự thảo Nghị định.</p>

STT	Ý kiến góp ý	Tiếp thu, giải trình
158	<p>12. Về Trình tự lập, phê duyệt, giao kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước (Điều 48 dự thảo):</p> <p>12.1. Tại khoản 4 Điều 48 dự thảo Nghị định:</p> <p>- Đề nghị chỉnh sửa điểm b, điểm c để đảm bảo phù hợp với khoản 4, khoản 6 Điều 528 Luật Đầu tư công (sửa đổi) như sau:</p> <p>“b) Giao cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư công cấp tỉnh tổng hợp nhu cầu kế hoạch đầu tư công trung hạn cấp tỉnh giai đoạn sau chi tiết theo từng nguồn vốn, dự kiến danh mục và mức vốn cho từng nhiệm chương trình, nhiệm vụ, dự án, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh cho ý kiến về nhu cầu kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau; c) Tổng hợp nhu cầu kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau của cấp tỉnh, mức vốn bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp dưới chi tiết theo từng nguồn vốn, dự kiến danh mục và mức vốn cho từng nhiệm chương trình, nhiệm vụ, dự án, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính theo tiến độ theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.” - Đề nghị bỏ nội dung quy định: Tổng hợp nhu cầu kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau của cấp huyện, cấp xã tại điểm c khoản 4, để phù hợp với phân cấp quản lý ngân sách theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Tổ chức chính quyền địa phương và Luật Đầu tư công năm 2019 đang thực hiện.</p> <p>12.2. Tại khoản 7 Điều 48 dự thảo Nghị định:</p> <p>- Đề nghị chỉnh sửa điểm a, b, c, d để đảm bảo phù hợp với khoản 4, khoản 6 Điều 529 Luật Đầu tư công (sửa đổi) như sau:</p> <p>“a) Thông báo dự kiến khả năng cân đối ngân sách nhà nước cho chi đầu tư công trong giai đoạn sau cho từng cơ quan, đơn vị trực thuộc và Ủy ban nhân dân cấp huyện làm cơ sở để lập dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau.</p> <p>b) Giao cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư công cấp tỉnh tổng hợp dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn cấp tỉnh giai đoạn sau chi tiết theo từng nguồn vốn, dự kiến danh mục và mức vốn cho từng nhiệm chương trình, nhiệm vụ, dự án, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh cho ý kiến trước 31 tháng 7 năm thứ năm của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước.</p> <p>c) Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã tổ chức lập dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau của cấp mình, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp cho ý kiến trước ngày 31 tháng 07 năm thứ năm của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp trên theo quy định. d) Tổng hợp dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau của cấp tỉnh, mức vốn bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp dưới chi tiết theo từng nguồn vốn, dự kiến danh mục và mức vốn cho từng nhiệm chương trình, nhiệm vụ, dự án và các nội dung theo quy định tại Điều 52 Luật Đầu tư công, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính trước ngày 30 tháng 8 năm thứ năm của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước.” - Đề nghị bỏ nội dung quy định: Tổng hợp nhu cầu kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau của cấp huyện, cấp xã tại điểm d khoản 7, để phù hợp với phân cấp quản lý ngân sách theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Tổ chức chính quyền địa phương và Luật Đầu tư công năm 2019 đang thực hiện.</p> <p>12.3. Tại khoản 8 (theo thứ tự là khoản 10) Điều 48 dự thảo Nghị định:</p> <p>Đề nghị cơ quan soạn thảo chỉnh sửa phù hợp với trình tự giao vốn đầu tư công theo quy định tại khoản 9 Điều 59 Luật Đầu tư công (sửa đổi): (1) Trung ương dự kiến giao cho cơ quan, đơn vị trực thuộc và cấp tỉnh; (2) Cấp tỉnh dự kiến giao cho cơ quan, đơn vị trực thuộc và cấp huyện; (3) Cấp huyện cho cơ quan, đơn vị trực thuộc và cấp xã, do vậy HĐND cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã không thể phê duyệt kế hoạch đầu tư công trung hạn khi Trung ương chưa giao vốn (theo dự thảo là tại kỳ họp thứ nhất của Quốc hội khóa mới), hơn nữa ngày 10/3 năm thứ nhất thì chưa bầu cử đại biểu Quốc hội, đại biểu HĐND các cấp xong. Tỉnh Bắc Giang kiến nghị quy định việc phê duyệt kế hoạch đầu tư công trung hạn cấp tỉnh, huyện, xã tại kỳ họp cuối năm của HĐND cùng cấp khóa mới (do kỳ họp thứ nhất chủ yếu kiện toàn các chức danh của HĐND, UBND các cấp).</p>	<p>Việc quy định cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư công cấp tỉnh tổng hợp nhu cầu kế hoạch đầu tư công trung hạn cấp tỉnh giai đoạn sau là phù hợp, cơ quan cấp tỉnh là cơ quan tổng hợp chung đối với kế hoạch đầu tư công trung hạn của địa phương và để thực hiện trình tự, thủ tục xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau theo khoản 5, 6, 7 Điều 59 Luật Đầu tư công 2024. Ngoài ra, Luật Đầu tư công 2019, cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư công cấp tỉnh là cơ quan tổng hợp nhu cầu kế hoạch đầu tư công trung hạn cấp tỉnh giai đoạn sau báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.</p> <p>2. Theo quy định tại khoản 8, 9 Điều 59 Luật Đầu tư công 2024, việc giao vốn được thực hiện sau khi kế hoạch đầu tư công trung hạn được Quốc hội quyết định. Do đó, việc nhận định "HĐND cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã không thể phê duyệt kế hoạch đầu tư công trung hạn khi chưa giao vốn" là chưa phù hợp với quy định của Luật Đầu tư công.</p>

STT	Ý kiến góp ý	Tiếp thu, giải trình
159	<p>13. Về Trình tự lập, thẩm định kế hoạch đầu tư công hằng năm (Điều 49 dự thảo): Đề nghị bổ sung thêm khoản quy định đối với năm đầu tiên của giai đoạn sau theo quy định tại khoản 8 Điều 60 Luật Đầu tư công (sửa đổi) để đảm bảo tính đồng bộ của Nghị định.</p>	<p>Trình tự lập, phê duyệt, giao kế hoạch đầu tư công hằng năm vốn ngân sách nhà nước năm đầu tiên của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn thực hiện theo khoản 8 Điều 60 Luật Đầu tư công và Điều 49 dự thảo Nghị định.</p>
160	<p>14. Về Thời gian bố trí vốn thực hiện dự án (Điều 50 dự thảo): Đề nghị cơ quan soạn thảo chỉnh sửa để đảm bảo thẩm quyền theo các nguồn vốn đầu tư công (ngân sách nhà nước, vốn từ nguồn thu hợp pháp của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư...) theo Điều 57 Luật Đầu tư công (sửa đổi); xem xét không quy định điều kiện: “Dự án đã được cấp có thẩm quyền quyết định điều chỉnh thời gian thực hiện tối thiểu đến hết thời gian đề xuất gia hạn thời gian bố trí vốn” vì nếu không được cấp có thẩm quyền đồng ý gia hạn thời gian bố trí vốn thì việc điều chỉnh thời gian thực hiện dự án là không khả thi, thủ tục gia hạn thời gian bố trí vốn cần được thực hiện trước; đồng thời điều kiện “Có phương án đảm bảo bố trí đủ vốn ngân sách trung ương trong tổng mức đầu tư và kế hoạch vốn ngân sách trung ương của dự án” chỉ áp dụng đối với phần vốn ngân sách trung ương.</p>	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã nghiên cứu, tiếp thu tại dự thảo Nghị định.</p>
161	<p>15. Về Trách nhiệm, thẩm quyền và biện pháp tổ chức, điều hành kế hoạch đầu tư công (Điều 51 dự thảo): Đề nghị bổ sung vào cuối khoản 1, khoản 3 cụm từ “, trừ trường hợp theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ”, vì: Trong thực tế có một số trường hợp Trung ương giao vốn cho địa phương vào cuối tháng 12 trong khi HĐND tỉnh đã tổ chức kỳ họp hoặc giao vốn vào giữa năm.</p>	<p>Theo khoản 6 Điều 60 Luật Đầu tư công 2024: “Trước ngày 31 tháng 12 hằng năm, các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương phân bổ chi tiết mức vốn kế hoạch đầu tư vốn ngân sách trung ương năm sau, danh mục, mức vốn bố trí của từng nhiệm vụ, dự án...”. Do đó, việc bổ sung “trừ trường hợp theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ” là chưa phù hợp với quy định tại Luật Đầu tư công.</p>
162	<p>16. Đề nghị chỉnh sửa Phụ lục I kèm theo dự thảo Nghị định như sau: - Bổ sung dự án “hạ tầng kỹ thuật khu dân cư nông thôn; chỉnh trang đô thị, nông thôn” vào khoản 5 Mục V Phụ lục I kèm theo dự thảo Nghị định (nếu tại mục I nêu trên). - Chỉnh sửa điểm đ khoản 1 Mục V Phụ lục I kèm theo dự thảo Nghị định: “đ) Di tích (bao gồm cả di tích chưa được xếp hạng); dự án phục vụ tín ngưỡng (hành lễ); tượng đài ngoài trời”, do hiện nay một số di tích được phát hiện nhưng chưa được xếp hạng cần sử dụng vốn đầu tư công để phục dựng, tôn tạo tạo điều kiện để công nhận xếp hạng di tích.</p>	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã nghiên cứu, tiếp thu phù hợp tại dự thảo Nghị định.</p>
VIII	Sơn La	

STT	Ý kiến góp ý	Tiếp thu, giải trình
163	Tại điểm b khoản 7 Điều 10: đề nghị sửa thành “Báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp cho phép gia hạn thời gian thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư chương trình, dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cùng cấp”.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã nghiên cứu, tiếp thu phù hợp tại dự thảo Nghị định.
164	Tại khoản 1 Điều 12: Đề nghị xem xét chỉnh sửa theo hướng dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư là dự án thành phần, đồng thời trong Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư dự án tổng thể cần ghi rõ các nội dung về mục tiêu, quy mô, tổng mức đầu tư, cơ cấu nguồn vốn, địa điểm đầu tư của dự án thành phần bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư giải trình như sau: Nội dung này không được Luật Đầu tư công 2024 giao Chính phủ quy định chi tiết.
165	Tại khoản 1, khoản 2 Điều 16: Đề nghị xem xét chỉnh sửa cụm từ “căn cứ chủ trương đầu tư đã được cấp có thẩm quyền quyết định” thành “căn cứ chủ trương đầu tư đã được Người có thẩm quyền quyết định”. Lý do: Để thống nhất về thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 6 dự thảo Nghị định.	Việc quy định căn cứ chủ trương đầu tư đã được cấp có thẩm quyền quyết định là phù hợp với quy định tại Điều 7 dự thảo Nghị định và đã thống nhất về thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án theo quy định.
166	Tại khoản 6 Điều 20: Đề nghị xem xét sửa thành “...Hội đồng thẩm định hoặc cơ quan chủ trì thẩm định phải rà soát, đối chiếu với các nội dung trong quyết định chủ trương đầu tư đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt đảm bảo đúng với các nội dung về mục tiêu, địa điểm, cơ cấu nguồn vốn và không được vượt tổng mức đầu tư đã quy định trong quyết định chủ trương đầu tư (trừ dự án không phải quyết định chủ trương đầu tư theo quy định tại khoản 6 Điều 19 Luật Đầu tư công)”.	Điều 22 (Điều 20) hiện nay đã quy định về Hồ sơ, nội dung thẩm định dự án đầu tư công. Theo đó, các dự án không phải quyết định chủ trương đầu tư theo quy định tại khoản 6 Điều 19 Luật Đầu tư công thì không phải thẩm định chủ trương đầu tư quy định tại Điều 22 dự thảo Nghị định.
167	Tại khoản 1 Điều 24: Đề nghị xem xét sửa thành “Trường hợp điều chỉnh dự án làm thay đổi một trong các nội dung về mục tiêu, địa điểm, cơ cấu nguồn vốn hoặc tăng tổng mức đầu tư dự án lớn hơn tổng mức đầu tư đã được cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư, dự án phải thực hiện trình tự, thủ tục quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư trước khi cấp có thẩm quyền quyết định điều chỉnh dự án”.	Luật Đầu tư công 2024 đã quy định các trường hợp điều chỉnh chủ trương đầu tư chương trình, dự án.
168	Tại Điều 27: - Tại khoản 1: Đề nghị xem xét chỉnh sửa thành: “Trường hợp chương trình, dự án đầu tư công đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư nếu thấy cần thiết phải dừng thực hiện thì cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư quyết định việc dừng thực hiện chủ trương đầu tư chương trình, dự án đó và chịu trách nhiệm về quyết định của mình. Trường hợp chương trình, dự án đầu tư công đã người cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư, sau khi quyết định dừng thực hiện chủ trương đầu tư chương trình, dự án của cấp có thẩm quyền, người quyết định đầu tư quyết định hủy bỏ chương trình, dự án theo quy định”. - Tại khoản 2: Đề nghị bổ sung nội dung việc dừng chủ trương đầu tư đối với trường hợp do thay đổi quy hoạch và đối với trường hợp bất khả kháng khác.	Luật Đầu tư công 2024 đã quy định các trường hợp điều chỉnh chủ trương đầu tư chương trình, dự án.
169	Tại Điều 28, 29, 32: Đề nghị xem xét chỉnh sửa cụm từ “cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư dự án” thành “người có thẩm quyền quyết định đầu tư dự án”. Lý do: để thống nhất về thẩm quyền quyết định đầu tư chương trình, dự án theo quy định tại Điều 39 Dự thảo Luật Đầu tư công.	Việc quy định cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư dự án là phù hợp với quy định tại Điều 28, 29, 32 dự thảo Nghị định và đã thống nhất về thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án theo quy định của Luật Đầu tư công.

STT	Ý kiến góp ý	Tiếp thu, giải trình
170	<p>Tại Chương VI: Đề nghị xem xét bổ sung hướng dẫn trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt kế hoạch đầu tư công trung hạn, hằng năm thực hiện các chính sách tín dụng thông qua ngân hàng chính sách.</p>	<p>Theo khoản 7 Điều 5 Luật Đầu tư công: "Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định cơ chế, chính sách cụ thể và bố trí vốn ngân sách địa phương để thực hiện chính sách này. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện ủy thác vốn ngân sách địa phương để thực hiện chính sách ưu đãi theo quyết định của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh." Do đó, trình tự, thủ tục thực hiện đầu tư đối với nhiệm vụ ủy thác vốn thông qua ngân hàng chính sách xã hội thực hiện theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.</p>
171	<p>Tại Điều 47: Đề nghị xem xét rà soát các mốc thời gian để phù hợp với các mốc thời gian tại Điều 60 Dự thảo Luật Đầu tư công, cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian phê duyệt nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn sau: Tại khoản 2 Điều 60 Luật Đầu tư công thời gian Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội trước ngày 31 tháng 7 năm thứ tư; tại khoản 1 Điều 47 dự thảo Nghị định thời gian Bộ Kế hoạch và Đầu tư trình Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội là trước ngày 31 tháng 10 năm thứ tư. - Thời gian phê duyệt dự kiến khả năng cân đối ngân sách nhà nước cho chi đầu tư phát triển trong giai đoạn sau cho từng bộ, cơ quan trung ương và địa phương: Tại khoản 4 Điều 60 Luật Đầu tư công thời gian Chính phủ dự kiến chi đầu tư công giai đoạn sau trước ngày 31 tháng 12 năm thứ tư; tại khoản 3 điều 47 dự thảo Nghị định thời gian Bộ Kế hoạch và Đầu tư trình Chính phủ trước ngày 30 tháng 4 năm thứ năm. - Tại điểm b khoản 4: Đề nghị xem xét theo hướng bỏ việc trình HĐND các cấp cho ý kiến tại bước rà soát đề xuất nhu cầu kế hoạch đầu tư công giai đoạn sau. - Tại điểm a khoản 8: Đề nghị xem xét chỉnh sửa thành "... trình UBND cấp tỉnh để trình HĐND cấp tỉnh phê duyệt cho ý kiến trước ngày 10 tháng 3 năm thứ nhất của kế hoạch đầu tư công trung hạn". Lý do: Tại bước này, Quốc hội chưa phê duyệt kế hoạch đầu tư công trung hạn; và để phù hợp với quy định tại điểm a khoản 8 Điều 60 dự thảo Luật Đầu tư công "Căn cứ Nghị quyết của Quốc hội về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn mới..., Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định kế hoạch đầu tư công trung hạn của địa phương". 	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã nghiên cứu, tiếp thu phù hợp tại dự thảo Nghị định.</p>
172	<p>Tại Điều 48: Đề nghị rà soát lại thời điểm thông báo số vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương. Cụ thể: Tại khoản 2 Điều 61 dự thảo Luật Đầu tư công "Trước ngày 30 tháng 9 hằng năm, Chính phủ dự kiến khả năng cân đối ngân sách nhà nước cho chi đầu tư phát triển năm sau cho từng bộ, cơ quan trung ương và địa phương"; tại khoản 6 Điều 48 dự thảo Nghị định "trước ngày 5 tháng 9 hằng năm, Bộ Kế hoạch thông báo số vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương..."</p>	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã nghiên cứu, tiếp thu phù hợp tại dự thảo Nghị định.</p>
173	<p>Tại Điều 49: Đề nghị xem xét bổ sung quy định về điều kiện, thời gian gia hạn bố trí vốn thực hiện dự án nhóm A, B, C sử dụng ngân sách địa phương.</p>	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã nghiên cứu, tiếp thu phù hợp tại dự thảo Nghị định.</p>

STT	Ý kiến góp ý	Tiếp thu, giải trình
174	Tại Điều 52: Đề nghị xem xét điều chỉnh theo hướng cho phép điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn và hằng năm đến ngày 31 tháng 12 năm kế hoạch.	Theo khoản 3 Điều 53 Luật Ngân sách nhà nước: "Thời gian điều chỉnh dự toán đã giao cho các đơn vị sử dụng ngân sách hoàn thành trước ngày 15 tháng 11 năm hiện hành.". Do đó, việc điều chỉnh kế hoạch sau ngày 15 tháng 11 sẽ không được điều chỉnh dự toán và không thể giải ngân theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.
175	Đề nghị xem xét bổ sung các mẫu biểu liên quan đến lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư chương trình, dự án đầu tư công để đảm bảo thuận tiện và thống nhất các nội dung trong quá trình lập, thẩm định, phê duyệt.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã nghiên cứu, tiếp thu phù hợp tại dự thảo Nghị định.
IX	Lai Châu	
176	Tại khoản 2 Điều 49 dự thảo Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công: Dự thảo mới quy định chi tiết điều kiện để trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định gia hạn thời gian bố trí vốn của các dự án ngân sách Trung ương. Tuy nhiên, chưa quy định rõ về trình tự, thủ tục, hồ sơ trình cấp có thẩm quyền quyết định gia hạn thời gian bố trí vốn. Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét quy định chi tiết hơn để thực hiện thống nhất.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã nghiên cứu, tiếp thu phù hợp tại dự thảo Nghị định.
X	Điện Biên	
177	Điều 2 Đối tượng áp dụng đề nghị sửa như sau để bảo đảm đầy đủ đối tượng áp dụng của Nghị định "Nghị định này áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến hoạt động đầu tư công, quản lý và sử dụng vốn đầu tư công."	Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã nghiên cứu, tiếp thu phù hợp tại dự thảo Nghị định.
178	Điểm e khoản 1 Điều 51, đề nghị sửa như sau để bảo đảm đúng thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020 "Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về chế độ và biểu mẫu báo cáo tình hình thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn và hằng năm."	Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã nghiên cứu, tiếp thu phù hợp tại dự thảo Nghị định.
179	Điều 58 Hiệu lực thi hành: - Khoản 1, đề nghị cơ quan soạn thảo quy định cụ thể ngày tháng năm có hiệu lực văn bản để bảo đảm quy định tại Điều 74 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; đồng thời rà soát liệt kê cụ thể các văn bản bị thay thế, bãi bỏ bởi Nghị định này (Ví dụ: Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công). - Khoản 3, đề nghị sửa như sau để nội dung được đầy đủ, chính xác: "3. Đối với các dự án thuộc lĩnh vực công nghệ thông tin sử dụng vốn ngân sách nhà nước, trình tự, thủ tục, hồ sơ lập, thẩm định, quyết định đầu tư và tổ chức quản lý thực hiện theo quy định của Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ Quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước, Nghị định số 82/2024/NĐ-CP ngày 10 ngày 7 tháng 2024 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ Quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước."	Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã nghiên cứu, tiếp thu phù hợp tại dự thảo Nghị định.

STT	Ý kiến góp ý	Tiếp thu, giải trình
XI	Hải Dương	
180	<p>về định mức chi phí lập, thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư của chương trình, dự án đầu tư công nhóm A, B, c (Khoản 1 Điều 5): Đề nghị Chính phủ ban hành cụ thể định mức chi phí lập, thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư của chương trình, dự án đầu tư công nhóm A, B, c để thống nhất thực hiện trên toàn quốc. Tại dự thảo Luật Đầu tư công chỉ nêu nguồn vốn để thực hiện lập, thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư của chương trình, dự án đầu tư công nhóm A, B, c, mà chưa nêu định mức chi phí gây khó khăn và làm chậm triển khai thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư chương trình, dự án trong thực tế đặc biệt các đối với các chương trình, dự án không có cấu phần xây dựng.</p>	<p>Định mức chi phí lập, thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư của chương trình, dự án đầu tư công không thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư công</p>
181	<p>về việc gia hạn thời gian thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư chương trình, dự án (Khoản 7 Điều 10): Đề nghị bổ sung quy định về việc gia hạn thời gian thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư chương trình, dự án thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch UBND các cấp và Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập.</p>	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã nghiên cứu, tiếp thu phù hợp tại dự thảo Nghị định.</p>
182	<p>về việc tách riêng việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thành dự án độc lập (Điều 12): - Đề nghị quy định cụ thể tiêu chí tách công việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thành dự án độc lập để thống nhất thực hiện trên toàn quốc, tránh trách nhiệm giải trình trong khâu hậu kiểm của dự án. - Đề nghị gộp các khoản 3, 5, 6 Điều 12 thành 02 khoản như sau: “3. Việc lập, thẩm định, quyết định đầu tư, điều chỉnh quyết định đầu tư, quản lý dự án đối với các dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư có cấu phần xây dựng thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công, đất đai, xây dựng và pháp luật chuyên ngành khác có liên quan. 4. Việc lập, thẩm định, quyết định đầu tư, điều chỉnh quyết định đầu tư, quản lý dự án đối với các dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư không có cấu phần xây dựng thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công, đất đai và pháp luật chuyên ngành khác có liên quan.”</p>	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã nghiên cứu, tiếp thu phù hợp tại dự thảo Nghị định. Ngoài ra, tại điểm b khoản 2 Điều 6 Luật Đầu tư công đã quy định: “Cấp có thẩm quyền khi phê duyệt chủ trương đầu tư dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C có quyền quyết định việc tách hoặc không tách nội dung bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng thành dự án thành phần độc lập”.</p>
183	<p>về việc áp dụng pháp luật chuyên ngành để triển khai các nội dung liên quan trong dự án đầu tư công (Khoản 2, 5, 6 Điều 12; khoản 3 Điều 22; Điều 28; Điều 29; Điều 30): Dự thảo Nghị định quy định “việc xác định định mức chi phí trong tổng mức đầu tư dự án (chi phí lập báo cáo nghiên cứu khả thi/báo cáo chủ trương đầu tư, chi phí lập báo cáo nghiên cứu khả thi, chi phí quản lý dự án, chi phí giám sát, chi phí đấu thầu khi thuê đơn vị tư vấn, chi phí dự phòng ...), số bước thiết kế của dự án... “ thực hiện theo pháp luật chuyên ngành. Tuy nhiên, việc áp dụng theo pháp luật chuyên ngành cũng đã được quy định tại khoản 4 Điều 27 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công năm 2019, song đến nay mới chỉ có Bộ Thông tin và Truyền thông là ban hành được quy định cụ thể, làm cơ sở triển khai thực hiện: Các Bộ, ngành khác vẫn chưa ban hành được quy định về tiêu chuẩn, định mức, nội dung chi tiết và phương pháp xác định chi phí làm cơ sở xác định tổng mức đầu tư của dự án dẫn đến các địa phương gặp rất nhiều khó khăn trong việc triển khai dự án không có cấu phần xây dựng. Do vậy, đề nghị bổ sung Bộ Y tế, Bộ Tài nguyên Môi trường... vào Điều 59 (Trách nhiệm thi hành).</p>	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã nghiên cứu, tiếp thu phù hợp tại dự thảo Nghị định.</p>

STT	Ý kiến góp ý	Tiếp thu, giải trình
184	<p>về việc lập Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư (Điều 39): Đề nghị bổ sung hướng dẫn về việc thẩm định, phê duyệt Kế hoạch trung hạn; việc lập, thẩm định, phê duyệt điều chỉnh Kế hoạch trung hạn như: cơ quan thẩm định, quy trình thẩm định, cơ quan phê duyệt, điều kiện điều chỉnh...</p>	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã nghiên cứu, tiếp thu phù hợp tại dự thảo Nghị định.</p>
185	<p>về hồ sơ trình cấp có thẩm quyền quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư chương trình, dự án (Khoản i Điều 14): Đề nghị bổ sung báo cáo đánh giá tình hình thực hiện chương trình, dự án trước khi thực hiện điều chỉnh chủ trương đầu tư chương trình, dự án.</p>	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã nghiên cứu, tiếp thu phù hợp tại dự thảo Nghị định.</p>
186	<p>về số lượng hồ sơ trình thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư chương trình, dự án (khoản 2 Điều 10), thẩm định dự án đầu tư công (khoản 3 Điều 20): Đề nghị chỉ quy định tối thiểu 01 bộ hồ sơ bản cứng kèm theo bản điện tử để đúng với chủ trương xây dựng chính phủ điện tử (thực tế hiện nay, trong quá trình thẩm định chủ trương đầu tư, thẩm định dự án đầu tư, cơ quan chủ trì thẩm định thường gửi hồ sơ xin ý kiến thẩm định của các đơn vị có liên quan bằng bản PDF qua hệ thống quản lý văn bản điều hành, trường hợp các đơn vị cần xin ý kiến không thuộc hệ thống quản lý văn bản thì mới gửi hồ sơ bản giấy).</p>	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã nghiên cứu, tiếp thu phù hợp tại dự thảo Nghị định.</p>
187	<p>về trình tự, thủ tục lập, thẩm định, quyết định điều chỉnh chương trình, dự án đầu tư công (Điều 24): Đề nghị chỉnh sửa lại điểm b khoản 1 theo hướng bổ sung trường hợp điều chỉnh làm thay đổi mục tiêu, địa điểm, nguồn vốn, cơ cấu nguồn vốn đã được cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư thì phải thực hiện thủ tục điều chỉnh chủ trương đầu tư (để thống nhất với nội dung Dự thảo Luật sửa đổi)</p>	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã nghiên cứu, tiếp thu phù hợp tại dự thảo Nghị định.</p>
188	<p>về hồ sơ, nội dung, thời gian thẩm định điều chỉnh chương trình, dự án (Điều 25): - Đề nghị bổ sung thêm một khoản quy định về hồ sơ trình cấp có thẩm quyền thẩm định điều chỉnh chương trình, dự án. - Bổ cụm từ “nếu có” tại điểm d, khoản 1 do đây là một thủ tục phải thực hiện trước khi đề xuất điều chỉnh chương trình, dự án (được quy định tại khoản 1 Điều 24). - Bổ sung cụm từ “điều chỉnh” sau cụm từ “phê duyệt” tại điểm b khoản 4</p>	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã nghiên cứu, tiếp thu phù hợp tại dự thảo Nghị định.</p>
189	<p>Về việc gửi quyết định phê duyệt/điều chỉnh chủ trương đầu tư chương trình, dự án (điểm b khoản 4 Điều 11), quyết định phê duyệt/điều chỉnh chương trình, dự án (điểm b khoản 3 Điều 23) đối với dự án sử dụng vốn ngân sách địa phương: Đề nghị chỉnh sửa theo hướng “cơ quan quản lý chương trình, dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước cấp dưới gửi cơ quan quản lý đầu tư công và tài chính cấp trên quyết định phê duyệt/điều chỉnh chủ trương đầu tư chương trình, dự án, quyết định đầu tư/điều chỉnh quyết định đầu tư chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với các dự án có sử dụng vốn hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách cấp trên”.</p>	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư giải trình như sau: Tình chưa làm rõ sự cần thiết phải điều chỉnh nội dung này tại dự thảo Nghị định.</p>
190	<p>về trình tự , thủ tục dừng chủ trương đầu tư chương trình , dự án đầu tư công (Điều 27): - Tại khoản 2: Đề nghị bổ sung các trường hợp được dừng thực hiện: Dự án không thể giải phóng mặt bằng để triển khai thực hiện; dự án không còn phù hợp với chủ trương , định hướng phát triển kinh tế xã hội và quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt mà không thể thực hiện điều chỉnh (thực tế có nhiều dự án tại thời điểm phê duyệt chủ trương đầu tư , phê duyệt đầu tư dự án phù hợp với quy hoạch , tuy nhiên khi thực hiện điều chỉnh quy hoạch dự án không còn phù hợp); dự án được phê duyệt trước thời điểm Luật Đầu tư công năm 2014 có hiệu lực, tuy nhiên đến nay chưa được bố trí vốn để triển khai thực hiện... - Đề nghị quy định rõ về hồ sơ , trình tự thẩm định đối với nội dung thẩm định dừng chủ trương đầu tư chương trình , dự án được quy định tại điểm b khoản 2.</p>	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã nghiên cứu, tiếp thu phù hợp tại dự thảo Nghị định.</p>

STT	Ý kiến góp ý	Tiếp thu, giải trình
191	<p>về trình tự, thủ tục điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm vốn ngân sách nhà nước (Điều 52): Đề nghị bổ sung quy định về hồ sơ trình thẩm định, quyết định điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn. (Ví dụ: liên quan đến dự án đang triển khai, có phải điều chỉnh chủ trương đầu tư trước khi trình cơ quan thẩm định hoặc trình cấp có thẩm quyền quyết định điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn cho dự án). Trường hợp nội dung trên chưa quy định giao Chính phủ quy định chi tiết, đề nghị bổ sung vào dự thảo Luật Đầu tư công sửa đổi để có cơ sở thực hiện.</p>	<p>Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 đã được Quốc hội thông qua ngày 29/11/2024. Theo đó, khoản 9 Điều 71 Luật Đầu tư công giao Chính phủ quy định chi tiết trình tự, thủ tục điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm vốn ngân sách nhà nước, không quy định về hồ sơ trình như kiến nghị của tỉnh</p>
192	<p>Đề nghị làm rõ đối với các dự án không có cấu phần xây dựng có phân loại dự án thành: Dự án lập Báo cáo nghiên cứu khả thi, dự án lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật hay không. Nếu có thì đề nghị bổ sung quy định cụ thể trường hợp dự án lập Báo cáo nghiên cứu khả thi, trường hợp dự án lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật. Đồng thời Đề nghị bổ sung cụm từ “báo cáo Kinh tế - kỹ thuật” sau cụm từ “báo cáo nghiên cứu khả thi” tại các điểm a, b khoản 1 Điều 20.</p>	<p>Luật Đầu tư công chỉ quy định áp dụng báo cáo kinh tế - kỹ thuật đối với trình tự, thủ tục quyết định đầu tư đối với dự án đầu tư công khẩn cấp, không quy định riêng đối với dự án không có cấu phần xây dựng.</p>
193	<p>Đề nghị bổ sung căn cứ xác định số bước thiết kế của dự án không có cấu phần xây dựng.</p>	<p>Tại khoản 1 Điều 30 dự thảo Nghị định đã quy định: "Cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư quyết định phương án thiết kế dự án bảo đảm hiệu quả quản lý thực hiện dự án". Do đó, dự thảo Nghị định đã quy định căn cứ xác định số bước thiết kế của dự án không có cấu phần xây dựng.</p>
XII	Nam Định	
194	<p>Tại Khoản 10, Điều 4. Ngành, lĩnh vực sử dụng vốn đầu tư công Đề nghị bỏ nội dung tại điểm p: “Ủy thác vốn qua ngân hàng chính sách xã hội theo quy định của cấp có thẩm quyền”. Vì nội dung này không được quy định tại Luật đầu tư công (sửa đổi) và tại Điều 3, Điều 41, 42 của Nghị định cũng không hướng dẫn nội dung này. Mặt khác, hiện nay tỉnh Nam Định cũng như các địa phương trong cả nước đã thực hiện tốt việc sử dụng nguồn kinh phí thường xuyên để thực hiện ủy thác qua ngân hàng chính sách theo quy định tại Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 08/02/2017 của Bộ Tài chính về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác. Do đó đối với lĩnh vực này đề nghị không sử dụng vốn đầu tư công để thực hiện.</p>	<p>Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 đã quy định tại khoản 7 Điều 5 như sau: "Bố trí vốn ngân sách địa phương để thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi thông qua Ngân hàng Chính sách xã hội chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương". Do đó, việc đề nghị không sử dụng vốn đầu tư công để thực hiện là chưa phù hợp với quy định với Luật Đầu tư công.</p>
195	<p>Tại điểm a, khoản 3, Điều 7. Trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án sử dụng vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư Đề nghị xem xét quy định chi tiết nội dung này cho phù hợp với tình hình thực tế tại một số đơn vị sự nghiệp công lập mà “đơn vị trực thuộc thẩm quyền quản lý” không có đủ năng lực lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư và không có “cơ quan chuyên môn” mà chỉ có các phòng ban chuyên môn (Ví dụ như Bệnh viện đa khoa tỉnh, Trung tâm Y tế huyện, thành phố,...).</p>	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã nghiên cứu, tiếp thu phù hợp tại dự thảo Nghị định.</p>

STT	Ý kiến góp ý	Tiếp thu, giải trình
196	<p>Tại khoản 2, Điều 32. Thẩm quyền thẩm định, phê duyệt thiết kế, dự toán dự án</p> <p>Đề nghị chỉnh sửa lại như sau: “Đối với dự án do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý, đơn vị có chức năng được giao nhiệm vụ chủ trì, phối hợp với sở quản lý chuyên ngành tổ chức thẩm định thiết kế, dự toán đầu tư của dự án và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc cơ quan được phân cấp hoặc ủy quyền quyết định đầu tư phê duyệt đối với dự án thiết kế một bước. Chủ đầu tư thẩm định, phê duyệt thiết kế chi tiết và dự toán đối với trường hợp thiết kế hai bước. Chủ đầu tư được phép thuê tổ chức, cá nhân có năng lực, kinh nghiệm thực hiện thẩm tra thiết kế chi tiết và dự toán để làm cơ sở thẩm định đối với các phần việc mà mình thực hiện. Việc phê duyệt thiết kế chi tiết và dự toán được thực hiện đồng thời, không tách riêng thiết kế chi tiết với dự toán”.</p> <p>Lý do: Để thực hiện theo đúng chủ trương của Chính phủ về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước và phù hợp với tình hình thực tế các dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước đang triển khai thực hiện theo quy định tại Nghị định 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ và Nghị định 82/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính Phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.</p>	<p>Theo khoản 3 Điều 59 dự thảo Nghị định, đối với các dự án thuộc lĩnh vực công nghệ thông tin sử dụng vốn ngân sách nhà nước, trình tự, thủ tục, hồ sơ lập, thẩm định, quyết định đầu tư và tổ chức quản lý thực hiện theo quy định của Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 82/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 về quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước. Do đó, đối với các dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định nêu trên.</p>
197	<p>Tại Khoản 2, Điều 45. Trình tự, thủ tục thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn cấp vốn điều lệ của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách</p> <p>- Tại điểm a đề nghị bỏ nội dung “được giao là đơn vị chủ quản của quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách”. Vì trên thực tế có rất nhiều quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách như quỹ vì người nghèo, quỹ bảo trợ trẻ em, quỹ đền ơn đáp nghĩa, quỹ hỗ trợ nông dân, quỹ bảo vệ môi trường,... Nên đề nghị bỏ nội dung này để đảm bảo linh hoạt trong quá trình quản lý điều hành khi UBND tỉnh giao cơ quan là đơn vị chủ quản của quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách và phù hợp với các quy định pháp luật khác có liên quan.</p> <p>- Tại điểm b đề nghị chỉnh sửa lại như sau: “Cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư công của bộ, cơ quan trung ương, địa phương có trách nhiệm thẩm định báo cáo kế hoạch đầu tư công trung hạn cấp vốn điều lệ cho quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách trực thuộc theo các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này. Căn cứ ý kiến thẩm định, Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách hoàn chỉnh báo cáo kế hoạch đầu tư công trung hạn, gửi cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư công của bộ, cơ quan trung ương, địa phương để tổng hợp vào kế hoạch đầu tư công trung hạn của bộ, cơ quan trung ương và địa phương gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính”.</p>	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư giải trình như sau: Quy định này để xác định rõ Bộ, cơ quan, địa phương thực hiện quản lý quỹ, do đó không thể quy định chung chung.</p>
198	<p>Tại Khoản 3, Điều 52. Trình tự, thủ tục điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm vốn ngân sách nhà nước</p> <p>Đề nghị quy định "Thời gian điều chỉnh kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước hằng năm giữa các dự án trong nội bộ của địa phương trước ngày 31 tháng 01 năm sau năm kế hoạch". Do thời gian giải ngân của dự án theo quy định là đến ngày 31 tháng 01 năm sau nên trong thực tế có tình trạng một số dự án sau ngày 15 tháng 11 năm kế hoạch mới xác định được chính xác về khả năng giải ngân. Vì vậy, trong trường hợp sau ngày 15 tháng 11 mà không giải ngân được thì không được phép điều chuyển vốn cho dự án khác, làm giảm hiệu quả sử dụng nguồn vốn đầu tư công.</p>	<p>Theo khoản 3 Điều 53 Luật Ngân sách nhà nước: "Thời gian điều chỉnh dự toán đã giao cho các đơn vị sử dụng ngân sách hoàn thành trước ngày 15 tháng 11 năm hiện hành.". Do đó, việc điều chỉnh kế hoạch sau ngày 15 tháng 11 sẽ không được điều chỉnh dự toán và không thể giải ngân theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.</p>

STT	Ý kiến góp ý	Tiếp thu, giải trình
XIII	Ninh Bình	
199	<p>Đối với quy định tại Khoản 2 Điều 5 Dự thảo Nghị định Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công (sửa đổi):</p> <p>Theo quy định tại khoản 1 Điều 15 Dự thảo Luật Đầu tư công (sửa đổi) gửi kèm Công văn số 6933/BKHĐT-TH ngày 28 tháng 8 năm 2024: “Chi phí lập, thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư chương trình đầu tư công sử dụng nguồn chi thường xuyên của cơ quan, đơn vị thực hiện các nhiệm vụ này”.</p> <p>Tuy nhiên, tại khoản 2 Điều 15 Dự thảo Nghị định Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công (sửa đổi) quy định “Trường hợp dự án không được cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư, các khoản chi phí đã chi cho công tác lập báo cáo nghiên cứu khả thi được hạch toán và quyết toán vào chi phí chuẩn bị đầu tư trong chi đầu tư phát triển của bộ, cơ quan trung ương và các cấp chính quyền địa phương quản lý dự án”.</p> <p>Do vậy, đề nghị tổ soạn thảo nghiên cứu điều chỉnh quy định tại khoản 2 Điều 15 Dự thảo Nghị định Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công (sửa đổi) theo hướng: “Trường hợp dự án không được cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư, các khoản chi phí đã chi cho công tác lập báo cáo nghiên cứu khả thi được hạch toán và quyết toán vào chi ngân sách nhà nước của bộ, cơ quan trung ương và các cấp chính quyền địa phương quản lý dự án theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước”.</p>	Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã nghiên cứu, tiếp thu phù hợp tại dự thảo Nghị định.
200	<p>Đề nghị tổ soạn thảo nghiên cứu quy định cụ thể cơ quan có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư, cơ quan lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư đối với dự án đầu tư công xây dựng công trình do cơ quan trung ương đóng trên địa bàn quản lý sử dụng 100% vốn ngân sách địa phương, như: Dự án thuộc lĩnh vực quốc phòng - an ninh do Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh quản lý...</p>	Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã nghiên cứu, tiếp thu phù hợp tại dự thảo Nghị định

STT	Ý kiến góp ý	Tiếp thu, giải trình
201	<p>Đề nghị tổ soạn thảo bổ sung quy định cụ thể hơn về việc quản lý vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư theo quy định của pháp luật theo một số khái niệm như: Nguồn vốn đó lấy từ đâu; tỷ lệ bao nhiêu; điều kiện như thế nào thì phải dùng nguồn vốn đó để đầu tư dự án theo quy trình của Luật Đầu tư công... Vì thực tế cho thấy việc xác định thực hiện đầu tư từ nguồn vốn nêu trên theo quy trình của Luật Đầu tư công là chưa rõ ràng, gây khó khăn trong công tác triển khai thực hiện.</p>	<p>Căn cứ định nghĩa tại Khoản 24 Điều 4 Luật Đầu tư công: “Vốn đầu tư công bao gồm vốn ngân sách nhà nước chi cho đầu tư công; vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư theo quy định của pháp luật”.</p> <p>Theo định nghĩa nêu trên, vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan Nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư công cần theo quy định của pháp luật, tức phải được cấp có thẩm quyền cho phép không thu về ngân sách Nhà nước mà dành để đầu tư phù hợp quy định của pháp luật.</p> <p>Theo Khoản 2 Điều 5 Luật Ngân sách Nhà nước, chi thường xuyên là một nhiệm vụ chi độc lập với chi đầu tư nên không thuộc vốn đầu tư công nguồn ngân sách Nhà nước.</p> <p>Đồng thời, Luật Đầu tư công 2024 cũng không giao Chính phủ quy định chi tiết nội dung này.</p>
202	<p>Đề nghị tổ soạn thảo nghiên cứu bổ sung quy định cụ thể hơn để xác định các công trình, dự án có tính chất như thế nào thì phải sử dụng nguồn vốn đầu tư công để đầu tư; cũng như để phân định việc sử dụng hai nguồn kinh phí đầu tư/thường xuyên cho các nội dung về mua sắm trang thiết bị và cải tạo, nâng cấp, mở rộng của dự án đầu tư xây dựng quy định tại Điều 6 Dự thảo Luật Đầu tư công (sửa đổi) gửi kèm Công văn số 6933/BKHĐT-TH ngày 28 tháng 8 năm 2024.</p>	<p>Ngày 24/10/2024, Chính phủ đã ban hành Nghị định 138/2024/NĐ-CP, quy định về việc lập dự toán, quản lý và sử dụng chi thường xuyên ngân sách nhà nước (NSNN) cho các hoạt động mua sắm tài sản, trang thiết bị và cải tạo, nâng cấp, mở rộng hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng sử dụng nguồn vốn chi thường xuyên. Việc đầu tư dự án sử dụng nguồn vốn đầu tư công thực hiện theo quy định pháp luật về đầu tư công. Do đó, việc phân định việc sử dụng hai nguồn kinh phí thực hiện theo các quy định nêu trên.</p>

STT	Ý kiến góp ý	Tiếp thu, giải trình
XIV	<p>Thanh Hóa</p> <p>Về lập, thẩm định, quyết định đầu tư chương trình, dự án đầu tư công (Chương III)</p> <p>(1) Điểm c khoản 3 Điều 22 dự thảo Nghị định về hồ sơ trình cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư chương trình, dự án: “3. c) Dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng và dự án còn lại được tách riêng từ dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A theo quy định tại khoản... Điều... của Luật Đầu tư công được phân loại phù hợp với phân loại của dự án theo quyết định chủ trương đầu tư”. Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Dự thảo Luật Đầu tư công sửa đổi, việc tách riêng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng thành dự án độc lập được áp dụng cho cả các dự án nhóm B, nhóm C. Vì vậy, đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư bổ sung thêm các dự án thuộc nhóm B và C vào điểm c khoản 3 Điều 22 dự thảo Nghị định.</p> <p>(2) Khoản 2 Điều 27 dự thảo Nghị định quy định: “2. Việc dừng chủ trương đầu tư chương trình, dự án được thực hiện trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Việc tiếp tục thực hiện chương trình, dự án gây hậu quả về kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, môi trường.</p> <p>b) Việc dừng chủ trương đầu tư chương trình, dự án mang lại hiệu quả cao hơn về tài chính, kinh tế - xã hội và được cơ quan có thẩm quyền thẩm định”. Tuy nhiên, trong thực tế, một số dự án đang trong quá trình triển khai vì lý do bất khả kháng, như: thiên tai, dịch bệnh, ... không thể tiếp tục thực hiện. Do đó, để phù hợp với tình hình thực tế, đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét bổ sung thêm trường hợp dừng chủ trương đầu tư chương trình, dự án là do nguyên nhân bất khả kháng, không thể lường trước được, nên không thể tiếp tục thực hiện dự án.</p> <p>(3) Điểm b khoản 2 và khoản 3 Điều 27 dự thảo Nghị định quy định: “2. b) Việc dừng chủ trương đầu tư chương trình, dự án mang lại hiệu quả cao hơn về tài chính, kinh tế - xã hội và được cơ quan có thẩm quyền thẩm định. 3. Trình tự, thủ tục dừng chủ trương đầu tư chương trình, dự án như sau: a) cấp quyết định đầu tư chương trình, dự án tổ chức kiểm tra, đánh giá quá trình thực hiện chương trình, dự án theo quy định của pháp luật về đầu tư công và quy định của pháp luật có liên quan. b) Cấp quyết định đầu tư chương trình, dự án báo cáo cấp quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án về việc dừng chủ trương đầu tư chương trình, dự án, trong đó xác định nguyên nhân dừng chủ trương đầu tư theo các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này. c) Cấp quyết định chủ trương đầu tư xem xét, quyết định việc dừng chủ trương đầu tư chương trình, dự án theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và quy định của pháp luật có liên quan”. Để có cơ sở triển khai, đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định rõ trình tự, thủ tục thẩm định dừng chủ trương đầu tư chương trình, dự án.</p>	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã nghiên cứu, tiếp thu phù hợp tại dự thảo Nghị định.</p>

STT

Ý kiến góp ý

Tiếp thu, giải trình

Về lập, thẩm định, phê duyệt và giao kế hoạch đầu tư công trung hạn, hằng năm vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư (Chương V):

a) Đối với kế hoạch trung hạn:

Tại Điều 39 dự thảo Nghị định quy định đối với kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư thì chỉ thực hiện trình tự, thủ tục lập, báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính để tổng hợp, báo cáo Chính phủ, Quốc hội. Đề các đơn vị có cơ sở thực hiện, đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét, bổ sung quy định sau vào dự thảo Nghị định: “Không thực hiện việc thẩm định, phê duyệt và giao kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư”.

b) Đối với kế hoạch hằng năm:

(1) Khoản 1 Điều 40 Dự thảo Nghị định quy định: “1. Căn cứ quy định của Thủ tướng Chính phủ, hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư theo quy định tại Điều... của Luật Đầu tư công, bộ, cơ quan trung ương, UBND cấp tỉnh hướng dẫn các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng vốn từ nguồn thu hợp pháp dành để đầu tư lập kế hoạch đầu tư hằng năm trình bộ, cơ quan trung ương, UBND các cấp trực tiếp quản lý xem xét, quyết định. Nội dung báo cáo kế hoạch đầu tư hằng năm sử dụng vốn từ nguồn thu hợp pháp dành để đầu tư theo quy định tại Điều 50 của Luật Đầu tư công”. Tuy nhiên, Điều 50 của Dự thảo Luật Đầu tư công sửa đổi lại quy định về phân loại kế hoạch đầu tư công; Điều 54 Luật Đầu tư công sửa đổi mới quy định về nội dung báo cáo kế hoạch đầu tư công hằng năm trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Vì vậy, đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét, điều chỉnh lại nội dung trên như sau: Nội dung báo cáo kế hoạch đầu tư hằng năm sử dụng vốn từ nguồn thu hợp pháp dành để đầu tư theo quy định tại Điều 54 của Luật Đầu tư công.

(2) Khoản 3, khoản 4 Điều 40 dự thảo Nghị định quy định: “3. Căn cứ ý kiến thẩm định quy định tại khoản 2 Điều này, cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập hoàn thiện báo cáo kế hoạch đầu tư hằng năm; trình bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân các cấp xem xét, quyết định. 4. Người đứng đầu bộ, cơ quan trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp quyết định phê duyệt, giao kế hoạch đầu tư hằng năm vốn từ nguồn thu hợp pháp dành để đầu tư của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, bao gồm tổng số vốn và danh mục các dự án đầu tư; quyết định điều chỉnh kế hoạch đầu tư hằng năm khi có nhu cầu, bảo đảm phù hợp với khả năng thực tế theo quy định của pháp luật về đầu tư công và pháp luật có liên quan”. Việc quy định như trên là không thống nhất về thẩm quyền phê duyệt, giao kế hoạch hằng năm đối với nguồn vốn này (khoản 3 là UBND các cấp, khoản 4 là Chủ tịch UBND các cấp). Vì vậy, đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét, thống nhất thẩm quyền giao kế hoạch hằng năm nguồn vốn từ nguồn thu hợp pháp dành để đầu tư của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập là UBND các cấp.

(3) Đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư bổ sung thêm các điều kiện, thành phần hồ sơ có liên quan trong dự thảo Nghị định, làm cơ sở pháp lý để Hội đồng thẩm định hoặc cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư công tổ chức thẩm định báo cáo kế hoạch đầu tư công hằng năm của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập.

a) Theo khoản 1 Điều 62 Luật Đầu tư công, các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng vốn từ nguồn thu hợp pháp dành để đầu tư phải lập kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm báo cáo cơ quan chủ quản trực tiếp quản lý để trình Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân các cấp. Khoản 2 Điều 62 chỉ quy định các bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân các cấp lập, thẩm định, quyết định đối với kế hoạch hằng năm, không quy định đối với kế hoạch trung hạn nguồn vốn này.

b) (1) Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã nghiên cứu, tiếp thu phù hợp tại dự thảo Nghị định;

(2) Khoản 3, 4 Điều 40 dự thảo Nghị định đã thống nhất về thẩm quyền người quyết định kế hoạch và giao kế hoạch đầu tư công hằng năm vốn từ nguồn thu hợp pháp dành để đầu tư của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;

(3) Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã nghiên cứu, tiếp thu phù hợp tại dự thảo Nghị định.

204

STT	Ý kiến góp ý	Tiếp thu, giải trình
205	<p>Về trình tự, thủ tục thực hiện đầu tư đối với đối tượng cấp bù lãi suất tín dụng ưu đãi, phí quản lý; cấp vốn điều lệ cho các ngân hàng chính sách, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách; hỗ trợ đối tượng chính sách khác theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ (Chương VI):</p> <p>Điều 46 dự thảo Nghị định quy định về hỗ trợ đầu tư cho các đối tượng khác theo Nghị định của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ. Tuy nhiên, chưa quy định cụ thể tiêu chí, tiêu chuẩn, phạm vi để xác định các đối tượng khác được hỗ trợ cũng như hồ sơ, thủ tục kèm theo; do đó, đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét, bổ sung các nội dung này, để các đơn vị có cơ sở triển khai thực hiện.</p>	<p>Khoản 2 Điều 47 dự thảo Nghị định quy định: "Trình tự lập, thẩm định báo cáo kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm đối với hỗ trợ đầu tư cho các đối tượng theo Nghị định của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ". Do đó, việc thực hiện cần căn cứ Nghị định của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ đối với việc hỗ trợ đầu tư các đối tượng khác.</p>
206	<p>Về lập, phê duyệt, giao triển khai thực hiện và theo dõi, kiểm tra đánh giá kế hoạch đầu tư công (Chương VII):</p> <p>(1) Khoản 3 Điều 52 dự thảo Nghị định về trình tự, thủ tục điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm vốn ngân sách nhà nước quy định "3. Thời gian điều chỉnh kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước hằng năm giữa các dự án trong nội bộ của bộ, cơ quan trung ương và địa phương trước ngày 15 tháng 11 năm kế hoạch."</p> <p>Tuy nhiên, trong thực tiễn, các dự án sử dụng nguồn vốn đầu tư công thường có xu hướng tích lũy, dồn khối lượng thi công vào khoảng thời gian cuối năm để nghiệm thu, thanh toán, đặc biệt là các dự án có quy mô đầu tư và tổng mức đầu tư nhỏ, để không phải thực hiện thủ tục thanh toán với Kho bạc Nhà nước các cấp nhiều lần. Một số dự án gần cuối năm mới phát sinh vướng mắc, khó khăn, không kịp thời giải ngân hết số vốn còn lại và có nhu cầu điều chuyển sang cho các dự án khác có tiến độ thực hiện nhanh; song, thời điểm chủ đầu tư đề xuất điều chỉnh vốn đã quá thời gian cho phép điều chỉnh kế hoạch vốn theo quy định tại dự thảo Nghị định (sau ngày 15 tháng 11 năm kế hoạch).</p> <p>Vì vậy, để tạo sự chủ động, linh hoạt cho bộ, cơ quan trung ương và địa phương trong việc điều chỉnh kế hoạch vốn hằng năm nhằm nâng cao tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công và phát huy hiệu quả nguồn vốn, kính đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét, trình Chính phủ sửa đổi khoản 3 Điều 52 dự thảo Nghị định như sau: "3. Thời gian điều chỉnh kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước hằng năm giữa các dự án trong nội bộ của bộ, cơ quan trung ương và địa phương trước ngày 31 tháng 12 năm kế hoạch".</p>	<p>Theo khoản 3 Điều 53 Luật Ngân sách nhà nước: "Thời gian điều chỉnh dự toán đã giao cho các đơn vị sử dụng ngân sách hoàn thành trước ngày 15 tháng 11 năm hiện hành.". Do đó, việc điều chỉnh kế hoạch sau ngày 15 tháng 11 sẽ không được điều chỉnh dự toán và không thể giải ngân theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.</p>

STT	Ý kiến góp ý	Tiếp thu, giải trình
207	<p>Về cấp quyết định đầu tư dự án: Theo quy định tại điểm b khoản 3, điểm b khoản 4 Điều 39 dự thảo Luật Đầu tư công quy định: “Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định đầu tư dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C do cấp tỉnh quản lý; Chủ tịch UBND cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư dự án nhóm B, nhóm C do cấp mình quản lý”. Hiện nay, các văn bản quy phạm pháp luật chưa quy định về cấp quản lý công trình cũng như các tiêu chí cụ thể để xác định cấp quản lý công trình ở địa phương (xác định theo nguồn vốn hay theo đặc thù cấp công trình của pháp luật chuyên ngành về ngành, lĩnh vực). Trong khi, Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ lại quy định về quyết toán công trình như sau:</p> <p>- Điểm b Khoản 1 Điều 35: “1. Thẩm quyền phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành: b) Đối với các dự án khác: Người có thẩm quyền quyết định phê duyệt dự án đầu tư là người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành hoặc ủy quyền phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành.”</p> <p>- Điểm a, b Khoản 2 Điều 35: “2. Cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành:5 a) Đối với các dự án sử dụng vốn đầu tư công thuộc ngân sách do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý: Sở Tài chính chủ trì tổ chức thẩm tra (trừ trường hợp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có quyết định khác). b) Đối với các dự án sử dụng vốn đầu tư công thuộc ngân sách do Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý: Phòng Tài chính - Kế hoạch chủ trì tổ chức thẩm tra (trừ trường hợp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có quyết định khác),...”</p> <p>Do đó, địa phương rất khó khăn trong việc xác định cấp công trình quản lý để làm cơ sở quyết định đầu tư, quyết toán công trình đã hoàn thành, nên đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét, bổ sung quy định về tiêu chí, phương pháp xác định các công trình do cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã quản lý trong dự thảo Nghị định.</p>	<p>Phạm vi điều chỉnh tại Dự thảo Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư công không bao gồm việc quyết toán công trình. Quy định về quyết toán công trình sẽ được quy định tại Nghị định sửa đổi, bổ sung, thay thế Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ.</p>

STT	Ý kiến góp ý	Tiếp thu, giải trình
XV	Nghệ An	
208	<p>Khoản 2, Điều 20 dự thảo quy định: “Hồ sơ thẩm định dự án đầu tư công có cấu phần xây dựng phải bao gồm cả ý kiến của cộng đồng dân cư”. Đề nghị không yêu cầu về ý kiến của cộng đồng dân cư trong nội dung hồ sơ.</p> <p>Lý do: tại khoản 3 Điều 44 dự thảo Luật Đầu tư công (sửa đổi) quy định “Trình tự lập, thẩm định, quyết định đầu tư dự án có cấu phần xây dựng thực hiện theo quy định của pháp luật về xây dựng”, do đó đề nghị không đưa ra yêu cầu phải có ý kiến của cộng đồng dân cư trong nội dung Hồ sơ thẩm định dự án đầu tư công có cấu phần xây dựng.</p>	<p>Theo khoản 2 Điều 91 Luật Đầu tư công, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam có trách nhiệm, quyền hạn Tổ chức lấy ý kiến cộng đồng về chủ trương đầu tư các chương trình, dự án trên địa bàn theo quy định của Luật này và quy định của pháp luật về dân chủ ở cơ sở.</p> <p>Theo khoản c điểm 1 Điều 22 dự thảo Nghị định, báo cáo của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp tổng hợp ý kiến cộng đồng dân cư nơi thực hiện dự án đối với các dự án theo quy định tại Điều 91 của Luật Đầu tư công là thành phần hồ sơ thẩm định. Việc quy định nêu trên để đảm bảo giám sát của cộng đồng trong việc thực hiện dự án đầu tư công và phù hợp với quy định pháp luật về đầu tư công và pháp luật có liên quan</p>
209	<p>Khoản 6, Điều 20 dự thảo quy định “trong quá trình thẩm định dự án đầu tư công, cơ quan chủ trì thẩm định phải rà soát, đối chiếu với các quy định trong quyết định chủ trương đầu tư đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; chỉ tiêu về quy mô, tổng mức đầu tư của dự án, bao gồm cơ cấu vốn không được vượt quá mức đã quy định trong quyết định chủ trương đầu tư; Trường hợp cần thiết phải điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án</p> <p>Đề nghị cơ quan soạn thảo sửa lại như sau: “trong quá trình thẩm định dự án đầu tư công, cơ quan chủ trì thẩm định phải rà soát, đối chiếu với các quy định trong quyết định chủ trương đầu tư đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo không thay đổi về mục tiêu, địa điểm, cơ cấu nguồn vốn, vượt tổng mức đầu tư so với chủ trương đầu tư”; Trường hợp cần thiết phải điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án</p> <p>Lý do: Để bảo đảm phù hợp với quy định của khoản 2 Điều 17 dự thảo Luật Đầu tư công (sửa đổi) về các hành vi bị cấm trong đầu tư công là quyết định đầu tư dự án hoặc quyết định điều chỉnh dự án không đúng với các nội dung về mục tiêu, địa điểm, cơ cấu nguồn vốn, vượt tổng mức đầu tư trong chủ trương đầu tư đã được cấp có thẩm quyền quyết định.</p>	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư tiếp thu nội dung này trong dự thảo Nghị định.</p>

STT	Ý kiến góp ý	Tiếp thu, giải trình
210	<p>Điểm d, khoản 1, Điều 24, đề nghị bỏ nội dung: “Trường hợp điều chỉnh làm tăng tổng mức đầu tư dự án lớn hơn tổng mức đầu tư đã được cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư, phải thực hiện trình tự, thủ tục điều chỉnh chủ trương đầu tư trước khi cấp có thẩm quyền quyết định điều chỉnh dự án</p> <p>Lý do: nội dung này đã được quy định cụ thể tại Điều 38 dự thảo Luật Đầu tư công (sửa đổi) về điều chỉnh chủ trương đầu tư trong trường hợp phát sinh thay đổi vượt tổng mức đầu tư dự án so với nội dung tại chủ trương đầu tư.</p>	<p>Tại điểm đ, khoản 1 Điều 26 dự thảo Nghị định quy định: “Trường hợp điều chỉnh làm thay đổi một trong các nội dung về mục tiêu, địa điểm, vượt mức vốn đầu tư công, vượt mức vốn đầu tư công của ngân sách cấp trên, vượt tổng mức đầu tư dự án so với tổng mức đầu tư đã được cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư, phải thực hiện trình tự, thủ tục điều chỉnh chủ trương đầu tư theo quy định tại Điều 37 của Luật Đầu tư công trước khi cấp có thẩm quyền quyết định điều chỉnh dự án”. Việc quy định nêu trên đảm bảo phù hợp với quy định của Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15</p>
211	<p>Khoản 1, Điều 25 về hồ sơ, nội dung, thời gian thẩm định điều chỉnh dự án, đề nghị bổ sung thành phần hồ sơ là Báo cáo đề xuất điều chỉnh dự án.</p> <p>Lý do: để bảo đảm hồ sơ đề xuất điều chỉnh tương quan với yêu cầu tại khoản b Điều 20 về hồ sơ, nội dung thẩm định dự án.</p>	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư tiếp thu và đã quy định tại dự thảo Nghị định theo hướng áp dụng mẫu báo cáo đề xuất đối với các nội dung đề nghị điều chỉnh.</p>
212	<p>Điều 27 quy định về trình tự, thủ tục dừng chủ trương đầu tư chương trình, dự án đầu tư công mới quy định về trường hợp dừng chủ trương đầu tư và thủ tục chung. Đề nghị bổ sung quy định cụ thể về trình tự, quy trình thực hiện; thành phần hồ sơ, thủ tục yêu cầu; thời gian thực hiện...</p> <p>Lý do: quy định cụ thể để địa phương có căn cứ triển khai thực hiện, tránh các cách hiểu khác nhau trong quá trình thực hiện.</p>	<p>Điều 16 dự thảo Nghị định đã quy định về trình tự, thủ tục và các trường hợp dừng chủ trương đầu tư chương trình, dự án. Bộ Kế hoạch và Đầu tư sẽ nghiên cứu, tiếp thu phù hợp tại dự thảo Nghị định.</p>
213	<p>Điều 32 và Điều 33 về thẩm quyền, trình tự, thủ tục thẩm định, phê duyệt thiết kế, dự toán dự án đề nghị bổ sung khái niệm cụ thể hoặc làm rõ khái niệm đơn vị có chức năng được giao nhiệm vụ chủ trì/thẩm định các nội dung của thiết kế, dự toán.</p> <p>Lý do: tại dự thảo Luật Đầu tư công (sửa đổi) và dự thảo Nghị định hướng dẫn đều chưa có khái niệm về đơn vị có chức năng, cần quy định rõ để địa phương có căn cứ xác định đơn vị được giao nhiệm vụ chủ trì, thẩm định.</p>	<p>Điều 33 dự thảo Nghị định đã quy định rõ đơn vị có chức năng được giao nhiệm vụ và có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt thiết kế, dự toán dự án đối với dự án do bộ cơ quan trung ương quản lý, dự án do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý, dự án do Ủy ban nhân dân cấp huyện, xã quản lý. Như vậy, dự thảo Nghị định đã quy định về đơn vị có chức năng thẩm định, phê duyệt thiết kế, dự toán dự án.</p>

STT	Ý kiến góp ý	Tiếp thu, giải trình
214	<p>Tại tiết c khoản 4, tiết d khoản 5 Điều 47 dự thảo quy định ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm “tổng hợp nhu cầu kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau của cấp tỉnh, huyện, xã chi tiết theo từng nguồn vốn, mức vốn cho từng chương trình, nhiệm vụ, dự án gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính”. Đề nghị sửa lại “tổng hợp nhu cầu kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau nguồn ngân sách trung ương (bao gồm vốn nước ngoài) chi tiết theo từng nguồn vốn, mức vốn cho từng chương trình, nhiệm vụ, dự án; nguồn ngân sách địa phương theo tổng số gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính</p> <p>Lý do: tại bước tổng hợp nhu cầu chung chưa thể triển khai đến cấp huyện, cấp xã lập nhu cầu đối với từng dự án tương ứng mức vốn cụ thể cho từng dự án</p> <p>Các dự án các cấp huyện, xã gồm nhiều dự án nhỏ, tổng mức đầu tư không lớn</p> <p>Thực tiễn tại các địa phương, việc tổng hợp chi tiết từng dự án, mức vốn đối với từng dự án của từng nguồn vốn đến cả cấp xã là rất khó khăn, nhất là với những địa phương có số đơn vị hành chính cấp xã lớn như tỉnh Nghệ An</p> <p>Đồng thời dự thảo Luật Đầu tư công (sửa đổi) quy định phân cấp cho địa phương quyết định đối với nguồn NSDP của từng cấp. Do đó đề nghị xem xét sửa đổi theo hướng chỉ báo cáo chi tiết đến từng danh mục dự án đối với nguồn NSTW (bao gồm vốn nước ngoài) và báo cáo tổng số đối với nguồn NSDP, đặc biệt chỉ báo cáo tổng số đối với nguồn ngân sách địa phương cấp huyện, cấp xã.</p>	<p>Theo khoản 6 Điều 52 Luật Đầu tư công, nội dung báo cáo kế hoạch đầu tư công trung hạn trình cấp có thẩm quyền phê duyệt bao gồm việc sắp xếp thứ tự ưu tiên, lựa chọn danh mục dự án dự kiến và mức vốn bố trí cho từng chương trình, nhiệm vụ, dự án trong kế hoạch đầu tư công trung hạn phù hợp với khả năng cân đối vốn đầu tư công và khả năng huy động các nguồn vốn khác để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ và phương hướng hoặc kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm. Do đó, việc chỉ tổng hợp nhu cầu kế hoạch đầu tư công trung hạn theo từng nguồn vốn, mức vốn mà không kèm theo danh mục dự án là chưa phù hợp với quy định pháp luật về đầu tư công.</p>
215	<p>Khoản 2 Điều 49 quy định về gia hạn thời gian bố trí vốn thực hiện dự án “... quyết định gia hạn thời gian bố trí vốn thực hiện dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C không quá 01 năm, riêng dự án nhóm A có tổng mức đầu tư từ 10.000 tỷ đồng đến dưới 30.000 tỷ đồng không quá 02 năm nhưng vẫn tiếp tục có nhu cầu gia hạn thời gian bố trí vốn thực hiện dự án quá thời gian nêu trên thì cơ quan chủ quản báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định gia hạn thời gian bố trí vốn của các dự án đáp ứng các điều kiện sau”.</p> <p>Đề nghị bổ sung quy định đối với các dự án nhóm A, nhóm B, nhóm c đã kéo dài thời gian bố trí vốn 01 năm nhưng vẫn tiếp tục có nhu cầu gia hạn thời gian bố trí vốn thực hiện dự án quá 01 năm thì báo cáo cấp có thẩm quyền cho phép quyết định gia hạn thời gian bố trí vốn.</p> <p>Lý do: việc quy định hạn chế kéo dài thời gian bố trí vốn góp phần thúc đẩy bố trí vốn triển khai thực hiện dự án. Tuy nhiên trong thực tiễn có những dự án đang thực hiện nhưng vướng mắc về thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất hoặc các vướng mắc bất khả kháng khác... với quy trình xử lý có thể đến 1-2 năm mà không thể dừng dở dang dự án, cần tiếp tục đầu tư thì cần thiết được cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài thời gian bố trí vốn.</p>	<p>Dự thảo Nghị định đã quy định nếu tiếp tục có nhu cầu gia hạn thời gian bố trí vốn thực hiện dự án quá thời gian nêu trên thì các Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Thủ tướng Chính phủ đối với các dự án sử dụng vốn ngân sách trung ương, Ủy ban nhân dân các cấp báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp đối với các dự án sử dụng toàn bộ vốn ngân sách địa phương xem xét, quyết định gia hạn thời gian bố trí vốn của các dự án.</p>

STT	Ý kiến góp ý	Tiếp thu, giải trình
216	<p>Tại tiết b khoản 1 Điều 55 quy định “UBND cấp tỉnh căn cứ hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, tổ chức và hướng dẫn các Sở, ban, ngành, UBND cấp dưới theo dõi tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm...”. Đề nghị sửa lại thành: “UBND cấp tỉnh căn cứ hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổ chức triển khai thực hiện theo dõi tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm của địa phương...”</p> <p>Lý do: thực hiện cải cách hành chính đề nghị không quy định các địa phương bổ sung các quy định, hướng dẫn về việc theo dõi tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công, chỉ triển khai thực hiện theo quy định của Luật, Nghị định và hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.</p>	<p>Quy định nêu trên kế thừa quy định tại Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 04/06/2020 của Chính phủ. Ngoài ra, nội dung quy định này tại Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 không có sự khác biệt so với Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14. Việc các địa phương ban hành các quy định, hướng dẫn về việc theo dõi tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công để đảm bảo tính hiệu lực, hiệu quả, có tính đến yếu tố đặc thù của từng địa phương trong quản lý, điều hành kế hoạch đầu tư công phù hợp với các quy định của pháp luật.</p>
217	<p>Bổ sung quy định về lấy ý kiến các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành theo ngành, lĩnh vực của chương trình, dự án tại bước thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư chương trình, dự án đầu tư công.</p> <p>Kính đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, bổ sung tại khoản 5 Điều 12 trong dự thảo Nghị định “Cơ quan chủ trì thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư chương trình, dự án có trách nhiệm lấy ý kiến cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành theo ngành, lĩnh vực của chương trình, dự án về các nội dung có liên quan trong báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư chương trình, dự án.”</p> <p>Lý do: Dự thảo Nghị định chỉ quy định về việc cơ quan chủ trì thẩm định lấy ý kiến của cơ quan được giao thẩm định về nguồn vốn và khả năng cân đối vốn; đối với các nội dung khác như tổng mức đầu tư, quy mô đầu tư,... chưa quy định về việc lấy ý kiến các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành, do đó cần bổ sung để bảo đảm việc thẩm định đầy đủ nội dung tại chủ trương đầu tư.</p>	<p>Theo điểm b khoản 2 Điều 10 dự thảo Nghị định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp có thể thành lập Hội đồng thẩm định hoặc giao đơn vị có chức năng thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư. Như vậy, dự thảo Nghị định đã quy định về việc có thể lấy ý kiến cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành thông qua thành lập Hội đồng thẩm định hoặc giao đơn vị có chức năng thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư.</p>
218	<p>Bổ sung quy định về hồ sơ, nội dung và thời gian thẩm định điều chỉnh chủ trương đầu tư chương trình, dự án đầu tư công nhóm A, B, C.</p> <p>Lý do: Dự thảo Nghị định chỉ quy định về Hồ sơ trình cấp có thẩm quyền và thời gian quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư chương trình, dự án đầu tư công nhóm A, B, C (Điều 15) nhưng chưa quy định về Hồ sơ, nội dung và thời gian thẩm định điều chỉnh chủ trương đầu tư.</p>	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tiếp thu, bổ sung quy định tại khoản 3 Điều 15 như sau: “Thời gian quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư chương trình, dự án kể từ ngày cấp có thẩm quyền quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư nhận đủ hồ sơ hợp lệ...”.</p>

STT	Ý kiến góp ý	Tiếp thu, giải trình
219	<p>Bổ sung quy định về các trường hợp được dừng chủ trương đầu tư chương trình, dự án tại Điều 16 dự thảo Nghị định.</p> <p>Lý do: Thực tiễn sẽ phát sinh nhiều tình huống dẫn đến việc phải dừng chủ trương đầu tư chương trình, dự án như thay đổi quy hoạch, các nguyên nhân khách quan, bất khả kháng mà không thể tiếp tục thực hiện dự án. Do đó, kính đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, bổ sung tại khoản 1 Điều 16 trong dự thảo Nghị định “Các trường hợp khác do nguyên nhân khách quan, bất khả kháng dẫn đến việc phải dừng chủ trương đầu tư chương trình, dự án</p> <p>- Đồng thời, kính đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, bổ sung quy định về trình tự, thủ tục đối với việc trình cấp có thẩm quyền cho phép dừng thực hiện các dự án được phê duyệt trước thời điểm Luật Đầu tư công 2014 (các dự án không có chủ trương đầu tư).</p> <p>Lý do: Hiện nay tại địa phương có nhiều dự án được phê duyệt trước thời điểm Luật Đầu tư công 2014, không có quyết định chủ trương đầu tư; chủ đầu tư đề nghị dừng thực hiện các hạng mục còn lại nhưng chưa có quy định về trình tự, thủ tục, hồ sơ để thực hiện nội dung này.</p> <p>Tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định “Quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành, bao gồm các nhiệm vụ, dự án quy định tại khoản 1 Điều này sau khi hoàn thành hoặc dừng thực hiện vĩnh viễn theo văn bản cho phép dừng hoặc cho phép chấm dứt thực hiện của người có thẩm quyền quyết định phê duyệt quyết định đầu tư”. Để thực hiện quyết toán vốn đầu tư dự án theo Nghị định số 99/2021/NĐ-CP cần thiết ban hành quy định về trình tự, thủ tục, hồ sơ và các nội dung liên quan để có căn cứ tham mưu cấp có thẩm quyền dừng hoặc chấm dứt thực hiện dự án.</p>	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tiếp thu, bổ sung tại dự thảo Nghị định về các trường hợp khác do nguyên nhân bất khả kháng trong việc dừng chủ trương đầu tư. Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 không có nội dung giao Chính phủ quy định chi tiết việc dừng thực hiện dự án. Do đó, không có đủ căn cứ pháp lý để quy định việc dừng hoặc chấm dứt thực hiện dự án tại dự thảo Nghị định theo kiến nghị của tỉnh.</p>
220	<p>Tại khoản 6 Điều 22 dự thảo Nghị định quy định “trong quá trình thẩm định dự án đầu tư công với những nội dung quy định tại các khoản 4,5 Điều này, Hội đồng thẩm định hoặc cơ quan chủ trì thẩm định phải rà soát, đối chiếu với các quy định trong quyết định chủ trương đầu tư đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; chỉ tiêu về quy mô, tổng mức đầu tư của dự án, bao gồm cơ cấu vốn không được vượt quá mức đã quy định trong quyết định chủ trương đầu tư; Trường hợp cần thiết phải điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án.</p> <p>Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, điều chỉnh như sau: “Trong quá trình thẩm định dự án đầu tư công với những nội dung quy định tại các khoản 4,5 Điều này, Hội đồng thẩm định hoặc cơ quan chủ trì thẩm định phải rà soát, đối chiếu với các quy định trong quyết định chủ trương đầu tư đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt bảo đảm không thay đổi về mục tiêu, địa điểm, vượt mức vốn đầu tư công, vượt mức vốn đầu tư công của ngân sách cấp trên, vượt tổng mức đầu tư trong chủ trương đầu tư đã được cấp có thẩm quyền quyết định. Trường hợp cần thiết phải điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án</p> <p>Lý do: Để bảo đảm phù hợp với quy định của khoản 2 Điều 17 Luật Đầu tư công năm 2024 về các hành vi bị cấm trong đầu tư công là quyết định đầu tư dự án hoặc quyết định điều chỉnh dự án không đúng với các nội dung về mục tiêu, địa điểm, vượt mức vốn đầu tư công, vượt mức vốn đầu tư công của ngân sách cấp trên, vượt tổng mức đầu tư trong chủ trương đầu tư đã được cấp có thẩm quyền quyết định. Đồng thời phù hợp với khoản 2 Điều 37 Luật Đầu tư công năm 2024 và điểm d khoản 1 Điều 26 của dự thảo Nghị định.</p>	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã nghiên cứu, tiếp thu phù hợp tại dự thảo Nghị định,</p>

STT	Ý kiến góp ý	Tiếp thu, giải trình
221	<p>Tại khoản 1 Điều 27 của dự thảo Nghị định về hồ sơ, nội dung, thời gian thẩm định điều chỉnh dự án, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, bổ sung thành phần hồ sơ là Báo cáo đề xuất điều chỉnh dự án.</p> <p>Lý do: Nhằm bảo đảm đầy đủ hồ sơ đề xuất, tương quan với yêu cầu tại khoản b Điều 22 của dự thảo về hồ sơ, nội dung thẩm định dự án đầu tư công.</p>	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư tiếp thu và đã quy định tại dự thảo Nghị định theo hướng áp dụng mẫu báo cáo đề xuất đối với các nội dung đề nghị điều chỉnh.</p>
222	<p>Tại điểm c khoản 4 và điểm d khoản 7 Điều 48 của dự thảo Nghị định quy định Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm “tổng hợp nhu cầu kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau của cấp tỉnh, huyện, xã chi tiết theo từng nguồn vốn, mức vốn cho từng chương trình, nhiệm vụ, dự án gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính”. Kính đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, điều chỉnh thành “tổng hợp nhu cầu kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau cấp tỉnh chi tiết theo từng nguồn vốn, mức vốn cho từng chương trình, nhiệm vụ, dự án; cấp huyện, xã theo tổng số gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính”.</p> <p>Lý do: Nhu cầu đầu tư chi mới là tổng hợp sơ bộ nhu cầu đầu tư phát triển của các cơ quan, đơn vị. Thường nhu cầu đầu tư sẽ rất lớn so với khả năng cân đối bố trí vốn. Nhiều dự án có nhu cầu nhưng chưa thể cân đối, bố trí trong kế hoạch trung hạn giai đoạn tiếp theo. Do đó việc tổng hợp chi tiết từng danh mục dự án đến cấp huyện, cấp xã là chưa phù hợp. Đồng thời, ở bước này chi mới là số liệu sơ bộ về nhu cầu tương đương khái toán tổng mức đầu tư của dự án trong khi các dự án các cấp huyện, xã gồm nhiều dự án nhỏ, tổng mức đầu tư không lớn. Thực tiễn với các địa phương việc tổng hợp chi tiết từng dự án, mức vốn đối với từng dự án của từng nguồn vốn đến cả cấp xã là rất khó khăn, nhất là với những địa phương có số đơn vị hành chính cấp xã lớn như tỉnh Nghệ An.</p> <p>Đồng thời Luật Đầu tư công năm 2024 quy định phân cấp cho địa phương quyết định đối với nguồn NSDP của từng cấp. Do đó đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét, sửa đổi theo hướng chỉ báo cáo chi tiết đến từng danh mục dự án đối với nguồn NSTW (bao gồm vốn nước ngoài) và báo cáo tổng số đối với nguồn NSDP hoặc chỉ báo cáo chi tiết đến từng danh mục đối với cấp tỉnh và tổng số đối với cấp huyện, cấp xã.</p>	<p>Theo khoản 6 Điều 52 Luật Đầu tư công, nội dung báo cáo kế hoạch đầu tư công trung hạn trình cấp có thẩm quyền phê duyệt bao gồm việc sắp xếp thứ tự ưu tiên, lựa chọn danh mục dự án dự kiến và mức vốn bố trí cho từng chương trình, nhiệm vụ, dự án trong kế hoạch đầu tư công trung hạn phù hợp với khả năng cân đối vốn đầu tư công và khả năng huy động các nguồn vốn khác để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ và phương hướng hoặc kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm. Do đó, việc chỉ tổng hợp nhu cầu kế hoạch đầu tư công trung hạn theo từng nguồn vốn, mức vốn mà không kèm theo danh mục dự án là chưa phù hợp với quy định pháp luật về đầu tư công.</p>
223	<p>Tại điểm d khoản 1 Điều 56 dự thảo Nghị định về theo dõi, kiểm tra, đánh giá kế hoạch đầu tư công, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, điều chỉnh như sau “Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư triển khai thực hiện theo dõi tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm của địa phương” (bỏ cụm từ “hướng dẫn các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp dưới...”).</p> <p>Lý do: Thực hiện cải cách hành chính đề nghị không quy định các địa phương bổ sung các quy định, hướng dẫn về việc theo dõi tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công, chỉ triển khai thực hiện theo quy định của Luật, Nghị định và hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.</p>	<p>Quy định nêu trên kế thừa quy định tại Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 04/06/2020 của Chính phủ. Ngoài ra, nội dung quy định này tại Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 không có sự khác biệt so với Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14. Việc các địa phương ban hành các quy định, hướng dẫn về việc theo dõi tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công để đảm bảo tính hiệu lực, hiệu quả, có tính đến yếu tố đặc thù của từng địa phương trong quản lý, điều hành kế hoạch đầu tư công phù hợp với các quy định của pháp luật.</p>

STT	Ý kiến góp ý	Tiếp thu, giải trình
224	<p>Tại khoản 2 Điều 50 dự thảo Nghị định quy định về gia hạn thời gian bố trí vốn thực hiện dự án như sau "... quyết định gia hạn thời gian bố trí vốn thực hiện dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C không quá 01 năm, riêng dự án nhóm A có tổng mức đầu tư từ 10.000 tỷ đồng đến dưới 30.000 tỷ đồng không quá 02 năm nhưng vẫn tiếp tục có nhu cầu gia hạn thời gian bố trí vốn thực hiện dự án quá thời gian nêu trên thì cơ quan chủ quản báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định gia hạn thời gian bố trí vốn của các dự án đáp ứng các điều kiện sau... "</p> <p>Kính đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, bổ sung quy định đối với các dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C đã kéo dài thời gian bố trí vốn 01 năm nhưng vẫn tiếp tục có nhu cầu gia hạn thời gian bố trí vốn thực hiện dự án quá 01 năm thì báo cáo cấp có thẩm quyền cho phép quyết định gia hạn thời gian bố trí vốn.</p> <p>Lý do: Việc quy định hạn chế kéo dài thời gian bố trí vốn góp phần thúc đẩy bố trí vốn triển khai thực hiện dự án. Tuy nhiên trong thực tiễn có những dự án đang thực hiện nhưng vướng mắc về thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất hoặc các vướng mắc bất khả kháng khác... với quy trình xử lý có thể đến 1-2 năm mà không thể dừng dở dang dự án, cần tiếp tục đầu tư cần thiết được cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài thời gian bố trí vốn.</p>	<p>Dự thảo Nghị định đã quy định nếu tiếp tục có nhu cầu gia hạn thời gian bố trí vốn thực hiện dự án quá thời gian nêu trên thì các Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Thủ tướng Chính phủ đối với các dự án sử dụng vốn ngân sách trung ương, Ủy ban nhân dân các cấp báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp đối với các dự án sử dụng toàn bộ vốn ngân sách địa phương xem xét, quyết định gia hạn thời gian bố trí vốn của các dự án.</p>
XVI	Quảng Bình	
225	<p>Tại Điều 13 dự thảo Nghị định có quy định về phân loại dự án đầu tư công nhóm A, nhóm B, nhóm C theo phụ lục kèm theo Nghị định. Tuy nhiên chưa thấy có đính kèm Phụ lục kèm theo Nghị định để các địa phương có cơ sở tham gia ý kiến, đồng thời tại các Điều 9,10,11 dự thảo Luật Đầu tư công sửa đổi đã quy định rất chi tiết về phân loại dự án đầu tư công nhóm A, nhóm B, nhóm C và không có quy định Chính phủ phải quy định chi tiết các điều này, vì vậy, đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét bỏ nội dung này.</p>	<p>Tại điểm đ, khoản 2 Điều 6 Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 quy định: "Chính phủ quy định chi tiết việc phân loại dự án đầu tư công quy định tại các điều 9, 10 và 11 của Luật này". Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã nghiên cứu, tiếp thu, bổ sung Phụ lục kèm theo dự thảo Nghị định.</p>

STT	Ý kiến góp ý	Tiếp thu, giải trình
226	<p>Tại điểm d, khoản 1, Điều 24 Dự thảo Nghị định quy định “Trường hợp điều chỉnh làm tăng tổng mức đầu tư dự án lớn hơn tổng mức đầu tư đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư, phải thực hiện trình tự, thủ tục điều chỉnh chủ trương đầu tư theo quy định tại Điều...của Luật Đầu tư công và tại Điều... của Nghị định này trước khi cấp có thẩm quyền điều chỉnh dự án”</p> <p>Tại khoản 6, Điều 20 dự thảo Nghị định quy định: “6. Trong quá trình thẩm định dự án đầu tư công với những nội dung quy định tại các khoản Điều này, Hội đồng thẩm định hoặc cơ quan chủ trì thẩm định phải rà soát, đối chiếu với các quy định trong quyết định chủ trương đầu tư đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; chỉ tiêu về quy mô, tổng mức đầu tư của dự án, bao gồm cơ cấu vốn không được vượt quá mức đã quy định trong quyết định chủ trương đầu tư”.</p> <p>Tuy nhiên, tại khoản 2, Điều 17 dự thảo Luật Đầu tư công sửa đổi quy định “2. Quyết định đầu tư chương trình, dự án khi chưa được cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư theo quy định; quyết định đầu tư hoặc quyết định điều chỉnh chương trình, dự án không đúng với các nội dung về mục tiêu, địa điểm, cơ cấu nguồn vốn, vượt tổng mức đầu tư trong chủ trương đầu tư đã được cấp có thẩm quyền quyết định”</p> <p>Mặt khác, tại khoản 5, Điều 47 Dự thảo Luật Đầu tư công sửa đổi quy định “5. Trường hợp thay đổi một trong các nội dung về mục tiêu, địa điểm, cơ cấu nguồn vốn hoặc tăng tổng mức đầu tư dự án lớn hơn tổng mức đầu tư đã được cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư, dự án phải thực hiện trình tự, thủ tục quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư trước khi cấp có thẩm quyền quyết định điều chỉnh dự án”.</p> <p>Như vậy, có sự chưa thống nhất về quy định các nội dung cần điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án trước khi điều chỉnh dự án giữa các Điều của dự thảo Nghị định và của dự thảo Luật Đầu tư công sửa đổi. Đề nghị cơ quan soạn thảo xem lại, chỉnh sửa để có cách hiểu thống nhất, thuận lợi cho các địa phương trong quá trình triển khai thực hiện.</p>	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã nghiên cứu, tiếp thu tại dự thảo Nghị định.</p>
227	<p>Tại khoản 4, Điều 50 Dự thảo Nghị định có quy định “Trường hợp không giải ngân hết kế hoạch đầu tư vốn ngân sách trung ương được giao hàng năm, không được phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn sang kế hoạch năm sau, các bộ, cơ quan trung ương và địa phương chịu trách nhiệm bố trí đủ vốn trong kế hoạch đầu tư vốn ngân sách trung ương các năm tiếp theo để hoàn thành nhiệm vụ, dự án đúng tiến độ, không để phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản”.</p> <p>Tuy nhiên, tại khoản 3A, 3B, 3C, Điều 68 Luật Đầu tư công sửa đổi vẫn có quy định về nội dung kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân vốn kế hoạch đầu tư công hàng năm (bao gồm cả vốn ngân sách trung ương và vốn ngân sách địa phương), vì vậy, đề nghị cơ quan soạn thảo xem lại nội dung này để phù hợp với nội dung của dự thảo Luật Đầu tư công sửa đổi.</p>	<p>Khoản 4 Điều 50 quy định trường hợp không giải ngân hết kế hoạch đầu tư vốn ngân sách trung ương được giao hàng năm, không được phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn sang kế hoạch năm sau, các bộ, cơ quan trung ương và địa phương chịu trách nhiệm bố trí đủ vốn trong kế hoạch đầu tư vốn ngân sách trung ương các năm tiếp theo để hoàn thành nhiệm vụ, dự án đúng tiến độ, không để phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản; không phải quy định dự án không được giải ngân hết kế hoạch vốn thì không được phép kéo dài thời gian thực hiện. Do đó, nội dung nêu trên là phù hợp với quy định của Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 (Điều 72).</p>

STT	Ý kiến góp ý	Tiếp thu, giải trình
228	<p>Tại khoản 3, Điều 52 dự thảo Nghị định quy định: “3. Thời gian điều chỉnh kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước hàng năm giữa các dự án trong nội bộ của bộ, cơ quan trung ương và địa phương trước ngày 15 tháng 11 năm kế hoạch”.</p> <p>Qua triển khai thực tế kế hoạch đầu tư công hàng năm tại tỉnh, UBND tỉnh Quảng Bình nhận thấy nhiều dự án có phát sinh và cần thiết phải điều chỉnh kế hoạch vốn hàng năm vào thời điểm gần cuối năm (sau ngày 15/11 đến 15/12 năm kế hoạch) để đảm bảo điều chuyển hài hòa giữa các dự án nhằm giải ngân hết kế hoạch vốn được giao. Việc điều chỉnh vốn giữa các dự án chậm nhất đến 15/12 năm kế hoạch vẫn đảm bảo thời gian cho các chủ đầu tư thực hiện thủ tục nghiệm thu thanh toán và giải ngân (thời gian giải ngân vốn đến hết ngày 31/01 năm sau năm kế hoạch). Nội dung này UBND tỉnh Quảng Bình và các tỉnh đã nhiều lần kiến nghị với Thủ tướng Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư.</p> <p>Vì vậy, để đảm bảo tính chủ động cho UBND các cấp trong điều hành kế hoạch đầu tư công hàng năm, kính đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét lại thời gian điều chỉnh kế hoạch đầu tư công hàng năm trước ngày 15/12 năm kế hoạch.</p>	<p>Theo khoản 3 Điều 53 Luật Ngân sách nhà nước: “Thời gian điều chỉnh dự toán đã giao cho các đơn vị sử dụng ngân sách hoàn thành trước ngày 15 tháng 11 năm hiện hành.”. Do đó, việc điều chỉnh kế hoạch sau ngày 15 tháng 11 sẽ không được điều chỉnh dự toán và không thể giải ngân theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.</p>
229	<p>Tại Điều 57 về dự án chuyển tiếp quy định “Dự án đã được phê duyệt quyết định đầu tư, sử dụng nguồn vốn khác ngoài nguồn vốn đầu tư công, nếu chuyển sang sử dụng vốn đầu tư công để thực hiện phải tiến hành phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư và phê duyệt lại quyết định đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư công và pháp luật liên quan”</p> <p>Trên thực tế, có xảy ra trường hợp các dự án sử dụng vốn đầu tư công chỉ phê duyệt quyết định đầu tư, không phê duyệt chủ trương đầu tư do thực hiện trước khi Luật Đầu tư công có hiệu lực (trước ngày 01/01/2015) và đến nay vẫn chưa hoàn thành và tiếp tục được bổ sung vốn đầu tư công để triển khai thực hiện; vì vậy cần có quy định chuyển tiếp đối với các dự án đã được phê duyệt quyết định đầu tư trước khi Luật Đầu tư công có hiệu lực nếu tiếp tục bổ sung vốn đầu tư công phải tiến hành phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư và phê duyệt lại quyết định đầu tư để phù hợp với quy định của Luật Đầu tư công và pháp luật liên quan.</p>	<p>Theo khoản 1 Điều 103 Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15: “Đối với chương trình, dự án đầu tư công đã được cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư trước ngày 01 tháng 01 năm 2015, đã được bố trí vốn nhưng chưa hoàn thành thì được tiếp tục thực hiện. Trường hợp điều chỉnh dự án thì thực hiện điều chỉnh dự án theo quy định của Luật này, không phải thực hiện việc quyết định hoặc điều chỉnh chủ trương đầu tư trước khi điều chỉnh dự án.”.</p> <p>Như vậy, Luật Đầu tư công đã quy định chuyển tiếp đối với các dự án đã được phê duyệt quyết định đầu tư trước khi Luật Đầu tư công có hiệu lực, trường hợp điều chỉnh dự án thì không phải thực hiện việc quyết định hoặc điều chỉnh chủ trương đầu tư trước khi điều chỉnh dự án.</p>
XVII	<p>Thừa Thiên Huế</p>	
230	<p>Đối với các chương trình, dự án có thay đổi nhóm dự án khi áp dụng Luật Đầu tư công sửa đổi, nhằm thuận lợi trong quá trình thực hiện, UBND tỉnh Thừa Thiên Huế kiến nghị bổ sung quy định xử lý chuyển tiếp về thẩm quyền quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư chương trình, dự án.</p>	<p>Việc xử lý chuyển tiếp về thẩm quyền quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư chương trình, dự án đã được quy định tại Điều 103 Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15. Do đó, đề nghị tỉnh căn cứ quy định nêu trên để tổ chức triển khai thực hiện.</p>

STT	Ý kiến góp ý	Tiếp thu, giải trình
XVIII	Bình Định	
231	<p>Tại khoản 7, Điều 12. Trình tự, thủ tục tách riêng việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thành dự án độc lập: “Thời gian bố trí vốn thực hiện dự án bồi thường, hỗ trợ tái định cư và dự án thành phần còn lại không vượt quá thời gian bố trí vốn thực hiện dự án tổng thể theo quy định của pháp luật về đầu tư công” Theo đó, thời gian bố trí vốn thực hiện dự án bồi thường, hỗ trợ tái định cư được tính vào thời gian bố trí vốn thực hiện dự án của dự án tổng thể. Điều này chưa phù hợp với tình hình thực tế triển khai của các dự án hiện nay. Theo quy định của Luật Đầu tư tư công, thời gian bố trí vốn thực hiện dự án nhóm A là 06 năm, nhóm B là 04 năm, nhóm C là 03 năm; trong khi thời gian giải phóng mặt bằng các dự án có thể kéo dài từ 01 – 02 năm, do đó đề nghị điều chỉnh nội dung tại khoản 7, Điều 12 như sau: “Thời gian bố trí vốn thực hiện dự án bồi thường, hỗ trợ tái định cư không được tính vào thời gian bố trí vốn thực hiện dự án tổng thể theo quy định của pháp luật về đầu tư công.”</p>	<p>Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 6 Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15: “Thời gian thực hiện dự án thành phần độc lập bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng được tính trong tổng thời gian bố trí vốn thực hiện dự án quy định tại Điều 57 của Luật này”. Do đó, không thể quy định thời gian bố trí vốn thực hiện dự án bồi thường, hỗ trợ tái định cư không được tính vào thời gian bố trí vốn thực hiện dự án tổng thể.</p>
232	<p>Tại điều 13. Phân loại dự án đầu tư công nhóm A, nhóm B, nhóm C: “Dự án đầu tư công nhóm A, nhóm B, nhóm C được phân loại theo Phụ lục kèm theo Nghị định này”. Tuy nhiên dự thảo Nghị định chưa có Phụ lục phân loại dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C kèm theo.</p>	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã nghiên cứu, tiếp thu, bổ sung Phụ lục phân loại dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C tại dự thảo Nghị định.</p>
233	<p>Tại điểm c, khoản 3, Điều 22. Hồ sơ trình cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư chương trình, dự án: “Dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng và dự án còn lại được tách riêng từ dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A theo quy định tại khoản ... Điều ... của Luật Đầu tư công được phân loại phù hợp với phân loại của dự án theo quyết định chủ trương đầu tư” Đề nghị điều chỉnh thành: “Dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng và dự án còn lại được tách riêng từ dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C theo quy định tại khoản ... Điều ... của Luật Đầu tư công được phân loại phù hợp với phân loại của dự án theo quyết định chủ trương đầu tư”, vì hiện nay theo dự thảo Luật Đầu tư công sửa đổi cho phép dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng được tách riêng từ dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C.</p>	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã nghiên cứu, tiếp thu tại khoản 3 Điều 24 dự thảo Nghị định.</p>
234	<p>Đề nghị bổ sung nội dung hướng dẫn trình tự thủ tục đề địa phương bố trí kế hoạch vốn trung hạn và hằng năm đối với dự án do cơ quan trung ương thực hiện cũng như cấp huyện, cấp xã bố trí kế hoạch vốn trung hạn và hằng năm đối với dự án do cơ quan cấp tỉnh, cấp huyện thực hiện.</p>	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã nghiên cứu, tiếp thu tại Điều 11 dự thảo Nghị định quy định về trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư đối với dự án có sử dụng vốn ngân sách địa phương do cơ quan trung ương thực hiện, dự án có sử dụng vốn ngân sách cấp huyện, cấp xã do cơ quan cấp tỉnh, cấp huyện thực hiện.</p>
XIX	Đắk Nông	

STT	Ý kiến góp ý	Tiếp thu, giải trình
235	<p>Tại nội dung Chương VI, Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công: “Trình tự, thủ tục thực hiện đầu tư đối với đối tượng cấp bù lãi suất tín dụng ưu đãi, phí quản lý; cấp vốn điều lệ cho các ngân hàng chính sách, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách; hỗ trợ đầu tư cho các đối tượng chính sách khác theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ”.</p> <p>Kính đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư phân rõ việc cấp bù lãi suất chỉ thực hiện cho các Ngân hàng chính sách hay cho cả các Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách; trình tự thủ tục thực hiện cấp bù lãi suất cho các Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách (nếu có).</p>	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư giải trình như sau: Chương VI Nghị định hướng dẫn việc thực hiện Khoản 6 Điều 5 Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15: "6. Cấp bù lãi suất tín dụng ưu đãi, phí quản lý; cấp vốn điều lệ cho các ngân hàng chính sách, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách; hỗ trợ đầu tư cho các đối tượng khác theo quyết định của Chính phủ hoặc quyết định của Thủ tướng Chính phủ. Chính phủ quy định trình tự, thủ tục thực hiện đầu tư tại khoản này." Theo quy định như trên, việc cấp bù lãi suất cho các Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách không thuộc đối tượng đầu tư công.</p>
XX	Hà Nội	
236	<p>Về ngành, lĩnh vực sử dụng vốn đầu tư công (Điều 4): Đề nghị cơ quan soạn thảo quy định ngành, lĩnh vực sử dụng vốn đầu tư công đảm bảo phù hợp với quy định tại Luật Ngân sách nhà nước và trước mắt lưu ý nội dung quy định ngành, lĩnh vực sử dụng vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026-2030 tại Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn Ngân sách nhà nước giai đoạn 2026-2030 (do Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì xây dựng) phù hợp với nội dung tại Điều 4 Dự thảo Nghị định.</p>	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư sẽ nghiên cứu tiếp thu nội dung này trong quá trình hoàn thiện Nghị định và Nghị quyết về các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn NSNN giai đoạn 2026-2030.</p>
237	<p>Về chi phí lập, thẩm định chương trình, dự án đầu tư công (Điều 5): Đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét sửa đổi khoản 2 Điều 5 của dự thảo Nghị định để đảm bảo đúng quy định pháp luật về ngân sách nhà nước và quy định tại dự thảo Luật Đầu tư công sửa đổi.</p> <p>Tại khoản 2 Điều 5 dự thảo Nghị định quy định: “Trường hợp dự án không được cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư, các khoản chi phí đã chi cho công tác lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi; báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, báo cáo nghiên cứu khả thi được hạch toán và quyết toán vào chi phí chuẩn bị đầu tư trong chi đầu tư phát triển của bộ, cơ quan trung ương, các cấp chính quyền địa phương quản lý”. Theo đó, nếu dự án sử dụng nguồn chi thường xuyên hoặc nguồn vốn hợp pháp khác để bố trí cho công tác chuẩn bị đầu tư mà không được cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư thì kinh phí này sẽ hạch toán, quyết toán vào chi phí chuẩn bị đầu tư trong chi đầu tư phát triển của bộ, cơ quan trung ương, các cấp chính quyền địa phương. Điều này chưa phù hợp với quy định pháp luật về ngân sách nhà nước và quy định tại khoản 2 Điều 16 của dự thảo Luật Đầu tư công (sửa đổi)</p>	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư tiếp thu nội dung này trong dự thảo Nghị định.</p>
238	<p>Tại điểm c khoản 2 Điều 15 Dự thảo Nghị định: Đề nghị nghiên cứu quy định bổ sung đơn vị sự nghiệp công lập được làm chủ đầu tư cả dự án đầu tư có cấu phần xây dựng trong trường hợp dự án sử dụng 100% từ nguồn thu hợp pháp được để lại dành cho đầu tư.</p>	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư giải trình như sau: Việc xác định chủ đầu tư đối với dự án đầu tư có cấu phần xây dựng được thực hiện theo quy định của pháp luật về xây dựng.</p>

STT	Ý kiến góp ý	Tiếp thu, giải trình
239	Đề nghị cơ quan soạn thảo quy định rõ Điều 49 là quy định về gia hạn thời gian bố trí vốn thực hiện dự án sử dụng ngân sách trung ương.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư giải trình như sau: Điều 2 dự thảo quy định về đối tượng áp dụng như sau: "Nghị định này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến hoạt động đầu tư công, quản lý và sử dụng vốn đầu tư công.". Do đó Điều 49 không cần quy định đối với việc thực hiện dự án sử dụng NSTW.
240	<p>Về thời gian điều chỉnh kế hoạch đầu tư công hàng năm (khoản 3 Điều 52) Khoản 3 Điều 52 Dự thảo Nghị định quy định: "Thời gian điều chỉnh kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước hằng năm giữa các dự án trong nội bộ của bộ, cơ quan trung ương và địa phương trước ngày 15 tháng 11 năm kế hoạch".</p> <p>Tuy nhiên, thực tế triển khai, một số nguồn thu có thể ảnh hưởng lớn tới kế hoạch đầu tư công năm kế hoạch (như nguồn thu tiền sử dụng đất, đầu giá đất...) phụ thuộc vào tiến độ đầu giá, tiến độ nộp kinh phí vào ngân sách nhà nước của các cá nhân, tổ chức, dẫn đến có trường hợp cuối năm kế hoạch xảy ra tình trạng hụt thu ngân sách từ các nguồn này sẽ ảnh hưởng đến kế hoạch vốn đầu tư công năm, dẫn đến phải điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công tương ứng với tình hình thu ngân sách.</p> <p>Do vậy, việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trong nội bộ của đơn vị trước ngày 15 tháng 11 năm kế hoạch sẽ dẫn đến khó khăn trong công tác điều hành ngân sách.</p> <p>Đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét, sửa đổi quy định về thời gian điều chỉnh kế hoạch đầu tư công hàng năm đảm bảo phù hợp với thực tiễn điều hành ngân sách, có thể chốt trước ngày 31 tháng 12 hàng năm kế hoạch.</p>	Bộ Kế hoạch và Đầu tư giải trình như sau: Nội dung này không được quy định tại Luật Đầu tư công năm 2024, đồng thời Luật NSNN vẫn quy định thời gian điều chỉnh dự toán đến ngày 15/11/2024, do đó việc quy định nội dung này là phù hợp.
241	Về nguyên tắc đánh giá Kế hoạch đầu tư công (khoản 2 Điều 54) Theo điểm d khoản 2 Điều 54 dự thảo Nghị định quy định về nguyên tắc đánh giá kế hoạch đầu tư công là "Phối hợp chặt chẽ với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp và cộng đồng dân cư trong đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công". Để Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và UBND các cấp có cơ sở thực hiện và thống nhất trong quá trình triển khai, đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung quy định hướng dẫn các nội dung cụ thể cần phối hợp trong đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn, hàng năm.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư giải trình như sau: Mục 2, chương V Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 quy định chi tiết việc theo dõi, kiểm tra, đánh giá, giám sát kế hoạch, chương trình, dự án đầu tư công
242	Tại khoản 2 thuộc khoản 1 Điều 12 Dự thảo Nghị định: Đề nghị kiểm tra tính chuẩn xác của cụm từ "Nội dung quyết định đầu tư dự án tổng thể.." hay là "Nội dung quyết định chủ trương đầu tư dự án tổng thể..". Lý do, hiện dự thảo nêu "Nội dung quyết định đầu tư dự án tổng thể bao gồm các nội dung của chủ trương đầu tư dự án tổng thể theo quy định của pháp luật về đầu tư công....".	Bộ Kế hoạch và Đầu tư giải trình như sau: dự thảo Nghị định nêu "Nội dung quyết định đầu tư dự án tổng thể..." tại khoản 1 Điều 12 là phù hợp

STT	Ý kiến góp ý	Tiếp thu, giải trình
243	<p>Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát lại thêm tổng thể Nghị định đảm bảo phù hợp với quy định của Luật Đầu tư công (sửa đổi). Hiện trong Dự thảo vẫn còn một số nội dung được quy định như trong Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/04/2020 trong khi Luật Đầu tư công (sửa đổi) đã điều chỉnh nội dung này.</p> <p>Theo Điểm d khoản 1 Điều 24 dự thảo Nghị định chỉ quy định trường hợp điều chỉnh làm tăng tổng mức đầu tư dự án lớn hơn tổng mức đầu tư đã được cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư, phải thực hiện trình tự, thủ tục điều chỉnh chủ trương đầu tư trước khi cấp có thẩm quyền quyết định điều chỉnh dự án (tương tự điểm d khoản 1 Điều 22 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/04/2020). Tuy nhiên, theo Điều 39 dự thảo Luật Đầu tư công sửa đổi quy định, trường hợp chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư, thực hiện điều chỉnh chủ trương đầu tư chương trình, dự án nếu điều chỉnh chương trình, dự án phát sinh thay đổi về mục tiêu, địa điểm, cơ cấu nguồn vốn, vượt tổng mức đầu tư chương trình, dự án so với nội dung tại chủ trương đầu tư chương trình, dự án.</p>	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư sẽ tiếp thu nội dung này và rà soát tổng thể Nghị định đảm bảo phù hợp với quy định của Luật Đầu tư công số 38/2024/QH15</p>
244	<p>Đề nghị hướng dẫn chi tiết việc áp dụng đối tượng kéo dài thời gian thực hiện, giải ngân vốn đầu tư công theo điểm đ khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP hiện nay hoặc điểm đ khoản 3 Điều 82 tại dự thảo Luật Đầu tư công sửa đổi: “Dự án bị ảnh hưởng tiến độ do thiên tai, thảm họa, dịch bệnh, nguyên nhân khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép”. Thực tiễn áp dụng, còn có nhiều quan điểm khác nhau về trong việc xác định nguyên nhân khách quan không lường trước được. Do vậy, cần quy định rõ: Nguyên nhân khách quan là như thế nào; tiêu chí để xác định nguyên nhân khách quan; việc xác định khách quan được xác định trên đối tượng/chủ thể nào; tiêu chí để đánh giá “biện pháp cần thiết và khả năng cho phép đã áp dụng” khi xem xét việc kéo dài thời gian thực hiện, giải ngân vốn đầu tư công.</p>	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư giải trình như sau: Nội dung này đã được Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 quy định, đồng thời cũng không giao Chính phủ quy định chi tiết.</p>
245	<p>Bổ sung hướng dẫn chi tiết đối với định mức các chi phí trong quá trình lập tổng mức đầu tư, thẩm định tổng mức đầu tư đối với các dự án đầu tư công không có cấu phần xây dựng (đặc biệt đối với các dự án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư được phép chia tách thành dự án độc lập, dự án thành phần...).</p>	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư giải trình như sau: Việc quy định định mức các chi phí đối với các dự án không có cấu phần xây dựng là đặc thù cho từng loại dự án, Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 đã quy định thuộc trách nhiệm của bộ, cơ quan phụ trách ngành, lĩnh vực.</p>
246	<p>Đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu, quy định hướng dẫn cụ thể việc cấp bù kế hoạch vốn tương ứng với phần hủy dự toán hàng năm nhưng không thay đổi kế hoạch vốn trung hạn, đảm bảo tổng lũy kế giải ngân từ năm thứ n đến năm (n+4) và kế hoạch vốn bố trí năm (n+5) không vượt quá Kế hoạch đầu tư công trung hạn và tổng mức đầu tư dự án.</p>	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư giải trình như sau: Nội dung này không được Luật giao Chính phủ quy định chi tiết, do đó không có cơ sở để quy định tại Nghị định.</p>
247	<p>Bổ sung thêm quy định về thời gian quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư chương trình, dự án nhóm A thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân các cấp và cấp tỉnh (đối với Dự án nhóm A). Do tính đặc thù HĐND các cấp phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư chương trình, dự án thông qua kỳ họp.</p>	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư giải trình như sau: thời gian quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư chương trình, dự án đầu tư công nhóm A,B,C được quy định tại Điều 15 dự thảo Nghị định</p>
XXI	Hải Phòng	

STT	Ý kiến góp ý	Tiếp thu, giải trình
248	<p>Tại Điều 27 quy định về trình tự, thủ tục dừng chủ trương đầu tư chương trình, dự án đầu tư công.</p> <p>Đề nghị bổ sung quy định cụ thể về việc khi dự án dừng chủ trương đầu tư ngoài việc cấp quyết định chủ trương đầu tư quyết định việc dừng, thì có cần thủ tục cấp quyết định đầu tư ban hành quyết định dừng dự án không.</p>	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư giải trình như sau: cấp quyết định chủ trương đầu tư quyết định việc dừng chủ trương đầu tư được thể hiện bằng việc ban hành quyết định</p>
249	<p>Tại Điều 28 quy định về tổ chức quản lý thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư, nhiệm vụ quy hoạch và dự án đầu tư công không có cấu phần xây dựng.</p> <p>Đề nghị bổ sung, làm rõ thêm quy định về cách xác định chi phí quản lý dự án đối với nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư, nhiệm vụ quy hoạch và dự án đầu tư công không có cấu phần xây dựng.</p>	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư giải trình như sau: Việc quy định cách xác định chi phí quản lý dự án đối với nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư, nhiệm vụ quy hoạch và dự án không có cấu phần xây dựng là đặc thù cho từng loại dự án, Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 đã quy định thuộc trách nhiệm của bộ, cơ quan phụ trách ngành, lĩnh vực.</p>
250	<p>Tại khoản 3 Điều 40 quy định: “Căn cứ ý kiến thẩm định quy định tại khoản... Điều này, cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập hoàn thiện báo cáo kế hoạch đầu tư hằng năm; trình bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân các cấp xem xét, quyết định.”</p> <p>- Tại khoản 4 Điều 40 quy định: “Người đứng đầu bộ, cơ quan trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp quyết định phê duyệt, giao kế hoạch đầu tư hằng năm vốn từ nguồn thu hợp pháp dành để đầu tư của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập,...” Theo đó, thẩm quyền quyết định phê duyệt, giao kế hoạch đầu tư hằng năm vốn từ nguồn thu hợp pháp dành để đầu tư của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập giữa khoản 3 và khoản 4 Điều 40 chưa có sự đồng nhất. - Do đó, đề nghị xem xét lại quy định về thẩm quyền quyết định phê duyệt, giao kế hoạch đầu tư hằng năm vốn từ nguồn thu hợp pháp dành để đầu tư của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập giữa các Điều, khoản cho phù hợp.</p>	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư giải trình như sau: Đây là nội dung kế thừa từ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP, thời gian triển khai vừa qua không phát sinh vướng mắc.</p>
251	<p>Ngoài các nội dung nêu trên, Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét, nghiên cứu và bổ sung một số nội dung: - Điều kiện đưa vào kế hoạch đầu tư công trung hạn và bố trí kế hoạch vốn hằng năm của các đối tượng sau: (i) cấp vốn điều lệ, cấp bù lãi suất tín dụng ưu đãi và chi phí quản lý của các ngân hàng chính sách; (ii) cấp vốn điều lệ của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách. - Quy định chi tiết về việc điều chuyển hoặc điều chỉnh chủ đầu tư của các Dự án đang triển khai thực hiện, chưa thực hiện quyết toán trên địa bàn các đơn vị đang thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính vào dự thảo Nghị định để các địa phương có cơ sở triển khai thực hiện theo quy định.</p>	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư giải trình như sau: Nội dung này không được Luật giao Chính phủ quy định chi tiết, do đó không có cơ sở đề nghị quy định tại Nghị định.</p>
XXII	Vĩnh Phúc	
252	<p>Tại khoản 2 Điều 10, đề nghị sửa lại quy định số lượng hồ sơ thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư gửi theo yêu cầu của hội đồng thẩm định hoặc cơ quan thẩm định.</p>	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư giải trình như sau: Đây là nội dung kế thừa từ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP, thời gian triển khai vừa qua không phát sinh vướng mắc.</p>

STT	Ý kiến góp ý	Tiếp thu, giải trình
253	Tại Điều 49, đề nghị bổ sung quy định về quy trình, điều kiện, các trường hợp cụ thể gia hạn thời gian bố trí vốn thực hiện dự án đối với dự án sử dụng vốn ngân sách địa phương.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư giải trình như sau: Việc gia hạn thời gian bố trí vốn thực hiện dự án đối với dự án sử dụng vốn NSĐP được quy định tại điểm c khoản 3 Điều 57 Luật Đầu tư công số 38/2024/QH15
254	Tại Điều 46, đề nghị quy định cụ thể hơn nữa về nội dung hỗ trợ các đối tượng khác theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ để thuận lợi áp dụng ở địa phương.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư giải trình như sau: nội dung hỗ trợ đầu tư cho các đối tượng khác theo quyết định của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ được quy định cụ thể tại Điều 47 dự thảo Nghị định
255	Bổ sung thêm quy định về nội dung hồ sơ báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư phải có thêm nội dung về phương án bồi thường GPMB tổng thể hoặc phương án bồi thường GPMB sơ bộ, trong đó phân tích đề xuất cụ thể việc tách riêng công tác bồi thường, tái định cư thành dự án độc lập (nếu cần) để làm cơ sở xem xét, thẩm định và phê duyệt	Bộ Kế hoạch và Đầu tư giải trình như sau: nội dung hồ sơ BCNCTKT, BCĐXCTĐT được quy định tại Luật Đầu tư công số 38/2024/QH15
256	Bổ sung quy định cụ thể về cơ quan chủ trì thẩm định, cho ý kiến về nguồn vốn, khả năng cân đối vốn đối với chương trình, dự án đầu tư công do địa phương quản lý.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư giải trình như sau: nội dung này đã được quy định tại Luật Đầu tư công số 38/2024/QH15
257	Bổ sung thêm các phức lục hướng dẫn mẫu tờ trình, báo cáo thẩm định chủ trương đầu tư và quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư tiếp thu nội dung này trong dự thảo Nghị định
258	Bổ sung quy định về hồ sơ, nội dung và thời gian thẩm định điều chỉnh chủ trương đầu tư chương trình, dự án đầu tư công nhóm A, B, C.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư tiếp thu nội dung này trong dự thảo Nghị định
259	Bổ sung quy định cụ thể về nội dung, hồ sơ và cơ quan báo cáo đề xuất việc thực hiện dùng chủ trương đầu tư chương trình, dự án.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư giải trình như sau: nội dung này đã được quy định tại Điều 37 Luật Đầu tư công số 38/2024/QH15
260	Bổ sung thêm quy định cụ thể: (a) Nội dung nhiệm vụ, dự toán chuẩn bị đầu tư đối với dự án không có cấu phần xây dựng, nhiệm vụ quy hoạch; (b) thành phần hồ sơ trình, thẩm định và phê duyệt nhiệm vụ, dự toán chuẩn bị đầu tư đối với dự án không có cấu phần xây dựng, nhiệm vụ quy hoạch.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư giải trình như sau: Việc quy định cụ thể đối với các dự án không có cấu phần xây dựng, nhiệm vụ quy hoạch là đặc thù cho từng loại dự án và thuộc trách nhiệm của bộ, cơ quan phụ trách ngành, lĩnh vực.

STT	Ý kiến góp ý	Tiếp thu, giải trình
261	<p>Đề nghị cơ quan soạn thảo tham mưu Chính phủ giao các bộ, ngành trung ương quy định cụ thể các nội dung còn vướng mắc trong quá trình lập, thẩm định, phê duyệt các dự án đầu tư công không có cấu phần xây dựng để các địa phương có căn cứ thực hiện, cụ thể như:</p> <p>+ Tại khoản 4 Điều 30 dự thảo nghị định quy định: “Cơ quan quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực quy định tiêu chuẩn, định mức, nội dung chi tiết và phương pháp xác định chi phí làm cơ sở xác định tổng mức đầu tư dự án thuộc ngành, lĩnh vực quản lý”. Tuy nhiên, Các cơ quan quản lý nhà nước ngành, lĩnh vực trung ương chưa có quy định cụ thể về tiêu chuẩn, định mức, nội dung chi tiết và phương pháp xác định các chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn... trong tổng mức đầu tư dự án gây khó khăn cho cơ quan lập, thẩm định dự án đầu tư không có cấu phần xây dựng, phải vận dụng các quy định khác để tính toán.</p> <p>+ Tại khoản 1 Điều 29 dự thảo nghị định quy định: “Cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư quyết định phương án thiết kế dự án bảo đảm hiệu quả quản lý thực hiện dự án”, tuy nhiên chưa quy định rõ tiêu chí xác định khi nào dự án thiết kế 1 bước, khi nào thiết kế 2 bước để làm căn cứ thực hiện, gây lúng túng cho cơ quan đề xuất, cơ quan thẩm định.</p> <p>+ Luật, nghị định hướng dẫn chưa quy định trách nhiệm của sở quản lý chuyên ngành (giáo dục, y tế, khoa học và công nghệ, nông nghiệp và PTNT...) trong thẩm định thiết kế cơ sở, thiết kế chi tiết, tổng mức đầu tư, dự toán dự án.</p>	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư giải trình như sau: Việc quy định cụ thể đối với các dự án không có cấu phần xây dựng là đặc thù cho từng loại dự án và thuộc trách nhiệm của bộ, cơ quan phụ trách ngành, lĩnh vực.</p>
XXIII Thái Bình		
262	<p>Về chi phí lập, thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư.</p> <p>Tại khoản 1 Điều 5 dự thảo Nghị định quy định “Chi phí lập, thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư của chương trình, dự án đầu tư công nhóm A, B, C thực hiện theo quy định tại Điều... Luật Đầu tư công”. Tuy nhiên, việc thanh toán chi phí lập, thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư gặp vướng mắc do các văn bản pháp luật chưa quy định định mức chi phí lập, thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư. Đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành văn bản quy định, hướng dẫn làm căn cứ thanh toán chi phí lập, thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư.</p>	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư giải trình như sau: Tại khoản 2 Điều 87 Luật Đầu tư công 2024 đã quy định nội dung này thuộc chức năng, nhiệm vụ của Bộ, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực.</p>
263	<p>Về hồ sơ trình thẩm định chủ trương đầu tư, thẩm định chương trình dự án đầu tư công:</p> <p>Theo quy định tại Điều 10, Điều 19, Điều 20 của dự thảo Nghị định có quy định “số lượng hồ sơ thẩm định gửi Hội đồng thẩm định hoặc cơ quan chủ trì thẩm định là 10 bộ”. Thực tế khi thành lập Hội đồng thẩm định các dự án nhóm A, các dự án lớn, trọng điểm sẽ liên quan đến rất nhiều ngành, lĩnh vực, địa phương, số lượng thành viên tham gia Hội đồng thẩm định có khi hơn 10 thành viên, đề nghị không quy định “cứng” về số lượng hồ sơ và sửa lại thành: “Số lượng hồ sơ thẩm định gửi Hội đồng thẩm định hoặc cơ quan chủ trì thẩm định theo yêu cầu của Hội đồng thẩm định hoặc cơ quan chủ trì thẩm định”</p>	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư tiếp thu nội dung này tại dự thảo Nghị định.</p>

STT	Ý kiến góp ý	Tiếp thu, giải trình
264	<p>Về trình tự, thủ tục tách riêng việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thành dự án độc lập.</p> <p>Luật Đầu tư công năm 2019 đã cho phép tách giải phóng mặt bằng thành dự án độc lập đối với dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A. Đối với dự án nhóm B, nhóm C, Chính phủ đã trình Quốc hội thể chế hóa nội dung này tại Dự án Luật Đầu tư công (sửa đổi) và Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã dự thảo quy định chi tiết tại Điều 12 dự thảo Nghị định. Do việc tách riêng công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thành dự án độc lập hiện chưa được nhiều đơn vị, địa phương triển khai, quá trình thực hiện liên quan quy định nhiều ngành, lĩnh vực khác nhau, đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu, hoàn thiện, bổ sung quy định chi tiết, trong đó quy định cụ thể về thẩm quyền, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt dự án, các nội dung phát sinh liên quan đến điều chỉnh dự án,... nhằm đảm bảo đầy đủ cơ sở pháp lý cho việc thực hiện tách GPMB thành dự án độc lập, tạo điều kiện để sớm bố trí kế hoạch vốn đầu tư công thực hiện công tác GPMB, góp phần đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công.</p>	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư giải trình như sau: Nội dung này không được Luật số 58/2024/QH15 giao Chính phủ quy định chi tiết.</p>
265	<p>Về thời gian điều chỉnh kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước hàng năm.</p> <p>Đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu, sửa đổi khoản 3 Điều 52 dự thảo Nghị định thành “Thời gian điều chỉnh kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước hàng năm giữa các dự án trong nội bộ của bộ, cơ quan trung ương và địa phương trước ngày 31 tháng 12 năm kế hoạch” đảm bảo phù hợp với tình hình, nhu cầu giải ngân của các dự án, tạo điều kiện thuận lợi cho địa phương trong quá trình rà soát, điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công hàng năm góp phần linh hoạt trong việc điều hành kế hoạch vốn, nâng cao tỷ lệ giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công.</p>	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư giải trình như sau: Nội dung này không được quy định tại Luật Đầu tư công năm 2024, đồng thời Luật NSNN vẫn quy định thời gian điều chỉnh dự toán đến ngày 15/11/2024, do đó việc quy định nội dung này là phù hợp.</p>
266	<p>Về thực hiện và giải ngân vốn trung hạn và hàng năm:</p> <p>Tại dự thảo Luật Đầu tư công (sửa đổi) có quy định “Trường hợp được cấp có thẩm quyền bổ sung vốn cho bộ, cơ quan trung ương, địa phương sau ngày 30 tháng 9 năm kế hoạch để thực hiện các nhiệm vụ, chương trình, dự án, thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn được bổ sung đến hết ngày 31 tháng 12 năm sau”, tuy nhiên chưa quy định cụ thể đối với trường hợp các đơn vị, sở, ban, ngành, chủ đầu tư được cấp có thẩm quyền bổ sung vốn ngân sách địa phương sau 30 tháng 9 của năm kế hoạch? Đề nghị nghiên cứu bổ sung thêm trường hợp này trong dự thảo Nghị định để đảm bảo thống nhất.</p>	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư giải trình như sau: Nội dung này không được Luật số 58/2024/QH15 giao Chính phủ quy định chi tiết.</p>

STT	Ý kiến góp ý	Tiếp thu, giải trình
267	<p>Về trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư chương trình dự án sử dụng vốn từ nguồn thu hợp pháp:</p> <p>Tại điểm a khoản 3 Điều 7 quy định người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập “giao cơ quan chuyên môn, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư đối với chương trình, dự án của đơn vị mình”. Đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét, nghiên cứu bổ sung quy định trong trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập tại các địa phương không có cơ quan chuyên môn, đơn vị trực thuộc có đủ năng lực tổ chức lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư chương trình, dự án.</p>	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư giải trình như sau: Nội dung này không được Luật số 58/2024/QH15 giao Chính phủ quy định chi tiết.</p>
268	<p>Tại điểm b khoản 8 Điều 47 dự thảo Nghị định, đề nghị sửa mốc thời gian “trước ngày 10 tháng 3 năm thứ nhất của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước” thành “trước ngày 10 tháng 3 năm thứ nhất của kế hoạch đầu tư công trung hạn”; tại điểm c khoản 8 Điều 47 dự thảo Nghị định, đề nghị sửa mốc thời gian “trước ngày 15 tháng 3 năm thứ nhất của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước” thành “trước ngày 15 tháng 3 năm thứ nhất của kế hoạch đầu tư công trung hạn”.</p>	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư tiếp thu nội dung này tại dự thảo Nghị định</p>
269	<p>Đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu bổ sung tại dự thảo Nghị định các mẫu biểu, phụ lục liên quan quá trình lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư chương trình, dự án như: Mẫu Tờ trình thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư, báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư chương trình, dự án; Báo cáo kết quả thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư; Nghị quyết, Quyết định về chủ trương đầu tư chương trình, dự án,... nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các đơn vị khi triển khai trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư.</p>	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tiếp thu và bổ sung tại Phụ lục 2.</p>
XXIV	Quảng Nam	
270	<p>Tại khoản 2 Điều 20 dự thảo quy định: “Hồ sơ thẩm định dự án đầu tư công có cấu phần xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng, ý kiến của cộng đồng dân cư...”. Tuy nhiên, tại khoản 3 Điều 44 dự thảo Luật Đầu tư công sửa đổi quy định “Trình tự lập, thẩm định, quyết định đầu tư dự án có cấu phần xây dựng thực hiện theo quy định của pháp luật về xây dựng”, do đó đề nghị không yêu cầu phải có ý kiến của cộng đồng dân cư trong nội dung Hồ sơ thẩm định dự án đầu tư công có cấu phần xây dựng.</p>	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư giải trình như sau: Việc lấy ý kiến của cộng đồng dân cư đã được quy định tại Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15.</p>

STT	Ý kiến góp ý	Tiếp thu, giải trình
271	<p>Tại điểm c khoản 4, điểm d khoản 5 Điều 47 dự thảo quy định Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm: “tổng hợp nhu cầu kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau của cấp tỉnh, huyện, xã chi tiết theo từng nguồn vốn, mức vốn cho từng chương trình, nhiệm vụ, dự án gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính”. Tuy nhiên, tại bước tổng hợp nhu cầu chung chưa thể triển khai đến cấp huyện, cấp xã lập nhu cầu đối với từng dự án tương ứng mức vốn cụ thể cho từng dự án. Đồng thời, hầu hết các dự án các cấp huyện, xã gồm nhiều dự án nhỏ, tổng mức đầu tư không lớn. Việc tổ chức tổng hợp chi tiết từng dự án, mức vốn đối với từng dự án của từng nguồn vốn đến cả cấp xã là rất khó khăn và gây tình trạng quá tải cho cơ quan tham mưu về đầu tư công ở cấp tỉnh. Ngoài ra, dự thảo Luật Đầu tư công sửa đổi quy định phân cấp cho địa phương quyết định đối với nguồn NSDP của từng cấp. Do đó đề nghị xem xét sửa đổi theo hướng chỉ báo cáo chi tiết đến từng danh mục dự án đối với nguồn ngân sách trung ương (bao gồm vốn nước ngoài) và báo cáo tổng số đối với nguồn ngân sách địa phương, đặc biệt chỉ báo cáo tổng số đối với nguồn ngân sách địa phương cấp huyện, cấp xã.</p>	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư giải trình như sau: Trường hợp không tổng hợp theo từng chương trình, nhiệm vụ, dự án cụ thể sẽ không có căn cứ để đề xuất tổng số vốn NSDP cần thiết trong giai đoạn sau.</p>
272	<p>Tại khoản 2, Điều 49 dự thảo về gia hạn thời gian bố trí vốn thực hiện dự án quy định: “Trường hợp... quyết định gia hạn thời gian bố trí vốn thực hiện dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C không quá 01 năm, riêng dự án nhóm A có tổng mức đầu tư từ 10.000 tỷ đồng đến dưới 30.000 tỷ đồng không quá 02 năm nhưng vẫn tiếp tục có nhu cầu gia hạn thời gian bố trí vốn thực hiện dự án quá thời gian nêu trên thì cơ quan chủ quản báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định gia hạn thời gian bố trí vốn của các dự án đáp ứng các điều kiện sau”; tuy nhiên, mục đích của việc quy định thời gian bố trí vốn thực hiện dự án là góp phần hạn chế việc dự án triển khai kéo dài nhiều năm, làm phát sinh chi phí, giảm hiệu quả đầu tư; bên cạnh đó, trong thực tiễn có những dự án đang thực hiện nhưng phát sinh các vướng mắc bất khả kháng khác, quá trình xử lý, khắc phục có thể mất thời gian 1-2 năm; đồng thời, không thể dừng dở dang, cần tiếp tục đầu tư để hoàn thành mục tiêu của dự án. Vì vậy, đề nghị bỏ sung quy định đối với các dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C đã kéo dài thời gian bố trí vốn 01 năm; trường hợp, tiếp tục có nhu cầu gia hạn thời gian bố trí vốn thực hiện dự án quá 01 năm thì báo cáo cấp có thẩm quyền cho phép quyết định gia hạn thời gian bố trí vốn.</p>	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư giải trình như sau: điểm d khoản 3 Điều 57 Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 đã quy định về việc gia hạn thời gian bố trí vốn như sau: "d) Trường hợp dự án đã gia hạn theo quy định tại điểm b và điểm c của khoản này mà phải tiếp tục gia hạn, cơ quan chủ quản dự án kiểm điểm trách nhiệm, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định gia hạn thời gian bố trí vốn thực hiện dự án đối với vốn ngân sách trung ương; Ủy ban nhân dân kiểm điểm trách nhiệm, báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định gia hạn thời gian bố trí vốn thực hiện dự án đối với vốn ngân sách địa phương."</p>
273	<p>Dự thảo Luật Đầu tư công sửa đổi quy định: “Thời gian bố trí vốn thực hiện dự án được tính liên tục, từ kế hoạch năm đầu tiên dự án được bố trí vốn thực hiện dự án cho đến năm nghiệm thu, hoàn thành dự án, bàn giao đưa vào sử dụng, không bao gồm thời gian bố trí vốn thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư và thực hiện quyết toán dự án”. Nhu vậy, trường hợp 01 dự án được đầu tư đồng thời từ nhiều nguồn vốn (NSTW, NSDP,...) thì thời gian bố trí vốn thực hiện dự án được tính từ năm đầu tiên bắt đầu bố trí vốn thực hiện dự án (không phân biệt loại nguồn vốn) hay được hiểu tách biệt giữa “thời gian bố trí vốn ngân sách trung ương thực hiện dự án” và “thời gian bố trí vốn ngân sách địa phương thực hiện dự án”? Thực tế trong quá trình đầu tư một dự án, thời điểm năm đầu tiên bắt đầu bố trí vốn thực hiện dự án giữa các cấp ngân sách có thể không trùng nhau, dẫn đến khi được hiểu tách biệt giữa các cấp ngân sách, dự án nhóm A có thể kéo dài hơn 6 năm, nhóm B hơn 4 năm và nhóm C hơn 3 năm. Vì vậy, đề nghị dự thảo Nghị định cần quy định rõ vấn đề này; đồng thời, quy định rõ việc gia hạn thời gian bố trí vốn đối với dự án sử dụng đồng thời nhiều cấp ngân sách.</p>	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư giải trình như sau: Nội dung này không được Luật số 58/2024/QH15 giao Chính phủ quy định chi tiết, đồng thời Luật số 58/2024/QH15 đã quy định là năm đầu bố trí vốn, không phân biệt nguồn vốn.</p>

STT	Ý kiến góp ý	Tiếp thu, giải trình
XXV	Gia Lai	
274	<p>Quy định thời gian thực hiện dự án đầu tư có hạng mục trồng, chăm sóc rừng giữa Luật Lâm nghiệp và Luật Đầu tư công chưa thống nhất; cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Theo quy định của Luật Đầu tư công, thời gian bố trí vốn không quá 04 năm đối với dự án nhóm B, không quá 03 năm đối với dự án nhóm C, tuy nhiên theo đặc thù của công trình lâm sinh (trồng rừng) tại khoản 24 Điều 1 Thông tư số 17/2022/TT-BNNPTNT ngày 27/10/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 29/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 Quy định về các biện pháp lâm sinh: “Đối với cây sinh trưởng nhanh: Thời gian chăm sóc tối đa 03 năm tuổi (36 tháng); Đối với cây sinh trưởng chậm và rừng trồng ven biển: Thời gian chăm sóc tối đa 05 năm tuổi (60 tháng)”; theo quy định trên thì thời gian bố trí vốn đối với dự án đầu tư công nhóm B, C không đảm bảo thời gian thành rừng đối với dự án đầu tư công có hạng mục trồng rừng, chăm sóc rừng, ảnh hưởng đến việc quyết toán dự án hoàn thành. - Tại mục a khoản 1 Điều 27 Nghị định số 58/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định: “Các hoạt động ưu tiên sử dụng nguồn vốn đầu tư phát triển bao gồm: trồng rừng, nuôi dưỡng rừng tự nhiên, làm giàu rừng đặc dụng theo quy định tại Điều 7; trồng rừng, nuôi dưỡng rừng tự nhiên, làm giàu rừng phòng hộ theo quy định tại Điều 11; trồng rừng sản xuất và phát triển lâm sản ngoài gỗ theo quy định tại Điều 14; xây dựng đường lâm nghiệp và xây dựng đường băng cản lửa tại những khu rừng sản xuất theo quy định tại Điều 17; đầu tư cơ sở sản xuất giống cây trồng lâm nghiệp theo quy định tại Điều 22; đầu tư khu lâm nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo quy định tại Điều 24; những hoạt động mang tính chất chuyên ngành khác theo quy định tại Điều 25 Nghị định này”; - Tại khoản 6 Điều 27 Nghị định số 58/2024/NĐ-CP ngày 24/5/2024 của Chính phủ: “ Kế hoạch vốn ngân sách nhà nước phân giao cho các dự án công trình lâm sinh thực hiện theo chu kỳ các biện pháp kỹ thuật lâm sinh. Thời gian thực hiện thanh toán, kế hoạch vốn năm trước đối với dự án trồng rừng chậm nhất không quá 30 tháng 6 năm sau”. Việc triển khai thực hiện các nội dung nêu trên phải ưu tiên sử dụng vốn đầu tư phát triển (Hình thành dự án đầu tư và sử dụng vốn đầu tư công) và thực hiện theo chu kỳ các biện pháp kỹ thuật lâm sinh. <p>Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, bổ sung thêm thời gian thực hiện các dự án đầu tư công đặc thù cho lĩnh vực lâm nghiệp vào dự thảo Nghị định.</p>	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư giải trình như sau: Nội dung này không được Luật số 58/2024/QH15 giao Chính phủ quy định chi tiết. Luật đã quy định thời gian bố trí vốn chung cho các dự án đầu tư công và việc gia hạn thời gian bố trí vốn.</p>
XXVI	Đồng Nai	
275	<p>Đề nghị bổ sung Tiêu chí phân loại dự án đối với các dự án Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (bao gồm các dự án được tách ra từ dự án tổng thể). Tại Điều 13 dự thảo Nghị định có nội dung “Dự án đầu tư công nhóm A, nhóm B, nhóm C được phân loại theo Phụ lục kèm theo Nghị định ngày”, tuy nhiên dự thảo Nghị định không đính kèm theo Phụ lục.</p>	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tiếp thu và bổ sung Phụ lục 1 về phân loại dự án.</p>
276	<p>Về Chi phí quản lý dự án: Điều 30 dự thảo Nghị định quy định Nội dung và xác định tổng mức đầu tư của dự án. Trong đó tại Điểm h, Khoản 5 quy định “Chi phí quản lý và chi phí khác được xác định theo quy định của pháp luật và đặc điểm, tổ chức quản lý của dự án”. Tuy nhiên, hiện nay đối với các dự án không có cấu phần xây dựng (cụ thể các dự án Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư) chưa có quy định cụ thể về định mức Chi phí quản lý dự án. Do đó, đề nghị bổ sung các quy định cụ thể để xác định dự toán và tổng mức đầu tư quy định tại Điều 30 và 31 dự thảo Nghị định.</p>	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư giải trình như sau: Việc quy định cụ thể đối với các dự án không có cấu phần xây dựng là đặc thù cho từng loại dự án và thuộc trách nhiệm của bộ, cơ quan phụ trách ngành, lĩnh vực.</p>

STT	Ý kiến góp ý	Tiếp thu, giải trình
277	<p>Đối với chương trình, dự án đầu tư công đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư trước ngày Luật Đầu tư công sửa đổi có hiệu lực, đề nghị quy định điều khoản chuyển tiếp về thẩm quyền quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư chương trình, dự án này. Ví dụ: Dự án X đã được Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư trước ngày Luật Đầu tư công sửa đổi có hiệu lực; Sau ngày Luật Đầu tư công sửa đổi có hiệu lực thì với quy mô đầu tư của Dự án X chỉ thuộc thẩm quyền Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư. Như vậy, trường hợp dự án X phải thực hiện điều chỉnh chủ trương đầu tư thì thẩm quyền quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư là Hội đồng nhân dân tỉnh hay Ủy ban nhân dân tỉnh.</p>	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư giải trình như sau: Nội dung này đã được quy định cụ thể tại Điều 103 Luật Đầu tư công 2024.</p>
XXVI	Tiền Giang	
278	<p>Theo khoản 3 Điều 46 của Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công quy định: “Thời gian điều chỉnh kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước hằng năm giữa các dự án trong nội bộ của bộ, cơ quan trung ương và địa phương trước ngày 15 tháng 11 năm kế hoạch”.</p> <p>Thời gian cuối tháng 11 và tháng 12 là thời điểm các dự án được tập trung thanh toán, quyết toán nên sẽ có khả năng thừa hoặc thiếu một phần vốn so với giá trị thanh toán, quyết toán thực tế. Việc điều chỉnh kế hoạch vốn trong thời gian này là cần thiết để tăng tỷ lệ giải ngân (điều vốn từ dự án thừa vốn hoặc không có khả năng giải ngân hết vốn sang dự án thiếu vốn) và hạn chế bố trí danh mục dự án sang năm sau (trường hợp dự án quyết toán thiếu vốn nếu được điều chuyển tăng vốn trong năm thì không phải bố trí vốn trong năm sau).</p> <p>Tỉnh Tiền Giang kiến nghị điều chỉnh khoản 3 Điều 46 của Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 thành “Thời gian điều chỉnh kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước hằng năm giữa các dự án trong nội bộ của bộ, cơ quan trung ương và địa phương trước ngày 31 tháng 12 năm kế hoạch”.</p>	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư giải trình như sau: Nội dung này không được quy định tại Luật Đầu tư công năm 2024, đồng thời Luật NSNN vẫn quy định thời gian điều chỉnh dự toán đến ngày 15/11/2024, do đó việc quy định nội dung này là phù hợp.</p>
XXVII	Bến Tre	
279	<p>Điều 32. Thẩm quyền thẩm định, phê duyệt thiết kế, dự toán dự án</p> <p>Tại khoản 2 Điều 32: Đề nghị bổ sung cụm từ “Chủ đầu tư tổ chức thẩm định và phê duyệt thiết kế chi tiết và dự toán đối với trường hợp thiết kế hai bước (trường hợp chủ đầu tư không đủ năng lực thẩm định thì được thuê đơn vị tư vấn để thực hiện)” để quy định rõ trách nhiệm thẩm định của chủ đầu tư trong trường hợp thiết kế hai bước.</p> <p>Nội dung khoản 2 sau bổ sung như sau: “2. Đối với dự án do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý, đơn vị có chức năng được giao nhiệm vụ chủ trì, phối hợp với sở quản lý chuyên ngành tổ chức thẩm định thiết kế, dự toán đầu tư của dự án và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc cơ quan được phân cấp hoặc ủy quyền quyết định đầu tư phê duyệt đối với dự án thiết kế hai bước. Chủ đầu tư tổ chức thẩm định và phê duyệt thiết kế chi tiết và dự toán đối với trường hợp thiết kế hai bước (trường hợp chủ đầu tư không đủ năng lực thẩm định thì được thuê đơn vị tư vấn để thực hiện). Việc phê duyệt thiết kế chi tiết và dự toán được thực hiện đồng thời, không tách riêng thiết kế chi tiết với dự toán.”</p>	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư giải trình như sau: Đây là nội dung kế thừa từ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP, thời gian triển khai vừa qua không phát sinh vướng mắc.</p>
280	<p>Điều 47. Trình tự lập, phê duyệt, giao kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước: khoản 3, khoản 4 lặp lại 02 lần, đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh cho phù hợp.</p> <p>Tại điểm c khoản 4 và điểm d khoản 5 Điều 47 đề nghị cơ quan soạn thảo chỉnh sửa theo hướng “Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổng hợp nhu cầu và tổng hợp dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau của cấp tỉnh để gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính theo tiến độ quy định của Thủ tướng Chính phủ”. Riêng việc kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau cấp huyện, cấp xã thì chỉ gửi báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để theo dõi.</p>	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư giải trình như sau: khoản 3 Điều 47 quy định trách nhiệm của bộ, cơ quan trung ương; khoản 4 Điều 47 quy định trách nhiệm của UBND cấp tỉnh.</p>

STT	Ý kiến góp ý	Tiếp thu, giải trình
281	<p>Điều 52. Trình tự thủ tục điều chỉnh đầu tư công trung hạn và hàng năm vốn ngân sách nhà nước Tại khoản 3 Điều 52: Đề nghị xem xét thời gian quy định về điều chỉnh kế hoạch đầu tư hằng năm trước ngày 15/11, do những bất cập trong quá trình triển khai thực hiện như sau: Theo quy định của Luật Đầu tư công năm 2019 và Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ, quy định về thời gian điều chỉnh kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước hàng năm trước ngày 15/11 năm kế hoạch. Điều này gây khó khăn cho các địa phương trong thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công, do: Thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công hàng năm đến 31/01 năm sau (Điều 68, Luật Đầu tư công), trong khi thời gian điều chỉnh vốn trước ngày 15/11 năm kế hoạch, nên chủ đầu tư chưa dự kiến hoặc dự kiến không chính xác khối lượng thực hiện và giải ngân các dự án, ảnh hưởng đến tỷ lệ giải ngân vốn theo quy định. Nội dung đề nghị sửa đổi trong Dự thảo thành "...điều chỉnh kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước hàng năm trước ngày 31/12 năm kế hoạch".</p>	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư giải trình như sau: Nội dung này không được quy định tại Luật Đầu tư công năm 2024, đồng thời Luật NSNN vẫn quy định thời gian điều chỉnh dự toán đến ngày 15/11/2024, do đó việc quy định nội dung này là phù hợp.</p>
282	<p>Điều 6: Điều kiện, tiêu chí, nguyên tắc bố trí vốn ngân sách địa phương để ủy thác thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi thông qua Ngân hàng Chính sách xã hội chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Theo quy định tại khoản 4 Điều 54 Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 thì việc bố trí vốn ngân sách địa phương để thực hiện các chính sách tín dụng ưu đãi thông qua Ngân hàng Chính sách xã hội được ưu tiên bố trí trước so với dự án khởi công mới. Hiện nay, nhu cầu vốn của Ngân hàng chính sách là rất lớn, vượt quá khả năng cân đối vốn của tỉnh Bến Tre. Nội dung tại Điều 6 của dự thảo Nghị định đã hướng dẫn nguyên tắc khi thực hiện. Tuy nhiên, để đủ cơ sở pháp lý khi trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết tiêu chí bố trí vốn ngân sách địa phương, đề nghị bổ sung thêm vào khoản 2 Điều 6 dự thảo Nghị định nội dung quy định về định mức (tỷ lệ % so với kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm) vốn bố trí cho nội dung này. Cụ thể, điều chỉnh khoản 2 như sau: "2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định tiêu chí, định mức (tỷ lệ % so với kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm) vốn ngân sách địa phương để thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi thông qua Ngân hàng Chính sách xã hội chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương phù hợp với yêu cầu triển khai chính sách tín dụng ưu đãi được quyết định và phù hợp với khả năng cân đối ngân sách của từng địa phương".</p>	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư giải trình như sau: Việc bố trí vốn NSĐP để ủy thác cho vay qua NHCSXH thực hiện theo yêu cầu của địa phương, do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định theo chính sách cụ thể và điều kiện của từng địa phương, do đó không thể quy định mức tỷ lệ chung bắt buộc cho toàn bộ các địa phương.</p>
283	<p>- Điều 11: + Điểm b khoản 1: Đề nghị điều chỉnh cụm từ "cam kết" thành cụm từ "cho ý kiến" trong đoạn "ban hành Nghị quyết cam kết bố trí vốn ngân sách"; bổ sung cụm từ "trong khả năng cân đối của" trước cụm từ "kế hoạch đầu tư công". Nội dung sau điều chỉnh như sau: "b. Đối với phần vốn ngân sách địa phương tham gia thực hiện dự án, Ủy ban nhân dân các cấp trình Hội đồng nhân dân cùng cấp ban hành Nghị quyết cho ý kiến bố trí vốn ngân sách địa phương trong khả năng cân đối của kế hoạch đầu tư công trung hạn của cấp mình làm cơ sở thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn của dự án." + Điểm b khoản 2: Đề nghị điều chỉnh cụm từ "cam kết" thành cụm từ "cho ý kiến" trong đoạn "ban hành Nghị quyết cam kết bố trí vốn ngân sách"; bổ sung cụm từ "trong khả năng cân đối của" trước cụm từ "kế hoạch đầu tư công". Nội dung sau điều chỉnh như sau: "b. Đối với phần vốn ngân sách địa phương cấp dưới tham gia thực hiện dự án, Ủy ban nhân dân trình Hội đồng nhân dân cùng cấp ban hành Nghị quyết cho ý kiến bố trí vốn ngân sách địa phương trong khả năng cân đối của kế hoạch đầu tư công trung hạn của cấp mình làm cơ sở thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn của dự án."</p>	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tiếp thu và bỏ từ "cam kết" tại các nội dung này.</p>

STT	Ý kiến góp ý	Tiếp thu, giải trình
284	<p>3. Về điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án theo quy định chuyển tiếp tại khoản 4 Điều 103 Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 Dự thảo Nghị định (kèm theo công văn số 10112/BKHĐT-TH ngày 06/12/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư) chưa có nội dung hướng dẫn về quy trình, thủ tục thẩm định, phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư đối với dự án nhóm A đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 đã được phân cấp thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh cho Hội đồng nhân dân cấp tỉnh theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 18 và khoản 4 Điều 103 Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15.</p> <p>Đề đủ căn cứ pháp lý thực hiện, đề nghị:</p> <p>(i) Bổ sung nội dung quy định cụ thể về quy trình, thủ tục vào dự thảo Nghị định để Hội đồng nhân dân tỉnh thực hiện điều chỉnh chủ trương đầu tư đối với dự án đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương đầu tư.</p> <p>(ii) Về trình tự thủ tục thẩm định, phê duyệt: Đề nghị thực hiện theo quy định tại Điều 25 Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15.</p>	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư giải trình như sau: Nội dung này đã được quy định tại khoản 4 Điều 103 Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15</p>
XXIX	An Giang	
285	<p>Tại Khoản 5 và 6 Điều 12 của dự thảo Nghị định: Đề nghị sửa thành “dự án bồi thường, hỗ trợ tái định cư thuộc dự án tổng có cấu phần xây dựng” thay vì dùng “dự án bồi thường, hỗ trợ tái định cư có cấu phần xây dựng” sẽ không rõ nghĩa; tương tự, đề nghị dùng từ “dự án bồi thường, hỗ trợ tái định cư thuộc dự án tổng không có cấu phần xây dựng” thay vì dùng “dự án bồi thường, hỗ trợ tái định cư không có cấu phần xây dựng”. Vì bản thân dự án bồi thường, hỗ trợ tái định cư là dự án không có cấu phần xây dựng.</p>	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư giải trình như sau: Nội dung này không được Luật số 58/2024/QH15 giao Chính phủ quy định chi tiết.</p>
286	<p>Tại Khoản 3 Điều 20 của dự thảo Nghị định quy định: “Số lượng hồ sơ thẩm định gửi Hội đồng thẩm định hoặc cơ quan chủ trì thẩm định là 10 bộ” đề nghị điều chỉnh thành “Số lượng hồ sơ đề nghị thực hiện theo Luật Xây dựng đối với dự án có cấu phần xây dựng.”</p>	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư giải trình như sau: Đây là nội dung kế thừa từ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP, thời gian triển khai vừa qua không phát sinh vướng mắc.</p>
287	<p>Tại Điều 22 của dự thảo Nghị định: Đề nghị xác định rõ chủ thể trình hồ sơ phê duyệt dự án là chủ đầu tư hay cơ quan chủ trì thẩm định dự án.</p>	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư giải trình như sau: Đây là nội dung kế thừa từ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP, thời gian triển khai vừa qua không phát sinh vướng mắc.</p>
288	<p>Tại Điều 30 của dự thảo Nghị định: Nội dung và xác định tổng mức đầu tư của dự án đề nghị chỉ áp dụng cho dự án không có cấu phần xây dựng; còn đối với dự án có cấu phần xây dựng đề nghị thực hiện theo Luật Xây dựng để tránh việc chồng chéo.</p>	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư giải trình như sau: Phạm vi dự thảo Nghị định đã quy định rõ nội dung này chỉ áp dụng đối với dự án không có cấu phần xây dựng.</p>

STT	Ý kiến góp ý	Tiếp thu, giải trình
289	Từ Điều 31 – 35 của dự thảo Nghị định: Đề nghị không áp dụng cho dự án có cấu phần xây dựng vì pháp luật về xây dựng không có khái niệm này.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư giải trình như sau: Phạm vi dự thảo Nghị định đã quy định rõ nội dung này chỉ áp dụng đối với dự án không có cấu phần xây dựng.
290	Từ Điều 36 và 37 của dự thảo Nghị định: Có khả năng mâu thuẫn với pháp luật về xây dựng và không rõ về các chủ thể tham gia.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư giải trình như sau: Đây là nội dung kế thừa từ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP, thời gian triển khai vừa qua không phát sinh vướng mắc.
291	Ngoài ra, dự thảo Nghị định đang lẫn lộn giữa chủ thể sử dụng công trình và chủ đầu tư của dự án (đôi khi là khác nhau).	Bộ Kế hoạch và Đầu tư giải trình như sau: Đây là nội dung kế thừa từ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP, thời gian triển khai vừa qua không phát sinh vướng mắc.
XXX	Cà Mau	
292	Tại khoản 7 Điều 12 quy định: “Thời gian bố trí vốn thực hiện dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và dự án thành phần còn lại không vượt quá thời gian bố trí vốn thực hiện dự án tổng thể theo quy định của pháp luật về đầu tư công”. Như vậy, đối với dự án nhóm C có thời gian bố trí vốn không quá 03 năm (thời gian thực hiện dự án đi đôi với thời gian bố trí vốn), nếu dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư bố trí vốn 02 năm hoặc 03 năm (thực hiện dự án 02 năm hoặc 03 năm) thì dự án thành phần khác chỉ còn 01 năm thực hiện hoặc phải gia hạn thời gian bố trí vốn (điều chỉnh thời gian thực hiện dự án), không phát huy hiệu quả của việc tách dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thành dự án độc lập. Vì vậy, Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau kiến nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét tham mưu điều chỉnh theo hướng mỗi dự án thành phần có thời gian bố trí vốn tương ứng với nhóm dự án được xác định tại dự án tổng thể (ví dụ: dự án tổng thể là dự án nhóm C, dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được bố trí vốn không quá 03 năm và hoàn thành, sau đó bàn giao mặt bằng thì dự án thành phần khác mới bắt đầu bố trí vốn thực hiện không quá 03 năm; như vậy, dự án tổng thể bố trí vốn tối đa không quá 06 năm).	Bộ Kế hoạch và Đầu tư giải trình như sau: Nội dung này đã được quy định tại Luật Đầu tư công năm 2024.
293	Tại khoản 2 Điều 49: Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau kiến nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét quy định rõ, tách từng ý để tránh nhầm lẫn hoặc có cách hiểu khác nhau trong quá trình thực hiện (như: Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C chỉ được kéo dài không quá 01 năm hay nếu tiếp tục có nhu cầu gia hạn thời gian bố trí vốn thực hiện dự án hơn 01 năm thì cơ quan chủ quản dự án báo cáo Thủ tướng Chính phủ; hay chỉ có dự án nhóm A có tổng mức đầu tư từ 10.000 tỷ đồng đến dưới 30.000 tỷ đồng đã gia hạn thời gian bố trí vốn thực hiện dự án 02 năm nhưng tiếp tục có nhu cầu gia hạn thời gian bố trí vốn thực hiện dự án thì cơ quan chủ quản dự án mới phải báo cáo Thủ tướng Chính phủ. Đồng thời, cơ quan chủ quản dự án có phải là cấp quyết định chủ trương đầu tư dự án, quyết định đầu tư đối với dự án thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia; cụ thể như nếu dự án do Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định chủ trương đầu tư thì Ủy ban nhân dân huyện báo cáo Thủ tướng Chính phủ hay trình Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Thủ tướng Chính phủ).	Bộ Kế hoạch và Đầu tư giải trình như sau: Nội dung này đã được quy định tại Luật Đầu tư công năm 2024.

STT	Ý kiến góp ý	Tiếp thu, giải trình
294	<p>Tại khoản 3 Điều 52 quy định: “Thời gian điều chỉnh kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước hàng năm giữa các dự án trong nội bộ của bộ, cơ quan trung ương và địa phương trước ngày 15 tháng 11 năm kế hoạch”. Tuy nhiên, tại Công văn số 6933/BKHĐT-TH ngày 28/8/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề nghị có ý kiến đối với dự thảo Luật Đầu tư công (sửa đổi) thì thời gian điều chỉnh vốn kế hoạch đầu tư công hàng năm đến hết ngày 31 tháng 12 năm kế hoạch (khoản 8A Điều 67). Do đó, trường hợp Luật Đầu tư công (sửa đổi) được Quốc hội thông qua quy định thời gian điều chỉnh vốn kế hoạch đầu tư công hàng năm đến hết ngày 31 tháng 12 năm kế hoạch, kiến nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư điều chỉnh lại quy định thời gian điều chỉnh kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước hàng năm giữa các dự án trong nội bộ của bộ, cơ quan trung ương và địa phương tại dự thảo Nghị định cho phù hợp.</p>	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư giải trình như sau: Nội dung này không được quy định tại Luật Đầu tư công năm 2024, đồng thời Luật NSNN vẫn quy định thời gian điều chỉnh dự toán đến ngày 15/11/2024, do đó việc quy định nội dung này là phù hợp.</p>
XXXI	Phú Thọ	
295	<p>Tại Điều 13 dự thảo quy định: “Dự án đầu tư công nhóm A, nhóm B, nhóm C được phân loại theo phụ lục kèm theo Nghị định này” tuy nhiên dự thảo không kèm theo phụ lục; đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát bổ sung;</p>	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư tiếp thu và bổ sung Phụ lục kèm theo.</p>
296	<p>Tại điều 47 dự thảo sử dụng cụm từ “nhiệm chương trình”; đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát lại nội dung và tính chính xác đối với quy định tại điều này</p>	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tiếp thu tại dự thảo Nghị định.</p>
297	<p>Tại Điều 58 dự thảo về hiệu lực thi hành không quy định nội dung chuyển tiếp hoặc bãi bỏ, hết hiệu lực đối với Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công. Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát nội dung quy định về hiệu lực thi hành để đảm bảo tính thống nhất trong tổ chức thực hiện quy định.</p>	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư giải trình như sau: Theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Nghị định số 40/2020/NĐ-CP sẽ hết hiệu lực từ ngày 01/01/2025.</p>
XXXI	Hà Nam	
298	<p>Tại Điều 5 dự thảo, đề nghị xem xét bổ sung điều, khoản giao nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của Bộ Xây dựng trong việc hướng dẫn xác định chi phí quản lý, tổ chức thực hiện của đơn vị được giao lập Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư để làm căn cứ thuê tư vấn lập, tổ chức nhiệm vụ được giao theo quy định. Cách xác định chi phí phí QLDA trong giai đoạn lập báo cáo NCKT để làm căn cứ tách chi phí QLDA đối với dự án được phân tách cho nhiều chủ đầu tư khác sau khi có quyết định phê duyệt dự án đầu tư</p>	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư giải trình như sau: Nội dung này không được Luật giao Chính phủ quy định chi tiết, do đó không có cơ sở để quy định tại Nghị định.</p>
299	<p>Tại Điều 12 dự thảo, đề nghị xem xét bổ sung điều, khoản giao Bộ Xây dựng và các Bộ liên quan trong việc hướng dẫn việc tách riêng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thành dự án độc lập theo quy định (quy định rõ việc dự án như thế nào được tách, thời gian thực hiện của dự án GPMB trong thời gian dự án tổng thể, đồng thời hướng dẫn đơn vị được giao thực hiện, thẩm quyền thẩm định, phê duyệt trong các dự án GPMB có cấu phần xây dựng, không có cấu phần xây dựng, cách xác định các khoản mục chi phí...).</p>	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư giải trình như sau: Nội dung này không được Luật giao Chính phủ quy định chi tiết, do đó không có cơ sở để quy định tại Nghị định.</p>
300	<p>Tại Điều 24 dự thảo, đề nghị xem xét bổ sung khoản mục theo quy định về trình tự thủ tục lập thẩm định điều chỉnh chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công (nêu rõ các trường hợp, điều kiện phải điều chỉnh chủ trương đầu tư..).</p>	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư giải trình như sau: Các trường hợp điều chỉnh dự án đã được quy định tại Luật Đầu tư công 2024.</p>
301	<p>Tại Điều 4 dự thảo quy định “Ngành, lĩnh vực sử dụng vốn đầu tư công”, đề nghị bổ sung hình thức đầu tư đối với dự án tái định cư (đầu tư hạ tầng, phát triển nhà ở) đảm bảo thống nhất theo quy định của Luật Nhà ở năm 2023 và Luật Đất đai năm 2024.</p>	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư giải trình như sau: Điều này chỉ quy định về ngành, lĩnh vực dự án sử dụng vốn đầu tư công, không quy định về hình thức đầu tư dự án.</p>

STT	Ý kiến góp ý	Tiếp thu, giải trình
302	<p>Tại Điều 52 dự thảo, quy định: “Thời gian điều chỉnh kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước hàng năm giữa các dự án trong nội bộ của bộ, cơ quan trung ương và địa phương trước ngày 15 tháng 11 năm kế hoạch.”</p> <p>Đề nghị chỉnh sửa như sau: “Thời gian điều chỉnh kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước hàng năm giữa các dự án trong nội bộ của bộ, cơ quan trung ương và địa phương đến hết ngày ngày 31 tháng 12 năm kế hoạch.”</p>	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư giải trình như sau: Đây là nội dung kế thừa từ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP, thời gian triển khai vừa qua không phát sinh vướng mắc.</p>
CXXII	Bà Rịa Vũng Tàu	
303	<p>Tại khoản 2 Điều 49 của dự thảo Nghị định quy định về gia hạn thời gian bố trí vốn thực hiện dự án có nội dung: “Trường hợp dự án đã được cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư dự án hoặc cấp quyết định đầu tư đối với dự án thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia quyết định gia hạn thời gian bố trí vốn thực hiện dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C không quá 01 năm, riêng dự án nhóm A có tổng mức đầu tư từ 10.000 tỷ đồng đến dưới 30.000 tỷ đồng không quá 02 năm nhưng vẫn tiếp tục có nhu cầu gia hạn thời gian bố trí vốn thực hiện dự án quá thời gian nêu trên thì cơ quan chủ quản báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định gia hạn thời gian bố trí vốn của các dự án....”</p> <p>Tại khoản 2 Điều 52 Luật Đầu tư công năm 2019 quy định về điều kiện để chương trình, dự án, nhiệm vụ, đối tượng đầu tư công khác được đưa vào kế hoạch đầu tư công trung hạn quy định: “Các chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư, các dự án mới phải bảo đảm thời gian bố trí vốn thực hiện dự án nhóm A không quá 06 năm, nhóm B không quá 04 năm, nhóm C không quá 03 năm.”</p> <p>Tại Điều 58 Dự thảo Luật Đầu tư công sửa đổi quy định về thời gian bố trí vốn thực hiện dự án:</p> <p>“1. Thời gian bố trí vốn thực hiện dự án thực hiện như sau: a) Dự án nhóm A không quá 06 năm; b) Dự án nhóm B không quá 04 năm; c) Dự án nhóm C không quá 03 năm.</p> <p>2. Trường hợp không đáp ứng thời hạn bố trí vốn tại khoản 1 Điều này:</p> <p>a) Đối với vốn ngân sách trung ương, cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư dự án quyết định gia hạn thời gian bố trí vốn thực hiện dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C không quá 01 năm, riêng dự án nhóm A có tổng mức đầu tư từ 10.000 tỷ đồng đến dưới 30.000 tỷ đồng không quá 02 năm.</p> <p>Đối với các dự án thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia, cấp quyết định đầu tư quyết định gia hạn thời gian bố trí vốn</p>	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư giải trình như sau: điểm c khoản 3 Điều 57 Luật Đầu tư công 2024 quy định như sau: “c) Đối với dự án sử dụng vốn ngân sách địa phương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp quyết định gia hạn thời gian bố trí vốn thực hiện dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C không quá 01 năm, riêng dự án nhóm A có tổng mức đầu tư từ 10.000 tỷ đồng</p>

STT	Ý kiến góp ý	Tiếp thu, giải trình
	<p>thực hiện dự án.</p> <p>Trường hợp gia hạn thời gian bố trí vốn thực hiện dự án quá thời gian nêu trên, cơ quan chủ quản dự án báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định thời gian bố trí vốn thực hiện dự án.</p> <p>b) Đối với vốn ngân sách địa phương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp quyết định thời gian bố trí vốn thực hiện dự án đối với dự án sử dụng vốn ngân sách địa phương do cấp mình quản lý, báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp tại Kỳ họp Hội đồng nhân dân gần nhất.</p> <p>Đối với các dự án thực hiện bồi thường giải phóng mặt bằng thường phát sinh nhiều vướng mắc (kể cả các dự án thực hiện theo Luật Đầu tư công năm 2014, Luật Đầu tư công năm 2019 mà không tách bồi thường giải phóng mặt bằng thành dự án độc lập), việc quy định gia hạn thời gian bố trí vốn thực hiện dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C không quá 01 năm nêu trên sẽ gặp nhiều vướng mắc trong quá trình thực hiện.</p> <p>Do đó, kiến nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét, báo cáo Chính phủ điều chỉnh nội dung tại khoản 2 Điều 49 của dự thảo Nghị định theo hướng không quy định cụ thể số năm gia hạn như tại dự thảo Nghị định nêu trên và quy định giao Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp quyết định thời gian bố trí vốn thực hiện dự án đối với dự án sử dụng vốn ngân sách địa phương do cấp mình quản lý, báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp tại Kỳ họp Hội đồng nhân dân gần nhất như quy định tại điểm b khoản 2 Điều 58 Dự thảo Luật Đầu tư công sửa đổi.</p>	<p>đến dưới 30.000 tỷ đồng không qua 02 năm;". Do đó, việc kiến nghị không quy định cụ thể số năm gia hạn và quy định giao Chủ tịch UBND các cấp quyết định thời gian bố trí vốn thực hiện dự án đối với dự án sử dụng vốn NSĐP do cấp mình quản lý là không phù hợp.</p>
304	<p>Tại khoản 3 Điều 52 của dự thảo Nghị định quy định: "Thời gian điều chỉnh kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước hằng năm giữa các dự án trong nội bộ của bộ, cơ quan trung ương và địa phương trước ngày 15 tháng 11 năm kế hoạch".</p> <p>Tại khoản 2 Điều 68 Luật Đầu tư công năm 2019 quy định thời gian thực hiện và giải ngân vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm: "Thời gian thực hiện và giải ngân vốn kế hoạch đầu tư công hằng năm đến ngày 31 tháng 01 năm sau...".</p> <p>Tại khoản 2 Điều 75 Dự thảo Luật Đầu tư công sửa đổi quy định thời gian thực hiện và giải ngân vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm: "Thời gian thực hiện và giải ngân vốn kế hoạch đầu tư công hằng năm đến ngày 31 tháng 01 năm sau.</p> <p>Trường hợp được cấp có thẩm quyền bổ sung vốn cho bộ, cơ quan trung ương, địa phương sau ngày 30 tháng 9 năm kế hoạch để thực hiện các nhiệm vụ, chương trình, dự án, thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn được bổ sung đến hết ngày 31 tháng 12 năm sau."</p> <p>Vào thời điểm cuối tháng 11 và tháng 12 hàng năm là thời điểm các dự án đầu tư công tập trung thanh toán, quyết toán, có khả năng thừa hoặc thiếu một phần vốn so với giá trị thanh toán, quyết toán thực tế, việc quy định điều chỉnh kế hoạch vốn nên quy định vào cuối tháng 12 sẽ góp phần tăng tỷ lệ giải ngân (điều vốn từ dự án thừa vốn hoặc không có khả năng giải ngân hết vốn sang dự án thiếu vốn) và hạn chế bố trí danh mục dự án sang năm sau (trường hợp dự án quyết toán thiếu vốn nếu được điều chuyển tăng vốn trong năm thì không phải bố trí vốn trong năm sau).</p> <p>Do đó, kiến nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét, báo cáo Chính phủ điều chỉnh thời gian điều chỉnh kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước hằng năm vào thời điểm thích hợp.</p>	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư giải trình như sau: Nội dung này không được quy định tại Luật Đầu tư công năm 2024, đồng thời Luật NSNN vẫn quy định thời gian điều chỉnh dự toán đến ngày 15/11/2024, do đó việc quy định nội dung này là phù hợp.</p>
XXXIV	Vinh Long	

STT	Ý kiến góp ý	Tiếp thu, giải trình
305	<p>Điều 3. Giải thích từ ngữ Đề nghị bổ sung “giải thích từ ngữ” ở một số cụm từ trong dự thảo để đầy đủ nội dung, rõ nghĩa hơn, cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư có cấu phần xây dựng; - Dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư không có cấu phần xây dựng; - Cấp quyết định đầu tư dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; - Đơn vị có chức năng quy định tại các Điều 7, 16, 32... 	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư giải trình như sau: Nội dung này không được Luật số 58/2024/QH15 giao Chính phủ quy định chi tiết. Một số nội dung đã được quy định cụ thể tại Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15.</p>
306	<p>Theo dự thảo Luật Đầu tư công sửa đổi được Bộ Kế hoạch và Đầu tư gửi các địa phương góp ý quy định: “... Hội đồng nhân dân quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm A, chương trình sử dụng vốn địa phương...”. Tuy nhiên, theo dự thảo Nghị định, thẩm quyền Quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án nhóm A, B, C... do địa phương quản lý là Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp (theo điểm a khoản 2 Điều 6). Do đó, đề nghị rà soát điều chỉnh đảm bảo quy định được thống nhất. Trường hợp, Luật và Nghị định phân cấp Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp Quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án nhóm A, B, C... đề nghị rà soát điều chỉnh cụm từ “thẩm quyền của Hội đồng nhân dân các cấp” được quy định tại điểm b khoản 7, điểm c khoản 8 Điều 10; điểm c khoản 3 Điều 11; điểm c khoản 2 Điều 24 trong dự thảo Nghị định đảm bảo phù hợp.</p>	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư giải trình như sau: Đây là 02 thẩm quyền khác nhau liên quan đến 02 nguồn vốn khác nhau (vốn NSNN và vốn từ nguồn thu hợp pháp của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư).</p>
307	<p>Thẩm quyền thẩm định thiết kế, dự toán dự án quy định tại khoản 2, 3 Điều 32 dự thảo Nghị định: Đề nghị quy định giao cơ quan chuyên môn quản lý ngành, lĩnh vực tổ chức thẩm định dự án không có cấu phần xây dựng theo ngành, lĩnh vực đó quản lý. Lý do: Dự án không có cấu phần xây dựng, đa phần là các dự án đầu tư trang thiết bị; dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư... thuộc các đơn vị chuyên ngành, lĩnh vực đó quản lý, cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư công khó tiếp cận quy trình, tiêu chuẩn, quy cách, thông số kỹ thuật... của các thiết bị; dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư mang tính chất kỹ thuật chuyên ngành.</p>	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư giải trình như sau: Tại dự thảo đang quy định đơn vị có chức năng được giao chủ trì thẩm định (có thể bao gồm cơ quan chuyên môn quản lý ngành, lĩnh vực). Việc giao cho cơ quan cụ thể thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp quản lý dự án.</p>
308	<p>Điều 58: Khoản 3 quy định trường hợp không phải thực hiện theo Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công nên đề nghị dự thảo theo hướng thuộc hoặc không thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công. Hiện nay, Chính phủ đã ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 (tại Nghị định số 82/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024); do đó, đề nghị cập nhật bổ sung đảm bảo đầy đủ nội dung, phù hợp với quy định.</p>	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư tiếp thu nội dung này tại dự thảo Nghị định.</p>
309	<p>Ngoài ra, theo quy định của Chính phủ (tại Nghị định số 45/2021/NĐ-CP ngày 31/3/2021, Nghị định số 104/2024/NĐ-CP ngày 31/7/2024) kế hoạch vốn đầu tư công thực hiện bổ sung vốn điều lệ cho Quỹ hợp tác xã, cấp vốn điều lệ cho Quỹ phát triển đất... đề nghị có quy định cụ thể trình tự, thủ tục, điều kiện để đưa vào kế hoạch đầu tư công trung hạn, giao vốn hằng năm để thực hiện, đảm bảo các thủ tục, trình tự được thống nhất, đồng bộ. Đồng thời, qua nghiên cứu quy định việc bổ sung vốn điều lệ cho Quỹ hợp tác xã, cấp vốn điều lệ cho Quỹ phát triển đất không thuộc hoạt động đầu tư công theo khoản 20 Điều 4 mà thuộc Điều 5 dự thảo Luật Đầu tư công sửa đổi. Do đó, đề nghị có quy định cụ thể trình tự, thủ tục, điều kiện để thực hiện, đảm bảo các thủ tục, trình tự được thống nhất, đồng bộ.</p>	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư giải trình như sau: Nội dung này không được Luật giao Chính phủ quy định chi tiết, do đó không có cơ sở để quy định tại Nghị định.</p>
XXXV	Quảng Ngãi	

STT	Ý kiến góp ý	Tiếp thu, giải trình
310	<p>Tại Điều 41, 42 về trình tự, thủ tục thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm cấp vốn điều lệ, cấp bù lãi suất tín dụng ưu đãi và phí quản lý của các ngân hàng chính sách</p> <p>Ý kiến góp ý: Đề nghị hướng dẫn rõ trình tự, thủ tục thực hiện vấn đề này tại địa phương.</p>	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư giải trình như sau: Đây là nội dung kế thừa từ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP, thời gian triển khai vừa qua không phát sinh vướng mắc.</p>
311	<p>Tại Điều 47: Tiết c, điểm 4; tiết d, điểm 5; tiết e, điểm 8</p> <p>Ý kiến góp ý: Hầu hết các dự án các cấp huyện, xã gồm nhiều dự án nhỏ, tổng mức đầu tư không lớn, việc tổ chức tổng hợp chi tiết từng dự án, mức vốn đối với từng dự án của từng nguồn vốn đến cả cấp xã là rất khó khăn và gây tình trạng quá tải cho cơ quan tham mưu về đầu tư công ở cấp tỉnh. Ngoài ra, dự thảo Luật Đầu tư công sửa đổi quy định phân cấp cho địa phương quyết định đối với kế hoạch đầu tư công trung hạn của từng cấp. Do đó, kính đề nghị xem xét sửa đổi theo hướng chỉ tổng hợp, báo cáo số tổng kế hoạch đầu tư công trung hạn ở cấp huyện, cấp xã gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính.</p>	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư giải trình như sau: Trường hợp không tổng hợp theo từng chương trình, nhiệm vụ, dự án cụ thể sẽ không có căn cứ để đề xuất tổng số vốn NSDP cần thiết trong giai đoạn sau.</p>
312	<p>Đối với Điều 49 – gia hạn thời gian bố trí vốn thực hiện dự án</p> <p>Ý kiến góp ý: Hiện nay chưa có quy định cụ thể giữa việc “gia hạn thời gian bố trí vốn thực hiện dự án” và “gia hạn thời gian thực hiện dự án”, công tác nào cần thực hiện trước. Do đó, kính đề nghị dự thảo bổ sung quy định hướng dẫn cụ thể về vấn đề này.</p>	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư giải trình như sau: Nội dung này không được Luật giao Chính phủ quy định chi tiết, do đó không có cơ sở để quy định tại Nghị định.</p>
313	<p>Tại Điều 4 về ngành, lĩnh vực dự án sử dụng vốn đầu tư công</p> <p>Ý kiến góp ý: Đề nghị xem xét, bổ sung việc sử dụng vốn đầu tư công để đầu tư dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa vào khoản 6 Điều 4 dự thảo Nghị định</p>	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư giải trình như sau: Dự thảo nghị định đã quy định cụ thể về dự án phục vụ bảo tồn, bảo vệ giá trị di sản văn hóa</p>
314	<p>Điều 10, khoản 4 về nội dung thẩm định chủ trương đầu tư dự án đầu tư công nhóm A, B, C có quy định phải đánh giá sự phù hợp của chủ trương đầu tư dự án với quy hoạch có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch.</p> <p>Ý kiến góp ý: Việc đánh giá sự phù hợp của dự án với quy hoạch có liên quan là chưa rõ ràng, gây khó khăn trong quá trình thực hiện thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư.</p> <p>Đề nghị nghiên cứu nội dung thẩm định chủ trương đầu tư đơn giản hơn, cụ thể là đánh giá dự án phù hợp với các quy hoạch về kinh tế - xã hội, quy hoạch xây dựng, quy hoạch ngành; đối với các quy hoạch khác trong trường hợp có liên quan, như: quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch tài nguyên nước... đề nghị thực hiện ở bước lập dự án đầu tư.</p>	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư giải trình như sau: Nội dung này thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15. Đối với từng dự án cụ thể sẽ cần xem xét sự phù hợp với các quy hoạch cụ thể có liên quan.</p>
XXXV	Phú Yên	
315	<p>Về nội dung tại Điều 10:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đề nghị xem xét, bổ sung quy định tại Điều 10 dự thảo Nghị định về nội dung: “Cơ quan, đơn vị được giao lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư chương trình, dự án đầu tư công nhóm A, B, C có trách nhiệm hoàn chỉnh tờ trình đề nghị cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án; báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án nhóm A, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư chương trình, dự án nhóm B, C theo ý kiến thẩm định; trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định”. - Đề nghị xem xét, bổ sung quy định về hồ sơ, nội dung và thời gian thẩm định việc điều chỉnh chủ trương đầu tư chương trình, dự án đầu tư công nhóm A, B, C. 	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư giải trình như sau: Đây là nội dung kế thừa từ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP, thời gian triển khai vừa qua không phát sinh vướng mắc.</p>

STT	Ý kiến góp ý	Tiếp thu, giải trình
316	<p>Về nội dung tại Điều 12: Theo quy định từ khoản 2 đến khoản 6 Điều 12 của dự thảo Nghị định, dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư độc lập phải được thẩm định và trình cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư. Đồng thời chia dự án dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo 02 loại: dự án có cấu phần xây dựng và dự án không có cấu phần xây dựng. Tuy nhiên chưa quy định rõ thẩm quyền thẩm định của 02 loại dự án này mà chỉ quy định chung tại khoản 5 và khoản 6, như sau: "... theo quy định của pháp luật về đầu tư công, đất đai, xây dựng và pháp luật chuyên ngành khác có liên quan".</p> <p>Nhằm đơn giản hóa thủ tục và trình tự thực hiện, quy định rõ trách nhiệm thẩm định và trình cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư, điều chỉnh quyết định đầu tư dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được tách thành dự án độc lập, kiến nghị chỉnh sửa như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đề nghị sửa đổi khoản 3 và khoản 5 thành khoản 2 như sau: Dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư có cấu phần xây dựng thì việc lập, thẩm định, quyết định, điều chỉnh quyết định đầu tư dự án có cấu phần xây dựng được áp dụng quy định quản lý dự án đầu tư công có cấu phần xây dựng theo quy định của pháp luật về đầu tư công, đất đai, xây dựng và pháp luật chuyên ngành khác có liên quan". - Đề nghị sửa đổi khoản 2 thành khoản 3 như sau: Cấp quyết định đầu tư dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (đối với dự án bồi thường, hỗ trợ tái định cư có cấu phần xây dựng) được phép áp dụng quy định về xác định kinh phí thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định pháp luật về đất đai để xác định tổng mức đầu tư dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư. - Đề nghị sửa đổi khoản 6 thành 4 như sau: Dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư không có cấu phần xây dựng thì không phải lập, thẩm định và quyết định đầu tư mà việc thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được thực hiện theo quy định của pháp Luật về đất đai. <p>Lý do đề xuất: để phù hợp với quy định tại điều 93 Luật đất đai 2024 và Tại Điều 28, Nghị định 88/2024/NĐ-CP, vì trường hợp này nếu xác định tổng mức đầu tư dự án bồi thường, hỗ trợ tái định cư cũng chỉ là áp dụng quy định về xác định kinh phí thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (ở giai đoạn tạm tính) và sẽ không đúng bằng với kinh phí tại phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư sau khi được phê duyệt, trên thực tế không có ý nghĩa và phải mất thêm trình tự thủ tục điều chỉnh tổng mức đầu tư tại quyết định đầu tư dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.</p>	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư giải trình như sau: Nội dung này không được Luật số 58/2024/QH15 giao Chính phủ quy định chi tiết.</p>

STT	Ý kiến góp ý	Tiếp thu, giải trình
317	<p>- Đề nghị sửa đổi khoản 4 thành khoản 5 như sau: Quyết định đầu tư dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (đối với dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư có cấu phần xây dựng) là căn cứ để bố trí kế hoạch vốn đầu tư công hàng năm theo quy định pháp luật về đầu tư công.</p> <p>- Đề nghị xem xét, bổ sung đối với dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư không có cấu phần xây dựng trong trường hợp không phải lập, thẩm định và quyết định đầu tư.</p> <p>- Đề nghị xem xét, bổ sung điều kiện bố trí vốn hàng năm đối với dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư không có cấu phần xây dựng.</p> <p>Theo quy định tại khoản 3 điều 94 Luật đất đai 2024 có quy định: “3. Việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được thực hiện như sau:</p> <p>a) Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư có hiệu lực thi hành, cơ quan, đơn vị, tổ chức thực hiện bồi thường phải chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản;” Trên thực tế việc giao kế hoạch vốn đầu tư công hàng năm là vào thời điểm tháng 12 của năm trước năm kế hoạch. Do vậy, để đảm bảo kịp thời nguồn vốn và thời hạn chi trả theo quy định nêu trên, cần xem xét bổ sung điều kiện bố trí vốn hàng năm đối với dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư không có cấu phần xây dựng.</p> <p>- Đề nghị sửa đổi khoản 7 thành khoản 6 như sau: Dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được tách thành dự án độc lập thì được phép áp dụng theo lĩnh vực của dự án tổng thể quy định tại điều 8 Luật đầu tư công để xác định nhóm dự án và thời gian bố trí vốn thực hiện thực hiện theo quy định tại điều 52 Luật Đầu tư công .</p> <p>Lý do đề xuất: Trên thực tế công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thường mất rất nhiều thời gian và trình tự thủ tục, có trường hợp kéo dài thời gian thực hiện bằng hoặc vượt thời gian bố trí vốn thực hiện dự án tổng thể.</p> <p>Việc tách dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thành dự án độc lập nhằm không ảnh hưởng đến, thời gian bố trí vốn và tiến độ thực hiện của dự án thành phần còn lại của dự án tổng thể và để phân kỳ thực hiện cho phù hợp với trình tự thực hiện.</p>	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư giải trình như sau: Nội dung này không được Luật số 58/2024/QH15 giao Chính phủ quy định chi tiết.</p>
318	<p>Về nội dung tại Điều 27:</p> <p>- Đề nghị xem xét, bổ sung quy định cụ thể về trường hợp “chương trình, dự án được cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư nhưng chưa quyết định đầu tư” và trường hợp “chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư”.</p> <p>- Đề nghị chỉnh sửa điểm a, b khoản 3 Điều 27 dự thảo Nghị định như sau:</p> <p>“a) Cơ quan, đơn vị được giao lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư chương trình, dự án có trách nhiệm kiểm tra, đánh giá quá trình thực hiện chương trình, dự án theo quy định của pháp luật về đầu tư công và quy định của pháp luật có liên quan; báo cáo, đề xuất cấp quyết định đầu tư chương trình, dự án về việc dùng chủ trương đầu tư chương trình, dự án.</p> <p>b) Cấp quyết định đầu tư chương trình, dự án xem xét, báo cáo cấp quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án về việc dùng chủ trương đầu tư chương trình, dự án, trong đó xác định nguyên nhân dùng chủ trương đầu tư theo các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này...”.</p>	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư giải trình như sau: Nội dung này áp dụng đối với tất cả các dự án, kể cả đã được quyết định đầu tư hay chưa được quyết định đầu tư</p>

STT	Ý kiến góp ý	Tiếp thu, giải trình
319	<p>Về nội dung tại Điều 44 và Điều 45: Điểm a khoản 2 Điều 44 và điểm a khoản 2 Điều 45 dự thảo Nghị định có nội dung: "... báo cáo cơ quan chuyên môn quản lý về đầu tư công của bộ, cơ quan trung ương, địa phương được giao là đơn vị chủ quản của quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách xem xét". Cách ghi này có thể gây nhầm lẫn rằng cơ quan chuyên môn quản lý về đầu tư công (của bộ, cơ quan trung ương, địa phương) được giao là đơn vị chủ quản của quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách. Do vậy, đề nghị xem xét, chỉnh sửa như sau: "... báo cáo cơ quan chuyên môn quản lý về đầu tư công của bộ, cơ quan trung ương, địa phương nơi quản lý quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách xem xét".</p>	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư giải trình như sau: Đây là nội dung kế thừa từ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP, thời gian triển khai vừa qua không phát sinh vướng mắc.</p>
320	<p>Về nội dung tại Điều 52: Theo quy định tại Khoản 3 Điều 52: "Thời gian điều chỉnh kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước hằng năm giữa các dự án trong nội bộ của bộ, cơ quan trung ương và địa phương trước ngày 15 tháng 11 năm kế hoạch". Tuy nhiên, hiện nay theo dự thảo Luật Đầu tư công sửa đổi, theo Khoản 8A, Điều 67: "Thời gian điều chỉnh vốn kế hoạch đầu tư công hằng năm đến hết ngày 31 tháng 12 năm kế hoạch". Do đó, kiến nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét, tham mưu cấp có thẩm quyền sửa đổi quy định tại Khoản 3 Điều 52 của dự thảo, như sau: "Thời gian điều chỉnh kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước hằng năm giữa các dự án trong nội bộ của bộ, cơ quan trung ương và địa phương trước ngày 31 tháng 12 năm kế hoạch".</p>	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư giải trình như sau: Nội dung này không được quy định tại Luật Đầu tư công năm 2024, đồng thời Luật NSNN vẫn quy định thời gian điều chỉnh dự toán đến ngày 15/11/2024, do đó việc quy định nội dung này là phù hợp.</p>
XXVI) Quảng Trị		
321	<p>1. Nghiên cứu bổ sung, làm rõ một số quy định: - Phân ngành, lĩnh vực sử dụng vốn đầu tư công của một số dự án như kè chống xói lở đảo, kè biển, giải phóng mặt bằng; - Làm rõ nguồn thu hợp pháp của cơ quan nhà nước, thực tiễn ở địa phương có một số khoản như kinh phí đền bù của dự án đầu tư do đơn vị khác thực hiện chuyển cho cơ quan nhà nước để xây dựng lại hạ tầng trụ sở bị ảnh hưởng, kinh phí trao, tặng; ... có phải là nguồn thu hợp pháp của cơ quan nhà nước không; - Mức độ, tiêu chí đánh giá sự phù hợp với quy hoạch có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt. Thực trạng trên một địa bàn có nhiều quy hoạch thì đánh giá sự phù hợp như thế nào. - Thẩm quyền, nội dung báo cáo thẩm định nội bộ đề xuất điều chỉnh chương trình, dự án. - Trường hợp dừng chủ trương đầu tư dự án do phần vốn của ngân sách cấp trên không thể hỗ trợ theo chủ trương đầu tư phê duyệt. - Thẩm quyền, trình tự, thủ tục kết thúc dự án đối với dự án chưa hoàn thành do bị thu hồi vốn hoặc thực hiện dở dang, không nghiệm thu, quyết toán được theo các quy định hiện hành.</p>	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư giải trình như sau: Một số nội dung do tính kiến nghị không được Luật số 58/2024/QH15 giao Chính phủ quy định chi tiết. Đối với việc dừng chủ trương đầu tư dự án đã được quy định cụ thể tại dự thảo Nghị định.</p>
322	<p>2. Tại điểm a, khoản 1, Điều 6: đề nghị hướng dẫn cụ thể điều kiện bố trí vốn ngân sách địa phương để uỷ thác thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi đảm bảo quy định tại Điều 56 Luật Đầu tư công "nhiệm vụ và đối tượng đầu tư công khác đã được cấp có thẩm quyền quyết định theo quy định của pháp luật". Cụ thể quyết định của cấp có thẩm quyền ở đây là những nội dung, thủ tục nào.</p>	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tiếp thu và quy định tại Điều 6 dự thảo Nghị định.</p>

STT	Ý kiến góp ý	Tiếp thu, giải trình
323	<p>3. Tại điểm c khoản 4, điểm d khoản 5, điểm d khoản 7 Điều 48 Dự thảo quy định trình tự lập kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước “Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm: Tổng hợp nhu cầu/dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau của cấp tỉnh, huyện, xã chi tiết theo từng nguồn vốn, mức vốn cho từng chương trình, nhiệm vụ, dự án, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính ...”.</p> <p>Thực tiễn địa phương, nguồn vốn ngân sách cấp huyện, cấp xã có số lượng dự án khá lớn, hầu hết là các dự án sửa chữa, quy mô nhỏ nên rất khó khăn trong quá trình phân ngành cũng như tổng hợp. Đồng thời, Luật Đầu tư công quy định phân cấp cho địa phương quyết định đối với nguồn ngân sách địa phương của từng cấp. Do đó, kính đề nghị nghiên cứu quy định theo hướng tổng hợp nhu cầu/dự kiến chi tiết danh mục cấp tỉnh và tổng nhu cầu/dự kiến của cấp huyện, cấp xã.</p>	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư giải trình như sau: Trường hợp không tổng hợp theo từng chương trình, nhiệm vụ, dự án cụ thể sẽ không có căn cứ để đề xuất tổng số vốn NSDP cần thiết trong giai đoạn sau.</p>
324	<p>4. Tại điểm a, khoản 7, Điều 48 Dự thảo quy định “Trên cơ sở dự kiến khả năng cân đối ngân sách nhà nước cho chi đầu tư công trong giai đoạn sau đã được Chính phủ phê duyệt, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm: Thông báo dự kiến khả năng cân đối ngân sách nhà nước cho chi đầu tư công trong giai đoạn sau cho từng cơ quan, đơn vị trực thuộc và Ủy ban nhân dân các cấp làm cơ sở để lập dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau” Thực tiễn kế hoạch trung hạn của địa phương xây dựng theo ngành, lĩnh vực quy định (bao gồm dự án cấp tỉnh quản lý và hỗ trợ cấp huyện, xã) và sẽ giao cụ thể cho đơn vị thực hiện, quản lý khi đã được cấp có thẩm quyền giao kế hoạch trung hạn. Nên việc thông báo dự kiến khả năng cân đối giai đoạn sau cho từng cơ quan, đơn vị trực thuộc là không khả thi. Do đó, kính đề nghị nghiên cứu xem xét đối với quy định này.</p>	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư giải trình như sau: Nội dung này đã được quy định xuyên suốt từ Luật năm 2019 đến Luật năm 2024, thời gian vừa qua vẫn triển khai theo quy định này, không phát sinh vướng mắc.</p>
325	<p>5. Tại khoản 6 Điều 49 Dự thảo quy định “Tại kỳ họp cuối năm của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp trình Hội đồng nhân dân cùng cấp kế hoạch đầu tư công năm sau, bao gồm danh mục và mức vốn bố trí cho từng dự án”. Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 3 Điều 88 Luật Đầu tư công: “Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân các cấp: Quyết định kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm của địa phương, bao gồm danh mục và mức vốn bố trí cho từng dự án sử dụng vốn ngân sách địa phương”. Do đó, kính đề nghị nghiên cứu quy định này chỉ thực hiện đối với nguồn vốn ngân sách địa phương.</p>	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư giải trình như sau: Nội dung này thực hiện theo quy định tại Luật NSNN, Luật Tổ chức chính quyền địa phương và thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân các cấp.</p>
326	<p>6. Tại khoản 2 Điều 50 Dự thảo: kính đề nghị bổ sung quy định có phương án đảm bảo bố trí đủ vốn ngân sách địa phương trong tổng mức đầu tư và kế hoạch vốn ngân sách địa phương của dự án nhằm đảm bảo điều kiện để trình HĐND các cấp xem xét, quyết định gia hạn thời gian bố trí vốn của các dự án sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương.</p>	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư tiếp thu nội dung này và quy định chung tại dự thảo Nghị định cho vốn NSNN (bao gồm NSTW và NSDP).</p>
327	<p>7. Tại khoản 4 Điều 51 Dự thảo: kính đề nghị xem xét bổ sung nội dung hủy kế hoạch đối với kế hoạch không được phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân vốn sang kế hoạch năm sau để tránh trường hợp bố trí vốn hàng năm vượt trung hạn đã giao.</p>	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư giải trình như sau: Nội dung này thực hiện theo quy định của pháp luật về NSNN.</p>
XXVI	Trà Vinh	
328	<p>1. Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 11 dự thảo Nghị định: “b. Đối với phần vốn ngân sách địa phương tham gia thực hiện dự án, Ủy ban nhân dân các cấp trình Hội đồng nhân dân cùng cấp ban hành Nghị quyết cam kết bố trí vốn ngân sách địa phương trong kế hoạch đầu tư công trung hạn của cấp mình làm cơ sở thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn của dự án”. Nay đề xuất điều chỉnh lại như sau: “b. Đối với phần vốn ngân sách địa phương tham gia thực hiện dự án, Ủy ban nhân dân các cấp xin kiến Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp và có văn bản cam kết bố trí vốn ngân sách địa phương trong kế hoạch đầu tư công trung hạn của cấp mình làm cơ sở thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn của dự án và báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp tại kỳ họp gần nhất”.</p>	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư giải trình như sau: Việc bố trí vốn NSDP thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân các cấp, do đó không thể quy định Thường trực Hội đồng nhân dân để bảo đảm tính cam kết của việc bố trí nguồn vốn này.</p>

STT	Ý kiến góp ý	Tiếp thu, giải trình
329	<p>2. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 11 dự thảo Nghị định:</p> <p>“b. Đối với phần vốn ngân sách địa phương cấp dưới tham gia thực hiện dự án, Ủy ban nhân dân trình Hội đồng nhân dân cùng cấp ban hành Nghị quyết cam kết bố trí vốn ngân sách địa phương trong kế hoạch đầu tư công trung hạn cấp mình làm cơ sở thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn của dự án”.</p> <p>Nay đề xuất điều chỉnh lại như sau:</p> <p>“b. Đối với phần vốn ngân sách địa phương cấp dưới tham gia thực hiện dự án, Ủy ban nhân dân các cấp xin kiến Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp và có văn bản cam kết bố trí vốn ngân sách địa phương trong kế hoạch đầu tư công trung hạn cấp mình làm cơ sở thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn của dự án báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp tại kỳ họp gần nhất”.</p> <p>* Lý do đề xuất điều chỉnh: Trong quá trình đơn vị được giao thực hiện nhiệm vụ lập Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi hoặc báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, đơn vị xin ý kiến và yêu cầu địa phương có cam kết bố trí vốn đối ứng làm cơ sở trình cấp thẩm quyền thẩm định Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi hoặc báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án; theo quy định của dự thảo, địa phương phải có Nghị quyết cam kết bố trí vốn trung hạn của cấp mình làm cơ sở thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn của dự án. Mặt khác, theo quy định của Hội đồng nhân dân các cấp, một năm có 02 kỳ họp giữa năm và cuối năm, trường hợp cần thiết Ủy ban nhân dân các cấp báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, tổ chức kỳ họp chuyên đề để kịp thời xử lý các vướng mắc,... thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân. Do đó, tổng hợp các dự án đầu tư phải chờ trình Hội đồng nhân dân cùng cấp cam kết bố trí vốn trung hạn của địa phương do không cùng thời điểm Hội đồng nhân dân tổ chức cuộc họp sẽ mất nhiều thời gian và dẫn đến chậm trễ triển khai dự án.</p>	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư giải trình như sau: Việc bố trí vốn NSDP thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân các cấp, do đó không thể quy định Thường trực Hội đồng nhân dân để bảo đảm tính cam kết của việc bố trí nguồn vốn này.</p>
XXXIX Hòa Bình		
330	<p>1. Điều 27 về trình tự, thủ tục dừng chủ trương đầu tư chương trình, dự án đầu tư công</p> <p>- Khoản 2, quy định các trường hợp về việc dừng chủ trương đầu tư: “Việc tiếp tục thực hiện chương trình, dự án gây hậu quả về kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, môi trường; Việc dừng chủ trương đầu tư mang lại hiệu quả cao hơn về tái chính, kinh tế - xã hội và được cơ quan có thẩm quyền thẩm định”.</p> <p>Đề nghị Cơ quan soạn thảo xem xét, bổ sung quy định thêm trường hợp do nguyên nhân bất khả kháng, không thể lường trước được đó nguyên nhân khách quan như dịch bệnh, hạn thu ngân sách, nhà tài trợ nước ngoài không có ý kiến phản hồi về tài trợ dự án hoặc không có sự đồng thuận của người dân và điều kiện thực tế việc đầu tư không còn phù hợp.</p> <p>- Khoản 3, về trình tự thủ tục dừng chủ trương đầu tư, đề nghị Cơ quan soạn thảo xem xét, bổ sung quy định tại điểm a “Giao Hội đồng thẩm định hoặc cơ quan chuyên môn tổ chức thẩm định các nội dung dừng dự án”.</p>	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư tiếp thu và đã bổ sung nội dung này trong dự thảo Nghị định. Nội dung này đã được quy định tại Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15.</p>
331	<p>2. Điều 50 về thời gian bố trí vốn dự án: “trường hợp vẫn tiếp tục có nhu cầu gia hạn thời gian bố trí vốn thực hiện dự án quá thời gian thì cơ quan chủ quản dự án báo cáo Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng nhân dân các cấp xem xét, quyết định gia hạn thời gian bố trí vốn”.</p> <p>Tuy nhiên, đối với dự án sử dụng 2 nguồn vốn (ngân sách tỉnh và ngân sách trung ương) đều quá hạn thì chưa được quy định cấp phê duyệt. Do đó, Đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét, bổ sung thêm quy định này.</p>	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư giải trình như sau: Điều 50 dự thảo Nghị định áp dụng đối với cả dự án sử dụng 2 nguồn vốn (NSDP và NSDP)</p>

STT	Ý kiến góp ý	Tiếp thu, giải trình
332	<p>3. Điều 53 về trình tự, thủ tục điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm vốn ngân sách nhà nước</p> <p>- Khoản 3 quy định: “Thời gian điều chỉnh kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước hằng năm giữa các dự án trong nội bộ, cơ quan trung ương và địa phương trước ngày 15 tháng 11 năm kế hoạch”. Tuy nhiên theo Khoản 1 Điều 72 Luật Đầu tư công quy định thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn là ngày 31 tháng 01 năm sau. Trong khi thực tế triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công hằng năm nguồn thu ngân sách nhà nước để bố trí cho đầu tư (có vốn thực tế để nhập Tabmis cho dự án) thường tập trung vào các tháng cuối năm (tháng 11-12). Sau khi có vốn nhập Tabmis cho dự án có thể sẽ phát sinh một số khó khăn vướng mắc không kịp giải ngân theo thời gian quy định nhưng khi đó đã hết thời gian điều chuyển vốn cho dự án khác đã làm giảm hiệu quả sử dụng nguồn vốn đầu tư công.</p> <p>Vì vậy, đề nghị Cơ quan soạn thảo xem xét, điều chỉnh thời gian điều chỉnh kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước hằng năm giữa các dự án trong nội bộ cơ qua trung ương và địa phương trước ngày 31 tháng 12 năm kế hoạch.</p>	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư giải trình như sau: Nội dung này không được quy định tại Luật Đầu tư công năm 2024, đồng thời Luật NSNN vẫn quy định thời gian điều chỉnh dự toán đến ngày 15/11/2024, do đó việc quy định nội dung này là phù hợp.</p>
333	<p>4. Phụ lục II kèm dự thảo Nghị định chưa quy định Mẫu tờ trình, báo cáo, quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư chương trình, dự án. Đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét, bổ sung.</p>	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tiếp thu nội dung này theo hướng quy định các mẫu Tờ trình, báo cáo áp dụng đối với cả các trường hợp điều chỉnh chủ trương đầu tư chương trình, dự án.</p>